NĂM THỨ MƯỜI HAI • # 143 • MARCH 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

CHỢ VÒM **LAN HƯƠNG**

ĐẶC TÍNH HẤP DẪN CỦA NGƯỜI KHÁC PHÁI **NGUYỄN VĂN TUẤN**

TIẾNG ĐẠI HỒNG CHUNG **NGÃ VĂN**

Những Tặng Phẩm Lớn Nhất Là Những Hành Động Yêu Thương

Ai trong chúng ta mà không lo lắng cho gia đình? Tuy nhiên vấn đề quan trọng là phải tiến hành ngay hôm nay để qúy quyến được bảo toàn nếu có điều gì bất trắc xảy ra cho qúy vị sau này. Đây là lúc mà NEW YORK LIFE có thể giúp đỡ qúy vị.

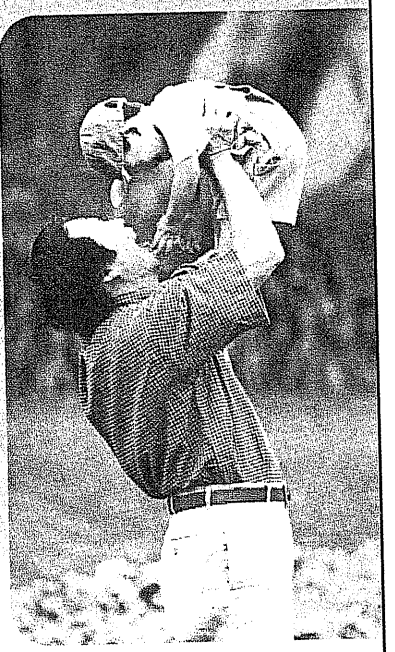

Với rất nhiều sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và tài chánh khác nhau, qúy vị có thể chọn một món quà ưng ý nhứt để bảo đảm cho gia đình qúy vị một tương lai chắc chắn.

Công Ty Bảo Hiểm New York Life thành lập trên 155 năm là một công ty uy tín và vững chắc trong ngành bảo hiểm tại Hoa Kỳ.

- Bảo Hiểm Nhân Thọ (Whole Life, Survivorhsip, Universal Life, Term)
- Niên Kim (Annuities)**
- Long Term Care Insurance
- Gây Quỹ Hưu Bổng (Retirement Funding)
- Gây Quỹ Học Bổng (College Funding)

** Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (949) 797-2441

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

MỘT CHƯƠNG TRÌNH VIDEO CA, VŨ, NHẠC, KỊCH

ĐẦY MÀU SẮC, GỢI NHỚ CẢ MỘT KHUNG TRỜI KỶ NIỆM

VIDEO Paris by Night 58

Chủ Đề:

NHỮNG SẮC MÀU TRONG KỶ NIỆM

*** Trên một sân khấu huy hoàng, màu sắc rực rỡ, ánh sáng đẹp mắt**
*** Mỗi bài hát đều được viết từ kỷ niệm của đời người, của cuộc tình**
*** Tất cả khán giả dự kiến đều hài lòng, thỏa mãn trước công trình nghệ thuật giá trị mà mọi người cho là tuyệt vời hơn cả Show Long Beach 2000**

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt ĐẶC BIỆT của 2 Nhạc Sĩ:
CUNG TIẾN & TỪ CÔNG PHỤNG

KHÁNH LY - KHÁNH HÀ - NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM
LƯU BÍCH - LOAN CHÂU - NGỌC ÁNH - CHÂU NGỌC
PHI NHUNG - TRÚC LINH - TRÚC LAM - BẢO HÂN
LYNDA TRANG ĐÀI - PHƯƠNG DIỄM HẠNH
NGUYỄN HƯNG - TRƯỜNG VŨ
MẠNH QUỲNH - ĐƠN HỒ - THẾ SƠN - TOMMY NGÔ
QUỐC HÙNG - LAY MINH - ĐẶNG TRƯỜNG PHÁT
Ban nhạc LIBERTY & vũ đoàn PARIS BY NIGHT

Vở hài kịch đặc biệt: ĐAM MÊ SÂN KHẤU
do Nhóm Kịch Thúy Nga trình diễn bởi:
Hồng Đào, Trang Thanh Lan, Quang Minh và Chí Tài.
Trọn bộ 3 cuốn giá $30 luôn cước phí.

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / **E-mail:** thuynga@thuyngaonline.com

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA. TEL. (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

THẾ KỶ vừa phát hành

TÀ ÁO VĂN QUÂN

Tập truyện
NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

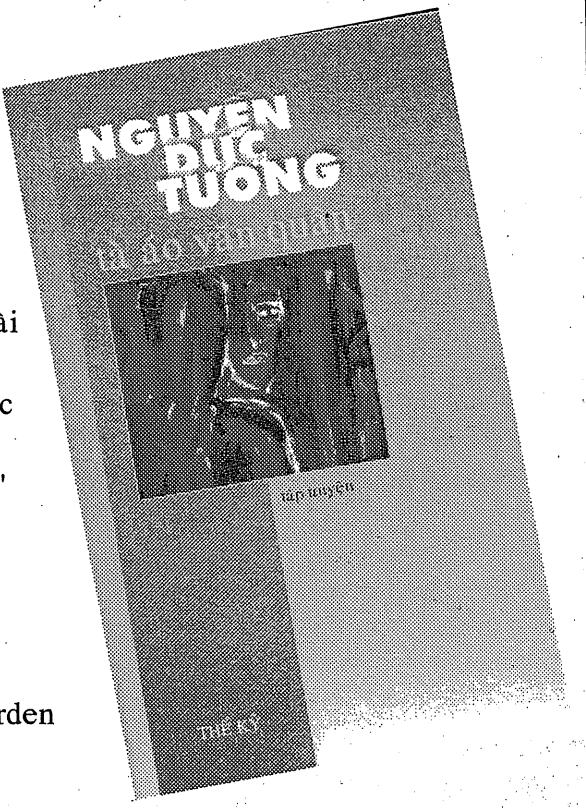

Một tập truyện tình. Tình từ thuở mới từ Bắc vào Huế. Huế vào Sài Gòn. Sài Gòn đi du học Mỹ, từ mấy mươi năm trước. Đậm chất cổ truyền của dân tộc hoặc lãng đãng với những cô gái Tây phương. Hoặc tái ngộ với "người xưa" trên đất lạ...
Tình chập chờn như tà áo bay.
TÀ ÁO VĂN QUÂN.
Giá US$16.00

THẾ KỶ
11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92840 - USA
Tel: (714) 839-8746.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

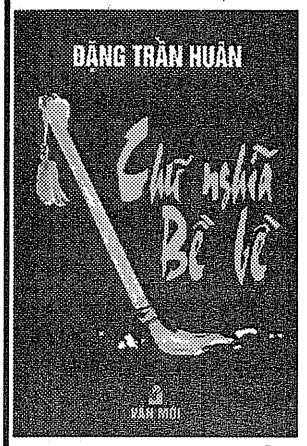

CHỮ NGHĨA BỀ BỀ
của
ĐẶNG TRẦN HUÂN
Tập hợp những bài viết vạch ra các sai lầm, ngộ nhận của nhiều sách báo đang lưu hành.
Giá 12 Mỹ kim.

LÊN ĐƯỜNG
650 trang bút ký của **NGUYỄN HUỲNH MAI,** người đã đi khắp thế giới trong mục đích tranh đấu cho tự do tôn giáo và nhân quyền.
Giá 25 MK;
ngoài Hoa Kỳ 30 MK.

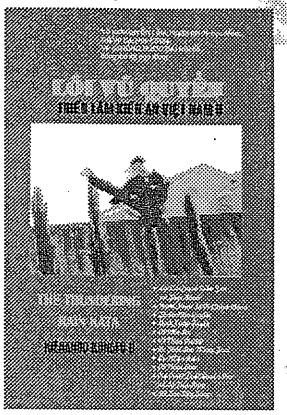

LÔI VŨ QUYỀN
Thiếu Lâm Kiến An Việt Nam II
Biên khảo công phu của các Võ sư NGUYỄN LÂM, huyền đai đệ cửu đẳng, và Võ sư HỒNG NGỌC ĐẠI NGHĨA, hồng đai đệ ngũ đẳng.
Giá 15 MK.

PHÍA BÊN KIA MẶT TRĂNG
Tập truyện ngắn của nhà văn nữ **TRẦN THỊ DIỆU TÂM.**
Giá 10 MK.

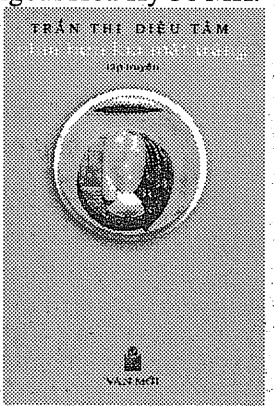

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

Y học cổ truyền, Đại học Y Hà Nội,	$43.00
Xây Dựng nhà ở theo phong thuy, Trần Văn Tam,	$24.00
Về nguồn văn hóa Á đông kinh dịch, VHTT	$19.00
Việt Nam thời cổ xưa, Bùi Thiết,	$12.00
Việt Nam sử lược (bìa cứng), Trần Trọng Kim,	$17.00
Vào hang bắt cọp, bộ 2 tập, Đinh Lệnh Vũ,	$26.00
Văn xuôi lãng mạn, bộ 2 tập, nhiều tác giả,	$59.00
Văn chương Tự Lực Văn Đoàn, bộ 3 tập, nhiều tác giả,	$105.00
Tích hợp đa văn hóa đông tây, Nguyễn Hoàng Phương,	$58.00
Tuyển tập Phạm Hổ, Phạm Hổ,	$22.00
Tuyển tập Nam Cao (bộ 2 tập), Hà Minh Đức,	$24.00
Tuyển tập Lữ Huy Nguyên, bộ 3 tập, Lữ Huy Nguyên,	$29.00
Tào Tháo, Tào Trong Hoài,	$24.00
Tâm Sinh Lý Phụ Nữ, Vũ Hoàng,	$12.00
Tuyển tập Nguyễn Thế Phương, bộ 2 tập, Nguyễn Thế Phương,	$39.00
Tư Tưởng Phật Giáo Việt Nam, Nguyễn Duy Hinh,	$20.00
Nhà văn Việt Nam hiện đại, bộ 2 tập, Vũ Ngọc Phan,	$29.00
Những người bạn cố đô, (bộ 7 tập), nhiều tác giả,	$56.00
Nguyên lý chọn ngày theo lịch can chi, Hoàng Tuấn,	$9.00
Nghiên cứu kinh lăng già, D.T.Suzuki,	$22.00
Truyện cổ Phật Giáo, bộ 3 tập, Đào Nam Tháng,	$32.00
Trang Tử nam hoa kinh, Nguyễn Tôn Nhan,	$18.00
Từ chứng đau lưng tới các bệnh đau khớp, Philip Stora,	$7.00
Từ điển Hán-Việt từ nguyên, Bửu Kế,	$89.00
Từ điển Hán-Việt hành thảo, Nguyễn Xuân Hoài,	$34.00
Thuật lấy lòng người trong kinh doanh, Hiền Nam,	$9.00
Thú ăn chơi của người Hà Nội (bộ 2 tập), Băng Sơn,	$28.00
Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa, Bạch Tuyết,	$30.00
Thi ca Việt Nam thời tiền chiến, Phan Canh,	$12.00
Thập bát la hán quyền, Lạc Việt,	$9.50
Tống từ, Nguyễn Xuân Tảo,	$12.00
Tam Thiên Tự, Đoàn Trung Còn,	$7.00
Tam quốc chí diễn nghĩa, bộ 2 tập, La Quán Trung,	$48.00
Tổng tập văn hóa Trung Hoa - Quyền mưu thần bí, Triệu Quốc Hoa,	$14.00
Tổng tập văn hóa Trung Hoa - Bí ẩn của phong thủy, Vương Ngọc Đức,	$15.00
Mai hoa dịch tân biên, Vưu Sung Hoa,	$19.00
Kinh Dịch diễn giải (bộ 2 tập), Trần Trọng Sâm,	$28.00
Kim Vân Kiều (tiếng Anh), Lê Xuân Thủy dịch, Nguyễn Du,	$16.00
Kim Vân Kiều (tiếng Pháp), Nguyễn Văn Vĩnh dịch, Nguyễn Du,	$22.00
Kim Dung giữa đời tôi, (bộ 3 tập), Vũ Đức Sao Biển,	$22.00
Khí công nghiêm tân, Hoàng Mộng Khánh,	$13.00
Kho tàng câu đố Việt Nam, Trần Huy Phương,	$10.00
Khảo luận về thời đại Xuân Thu Chiến Quốc, Ngô Nguyên Phi,	$22.00
Khâm định Việt sử thông giám cương mục (bộ 2 tập), Viện sử học,	$59.00
Không gia đình (bộ 2 tập), Hector Malot,	$15.00
Hoài Thanh toàn tập, bộ 4 tập 4375 trang, Hoài Thanh,	$99.00
Hồng lâu mộng (bộ 3 tập, bìa cứng), Tào Tuyết Cần,	$49.00
Đại Việt Sử Ký toàn thư, bộ 4 cuốn bìa cứng,	$74.00
Hương nức hồn quê, Toan Ánh,	$12.00
Gia Cát Lượng, cuộc đời, tài trí, Tào Hải Đông,	$8.00
Đoạn Trường Tân Thanh (Nôm - Quốc ngữ), Nguyễn Du - Thế Anh,	$18.00
Đạo Phật ngày nay, Trần Tuấn Mẫn,	$22.00
Diện mạo thơ Đường, Lê Đức Niệm,	$10.00
Chiến Tranh và Hòa Bình, bộ 4 tập, Lep Tonstoi,	$56.00
Châm cứu học Trung Quốc, Học viện Y học Trung Quốc,	$19.00
Cầu phúc tránh họa, Trịnh Tiểu Giang,	$13.00
Câu Đố Việt Nam, Nguyễn Văn Trung,	$14.00
Bệnh phụ nữ, Trịnh Lợi Nhân,	$14.00
500 điều cấm kị trong đời sống hiện đại, Hoàng Bắc,	$12.00
100 Truyện cổ tích Việt Nam hay nhất, Thái Đắc Xuân,	$13.00
Văn phạm Anh ngữ thực hành, Trần Văn Điển,	$13.00
Vùng lầy nước mắt, Trần Nhật Kim,	$10.00
Vườn hoa không nắng dọi, Bùi Ngọc,	$17.00
Vòng quanh thế giới, 2 tập, nhiều tác giả,	$30.00
Việt Nam nước tôi, Sử thiếu nhi, Phan Như Huyên,	$8.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

Bom nổ trước Đại hội Đảng CSVN Tháng 3, 2001

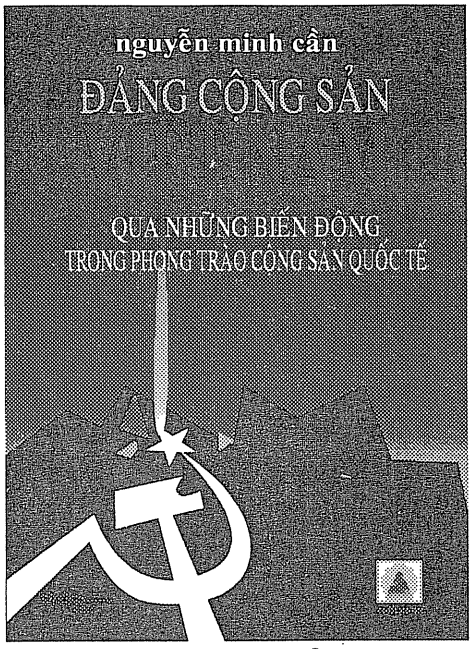

Những chuyện chưa từng được tiết lộ lấy từ văn khố Nga về Đảng và lãnh tụ CSVN

● Thực chất đảng Cộng Sản Việt Nam là do người nước ngoài, tức các cán bộ cộng sản quốc tế đem vào, nuôi dưỡng và phát triển ở Việt Nam. ● Ngay từ năm 1927 "*Lời kêu gọi thanh niên Đông Dương*" cũng do một cán bộ cộng sản quốc tế viết, Lý Thụy tức Hồ Chí Minh chỉ lo viết bản dự chi xin tiền! ● Trần Phú, lãnh tụ đầu tiên của Cộng Sản Đông Dương, đã phải than phiền Hồ Chí Minh lấn quyền, báo cáo láo với cộng sản quốc tế, và xuyên tạc các chỉ thị từ trên xuống!

Tuổi Xanh xuất bản *vietrans@aol.com*

Văn Nghệ phát hành

714-934-8574 *vannghe@pacbell.net*

Nhà xuất bản Tuổi Xanh giới thiệu:

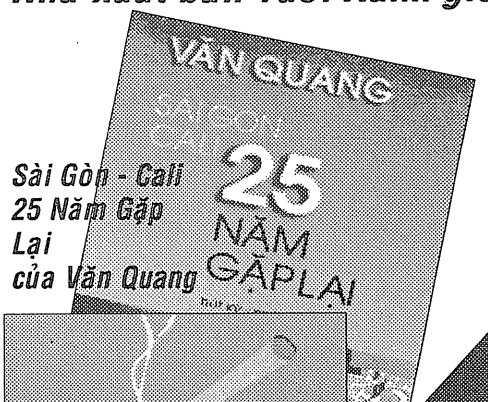

Sài Gòn - Cali
25 Năm Gặp Lại
của Văn Quang

Sách TUỔI XANH
có thể hỏi ở
TỰ LỰC
714 - 531-5290
tuluc@vinet.com
hoặc VĂN NGHỆ

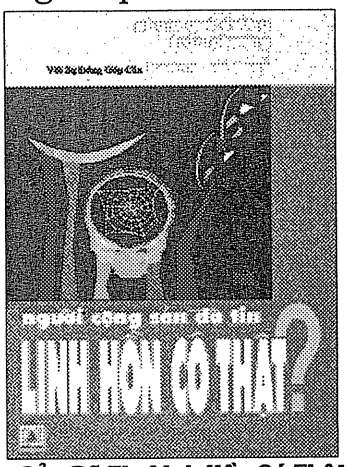

Người Cộng Sản Đã Tin Linh Hồn Có Thật

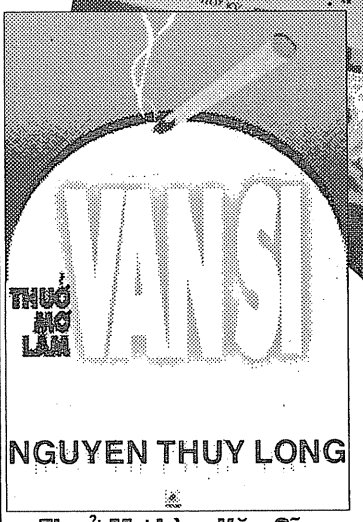

Thuở Mơ Làm Văn Sĩ
của Nguyễn Thụy Long

Dữ Hơn Rắn Độc của Hoàng Hải Thủy

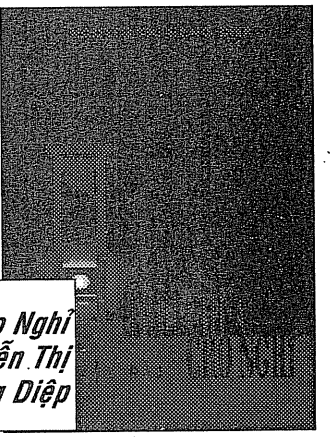

Trời Chưa Cho Nghỉ của Nguyễn Thị Hồng Diệp

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84

Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: tranh của họa sĩ **Thái Tuấn**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành, St Tuấn, Hà Kỳ Lam**

MỤC LỤC

Số 143 . Tháng Ba 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ

18 Sống tử tế với nhau - **Vương Hữu Bột**
28 Nguyên nhân cuộc nổi dậy của đồng bào Thượng cao nguyên - **Kicon** phỏng vấn ông **Nguyễn Văn Nghiêm**
73 Cuộc chiến Việt Nam dưới con mắt của một người trong cuộc - **Nguyễn Mạnh Hùng**

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

37 Sống trung dung trong môi trường đa văn hóa - **Nguyễn Hữu Chi**
69 Hành trình của một người trí thức CSVN - **Hoàng Hoa Khôi**, bản dịch của **Phan Thị Trọng Tuyến**
78 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**

PHIẾM LUẬN

33 Tiếng đại hồng chung - **Ngã Văn**
59 Đặc tính hấp dẫn của người khác phái - **Nguyễn Văn Tuấn**

VĂN

64 Lá thư Thượng Hải - **Hà Kỳ Lam**
83 Người ăn xin có liêm sỉ - **Đỗ Hậu**
91 Giáp mặt - **Hồng Khắc Kim Mai**
97 Cố đô của nước Nga - **Phạm Xuân Đài**
101 Ở bãi đậu xe - **Trần Mộng Tú**
103 Thầy Xâm - **Tanizaki Junichiro, Nguyễn Văn Thực** dịch
108 Giấc mơ - **Xuân Đỗ**

THƠ

57. Tháng Giêng - **Trần Huỳnh Châu. 67.** Thèm - **H. Tu. 81.** Cờ - **Sử Mặc. 87.** Quà của non sông - **Lưu Văn Vịnh. 93.** Tình già - **Khánh Hà. 102.** Tình gần - **Nguyễn Văn Thực. 105.** Bìm bịp kêu chiều - **Phạm Cây Trâm. 111.** Ta, trang thơ mới - **Trần Mộng Tú**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
12 Tin Việt Nam
43 Sổ tay - **Vương Hữu Bột**
49 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm,** *Nhật Báo* (Mạc Tư Khoa)
113 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành**
117 Sách báo trong tháng - **Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Quang An**

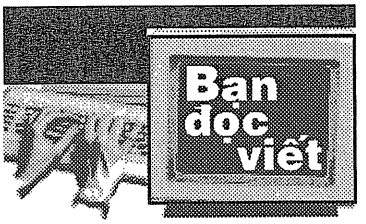

Ai đã tài trợ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương?

Bernard B. Fall rất bất bình về việc nhiều nhà bình luận/tác giả nói Hoa Kỳ đã bỏ nhiều tiền cho Pháp trong giai đoạn đánh nhau này. Ông có đưa ra nhiều con số trong sách của ông mà tôi kiếm mấy ngày hôm nay chưa ra. Đại để ông muốn chứng minh rằng viện trợ của Hoa Kỳ không nhiều như người ta nghĩ.

Cuốn sách *Le trafic des piastres* mà bà Thụy Khuê đã dẫn trong bài "Ai tài trợ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương?" (*Thế Kỷ 21,* số 141 January 2001) cho nhiều con số chứng minh rằng chiến tranh là một gánh nặng cho nước Pháp sau Đại Chiến Thứ Hai (*Le trafic des piastres* đã làm sôi nổi dư luận một thời, cả bên Pháp lẫn Việt Nam; cuốn sách này cùng cuốn *Histoire d'une paix manquée* cứ như muốn nhảy ra khỏi tủ kính trưng bầy của nhà sách Viễn Đông I.D.E.O.)

Bà Ellen Hammer cũng dùng con số 1600 tỷ quan nhà nước Pháp đã tiêu trong năm 1952. Bà còn cho biết thêm số tiền này nhiều gấp đôi viện trợ của Hoa Kỳ cho Pháp trong Kế Hoạch Marshall.

Qua bài viết của bà Thụy Khuê, lần đầu tiên tôi được đọc một chi tiết là chính giới tài phiệt Pháp đã trực tiếp tài trợ một phần chiến tranh đó. Chiến tranh ở Việt Nam có thể tránh được hay không? Sự kiện này cho ta thấy còn khó hơn nữa! Hồi đó người ta ký hay tuyên bố cho Việt Nam độc lập liên miên, mỗi năm Việt Nam được độc lập một lần - Tuyên Ngôn Vịnh Hạ Long, Thỏa Hiệp Elysée (cho Việt Nam độc lập thống nhất ba miền), Hiệp Định ký ngày 31-12-1949, Hiệp Ước Pau, ... Nếu còn tiếc rẻ nghi ngờ, ta chỉ cần nghĩ đến Algérie.

Gần mười năm sau chiến tranh Đông Dương tướng de Gaulle lại trở thành nguyên thủ nước Pháp với nhiệm vụ chủ yếu là giải quyết vấn đề Algérie. Đứng trên một ban-công ông long trọng tuyên bố một "Algérie francaise" (chỉ có de Gaulle mới có thể có giọng nói cùng dáng điệu của de Gaulle). Tuy nhiên chỉ ít lâu sau đó Tổng Thống de Gaulle - do đấy chính phủ Pháp - đủ can đảm cho chính sách Algérie quay 180 độ (một người bạn Algérie nói, "Việt Nam dậy chúng tôi tất cả đều có thể"). Lần này không những liên minh tài phiệt quân phiệt Pháp không có hậu thuẫn của chính phủ Pháp mà còn phải nổi loạn chống lại. Tôi không biết những nhà ngân hàng hay công ty nào tài trợ chiến tranh Algérie, còn giới nhà binh làm loạn thì có những ai? - Có thống chế Juin, tướng Salan, để kể tên vài người, toàn là những thành phần kỳ cựu của chiến tranh Đông Dương. Kết quả, như ta đã biết, là một cuộc di dân vĩ đại toàn diện: chừng một triệu hai trăm ngàn dân gốc Âu, nhiều gia đình đã lập nghiệp ở Algérie nhiều đời, phải đi khỏi Algérie!

Bài phỏng vấn "Ai tài trợ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương?" của bà Thụy Khuê cho ta một chi tiết quan trọng về lịch sử cận đại của Việt Nam.

Nguyễn Đức Tường
(Aylmer, Quebec)

Đừng quên nữ độc giả

Tôi ít khi mó đến tờ *Thế Kỷ 21* mà ông chồng tôi đặt mua, vì xin thú thật rằng tờ báo của các ông là tờ báo của đàn ông. Ngay cả văn chương thơ thẩn của các ông cũng là đàn ông viết cho đàn ông đọc! Lâu lâu mới có bóng dáng phụ nữ xuất hiện, như các bà Bùi Bích Hà, Trần Mộng Tú, Thụy Khuê, Phan Thị Đỗ Quyên, Chân Huyền v.v... thì càng thấy họ lẻ loi, như hoa lạc giữa rừng gươm!

Cho nên tôi rất mừng thấy gần đây trong báo của các ông có cây viết thường xuyên là cô Thanh Thảo. Ít nhất cũng có một phụ nữ nói chuyện phụ nữ, cho phụ nữ đọc mỗi tháng một lần. Tôi chỉ hy vọng cô Thanh Thảo này có thật chứ không phải là một ông nào giả mạo. Bọn làm báo của các ông là gian lắm!

Nguyễn Thị Bích
Hartford, Conn.)

TÒA SOẠN TRẢ LỜI.- *Xin thưa bà, cô Thanh Thảo là phụ nữ 100%, đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, thành thật không giấu giếm. Ngoài việc ca hát, diễn kịch, làm radio, ti vi, viết văn, cô còn lo nuôi con, dạy con, nội trợ, ở chỗ nào cô cũng mang niềm vui cho mọi người. Chúng tôi rất mừng nhà văn Thanh Thảo đã mang lại niềm vui cho độc giả Thế Kỷ 21. Đáng lẽ ra Tòa báo phải tăng lương cho ký giả 100% khi độc giả tỏ ý hài lòng, nhưng lương bổng của các người viết*

chuyên nghiệp trong Thế Kỷ 21 hiện nay là số zero, nên nhân thêm 100% thì vẫn không thay đổi. Nhưng Thanh Thảo viết không phải vì chờ đợi ai trả thù lao mà vì muốn mang lại niềm vui tới cho mọi người, những độc giả như bà sẽ giúp cho cả Tòa soạn thấy được an ủi.

Giáo lý Đức Thầy

Bác sĩ Trần Nguơn Phiêu đã giúp chúng tôi hiểu thêm về giáo lý của Huỳnh Phú Sổ, mà người Phật giáo Hòa Hảo vẫn gọi là Đức Thầy (*Thế Kỷ 21* số Tân Niên 142). Hiểu rồi tôi càng cảm phục con người trí tuệ và dũng cảm đó hơn...

Tác giả Trần Nguơn Phiêu đã nhấn mạnh nhiều lần rằng *"Đức Thầy ... thấu hiểu căn cơ chất phác của người nông dân là những người ít học..."* hoặc là *"giới nông dân chất phác ít học của vùng Cửu Long."* Ông nhắc lại lần nữa: *"Trình độ nông dân của 90 phần trăm tín đồ của ông ... khó có thể thông hiểu được các tư tưởng cao siêu ... của triết học Phật giáo."*

Tôi thiết tưởng không cần phải nhắc nhở như vậy nhiều lần. Tôi là người có đi học ở nhiều trường, có học cả triết lý và khoa học, nhưng khi tìm học đạo Phật thì chúng tôi thấy các lời giảng của Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ cũng như của Thầy Nhất Hạnh cũng đều thích hợp với các căn cơ của mình như nhau cả. Chính những lúc chúng tôi sống chất phác và cởi bỏ hết các thứ "học thức" của mình đi thì mới hiểu đạo Phật hơn.

Xin góp ý kiến đó với bác sĩ Trần Nguơn Phiêu và quý vị độc giả.

Lê Văn Hưng *(Origon)*

Hãi hùng

Tôi vừa nhận được báo *Thế Kỷ 21* số Tân Niên. Tôi đọc cái truyện ngắn của tác giả Nguyễn Văn Thà mà thấy hãi hùng quá! Truyện viết bài bác Công giáo một cách vô ý thức như thế mà *Thế Kỷ 21* dám cho đăng thì lạ thật.

Là một người cầm bút, và là một tín đồ Thiên Chúa giáo, tôi rất bất bình khi đọc truyện này.

Trần Mộng Tú *(Seattle, WA)*

Đôi lời tâm sự của tác giả Nguyễn Văn Thà:

Khi viết truyện Người Thích Nhìn Vú, tôi biết sẽ có phản ứng từ phía người đọc, nhưng tôi vẫn cần phải viết, nếu không viết tôi cảm thấy như một cái tội. Thú thật, tôi đã ở trong "nhà Đức Chúa Trời" đủ lâu để có những kinh nghiệm như đã diễn tả trong truyện. Chẳng lẽ cấm người ta trình bày một kinh nghiệm qua hình thái nghệ thuật? Cần phải làm một cái gì để đánh thức cái tâm thức vừa ngủ vùi mà lại vừa hãnh tiến.

Những vấn đề tôi đưa ra trong truyện là những vấn đề lớn, không có hy vọng là sẽ có những luận cứ dẫn đến một kết luận dứt khoát được. Đó là công việc của các nhà thần học, của các nhà chú giải Kinh Thánh; và sẽ không bao giờ có chung cuộc. Nhưng cứ giống lên những tín hiệu và người ta đón nhận hay vứt sọt rác, thì đó là một tiến trình tự nhiên của bất cứ cuộc vận hành nào trong vũ trụ này.

Và đó là đối cực, là dân chủ. Cái dân chủ mà người Việt mình đổ xương máu quá nhiều mà chẳng đạt được. Một dân tộc có một nền văn hóa Âm - Dương như dân tộc Việt mà lại cứ độc chiều trong bất cứ vấn đề gì từ bao thế kỷ nay, có phải đó là nguyên nhân của những tang tóc triền miên?

Mong ước tờ Thế Kỷ 21 và tất cả chúng ta đang làm những công việc của những con người thế kỷ 21.

Nguyễn Văn Thà *(Na Uy)*

Bỏ trường mà đi

Tình cờ search trong c4.com thì thấy có một lời rao "Ai biết làm ơn..." viết như sau:

"Chỉ giùm nơi nào có store truyện "Bỏ Trường Mà Đi" của Chế Lan Viên in trong "Vàng Sao" năm 1942... Đã dịch ra tiếng Mỹ "School of my heart..." và tiếng Pháp "École de mon âme..."

Thank nhiều."

Thì ra, ngoài tôi, còn có người khác muốn tìm bản chính bài "Bỏ Trường Mà Đi" của Chế Lan Viên (trích từ cuốn *Vàng Sao* của CHế Lan Viên, xuất bản năm 1942).

Bài văn xuôi đặc sắc đó của Chế Lan Viên viết rất hay, đọc rất cảm động. Mấy ai trong chúng ta mà không giữ trong lòng một ngôi trường yêu dấu, đó có thể là một ngôi trường tiểu học, trung học hay đại học...

Tôi đã dịch bài văn xuôi Bỏ Trường Mà Đi ra Pháp ngữ và Anh ngữ, nhưng rất tiếc nay không còn lưu giữ được nguyên bản tiếng Việt. Tôi rất mong ước có lại nguyên bản bài văn đó. Nếu các bạn trong *Thế Kỷ 21* hay độc giả của *Thế Kỷ 21* có cách gì tìm kiếm và sao gửi cho tôi một copy vài văn xuôi đó, thì tôi rất cảm tạ và vui mừng hết sức.

Trúc Huy
E-mail: truc_huy@yahoo.com

Điện thoại tế bào

Tôi rất thích bài "Điện thoại tế bào" của ông Trần Quán Niệm (*Thế Kỷ 21* số Tân niên 142, mục Đời Sống Quanh Ta), mặc dù ông cố

tình nói xấu phụ nữ chúng tôi. Nhưng tại sao lại gọi tên nó như vậy? Chữ *Cellular* đâu phải chỉ có nghĩa là "thuộc về tế bào"?

Nhân tiện đây cũng xin nói cho quý vị biết một tai nạn về điện thoại lưu động. Tôi mới đặt dùng *cell phone*, tôi quên không cho một người bạn thân biết số phone mới này. Một tháng sau anh biết tôi có cell phone mà không cho anh biết số mới, anh buồn quá, nghĩ tôi không còn coi anh là một người bạn thân nữa. Tôi đã cố giải thích nhưng chắc anh không tin là tôi vô ý. Xin các bạn cẩn thận nhé.

Bích Liên
(Jacksonville, Florida)

Ông Giáo Già

Giáo sư Phạm Thế Ngũ dạy Quốc văn trường Petrus Ký lâu năm. Ông có viết nhiều sách, trong đó có bộ *Thi Văn Giảng Luận* rất có giá trị mà hiện nay, trên đất Cali này, chúng tôi vẫn đang dùng trong công việc dạy Việt ngữ. Ông mất ở Việt Nam, Hội Ái Hữu Petrus Ký Nam Cali hay tin trễ, nhưng cũng đã phân ưu trong Bản tin nội bộ vừa qua. Riêng cá nhân tôi đã làm bài thơ "Ông Giáo Già" (phỏng theo bài Ông Đồ Già của nhà thơ Vũ Đình Liên) để tỏ lòng thương tiếc một đồng nghiệp khả kính.

Nay nhân dịp xuân về, nghe trên đài phát thanh và báo chí thường nhắc đến bài Ông Đồ Già của Vũ Đình Liên, tôi xin gửi đến quý báo bài Ông Giáo Già để đọc "cho vui." Câu cuối của bài thơ, *Nghiệp văn chẳng có gì* là nói theo lối khiêm tốn của nhà giáo, chứ thực ra sự nghiệp văn học mà Giáo sư Phạm Thế Ngũ để lại rất được ngưỡng mộ và đánh giá rất cao.

ÔNG GIÁO GIÀ

(Phỏng theo bài Ông Đồ Già của Vũ Đình Liên)

Thương tiếc
Giáo sư PHẠM THẾ NGŨ

Mỗi độ mai chớm nở
Là thấy ông Giáo Già
Cặm cụi ngồi viết thiệp
Gửi thân hữu gần xa.

Gia Long, Petrus Ký
Nguyễn Đình Chiểu,
Ngọc Hân
Hùng Vương và Sư Phạm
Có bao như người thân.

Ông Giáo đều gửi hết
Không để sót một ai
Tình cảm ba ngày Tết
Đáng trân quý lắm thay.

Ai đã từng nhận thiệp
Ngợi khen Ông Giáo hoài
"Ông quả thật chu đáo
Chữ viết rất đều tay."

Nhưng từ năm bảy lăm
Danh sách ngày một ngắn
Kẻ chết, người lưu vong
Thiệp đến, đi đều vắng.

Ông Giáo vẫn ngồi đấy
Khi mùa Xuân trở về
Bao tang thương biến đổi
Nhìn hoa lòng tái tê.

Năm nay mai chớm nở
Chẳng thấy Ông Giáo Già
Nghiên mực còn đầy kín
Bàn ghế phủ đầy hoa.

Ông Giáo đã ra đi
Thất thập cổ lai hy
Sách vở năm ba quyển
Nghiệp văn chẳng có gì!

Dương Tử
Tháng Chạp Canh Thìn

Báo chí - nghệ sĩ

Tôi muốn nói cảm tưởng của tôi sau khi đọc mục Sổ Tay số báo 142 vừa qua. Trước nay chúng tôi vẫn thích mục này, vì sự sắc sảo của các kiến giải. Nhưng lần này, đọc lại mê, vì chất thơ trong đó, đặc biệt là hai đoạn "Bói một quẻ Berlin" và "Về với tuyết."

Thế Kỷ 21 có cái mạnh đặc biệt, là các bài tùy bút nhân những chuyến đi xa. Mấy năm trước chúng tôi thích vô cùng những bài của Phạm Xuân Đài viết về Paris, rồi Hà Lan, và gần đây là về nước Nga (đã hết chưa, hay là chỉ gián đoạn?). Vừa rồi lại có bài của Đỗ Quý Toàn nhân chuyến đi châu Âu. Những bài đó làm cho *Thế Kỷ 21* có cái chất *báo chí - nghệ sĩ* khác với những tạp chí thuần túy văn nghệ khác.

Bài của Tư Cầu Kho đọc cũng vui. Chúng tôi chưa quen lắm với giọng gọi là "văn chương bình dân" này, nên cũng lúng túng khi thấy nhắc đến tên người thật. Vì thiếu thông tin, chúng tôi không hiểu quan điểm của ông Tư Cầu Kho về những người thật kia là như thế nào. Nhưng nhìn chung thì đó là một bài đọc rất thú vị.

Ha Nghia *(Internet)*

Seamen'Club

Truyện Seamen's Club trong *Thế Kỷ 21* số Tân niên 142, thấy tác giả dùng lộn qua lộn lại hai từ Mục Sư và Linh Mục. Theo thói quen ở Việt Nam: Mục Sư chỉ các vị chăn dắt đàn chiên của mình thuộc đạo Tin Lành, còn Linh Mục chỉ các vị coi sóc con chiên của mình thuộc đạo Công Giáo.

Phải công nhận rằng phái Tin Lành Thệ Phản (Protestantism) từ xưa tới nay đã chia ra rất nhiều phái. Có một số phái có quy củ, nhưng hiện nay cũng mọc ra một số phái cơ cấu còn lỏng lẻo. Ngược lại, Giáo hội Công Giáo có một cơ cấu tổ chức,

kiểm soát chặt chẽ. Vị chức sắc nào "léng phéng" là bị bãi chức ngay, còn gọi là treo chén (thánh). Vì thế tôi nghĩ dùng từ Linh Mục để chỉ mấy nhân vật trong Seamen's Club thì không tạo được sự chính xác cho bài viết.

Nguyễn Văn Thực
(Norway)

Đính chính:

Bài *Những thú tiêu khiển trong mấy ngày Tết* đăng trong TK 21 số Xuân 141, trang 72, cột một, dòng cuối: *Nguyễn Đình Liên*, xin sửa lại là Vũ Đình Liên.

Xin cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.

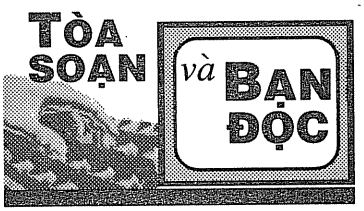

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Văn Thực, Trần Mộng Tú, Đỗ Hậu, Việt Dương Nhân, Sử Mặc, Hồng Khắc Kim Mai, Nguyễn Hữu Chi, Hà Kỳ Lam, Trần Yên Hòa, Trần Gia Phụng, Nguyễn Châu Liên, Song Thao, Tôn Nữ Thu Nga, Võ Doãn nhẫn, H. Tự, Trần Huy Sao, Sum Dương, Ngã Văn, Xuân Đỗ.

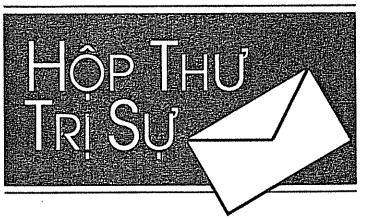

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Vu Duc Nam (Charlotte NC), Le Thi Lan (Austin TX), Dieu Thieu (Lafayette IN), Thien Huong + Gene Sens (Renton WA), Tran Binh Nhung (San Diego CA), Nguyen Thi Thu & DAt (Ventura CA), Bui Hanh Nghi (CANADA), Vu Van Thanh (CANADA), Hoang Thi Trang (Garden Grove CA), Vu Ngoc Hai (Germany), Nguyen Van Ke Ba (San Diego CA), Phan Nguyen (Hawaii HI), Vo Doan Nhan (Santee CA), Trinh Van Hieu (Orange CA), Rev.Joseph Vu, SVD (Indianapolid IN), Lai Huu Loi (Glendale CA), DR. Hau N.Vu (Coronado CA), Dinh Nguyen (Orange Ca), Le Kim Loi (Orange CA), Viet L. Trinh (Malvern PA), Nguyen Hao (Diamond Bar CA), Thai Ta (Santa Ana CA), Le Van Tu (Garden Grove, CA), Khanh V.Do (San Gabriel CA), Nguyen Van Can (Lawrenceville GA), Nguyen Gia An (CANADA), Dang Dong My (CANADA), Nguyen Huu Loi (CANADA), Bich Dao (FRANCE), Pham Nguyen Hanh (Cerritos CA), Seventrees branch Lib. (San Jose CA), Educational Park Branch (San Jose CA), Evergreen Branch Lib. (San Jose CA), San Jose Public Lib. (San Jose CA), West Valley Branch Lib. (San Jose CA), Pear Avenue Branch Lib.(San Jose CA), Do Nguyen Thai (Tulsa OK), Nguyen Thi Dieu Thu (Pleasanton CA), Le Thi Dieu Hien (CANADA), Nguyen V.Huong (Philadelphia PA), Nham Thi Dang (Falls Church VA), Pham Ngoc Khoi (CANADA), Vo Dinh Tan (Elmonte CA), Thi Xuan Ho (Tucson AZ), Nguyen Doan Vuong (San Jose CA), Le Manh Hung (Baton Rouge LA), Do Van Thu (Chicago IL), Nguyen Ngoc Anh (Panaroma City CA), Thien Hy (Carrollton TX), Nguyen Huu Dien (Bayou La Batre AL), Phan Le Nhu Y (UNITED KINGDOM), Le Duc Minh (FRANCE), Nguyen Huu Viet (Tulsa OK), Pham Hai (Camarillo CA), Tuan Tran Kathy (Midway City CA), Mai Khanh Le (Foutain Valley CA), Vo Minh The (Spring TX), Nguyen Luong Dien (San Jose CA), Nguyen Duc Mai (CA), Nguyen D. Diem (Seatle WA), Nguyen Van Phu (Aloha OR), Luong Pham (Tulsa OK), Ngat Nguyen (Mt Prospect IL), Hoang Xuan Thieu (Elk Grove CA), To Van Minh (Montery Park CA), Nguyen Van Ngoc (Bridgeport CT), Thich Minh Duc (Redwood City CA), Mai Lien Kohlmann (Newport Beach CA), Le Cong Giao (Upland CA), Vu Van Dinh (Westminster CA), Nguyen Ngoc Luu (Hawthorn CA), VH: Nguyen Khac Hoach (Anaheim CA), Chu Van Hai (Kingstowne VA), Nguyen Xuan Hoang (Metuchen NJ), Truong Toan (San Diego CA), Nguyễn Đức Tâm (Thousand Oaks CA), Tham Le (Highland CA), Phạm Văn Đồng (Santa Clarita CA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Pham Thi Hao (Arlington VA),Do Quyen (CANADA), Phan Cong Linh (East hartford CT), Nguyen Cuong (Newllano LA), Nguyen Van Tha (San Diego CA), Nguyen Minh Thong (GERMANY), Bui Van Vinh (Anaheim CA).●

Diễn tiến biểu tình bạo động của người Thượng

Các tin tức mấy ngày qua nói đến tình hình căng thẳng tại hai tỉnh cao nguyên Trung phần, Đắc Lắc và Gia Lai (Ban Mê Thuột và Pleiku cũ) khi hàng ngàn người sắc tộc thiểu số thuộc ba sắc dân Jarai, Ede và Bahnar biểu tình bạo động.

Nhà cầm quyền CSVN qua phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao tại Hà nội nói rằng "một số người không được thông tin đầy đủ, đồng thời bị khích động bởi tin nói hai người địa phương bị bắt, nên đã tụ tập tại trụ sở đảng bộ tỉnh Gia Lai để chất vấn về vấn đề này."

Sự việc được Phan Thúy Thanh mô tả sơ sài như một chuyện nhỏ, trái với thực tế của việc điều động lực lượng lớn quân đội và công an đến phong tỏa cả một vùng rộng lớn để đối phó với sự tham dự của cả trực thăng và phi cơ phản lực chiến đấu.

Tổ chức của những người sắc tộc thiểu số Việt Nam tại Hoa Kỳ phổ biến trên Internet một bản tin kể chi tiết diễn tiến sự việc đã đưa đến các cuộc biểu tình bạo động kéo dài từ ngày 30-1-01 tới nay.

Theo tổ chức này, ngày 30-1-01, hai tín đồ tin lành thuộc Tổ Chức Người Thượng (Montagnard Foundation, Inc. (có trụ sở chính ở Hoa Kỳ) tên là Rahlan Pon và Rahlan Djan, thuộc tỉnh Pleiku, đã bị bắt giam một cách độc đoán và vô lý, lại còn bị tra tấn và đem đến giam ở các trại lính 47 và 29 theo lệnh của Rahlan Cel, một trưởng công an ở xã Pia.

Hai người bị bắt không hề phạm tội gì và chúng tôi (tổ chức người Thượng trên) chỉ quan tâm đến các vấn đề nhân quyền xuyên qua các phương tiện tranh đấu hòa bình và hợp pháp.

Ngày 31-1-01, khoảng 500 dân làng đến quận Chu Prong để phản đối và đòi trả tự do cho hai người trên nhưng không được chấp nhận.

Sang ngày 1-2-01, khoảng 6,000 người Thượng Tin Lành họp và quyết định đến trụ sở UBND tỉnh Pleiku để biểu tình một cách hòa bình với mục đích đòi thả hai người anh em kể trên. Đến ngày hôm sau, 2-2-01, từ 4 giờ sáng, các người Thượng Tin Lành bắt đầu đi bộ đến trụ sở UBND tỉnh Pleiku từ mọi hướng. Người Thượng trong tỉnh Đắc Lắc cũng hành động như vậy và có khoảng 1,200 người đi bộ đến trụ sở UBND tại thị xã Ban Mê Thuột.

Ngày 4-2-01, khoảng 20,000 người thượng ở tỉnh Pleiku từ mọi ngả đường đổ dồn về trụ sở UBND tỉnh. Lối 600 người thượng đầu tiên khi đến gần các rào cản kiên cố đều bị công an đánh tàn nhẫn trong số này có 200 người bị thương nặng.

Chúng tôi ở Tổ Chức Người Thượng đã khuyến cáo đồng bào đừng kháng cự. Tuy nhiên, nhóm người biểu tình kế tiếp đã không chấp nhận bị công an liên tục đánh đập và đã đánh trả lại để tự vệ.

Sau đó, tại Pleiku, nghe tin nhà cầm quyền đã thả hai người bị giam kể trên, nhưng không có gì kiểm chứng. Nhà cầm quyền đã cắt mọi đường giây điện thoại của người Thượng để ngăn chặn tin tức lọt ra thế giới bên ngoài. May nhờ một người trong họ có điện thoại cầm tay (cell phone) nên thông báo diễn biến sự việc như kể trên.

Cuộc biểu tình thực sự đã xảy ra vì chúng tôi có người vừa mới quay lại Hoa Kỳ sau chuyến viếng thăm người thân trong tỉnh Pleiku.

Trên đường khi rời Pleiku đến Sài Gòn, bà đã chứng kiến hàng chục ngàn người Thượng, già, trẻ, phụ nữ, trẻ con kéo dài từ các rào chận trong thị xã Pleiku đến thị trấn Cu Hdrung và bà cũng còn thấy hàng ngàn người đổ dồn đến từ đồn điền trà Cattecca (đồn điền trà cũ của người Pháp trước đây để lại). Bà thấy người Thượng đánh trả lại công an khi xe chở bà đi ngang những người này, tuy nhiên, không có máy hình để ghi lại.

Chính quyền Huế tìm đủ mọi cách hạn chế số Phật tử tham dự Tuần Lễ Cầu Nguyện tại Từ Hiếu

Chính quyền Huế đã áp dụng nhiều biện pháp ngăn chặn việc tổ chức Tuần Lễ Cầu Nguyện cũng như hạn chế số Phật tử đến tham dự buổi lễ này tại Tổ Đình Từ Hiếu. Một ngày trước khi buổi lễ diễn ra, Ủy Ban Nhân Dân xã Thủy Xuân thuộc thành phố Huế đã gởi thông báo đến trụ trì chùa Từ Hiếu là Thượng Tọa Thích Chí Mậu yêu cầu chùa phải làm thủ tục xin phép với chính quyền.

Trong thông báo số 08/TB ố UBND, ký tên Chủ Tịch UBND là Đỗ Thị Kính, chính

quyền đã yêu cầu Tổ Đình Từ Hiếu phải xin phép chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền, trong thời gian hành lễ phải giữ gìn trật tự an ninh và vệ sinh, cũng như phải đăng ký tạm trú tất cả khách nghỉ lại đêm tại chùa. Thượng tọa trụ trì đã trả lời rằng buổi lễ này do Tăng Đoàn Thừa Thiên ố Huế tổ chức chứ không phải do chùa nên đề nghị chính quyền liên lạc với Trưởng Tăng Đoàn là Hòa Thượng Thích Thiện Hạnh để giải quyết.

Tăng Đoàn đã nhận định rằng thông báo này vi phạm điều 70 của Hiến Pháp nước Cọng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và vi phạm Điều 7 Khoản I, Điều 8 Khoản 2, Chương II của Nghị Định Số 26/1999/NĐ-CP do Thủ Tướng Phan Văn Khải ký ngày 19/4/1999 nên vẫn tiến hành buổi lễ như đã ấn định.

Trên các ngả đường dẫn đến Từ Hiếu số lượng công an giao thông đã gia tăng đáng kể. Công an đi xe mô tô phân khối lớn lập các trạm xét giấy tờ trên đại lộ Lê Lợi, đường lên đàn Nam Giao, và phía sau lưng ga Huế. Sáng ngày khai lễ, Hòa Thượng Thích Như Đạt trụ trì chùa Long Quang làng Phú Ốc đi taxi từ chùa đến Tổ Đình Từ Hiếu thì công an lấy cớ kiểm soát bằng lái xe của tài xế xe taxi đã chặn xe ngài lại nhưng sau đó cũng để ngài tiếp tục đến chùa.

Cùng ngày chính quyền địa phương đã thông báo cho các trường trong vùng phải tập trung học sinh trong hai ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật sắp tới để đi học như các ngày thường. Điều này đã gây sự lúng túng cho các trường vì không biết sẽ dạy môn gì trong hai ngày này. Một số trường như trường trung học Gia Hội đã phải đề nghị dạy quân sự cho học sinh. Đây không phải là lần đầu tiên biện pháp này được áp dụng. Hàng năm học sinh vẫn bị thi và giữ tại trường vào các ngày lễ Phật Giáo như Phật Đản hay Vu Lan.

Tại các địa phương, chính quyền cũng ráo riết răn đe không cho đồng bào Phật Tử về dự lễ. .Đại diện Gia Đình Phật Tử hai huyện Quảng Điền và Phú Lộc đã báo về với chùa là không thể về tham dự được vì chính quyền địa phương đã sách nhiễu ngăn chăn. Vào lúc 4 giờ chiều cùng ngày, một tin đồn đã được loan truyền là Ban Tổ Chức đại lễ gồm HT Thích Thiện Hạnh, TT Thích Thái Hòa và TT Thích Chí Mậu đã bị Công An bắt giữ. Tin này đã được tung ra nhằm gây hoang mang dư luận và làm Phật Tử lo sợ không dám đến chùa.

Theo chương trình dự định, một số học sinh nghèo học giỏi lâu nay nhận học bổng của chương trình Hiếu và Thương, một chương trình từ thiện xã hội được sự bảo trợ tài chánh của Làng Mai, sẽ về tham dự và nhận quà vào ngày Chủ nhật 11/2. Tuy nhiên hiệu trưởng tại các trường nơi các em theo học như tại xã Bình Điền đã nhận được chỉ thị từ chính quyền ngăn chặn không cho các em nhận giấy báo của chùa cũng như không cho các em về chùa nhận quà vào ngày nêu trên. Cho đến nay buổi lễ vẫn diễn ra trong không khí trang nghiêm và thanh tịnh với số Phật tử tham dự khoảng trên dưới 400 mỗi ngày. Ngày lễ chính với các chương trình như Pháp Thoại và Lễ tặng quà cho bà con nghèo sẽ được tổ chức vào ngày 19 âm lịch tức ngày 11 tháng Hai năm 2001.

VN đưa ra chứng cớ khảo cổ về người Việt cổ ở Trường Sa

HÀ NỘI, Việt Nam (TH) — Chỉ một ngày sau khi phát ngôn viên nhà nước CSVN gạt bỏ các đòi hỏi của Trung Quốc là Việt Nam phải khẳng định lập trường của mình về Trường Sa, các cơ quan truyền thông nhà nước CSVN đã nhất loạt đăng tải một số chứng cớ khảo cổ chứng minh rằng người Việt đã có mặt tại Trường Sa từ rất lâu.

Theo tin trên thì trong cuộc khai quật và điều tra tại các đảo Trường Sa Lớn, Nam Yết, Song Tử Tây, Sơn Ca, Sinh Tồn lớn, Phan Vinh, An Bang...thuộc quần đảo Trường Sa thì viện khảo cổ học Việt Nam đã tìm thấy nhiều mảnh đồ sứ từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 14 và từ thế kỷ 18 đến 19 sau các cuộc khai quật từ năm 1996 đến năm 2000.

Giáo sư Hà Văn Tấn, viện trưởng viện khảo cổ học Việt Nam, cho hay những dấu tích tìm thấy trên quần đảo Trường Sa đã khẳng định rằng người tiền sử Việt Nam đã có mặt tại đây từ rất lâu đời, ít nhất vào cuối thời nhà Trần và đã liên tục có mặt các thế kỷ sau. Trên đảo Nam Yết, người ta cũng tìm thấy trong hố khai quật có dấu bếp lửa giữa những vỏ sò, ốc.

Hồi tuần qua, phát ngôn viên Trung Quốc đã lên tiếng nói rằng toàn thể khu vực biển Đông thuộc về họ và đây là một điều không thể tranh cãi. Phía Bắc Kinh cũng bày tỏ sự "quan ngại" về việc Việt Nam thành lập các cơ sở hành chính trên các đảo ở Trường Sa.

Hồi tháng Chạp năm ngoái, chủ tịch nhà nước CSVN, ông Trần Đức Lương, đã viếng thăm Bắc Kinh và ký

kết một thỏa ước về phân chi ranh giới trong vịnh Bắc Phần. Trong năm 1999 hai bên cũng đã ký một thỏa ước về biên giới trên bộ.

Báo chí CSVN la hoảng việc bị tấn công trên mạng Internet

Một tờ báo nhà nước CSVN, nhằm đối phó với các nguồn tin từ Việt Nam chuyển qua mạng lưới thông tin toàn cầu, mới đây đã lên tiếng báo động về việc thành phần chống đối Hà Nội đang sử dụng hệ thống Internet để tấn công nhà nước qua việc "thổi phồng các tranh chấp và loan truyền tình hình căng thẳng về tôn giáo trong nước."

Theo tờ *Sài Gòn Giải Phóng* thì các bản tin trên mạng Internet thường chỉ "nói lên một phần sự thật và phần còn lại là hoàn toàn xuyên tạc." Tờ báo cho hay các tin tức trên mạng Internet nhắm vào thành phần không có "hiểu biết chính trị vững vàng và không am tường vấn đề."

Đối với CSVN, người nào không nói y hệt như con vẹt theo những tin tức vo tròn bóp méo mà chế độ tung ra, những người đó đều không đáng tin cậy.

Tờ báo nói rằng các tổ chức người Việt tại hải ngoại "thù nghịch" với nhà nước CSVN đang sử dụng các vấn đề như nhân quyền, dân chủ, tự do tôn giáo và tù chính trị để tạo thêm áp lực chính trị lên đảng CSVN.

Theo tờ báo này thì các bản tin trên Internet đã "thổi phồng" những lời than phiền của quần chúng và "tạo chia rẽ giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo cũng như giữa các tôn giáo trong nước." Bài báo này đã được đăng tải chỉ hơn một tuần lễ sau khi xảy ra các vụ nổi dậy của người Thượng tại vùng cao nguyên Trung Phần Việt Nam.

Theo các con số do nhà nước CSVN đưa ra thì cả nước Việt Nam hiện có hơn 113,000 người ghi danh sử dụng Internet. Tuy nhiên, người sử dụng Internet tại Việt Nam vẫn còn bị các giới hạn như phí tổn điện thoại còn cao và bị ngăn cản, qua bức tường lửa, không cho vào các "địa chỉ" có nội dung chính chính trị chống nhà nước CSVN.

Cụ Lê Quang Liêm bí mật ra Huế họp với các lãnh đạo tôn giáo

Cụ Lê Quang Liêm, Hội trưởng Ban Trị Sự Trung Ương Phật Giáo Hòa Hảo, đã bí mật ra được Huế họp bàn kế hoạch hành động chung phối hợp giữa các tôn giáo trong công cuộc đấu tranh đòi tự do tôn giáo và nhân quyền tại Việt Nam, theo tin của PGHH hải ngoại và cuộc phỏng vấn cụ Liêm của nhóm Tuổi Trẻ Việt Nam Lên Đường bên Úc.

Ngày 27-12-2000, Cụ Lê quang Liêm, LM Nguyễn văn Lý, LM Chân Tín là đồng tác giả của "bản tuyên bố về chính sách tôn giáo của Cộng sản tại Việt Nam" và HT Thiện Hạnh ký tên "hoan hỷ với Lời Tuyên Bố nầy." Bản tuyên bố vạch trần chính sách bách hại tôn giáo của chế độ CSVN qua nhiều hình thức khác nhau, ngược lại những cam kết đã viết trên hiến pháp của họ cũng như đã cam kết tôn trọng bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền.

Sau ba ngày đường và phải đổi bốn lần xe để đánh lạc hướng theo dõi của công an, cụ Lê Quang Liêm đến Huế vào lúc năm giờ chiều ngày 5 tháng Hai 2001. Tại một địa điểm hẹn trước bốn vị lãnh đạo tôn giáo: Hòa Thượng Thích Thiện Hạnh, Hòa Thượng Thích Chân Trí, Linh Mục Nguyễn Văn Lý và cụ Liêm đã gặp nhau vào lúc 7 giờ chiều ngày 5-2-2001, đây là giờ ngày lịch sử cho việc cầu an, đòi nhân quyền và tự do tôn giáo cho Việt Nam.

Trong số bốn vị, cụ Liêm là người cao niên nhứt (82 tuổi). HT Thiện Hạnh khoảng 72 tuổi, HT Chân Trí khoảng 70 tuổi, và LM Nguyễn văn Lý khoảng hơn 50 tuổi.

Cuộc hội đàm kéo dài hơn bốn tiếng đồng hồ. Trong lời tường thuật lại với anh em sinh viên bên Úc thuộc mạng Lưới Tuổi Trẻ Việt Nam Lên Đường, cụ Liêm nói rằng cuộc họp nhằm ấn định chương trình hành động chung "thế nào cho hữu hiệu và cụ thể" và "Phải đẩy mạnh công cuộc tranh đấu đòi tự do đến mức nhà cầm quyền CSVN phải chấp nhận sự đòi hỏi của chúng ta."

Cụ Liêm trở về Sai Gòn ngay trong đêm 5-2-2001. Cũng như chuyến đi, chuyến về cụ cũng đổi xe, đổi hướng để tránh sự lục soát của công an. Vẫn theo lời cụ Liêm, sau khi cụ rời Huế, cụ được tin nhà nước cho lệnh lục xét tất cả xe cộ trên đường lộ khắp các tỉnh từ Huế về đến Sài Gòn, kể cả ghe đò dưới nước, để tìm tung tích của cụ.

Tăng đoàn Thừa Thiên-Huế tố cáo CSVN khủng bố sinh hoạt tôn giáo

Thượng tọa Thích Thái Hòa, Tổng Thư Ký Tăng Đoàn Thừa Thiên-Huế đã gửi một bản tường trình ký ngày 9 tháng Hai 2001 đi khắp nơi đến các chính phủ, tổ chức quốc tế tố các các hành động khủng bố, cản trở sinh hoạt tôn giáo mà nhà cầm quyền CSVN đã long trọng ghi trên hiến pháp.

Sau đây là một số đoạn

trong bản tường trình của TT Thái Hòa:

Tuần lễ "Cầu Nguyện Âm Siêu Dương Thái - Thế Giới Hòa Bình - Nhân Dân An Lạc - Các Chiến Sĩ Đã Bỏ Mình Vì Đại Nghĩa Dân Tộc và Các Nạn Nhân Thiên Tai Của Thế Kỷ Sớm Được Siêu Thoát - Nền Tín Ngưỡng Việt Nam Sớm Được Cởi Trói - Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Sớm Được Tự Do Sinh Hoạt - Dân Tộc Việt Nam Sớm Thoát Khỏi Tai Ách - Quyền Sống Con Người Được Thực Sự Tôn Trọng" đã và đang diễn ra tại Tổ Đình Từ Hiếu - Huế và đã được đông đảo Tăng Ni Phật tử cũng như nhiều Giáo hữu và Tín hữu của các Tôn Giáo bạn và nhân dân ngưỡng mộ và đồng tình ủng hộ dưới nhiều hình thức khác nhau.

... Không khí tại Thừa Thiên - Huế trước những ngày diễn ra tuần lễ cầu nguyện thì các cơ quan ban ngành của Chính quyền đã học tập khẩn cấp về chính trị và cấm trại từ ngày 6 tháng 2 năm 2001.

... Ngày 07/ 02/ 2001, anh Quang - Phó Công An Thành Phố Huế đặc trách hình sự và anh Linh - Công An Tôn Giáo đã đến Tổ Đình Từ Hiếu - Huế làm việc với Thượng Tọa Thích Chí Mậu, yêu cầu Thượng Tọa Thích Chí Mậu xin phép Chính quyền để tổ chức Lễ Cầu Nguyện, Thượng Tọa Thích Chí Mậu đã trao cho anh Phó Công An Thành Phố Huế một phiếu góp ý và nói : "Anh có góp ý gì thì xin ghi vào phiếu này để tôi trình lên Ban Tổ Chức." Anh Phó Công An TP trả lời: "Tôi không phải là Phật tử, tôi là Chính Quyền, đến để đề nghị thầy xin phép, nếu thầy không xin phép, có chuyện gì thầy phải chịu trách nhiệm." Nhưng, Thượng Tọa Thích Chí Mậu đã từ chối việc xin phép vì lý do: Nhà Nước Việt Nam đã tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng và sau đó Thượng Tọa Thích Chí Mậu đã báo cáo lên Ban Tổ Chức của Tăng Đoàn về việc đề nghị của ông Phó Công an Thành Phố Huế. Và Ban Tổ Chức đã quyết định việc làm lễ cầu nguyện là thể hiện đúng bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc mà nước Việt Nam là một thành viên, các công ước quốc tế mà chính quyền Việt Nam đã ký kết tuân thủ, cũng như Hiến Pháp nước Cọng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Nghị Định 26 của Thủ Tướng Phan Văn Khải ký ngày 19/04/1999 về các điều 1 chương 1, điều 7 khoản 1 và điều 8 khoản 2 của chương 2, do đó, không có xin phép. Nếu chúng ta xin phép và Chính quyền cho phép là cả hai bên đều vi hiến.

Tuy nhiên, vào lúc 17 giờ cùng ngày, Thượng Tọa Thích Chí Mậu đã nhận được Thông Báo của Ủy Ban Nhân Dân Xã Thủy Xuân số 08/TB-UBND do chủ tịch Ủy Ban là Đỗ Thị Kính ký đề ngày 07/02/2001. Nội dung của Thông Báo có 3 vấn đề như sau:

1. "Việc tổ chức hành lễ tại Tổ đình, Ông phải có đơn xin phép chính quyền ở địa phương và cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong thời gian làm lễ phải bảo đảm tình hình ANTT và vệ sinh môi trường.

3. Trong thời gian này có quý khách lưu trú tại Tổ Đình phải đăng ký tạm trú tại Công An Xã."

Điều 1 trong Thông Báo này chứng tỏ chính quyền đã vi hiến.

... Ngày 8 và ngày 9 tháng 2 năm 2001, Văn Phòng Ban Tổ Chức đã nhận được điện thoại cũng như những lời báo cáo của các Phật tử và quần chúng nhân dân từ các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang, Hương Trà và Thành Phố Huế cho biết là các Ban Ngành của chính quyền đã học tập và tìm đủ mọi cách để ngăn cản đồng bào Phật tử cũng như học sinh, sinh viên các trường tham gia tuần lễ cầu nguyện tại Tổ đình Từ Hiếu. Đồng bào cho biết ngành giáo chức, sinh viên và học sinh sẽ dạy và học vào các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật tới đây, nếu các sinh viên và học sinh, giáo sư và giáo viên nào bỏ dạy và bỏ học trong những ngày ấy sẽ bị kỷ luật hoặc cho nghỉ dạy và nghỉ học. Công nhân viên cán bộ Nhà Nước nếu tham gia tuần lễ Cầu Nguyện tại Tổ đình Từ Hiếu Huế sẽ bị kỷ luật hoặc đuổi việc, ngay cả các sinh viên và học sinh được chia xẻ phần quà Nhân ái trong tuần lễ Cầu Nguyện cũng bị Nhà trường nghiêm cấm

- Quân đội và công an được báo động 100%, công an vào chùa phần nhiều là công an chìm và có rất nhiều nữ công an trẻ giả dạng Phật tử để dò xét cuộc lễ.

Vào lúc 22 giờ tối, ngày 09/02/2001, tôi đã nhận được điện thoại của các Phật tử báo về là công an khu vực đã đến các nhà Phật tử có lên chùa Từ Hiếu ngày nay (09/02/2001) để xét hỏi : "Hôm nay quý vị đi đâu?", Phật tử trả lời: "Hôm nay tôi lên chùa Từ Hiếu để cầu nguyện cho cha mẹ tôi." Công an nói: "Ngày mai, mời quý vị ra cơ quan công an để làm việc."

Chính những hiện tượng này tự nó đã làm xáo trộn xã hội và bất an cho con người tại Thừa Thiên - Huế, khiến cho nhân dân khó lòng thể hiện quyền tự do tín ngưỡng

của mình.

Thật tiếc thay, đất nước Việt Nam là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới về phương diện vật chất, nhưng người dân không được bù đắp bằng đời sống tinh thần thì quả thật là bất hạnh!

Tôi biết rất rõ nhân dân Việt Nam không thể nghèo khó về niềm tin, không thể thiếu thốn về đời sống tinh thần và không thể bất an trong đời sống tín ngưỡng tâm linh, nhưng họ đã bị nghèo bởi thiếu những điều kiện để thể hiện niềm tin ấy.

Nhiều phe muốn lật Lê khả Phiêu

HÀ NỘI 12-2 .- Gần đến ngày đại hội toàn quốc đảng CSVN, nhiều tin tức hành lang loan truyền cho thấy tổng bí thư Lê khả Phiêu đang bị nhiều phe nhóm muốn hất cẳng và nói rằng Phiêu vừa dốt, vừa mắc nhiều lầm lỗi nghiêm trọng trong khi kết bè kết cánh bằng cách đưa những người cùng quê Thanh Hóa vào các vị trí then chốt trong đảng và chính quyền.

Nguồn tin từ trong nước được anh em thuộc nhóm "Lửa Tự Do" thuật lại nói rằng những phiên họp mấy ngày qua ở Hà Nội trong việc vận động và tìm kiếm lãnh tụ mới cho đảng CSVN, Lê khả Phiêu đã bị các phe nhóm chống đối lên án năm điều:

1- Bán rẻ lợi ích của tổ quốc, quyền lợi của dân tộc khi chỉ huy trực tiếp các cuộc đàm phán với Trung Cộng về chuyện biên giới và lãnh hải. Trong đó, phía CSVN đã nhượng bộ Tầu Cộng quá nhiều, gây thiệt hại to lớn cho đất nước mà các thành viên trong Trung Ương Đảng Bộ cũng phản đối.

Nhượng bộ Trung Cộng nhiều, đổi lại, Phiêu muốn dựa vào thế lực của quan thầy khổng lồ bên cạnh để tiếp tục bám lấy ghế tổng bí thư và củng cố quyền hành, vây cánh.

2- Chuyên quyền, cục bộ địa phương trong việc bổ nhiệm và điều động cán bộ trong đảng (đưa người cùng quê gốc Thanh Hóa và phe cánh trong quân đội lên nắm những chức vụ chủ chốt như Quân Ủy Trung Ương: Phạm Thanh Ngân; Bộ Công an: Hoàng Ngọc Nhát; Bộ Ngoại Giao: Nguyễn Dy Niên; Bộ Lao Động: Nguyễn Thị Hằng; Bộ Nông Nghiệp: Lê Huy Ngọ; Tổng Cục 2-BQP: Nguyễn Chí Vịnh).

3- Vi phạm qui chế dân chủ trong nội bộ đảng, vi phạm điều lệ đảng CSVN (với việc tổ chức đơn vị đặc biệt nằm trong Tổng Cục 2 Bộ Quốc Phòng để theo dõi chính các Ủy viên Trung ương và Bộ Chính Trị, nhằm toàn mục đích cá nhân.

4- Coi thường qui chế tổ chức làm việc của Trung Ương và Bộ Chính Trị (qua báo cáo kết quả những chuyến công du, làm việc tại nước ngoài với Trung Ương). Trong khi đó, năng lực và ứng sử "văn hóa chính trị" kém, không xứng tầm một vị nguyên thủ quốc gia. (Dư luận rất phản đối bài phát biểu của Lê khả Phiêu trong buổi tiếp TT Mỹ Clinton, coi đây là sự yếu kém về trình độ của Phiêu vì đã "mời khách đến lại còn hất nước vào mặt" trong khi Bộ Chính Trị đã chỉ đạo chung là cố gắng "bình thường hóa" mọi hoạt động với Mỹ).

5- Có nhân cách, đời sống đạo đức không lành mạnh (có quan hệ "trên tình cảm" với một số nhân viên phục vụ).

Các tin tức tại Hà Nội nói rằng hiện uy tín của tổng bí thư Lê khả Phiêu đang xuống rất thấp và người ta thấy nhiều phần tương lai chính trị của Phiêu đã được định đoạt.

Đảng viên Hà Nội mánh mung nhập cảng rác độc hại đổ vào Hải Phòng

HẢI PHÒNG 14-2 .- Một số lượng rác độc hại hơn 5,000 tấn đã được các viên chức nhà nước mánh mung nhập cảng để đổ bỏ cho nước Nhật nhưng đã bị khám phá và buộc tái xuất.

Bản tin trên tờ *Lao Động* ngày 14-2-01 cho thấy một công ty có tên là "Công ty Vật Tư Vận Tải và Xếp Dỡ" trụ sở ở Hà Nội (11 Vương thừa Vũ, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội) ký với công ty Maruwa ở thành phố Osaka, Nhật Bản, để xuất cảng sang Việt Nam 5,035 tấn "sắt thép phế liệu." Tổng trị giá lô hàng là 553,850 đô la.

Tuy nhiên, trước khi cho giải tỏa, chi cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng Hải Phòng đã "giám định và khẳng định đây là lô sắt thép phế thải và rác công nghiệp, thậm chí có cả giẻ lau và đất cát, có mùi hôi thối..." Điều này cho thấy có những mờ ám trong việc nhập cảng chất độc kim loại từ Nhật Bản, nhưng không hiểu tại sao lại khai là kim loại phế thải (để khai thác sắt thép phế thải, nấu lại v.v..) và phải trả hơn nửa triệu mỹ kim.

Người ta ngờ rằng những kẻ nhập cảng rác dùng dịch vụ này để chuyển ngân lậu ra ngoại quốc cất dấu những đồng tiền tham nhũng. Tiền trả cho núi rác (thay vì được trả tiền) sẽ được ký thác ở ngân hàng ngoại quốc dưới một bí danh hay bí số nào đó cho quan chức của Đảng.

Ông Hà Sĩ Phu đòi chế độ Hà Nội hủy lệnh quản chế

ĐÀ LẠT 16-2.- "Tôi làm đơn kháng cáo việc quyết định quản chế hai năm đối với tôi là việc làm trái với

hiến pháp, trái với công lý, trái với thực tế trong vụ án của tôi."

Nhà văn Hà Sĩ Phu, tức tiến sĩ sinh học Nguyễn Xuân Tụ, người vừa bị chế độ CSVN hạ lệnh quản chế hai năm, viết như vậy trong phần kết luận của lá đơn kháng cáo gửi các cấp thẩm quyền cao nhất của chế độ đòi hủy lệnh này vì nó vi hiến trầm trọng.

Ngày 9-2-01, nhà cầm quyền tỉnh Lâm Đồng đã ký quyết định quản chế đối với hai ông Nguyễn Xuân Tụ và Mai Thái Lĩnh dù trước đó không bao lâu, hôm mùng 5 tháng Giêng 2001 đã có quyết định "đình chỉ vụ án, đình chỉ điều tra" và trả tự do cho hai ông sau khi đã khởi tố họ từ tháng Năm năm ngoái về tội "phản bội tổ quốc."

Sau lệnh truy tố Nguyễn Xuân Tụ và Mai Thái Lĩnh hồi năm ngoái, hàng loạt phản ứng trên khắp thế giới từ cộng đồng người Việt hải ngoại (nay được coi như khúc ruột nối dài, không còn là những kẻ có nợ máu), đến các tổ chức quốc tế, các vị đại diện dân cử của nhiều quốc gia, gửi về Hà Nội phản đối cách đối xử với hai người dân bị trù dập chỉ vì có quan điểm khác với chế độ.

Ông Nguyễn Xuân Tụ trình bày trong đơn kháng cáo cho thấy nhà nước không có cơ sở gì để kết tội ông "phản bội tổ quốc" nên đã phải trả tự do cho ông, nay không thể nào lại ra lệnh quản chế ông cũng như ông Mai Thái Lĩnh hai năm.

Bởi vì, ông lập luận, dựa trên các điều trong bộ Luật Hình Sự cũng như những công nhận quyền công dân ghi trong Hiến Pháp thì "Việc khẳng định phạm tội hay không là quyền của tòa án, luật pháp không cho ai qua mặt tòa án để quyết định một người phạm tội hay không phạm tội."

Đàng này, theo Hà Sĩ Phu, nhà nước lại dựa vào một cái nghị định vi hiến (Nghị định 31/CP) để bắt người hay quản chế bất cứ ai bao lâu mà không đưa ra tòa xét xử xem có tội hay không có tội, thì chế độ Hà Nội đã ngồi xổm lên bản Hiếp Pháp cũng như bộ Luật Hình Sự do chính họ nặn ra.

Trong lá đơn kháng cáo, ông Hà Sĩ Phu cho biết bao sự khổ ải, cả tinh thần cũng như vật chất mà ông cũng như gia đình ông phải chịu đựng suốt 6 năm qua với các lần tù đày, quản chế, tra vấn, tịch thu tài sản và vật kỷ niệm, lại còn bị báo nhà nước vu khống, đánh hội đồng, mà không được phép trả lời.

Năm 1996, tiến sĩ Nguyễn xuân Tụ đã nằm tù một năm vì bị qui vào tội "tiết lộ bí mật nhà nước" dù nhà nước không cho hay cái bí mật bị tiết lộ là cái gì. Năm đó, Hà Sĩ Phu và hai người khác bị bắt vì trong người có một bức thư của nguyên thủ tướng Võ văn Kiệt "đóng dấu tối mật" gửi các nhân vật thẩm quyền trong đảng nêu những điểm chính cho việc chuẩn bị đại hội đảng CSVN lúc đó.

Một phần ba trẻ con Việt Nam suy dinh dưỡng

HÀ NỘI 19-2.- Có đến một phần ba trẻ con Việt Nam bị chứng suy dinh dưỡng cho dù nước này là nước xuất cảng gạo nhiều đứng hàng thứ hai trên thế giới.

Đây là điều nghịch lý đáng ngạc nhiên được bà Carol Bellamy, Tổng Giám Đốc Quĩ Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc, nêu lên nhân đến Hà Nội tham dự một đại hội toàn quốc về trẻ em Việt Nam diễn ra trong các ngày từ 15 đến 17-2-01.

Trước khi rời Việt Nam hôm 17-2-01, bà Bellamy đã đưa ra nhận xét như trên và nói rằng điều đó là một trong những nguyên nhân nghiêm trọng ảnh hưởng đến đời sống cũng như tương lai của chúng.

Cũng vì sự thiếu dinh dưỡng của người mẹ đang mang bầu cùng thiếu thốn các phương tiện y tế, số trẻ con bị chết vào lúc sơ sinh chiếm đến 36.7 trong số 1,000 trẻ chào đời, nhất là các khu vực hẻo lánh xa xôi.

Các vùng quê có nhiều nguy cơ bịnh tật hơn vì thiếu nước sạch, cũng như người dân thiếu hiểu biết về vấn đề bệnh tật và giữ vệ sinh, chưa kể đến sự thiếu thốn các cơ sở và phương tiện y tế.

Trong năm 2000, CSVN đã cố gắng cho xuất cảng đến 3.8 triệu tấn gạo cho dù trong nước liên miên bị hạn hán lúc đầu năm và đến cuối năm có nhiều trận bão tàn phá ở miền Trung trong khi miền Nam nạn lụt gây ảnh hưởng toàn diện đến hơn 2 triệu người và 500,000 ngôi nhà bị phá hủy. Đại đa số các nạn nhân đã không được giúp đỡ để gượng lại sau thiên tai. Năm nay, chế độ CSVN vẫn muốn giữ việc xuất cảng gạo ở mức 4 triệu tấn hay nhiều hơn dù nhiều nơi trong nước dân chúng đói khổ, không đủ ăn.

Trước khi rời Việt Nam, bà Carol Bellamy còn nhận xét rằng, nhiều phụ nữ và trẻ em nước này còn bị buôn bán qua biên giới để làm điếm bên Cam Bốt, Trung Cộng và các nước khác, một hình thức nô lệ tình dục trong thời hiện đại.

Bà cho hay bà sẽ nói chuyện với nhà cầm quyền CSVN về sự nghịch lý giữa số trẻ em bị suy dinh dưỡng quá lớn trong khi nhà nước vẫn tìm đủ mọi cách xuất cảng gạo ra ngoại quốc lấy ngoại tệ cho chế độ.●

SỐNG TỬ TẾ VỚI NHAU

VƯƠNG HỮU BỘT

Lần đầu đến Praha tôi gặp một người lái taxi rất tử tế. Đêm khuya anh ta chở chúng tôi từ cư xá sinh viên về khách sạn, đi rất lâu không tới, chúng tôi lo lắng. Lúc đó xứ Tiệp Khắc đang thay đổi, nghe nói nhiều băng đảng trộm cướp và người Việt Nam lại bị ghét. Sau cả tiếng đồng hồ, phải ngừng lại hỏi đường, xe tới nơi anh tài xế chỉ nhận lấy số tiền đúng quãng đường mà anh đáng lẽ phải đi nếu không bị lạc. Từ đó, gặp người Tiệp là tôi sẵ n lòng tin tưởng và kính trọng.

Khi gặp một người lạ mà cảm thấy có thể tin tưởng, kính trọng, và nghĩ người đó chắc cũng tin mình, đó là một cảm giác rất dễ chịu. Gặp một người dù cả đời mình chỉ gặp một lần rồi thôi, nhưng vẫn có cảm giác như trên, thì thế giới này thật hạnh phúc, thế giới của những người tử tế. Các học giả bây giờ gọi lòng tín nhiệm tự nhiên đó là cái "Vốn chung của một xã hội" (Social Capital). Cái vốn đó rất cần, ngay trong chuyện phát triển kinh tế. Khi nhiều ngư ời lạ phải ký một hợp đồng (thí dụ cùng mua cổ phần, góp vốn vào một công ty,) nếu họ nghĩ có thể tin nhau thì không ai phải lo mướn ngay một "tay súng" hay một luật sư để đi kiểm soát người khác. Đỡ một khoản tiền tốn kém, đỡ phao phí. Mọi người cùng nghĩ như vậy thì số các tay súng và các luật sư trong xã hội ít đi, có nhiều người đi làm các việc khác như trồng hoa hay đánh đàn. Cả xã hội sẽ đẹp, sẽ vui hơn, nói theo lối kinh tế học là: tài nguyên được sử dụng có hiệu quả cao hơn! Có lần tôi nghe một người khoe: "Làng tôi chỉ có mỗi một cảnh sát viên!" Một người khác không chịu thua: "Làng tôi chả có ông cảnh sát nào mà cũng chẳng sao cả." Tôi nghĩ mục đích của mọi cố gắng xây dựng đất nước, xây dựng nhân loại, bằng tư tưởng hay hành động, là để tạo cơ duyên cho mọi người có thể sống tử tế với nhau. Tử tế là một cách sống rất đỡ tốn kém nữa! Liệu có một thế giới như vậy hay không?

CÂU CHUYỆN TRÊN XE LỬA

Mùa Xuân năm 1991 chúng tôi đi xe lửa từ Berlin xuống Praha, đến biên giới Đức - Tiệp thì phải quay về, vì thông hành không có chiếu khán. Khi xe lửa tới gần biên giới, hai người lính biên phòng Tiệp tới mỗi phòng để kiểm soát thông hành. Họ mở cái hộ chiếu ra coi, mang đi đâu một lúc mới quay lại, bảo tôi không được vào nước họ, phải quay về Berlin xin chiếu khán ở Sứ quán. Chính phủ Canada mới đổi thủ tục, bắt dân Tiệp Khắc phải có vizum mới được thăm Canada, cho nên chính phủ Tiệp trả đũa, tôi mải đi xa không biết. Tôi cầm lại cái giấy thông hành mà trong lòng buồn bực vì mình bất cẩn.

Xe lửa chạy dọc bờ sông Elbe cảnh trí rất đẹp mắt. Một bên là những làng xóm trên sườn núi, bên kia là dòng sông chảy êm đềm. Trong cuộc chiến tranh 30 năm (1618-48) thung lũng con sông này cũng đổi chủ nhiều lần, vẫn còn di tích.

Rồi những người lính Tiệp quay trở lại, bảo chúng tôi đưa hộ chiếu, cầm mang đi lần nữa. Mươi phút qua, họ quay lại với một người khác có vẻ là sĩ quan. Tôi hy vọng họ sẽ thông cảm cho, ngỏ lời xin lỗi đã không biết thủ tục mới. Nhưng viên sĩ quan chỉ lắc đầu bảo "nein, nein" (không được). Họ lại mang hộ chiếu của chúng tôi đi. Rồi mấy phút sau riêng anh sĩ quan quay lại, đưa trả giấy tờ. Sau đó có người đi qua ngó vô phòng chúng tôi ngồi một lần nữa cho chắc là không ai trốn, trước khi đưa chúng tôi xuống sân ga lẻ ở Bad Sandau.

Hôm sau, tôi đã về Berlin xin được chiếu khán rồi, qua Praha gặp các bạn người Việt Nam ở đó. Nghe kể chuyện chúng tôi tới biên giới bị đuổi về, mấy người bạn nói: Anh chị không biết cách đó thôi. "Cách nào?" "Đô la là xong. Họ đi qua đi lại lại mấy lần như thế là họ chờ anh chị đưa đô la đấy mà! Có đô la là xong hết." Nhưng, tôi bảo, lỡ họ bắt mình về tội hối lộ thì mang tiếng chết! Các bạn tôi nói không sao đâu, họ biết anh chị là người Việt họ sẽ vui vẻ cầm tiền ngay. Họ quen cầm tiền của đồng bào mình từ lâu rồi.

Chúng tôi quá ngây thơ không nghĩ đến điều đó. Giữa người Việt và công an biên

phòng Tiệp đã có một mối thông cảm không cần nói ra, một thứ "hợp đồng xã hội" người ở xa mới tới không biết. Sống ở Canada 15 năm trời chúng tôi không biết thứ thủ tục đầu tiên này. Có lúc bị cảnh sát lưu thông ở Montréal gọi phạt vì quẹo trái nơi cấm quẹo, nhà tôi đã năn nỉ nói rằng cần đến vườn trẻ đón con gấp quá, đang lo con đang khóc nên quên nhìn bảng ca 60m. Sau cùng cảnh sát chắc mủi lòng cũng tha. Nhưng chúng tôi chưa hối lộ cảnh sát bao giờ, cũng chẳng bao giờ nghĩ tới. Ngay hồi xưa ở Sài Gòn cũng vậy, thường bị phạt thì nhận ra ngay mình đã lái ẩu thật, ngậm ngùi nhận giấy phạt, đóng tiền phạt.

TẠI SAO DÂN KHÔNG HỐI LỘ

Đến bây giờ nhà tôi vẫn chưa quen hối lộ. Mấy lần đi về qua cửa khẩu Nội Bài hay Tân Sơn Nhất nhà tôi không bao giờ đặt 5 đô la vào giấy thông hành theo thủ tục đầu tiên của các Việt kiều. Có lẽ y phục nhà tôi tầm thường quá, không có vẻ nhà buôn, lại có cái tướng thản nhiên vô tội, nên không lần nào bị hải quan làm khó dễ cả. Nhưng phải nói rằng nhà tôi đã quyết định không hối lộ cũng vì lần đầu tiên trở về Việt Nam đã gặp mấy người tử tế. Trê n chuyến máy bay từ Hồng Kông về, nhà tôi và cô em bàn nhau có nên kẹp mấy đô la vô giấy thông hành hay không, và để vô bao nhiêu thì đúng giá. Hai bà bàn cãi sao mà có ba người Việt ngồi ở ghế sau nghe thấy. Một người, có vẻ cán bộ nhà nước đi đâu công tác về, nói với giọng giận dữ: "Các chị đừng cho chúng nó tiền, chỉ làm chúng nó hư thôi! Không việc gì phải cho cả!" Nhà tôi xin lỗi, và nghe theo lời khuyên đó, thấy qua hải quan mà mọi việc vẫn trôi chảy. Từ đó đi về Việt Nam mà không bao giờ hối lộ hải quan cả. Thế đấy, gặp mấy người tử tế tự nhiên mình cũng muốn sống tử tế cho xứng đáng, và thấy mình có thể ăn ở tử tế với mọi người, làm cho chính họ cũng tử tế. Chỉ có mấy lần nhà tôi đi về vùng xa bị bão lụt để làm việc phước thiện, có khi nhắm mắt dùng "phương tiện thiện xảo" cho nhanh!

Ở Canada được cái chúng tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện hối lộ. Khi bị cảnh sát lưu thông gọi lại để biên phạt, không bao giờ tôi nghĩ đến chuyện đưa anh ta vài chục đô la để mua sự bình an. Quả thật như thế. Nghĩ đến chuyện hối lộ không thôi đã là xúc phạm nhân viên công lực, mà còn xúc phạm đến danh dự cả một quốc gia nữa. Sống ở một xứ hàng chục năm là mình cũng muốn hãnh diện về xứ đó, không ai nỡ làm cho nó nhơ bẩn đi. Guồng máy luật pháp ở xứ này chắc chắn không hoàn hảo, nhưng sống trong đó mình cảm thấy an toàn. Vả lại, hình như lương tâm bảo mình không nên nghĩ đến chuyện hối lộ, làm việc đó nó ngượng lắm. Tính đem tiền mua rẻ tấm lòng lương thiện của người khác thì cũng như thú nhận với chính mình rằng mình cũng không phải là người lương thiện.

Nhưng chúng ta không thể giả thiết rằng ở Canada ít có hối lộ vì số người lương thiện ở đó đông hơn ở Tiệp hay ở Việt Nam. Chúng ta nên giả thiết rằng con người ở đâu cũng có tấm lòng lương hảo như nhau, và trong mỗi người cũng có những mầm mống bất thiện lớn ngang nhau, có cơ hội thì nó mọc lên.

Nhưng tại sao ở nhiều xứ coi hối lộ là chuyện bình thường còn ở xứ khác thì không? Đây là một vấn đề xã hội, chính trị, rất đáng suy nghĩ. Có thể giả thiết người ở Canada họ tính toán, thấy sống lương thiện thì có lợi hơn. Nói như vậy là giả thiết như trong môn kinh tế học, rằng phần lớn hành vi của con người là do suy tính lợi hại mà ra. Nói lợi, hại, không phải chỉ tính ra tiền bạc, mà còn về danh dự, phẩm giá, tự do, hạnh phúc, v.v. nữa.

Không phải ai cũng tính toán lợi hại khi cư xử ở đời, nhưng nếu chúng ta phân tích xã hội để tìm hiểu hành vi của rất nhiều người trong một thời gian lâu dài, đặt giả thiết như vậy là cách đỡ lầm nhất. Đỡ lạc quan tếu rồi phạm sai lầm. Trong giao thiệp cá nhân với nhau mình có thể, và nên giả thiết người bên cạnh mình là người tốt, để mình đối xử theo cách tốt nhất, cái thiện sẽ sinh ra cái thiện. Nhưng khi suy tính cho cả đám đông vô danh, về một bộ máy hành chánh, kinh tế, về cả một nước hay cả nhân loại, thì mình biết có lúc gặp người tốt, có lúc phải người xấu.

Giả thiết "con người kinh tế" này là một cách tính toán an toàn. Vì cứ cho là nếu trường hợp tồi tệ nhất có thể xảy ra (khi cái thiện vắng mặt và mọi người chỉ tính lợi hại,) thì mình nên xếp đặt cuộc sống chung như thế nào để dù gặp trường hợp tồi tệ nhất cũng giảm bớt được ảnh hưởng của những cái xấu đi. Thay vì giả thiết rằng cái gì cũng tốt đẹp cả, bất cứ ai trong guồng máy công an, hành chánh, bất cứ lúc nào cũng tốt cả, rồi tới lúc thấ y mình lầm thì lỡ hết cả, không cứu vãn được nữa. Có những sai lầm không thể sửa được, như một nhân vật của Lưu Quang Vũ

nói.

Giả thiết như vậy rồi, chúng ta có thể nói người Canada ít hối lộ cảnh sát vì họ biết nếu bị bắt về tội hối lộ sẽ bị thiệt hại gấp trăm gấp ngàn lần tiền phạt lái xe sai luật. Và họ cũng tính toán rằng bình thường họ hay gặp một người cảnh sát lương thiện hơn là gặp kẻ bất lương. Gặp người cảnh sát đàng hoàng, anh ta không những không nhận tiền mà sẽ tố cáo mình tội hối lộ, điều đó dễ xẩy ra lắm. Thử diễn tả bằng xác suất. Thí dụ, trước khi quyết định ho 0i lộ, người dân thấy cơ hội gặp một người cảnh sát thiện có xác suất là 90%, chỉ có 10% xác suất gặp một cảnh sát bất thiện. Như vậy thì cách an toàn nhất là đừng có thử hối lộ.

Nhưng tại sao người ta đoán các "xác suất thiện" thì cao mà bất thiện thì thấp như vậy? Chắc vì kinh nghiệm sống. Giả thiết phía các ông bà cảnh sát chắc họ cũng tính toán theo lối này. Đưa tay nhận tiền hối lộ mà bị đánh bẫy thì mất luôn cả nghề nghiệp. Ví thử ông cảnh sát nghĩ xác suất bị dân gài bẫy chỉ có 50% thôi. Tính coi, nếu nhận hối lộ vài chục đô la thì có 50% xác suất là mình có 20 đô la bỏ túi, còn 50% là mối nguy mất việc. Nhưng bị sa thải và bị tù là mất nguồn lợi tức ba chục ngàn một năm (và suốt đời không phải lo đi tìm việc.) Có thể tính các mối lợi đó cho cả đời, có trị giá tương đương, thí dụ là 300,000 đồng. Giả thử người cảnh sát dửng dưng với may rủi (risk neutral), tính "vọng lượng" (expected value) vẫn thấy lỗ lớn, mất 149,990 đô la (.5x20 - .5x300,000). Như vậy cầm vài chục đồng với mức rủi ro đó không đáng chút nào cả. Ngay cả khi xác suất bị gài bẫy chỉ có 10%, xác suất ăn hối lộ ngon lành là 90% thì cũng không nên ăn hối lộ vì vẫn lỗ (.1x300,000 - .9x20 = lỗ 29,982 đồng.) Đó là chưa kể tù tội, mất phẩm giá.

Cuối cùng, khi hai bên dân và cảnh sát đều tính toán lợi hại như thế, và họ đoán người chung quanh mình đều tính toán như thế, họ không nghĩ đến chuyện hối lộ và nhận hối lộ nữa. Dần dần thái độ này thành tập tục, tiêu chuẩn chung, coi như một thứ "hợp đồng xã hội." Nhờ thói quen đó, cả hai bên đều cảm thấy mình có giá trị hơn, tự trọng và kính trọng người khác hơn, cả xã hội đối xử với nhau tử tế hơn. Xây dựng xã hội với giả thiết con ngườ i có những hạt nhân bất thiện, phải đặt ra các biện pháp ngăn ngừa cái xấu, từ đó lại giúp cho mọi người sống chung mà tin tưởng vào tấm lòng lương thiện của nhau.

Phải nói rằng cách xếp đặt đời sống chung đã tạo ra tình trạng đó. Mọi hành động của nhân viên nhà nước đều bị luật pháp xử đoán chứ không xử lý nội bộ giữa các người có quyền với nhau. Các thứ quyền của nhân viên nhà nước và của người dân đều công bố rõ ràng và được kính trọng. Tin tức thông thoáng, minh bạch công khai chứ không bị khép kín. Ở một nước dân chủ tự do người ta thấy sống như vậy là tự nhiên, hợp lý, không ai phải giảng giải lý thuyết là tại sao mình nên sống như thế.

Trong khung cảnh đó mọi người dễ hành động theo lương tâm của mình, theo lời khuyên của các nhà đạo đức, các tôn giáo. Đặc biệt là ở các nước dân chủ tự do như Canada không mấy khi người ta dậy công dân giáo dục học ở trong trường, mà cũng không thấy chính phủ liên tục mở các chiến dịch bài trừ tham nhũng lớn lao như ở Việt Nam hoặc Trung Quốc. Chắc phải có cái gì khác biệt sâu xa trong cách họ xếp đặt cuộc sống chung khiến ở các nước này phong tục khác những nước kia. Xếp đặt cuộc sống chung tức là gồm cả hệ thống pháp luật, cách chọn người để lập ra chính phủ cai trị dân, đặt rõ vai trò của báo chí, của các hiệp hội, tôn giáo, tức là vai trò xã hội công dân khác với nhà nước. Một bên là xã hội mở, dân chủ, tự do, bên kia là xã hội độc tài đảng trị, và khép kín, khác nhau là ở chỗ đó. Trong chế độ dân chủ tự do chúng ta có cơ hội sống tử tế với nhau hơn, chính mình soi gương cũng thấy mình có giá trị hơn.

NHÀ NƯỚC CÓ VAI TRÒ NÀO?

Lâu lâu ở Nhật Bản, Canada hay ở Đức người ta cũng khám phá ra các vụ hối lộ khiến các viên chức phải ra tòa. Khi đó, thường người ta làm gì? Ở Quốc hội họ sẽ bàn nhau, tìm xem trong luật lệ và thủ tục hành chánh có cái gì sơ hở cần phải sửa lại hay không. Không thấy ai bàn đến chuyện bắt các công chức hay các đảng viên đảng cầm quyền phải phê bình kiểm thảo, hoặc dự các lớp giáo dục về đạo đức cách mạng hay "xây dựng con người mới" gì gì đó. Nhà nước mấy xứ đó không đóng vai trò giáo dục đạo lý, mà chỉ chú ý bảo vệ luật pháp. Vai trò của guồng máy tư pháp, hành chánh không phải là dậy người ta cái gì gọi là thiện. Thiện là tiêu chuẩn của xã hội do gia đình, nhà trường hoặc các tu sĩ phụ trách dậy dỗ, khuyến khích. Vậy đặt ra nhà nước để làm

việc gì? Vai trò chính của nhà nước là ngăn ngừa người ta bớt làm cái xấu, cái ác. Đó là một vai trò tiêu cực, nó đặt ra một khung cảnh luật pha´p để khi người dân tính toán lợi hại thì thấy làm đúng pháp luật có lợi hơn là làm bậy.

Có lẽ đây là một điểm khác biệt căn bản về thể chế chính trị. Ở các nước độc tài nhà nước muốn đóng vai trò tích cực hơn ở các nước tự do. Nhà nước vừa làm cảnh sát, vừa làm tu sĩ giảng đạo lý. Khi quý vị ở Việt Nam mà được công an hỏi thăm thì ông công an có khi đóng vai thầy giáo khuyên bảo mình nên "ăn ở văn minh," nên có ý thức giai cấp, có khi còn phê bình cả tổ tiên mình đã không có lập trường tốt nữa.

Đảng cầm quyền ở một nước độc tài giả thiết rằng họ được đặt vào địa vị sai bảo người khác là vì họ có thiên mạng lo "cải tạo", lo "giác ngộ" cán bộ và nhân dân. Họ cho rằng muốn giúp dân thì trước hết lo dậy cán bộ, công chức làm điều thiện, theo quan niệm họ nghĩ cái gì là thiện, thí dụ "tiến tới Chủ nghĩa Xã hội là thiện, đi ngược lại là xấu." Thời Mao Trạch Đông thì "chủ nghĩa xét lại" là xấu, có lúc gọi ông Đặng Tiểu Bình là "xét lại," Lâm Bưu là cộng sản chân chính, lúc khác ông lại nói Lâm Bưu là xét lại, Vương Hồng Văn mới là cách mạng chân chính, rồi sau Vương Hồng Văn cũng bị gọi là xét lại, Đặng Tiểu Bình mới tốt. Nhưng đó cũng chỉ là những nhầm lẫn của cá nhân mấy lãnh tụ. Điều đáng quan tâm là các chính phủ độc tài tin rằng chỉ cần làm "công tác tư tưởng," khi các cán bộ, công chức của họ thấm nhuần chủ nghĩa, học thuộc các cương lĩnh, chính sách, khẩu hiệu do ban Văn hóa, Tư tưởng đưa cho, thì yên tâm là guồng máy cai trị và cả xã hội sẽ tốt đẹp. Họ không nghĩ việc thiết định các luật lệ ngăn cản cái xấu có hiệu quả hơn là chỉ đi dậy dỗ cái tốt mà thôi.

Vì thế, mỗi lần nổ ra một vụ tham nhũng kinh khủng, những người lãnh đạo ở Bắc Kinh hay ở Hà Nội đều tự phê bình rằng công tác tư tưởng của họ chưa được thực hiện tốt. Họ biến một vấn đề luật pháp thành một vấn đề tư tưởng. Do đó, tạo cho cán bộ cũng như dân chúng thói quen coi vấn đề tư tưởng được giải quyết là đủ rồi. Khi nghĩ như vậy thì không thấy nhu cầu đặt ra các rào cản ngăn ngừa cái xấu là quan trọng. Phải nói đó là một thái độ rất lạc quan về tính thiện của con người. Nhưng họ thường chỉ áp dụng thái độ lạc quan đó cho các đảng viên, đảng viên càng cao cấp thì càng được tin tưởng có "tính bản thiện" cao hơn, quần chúng nhân dân cũng có tính thiện nhưng còn ít, cần phải được các đảng viên chỉ đạo. Và có ai không đồng ý với họ thì nói gì, làm gì cũng là do những động cơ xấu xa, như muốn lật đổ chính quyền của nhân dân hay là bị những thế lực thù địch xúi bẩy, v.v..

Bây giờ nếu hỏi tại sao tôi muốn sống trong một xứ dân chủ, tự do thì chắc tôi chỉ có thể trả lời rằng đó là cách xếp đặt cuộc sống chung khả dĩ giúp mọi người dễ sống tử tế với nhau nhất, so với các cách khác đã thử trên trái đất này. Tôi biết ở các xã hội theo bất cứ thể chế nào, dân chủ hay độc tài, cũng có nhiều người tử tế cả. Nhưng theo kinh nghiệm thì ở các nước tự do người ta dễ sống tử tế với nhau hơn. Từ lần đầu tiên coi cuốn phim ngắn của Trần Văn Thủy, *Truyện Tử Tế* trong đó một người sắp chết dặn bạn bè "Hãy làm cái gì cho tử tế," tôi vẫn nghĩ rằng cả nước mình nên theo lời dặn dò này. Phải tìm cách tạo một khung cảnh chung để dễ sống với nhau một cách tử tế hơn. Mà tôi thấy chế độ dân chủ tự do có khả năng đó cao hơn, với xác suất lớn hơn.

Muốn sống với một tấm lòng bình an, không những mỗi người cần tin rằng tâm mình vốn hướng thiện, chúng ta còn phải tin đa số người chung quanh cũng như vậy. Đối với mỗi cá nhân, niềm ao ước sống lương hảo giúp mình tiếp tục cố theo đuổi những lý tưởng, thực hiện các giá trị để chính mình cảm thấy bình an. Còn đối với nhân loại, chỉ có niềm tin hướng thiện mới giải thích được tại sao nhiều người đã cố tìm ra những lý thuyết, lập ra các tổ chức, đảng phái để mưu cầu hạnh phúc tập thể cho dân tộc, cho quốc gia mình, có khi còn mong "bình thiên hạ" nữa. Những lý thuyết chính trị đều nhằm điều chỉnh cái nghiệp chung, tạo cơ duyên trong xã hội cho điều thiện có thể thực hiện được, cho chúng ta sống tử tế với nhau hơn.

Nhưng tại sao nhiều nỗ lực tập thể được thí nghiệm trong thế kỷ vừa qua lại làm cho loài người thất vọng?

QUAN NIỆM NHẤT NGUYÊN

"Một trong những giả thiết thầm sâu nhất trong tư tưởng chính trị Phương Tây là lý thuyết cho rằng có một nguyên lý đơn thuần nào đó không những nó điều khiển các vì tinh tú mà còn quy định hành vi thích đáng cho tất

cả các sinh vật." Đó là nhận xét của Isaiah Berlin khi phân tích tư tưởng chính trị của Machiavelli, người mà theo ý ông đã làm "vỡ khối đá nền tảng" của một tin tưởng có từ thời thượng cổ Hy Lạp, từ thời Platon chẳng hạn.

Một điều nguy hiểm là khi đã tin rằng mình nắm được chân lý, và mọi hành động của phe đảng mình đều nhắm thực hiện chân lý đó, thì làm cái gì cũng được. Nếu bánh xe lịch sử lăn đi có làm chết hàng triệu người cũng không ngần ngại. Các ông Stalin và Mao Trạch Đông, Pol Pot chắc đều có tấm lòng nhiệt tín kiểu này.

Từ niềm tin đó mới sinh ra thái độ cương quyết "thế giới nhất định tiến tới Chủ nghĩa Xã hội, giống như mặt trời thế nào cũng mọc ở phương Đông" như ông Hồ Chí Minh đã viết trong cuốn tự thuật ký tên Trần Dân Tiên. Và các đảng Cộng Sản cũng dùng niềm tin đó để biện minh giữa các đảng viên với nhau về lý do tại sao họ phải giữ độc quyền cai trị. Nói vậy rồi, họ an tâm tự che giấu mình cái động cơ thực tế là cần chiếm độc quyền chính trị để bảo vệ tiền bạc, của cải, bây giờ và lâu dài, không những đời mình mà còn "củng cố" cả đời con đời cháu.

Chủ nghĩa Cộng Sản của ông Karl Marx bắt nguồn từ một quan niệm thuộc truyền thống "nhất nguyên" của Tây phương lời như Berlin diễn tả trên đây. Karl Marx đóng vai một nhà tiên tri khám phá ra chân lý tuyệt đối, rồi Lenin lập ra một tổ chức quốc tế để thể hiện và truyền bá chân lý đó. Những tín đồ lỗi lạc như Joseph Stalin, Nicholas Ceausescu, Mao Trạch Đông, Kim Nhật Thành, Fidel Castro, Pol Pot, mỗi người theo hoàn cảnh của mình, pha trộn chủ nghĩa đó với chút tín ngưỡng địa phương, tựu chung đều muốn thực hiện một niềm tin như thế cả. Và họ chăm chú đến việc truyền bá niềm tin của họ, nghĩ nếu ai cũng tin vào cái Thiện như quan niệm của họ thì thế giới sẽ tốt đẹp hơn, không lo đặt các rào cản ngăn ngừa cái bất thiện trong phe đảng mình.

Nhưng truyền thống "nhất nguyên" không nhất thiết tạo ra cái chết của hàng trăm triệu người khắp thế giới. Các tôn giáo thờ Thượng đế toàn tri toàn năng nhưng cũng không bao giờ chủ trương dùng một guồng máy nhà nước công an để trị dân - trừ khi tôn giáo bị chính trị hóa, hoặc chính trị bị biến thành tín ngưỡng. Vì tự căn bản các tôn giáo không chấp nhận dùng phương tiện ác để đạt tới cứu cánh thiện. Và ngay từ đầu, các tôn giáo đã vạch ra ranh giới tách biệt giữa niềm tin thiêng liêng và các tổ chức thế tục. Thiên Chúa và Cesar, nhà nước và giáo hội được phân biệt. Và các tôn giáo đều dậy người ta đức khiêm cung, đủ khiêm cung để không sa ngã vào lỗi lầm lớn nhất, là tưởng rằng có thể dùng trí khôn con người tìm ra một "giải pháp hoàn hảo" cho cõi thế gian này.

Những người cộng sản không khiêm tốn đi theo con đường như vậy. Chủ nghĩa Cộng Sản phát sinh từ phong trào tôn sùng lý trí ở Tây phương mấy thế kỷ trước đó. Khi khám phá ra Lý Trí, người ta đi tới niềm tin mù quáng vào khả năng của lý trí con người. Trên hết, họ tin sẽ, hoặc đã khám phá được nguyên lý tuyệt đối. Từ đó họ tin sẽ tìm ra giải pháp hoàn hảo cho nhân loại - chưa thấy giải pháp hoàn hảo chỉ vì "vấn đề kỹ thuật" mà thôi. Một trăm triệu ngươ i chết vì các "sự cố kỹ thuật," là cái giá họ sẵn sàng trả trên con đường tiến tới giải pháp hoàn hảo cho nhân loại. Người chết đã đành rồi, nhưng người sống cũng khó lòng sống tử tế với nhau, đó là chuyện chúng ta vẫn phải lo. Đảng Cộng Sản Việt Nam sắp họp Đại hội thứ Chín, và trong bản báo cáo chính trị họ vẫn đề cao độc quyền lãnh đạo của Đảng, chống phong trào đòi dân chủ hóa, đó là điều chúng ta vẫn phải quan tâm.

TIẾN TỚI CHỦ NGHĨA KIẾM LỢI

Trong một tài liệu đăng trên báo *Nhân Dân* ký tên Giáo sư Tiến sĩ Lê Hữu Nghĩa bàn về tính chất dân chủ của chế độ, ông chỉ cho các đảng viên tại sao Đảng chủ trương chỉ có một đảng độc quyền cai trị mà chế độ vẫn dân chủ. Ngay đoạn đầu bài Giáo sư Lê Hữu Nghĩa viết: "Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lê-nin dân chủ thuộc bản chất của Chủ nghĩa Xã hội." Nói như vậy thì ai nói cũng được.

Ông Nghĩa, giáo sư Phó giám đốc Học Viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, cốt ý bài bác chủ trương nói rằng nước Việt Nam phải tiến tới đa nguyên, đa đảng. Đó là điều mà những cựu đảng viên cao cấp như Tướng Trần Độ, các ông Phạm Quế Dương, Hoàng Minh Chính (cựu giám đốc của tiền thân cái học viện kể trên), và những nhà trí thức ngoài đảng như Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, v.v., đang kêu gọi.

Giáo sư Lê Hữu Nghĩa viết: *"Việt Nam không có sự cần thiết khách quan cho việc hình*

thành chế độ đa đảng đối lập, đa nguyên chính trị. Chỉ có một sự cần thiết thực sự là Đảng Cộng Sản Việt Nam là đảng duy nhất lãnh đạo xã hội đi theo con đường kết hợp độc lập dân tộc với Chủ nghĩa Xã hội."

Nói vậy chẳng khác gì Quan Toàn quyền Albert Sarraut ngày xưa, nói không cần bằng cớ mà cũng không cho ai cãi. Ông Toàn quyền có thể phán rằng nước Việt Nam không cần độc lập (theo kiểu văn chương uyên bác thì nói "không có sự cần thiết khách quan phải hình thành cái sự độc lập"). Người Việt Nam chỉ cần được nhà nước bảo hộ khai sáng cho nó kết hợp với nước Đại Pháp, thế thôi!

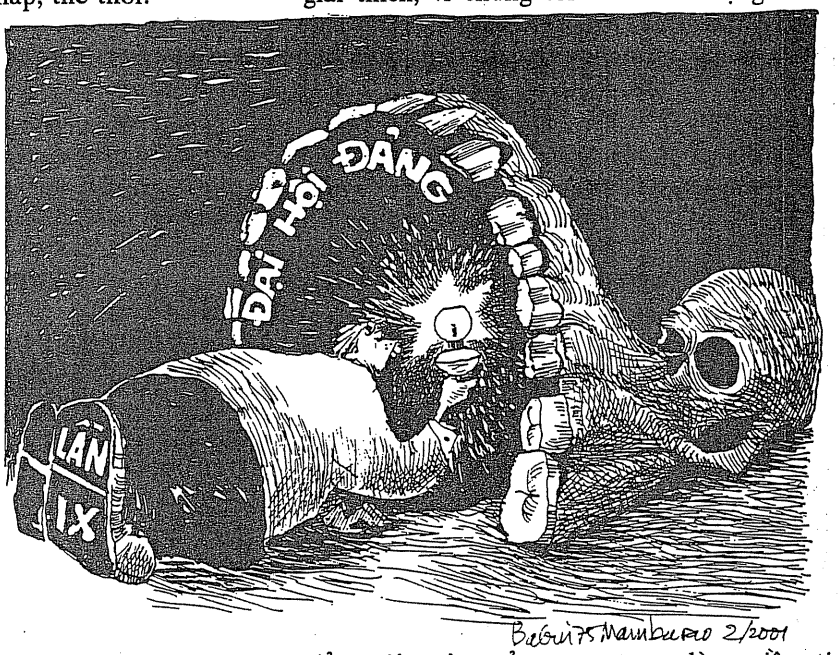

Trong cuốn sách mới của Nguyễn Minh Cần ông viết rằng đảng Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn từ ngoài đem vào. Tuy nhiên ông Cần nhấn mạnh đến cách tổ chức, đến phương tiện tiền bạc và khí giới, nhập cảng đủ thứ chính sách, tư tưởng, chiến lược, v.v.. Nhưng tất cả các phương tiện đó không ăn sâu, và không gây tai hại bằng niềm tin tưởng rằng qua chủ nghĩa Marx Lenin họ đang nắm được chân lý tuyệt đối và vĩnh cửu. Tính chất ngoại lai cao nhất chính là niềm tin tưởng rằng "lị ch sử loài người tất yếu sẽ tiến tới Chủ nghĩa Xã hội."

Chủ nghĩa cộng sản không tách riêng hai lãnh vực "ý thức hệ" (tức tín ngưỡng) với "cầm quyền" (tức chính trị) như các tôn giáo vẫn phân biệt "chính quyền" và "giáo hội." Cho nên chế độ độc quyền của đảng Cộng Sản gọi là "toàn trị," nó bao trùm tất cả các phạm vi, từ chuyện làm công an mật vụ tới chuyện sản xuất, phân phối, cho đến tín ngưỡng, nghệ thuật, văn chương, cái gì họ cũng đòi "lãnh đạo" hết.

Thực tế là chế độ độc quyền lãnh đạo đó rất phát tài. Chủ trương của họ không phải chỉ là "Dùng nhà nước để kinh doanh" (quốc doanh) mà thực sự là "Kinh doanh cái nhà nước để sinh lợi," coi guồng máy cai trị là phương tiện làm ăn cho một phe nhóm độc quyền khai thác rồi chia chác với nhau. Đó là nguyên nhân thầm kín của chủ trương "độc đảng mà vẫn dân chủ." Lý thuyết đó dùng để biện minh cho mục đích "kinh doanh nhà nước kiếm lời."

Nhưng vẫn cần phải giải thích tại sao chính cái chủ trương đó đã sai rồi. Nghĩa là dù có phép lạ biến tất cả các ông Phạm Huy Phước, Vũ Xuân Trường, Ngô Xuân Lộc, v.v. thành hiền nhân quân tử cả, thì chủ trương "độc đảng mà vẫn dân chủ" cũng vẫn là sai. Phải giải thích, vì chúng tôi vẫn kính trọng nhiều đảng viên cộng sản mang trong lòng niềm tin lý tưởng thực hiện một "xã hội công bằng, dân chủ, văn minh." Khẩu hiệu đó năm 2001 này mới có thêm hai chữ "Dân Chủ" chứng tỏ các quan trên đã thấy nhu cầu dân chủ ở ngay trong lòng các đảng viên.

ĐA ĐẢNG GIỐNG NHƯ MUA BẢO HIỂM

Giáo sư Lê Hữu Nghĩa mới viết trên báo *Nhân Dân* rằng: *"Không phải cứ đa đảng thì dân chủ, còn một đảng thì không dân chủ. Chế độ một đảng cũng có thể dân chủ ..."*

Tại sao khi chỉ có một đảng độc quyền cai trị dân, thì dân không thể nào sống dân chủ được? Để trả lời câu hỏi này trước hết chúng ta phải đồng ý với nhau "như thế nào thì bảo rằng một người có quyền làm chủ?" Giản dị nhất, khi càng được tự do lựa chọn cho chính mình thì mình càng được hưởng quyền làm

chủ. Làm chủ không có nghĩa tuyệt đối; ngay căn nhà mình làm chủ cũng phải xây cất theo luật thành phố, khi sử dụng cũng phải hợp với ý hàng xóm !

Dân Chủ nghĩa là người dân được tự do lựa chọn ai sẽ cai trị mình, ít nhất phải biết khi những vị đó nắm đầu mình họ sẽ theo các chính sách chủ trương như thế nào. Cụ thể như là họ sẽ tăng hay giảm thuế, cho dân tự do làm ăn hay dành quyền cho doanh nghiệp nhà nước, hoặc có thu tiền khi dân đi học hay vào bệnh viện hay không, v.v.. Tất cả những lý thuyết về Dân Chủ mà dân không có quyền so sánh, lựa chọn các người cai trị hay chính sách cai trị thì đều khả nghi cả. Giống như bà mẹ theo lý thuyết dân chủ tập trung bảo cô con gái: Mẹ cho con toàn quyền chọn một người chồng xứng đáng miễn là con lấy cậu này này. Nói như vậy chắc không phải là dân chủ. Bà mẹ Đảng có thể "đổi mới" cho con được lựa chọn nhiều hơn, nói "Con toàn quyền muốn lấy ai thì lấy, đây có ba cậu kỹ sư mới ra trường, Ba con đã bình nghị cả rồi, con cứ chọn đi!"

"Không phải cứ có đa đảng thì dân chủ." Nhận xét này rất đúng. Trước năm 1975 ở Hà Nội cũng đa đảng! Ngoài đảng Cộng Sản còn các đảng Xã Hội, đảng Dân Chủ, nhưng mỗi đảng đó đều có đảng viên cộng sản cài vào để "lãnh đạo" - ông Hoàng Minh Chính ngày xưa là đảng viên cộng sản nhưng được Đảng đưa qua làm tổng thư ký đảng Dân Chủ! Như vậy thì bề ngoài đa đảng nhưng bên trong vẫn là độc đảng! Miền Nam Việt Nam trước 1975 cũng có nhiều đảng trong Quốc hội, nhưng các ông tổng thống vẫn bị tố cáo là độc tài. Tuy nhiên khi người ta còn được tự do tố cáo, ở Quốc hội và trên báo chí như vậy tức là còn dân chủ hơn ở miền Bắc. Khi Giáo sư Lê Hữu Nghĩa viết "**không cứ** đa đảng thì dân chủ" điều đó cũng có nghĩa ông công nhận chế độ đa đảng vẫn **"có thể"** là một chế độ dân chủ. Chúng ta không nên coi dân chủ là một thước đo tuyệt đối giống như trắng khác với đen, mà nên hiểu có nhiều mức độ dân chủ khác nhau.

"Chế độ một đảng **cũng có thể dân chủ"**, nói như vậy càng đúng nữa. Nhưng chúng ta phải chú ý đến hai chữ "có thể." Có thể nghĩa là không chắc chắn. Trong toán học, hai chữ "có thể" được biểu thị bằng con số "xác suất." Ở Las Vegas mà nói "Hôm nay có thể mưa" thì người ta diễn tả bằng con số: "Hôm nay mưa với xác suất 5%." Còn ở Seattle thì khi nói "có thể," xác suất mưa lên đến 80%.

Hiểu biết khoa học ngày nay dựa trên toán xác suất, nhất là trong các môn khoa học xã hội, như kinh tế học, chính trị học. Vì chúng ta rất khó biết chắc chắn lúc nào người ta muốn mua, muốn bán cái gì, lúc nào nó theo ông Thiện lúc nào nó bị ông Ác dụ dỗ. Bài học đầu tiên của sinh viên kinh tế là "Phương pháp quyết định khi không biết chắc chắn tương lai ra sao." (Decision Making under Uncertainty.) Không ai biết tuần tới cổ phần hãng IBM sẽ lên hay xuống bao nhiêu. Không ai biết sang năm bên Ấn Độ hay Trung Quốc họ sẽ được mùa hay mất mùa, OPEC có tăng giá dầu hay không. Cũng không ai biết trong tháng tới liệu mình có bị cảm cúm hoặc bị đụng xe hay không.

Khi đứng trước tương lai bất định như vậy thì chúng ta phải làm gì? Đời xưa thì người ta cầu nguyện, bói toán. Bây giờ họ tính xác suất. Người ta sẽ chọn con đường nào tương đối an toàn hơn, nếu biết có một con đường với xác suất an toàn cao hơn. Và một cách nữa ai cũng biết, là mua bảo hiểm.

Bây giờ chúng ta đứng trước một lựa chọn là "độc đảng hay đa đảng?" Cứ coi cả hai đều có thể đưa tới đời sống dân chủ hoặc là kém dân chủ. Chúng ta nên chọn con đường nào?

Thử nhìn các chế độ độc đảng rồi so sánh với các chế độ đa đảng đã thử trên trái đất này. Trong những nước đã theo chế độ độc đảng thì có bao nhiêu nước dân được làm chủ - nghĩa là được tự do lựa chọn nhiều hơn? Thí dụ có 10%. Còn trong các nước đa đảng thì có bao nhiêu nước dân được quyền làm chủ, được tự do lựa chọn người cai trị hay chính sách cai trị? Chắc phải trên 50%. Nhìn vào hai con số đó, những xác suất ước tính dựa trên kinh nghiệm, chúng ta cũng thấy ngay thể chế nào có xác suất an toàn tương đối cao hơn.

Nhưng không cần vin vào kinh nghiệm lịch sử, chỉ cần suy nghĩ thuần lý cũng thấy chế độ đa đảng an toàn hơn. Vì trong một xã hội đa nguyên đa đảng người ta cũng có tự do báo chí, tự do lập hội lập đảng, xã hội công dân được phát triển, và có bầu cử tự do. Chọn những thứ dân chủ hình thức mà người Mác xít vẫn coi thường đó, cũng giống như người lái xe mua bảo hiểm. Trong một chế độ đa đảng, nếu đảng cầm quyền thiếu dân chủ và thực hiện các chính sá ch hại dân thì có những đảng khác tố cáo cho dân biết, có báo chí nói cho dân nghe. Nhờ thế khi dân thấy cần họ sẽ

thay đổi chính phủ trong kỳ bầu cử sắp tới. Cũng giống như người lái xe không biết mình ngày nào bị đụng xe, nhưng nếu có bảo hiểm thì bị đụng chắc sẽ đỡ tốn tiền sửa, nhờ thế lái xe mà an tâm. Chấp nhận một chế độ độc đảng cũng giống như lái xe mà không có bảo hiểm vậy. Nếu may mắn được những người vừa lương thiện vừa sáng suốt thông minh cai trị thì dân có phận nhờ. Nếu chẳng may gặp toàn một lũ tham nhũng, bất lực thì chỉ có cách chờ cho họ tự động biến đi hết mới thoát. Mà chờ cho đến bao giờ?

Thể chế đa đảng là một thứ bảo hiểm. Ví thử hai chế độ đa đảng và độc đảng cùng có xác suất dân chủ bằng nhau, nhưng một bên có bảo hiểm và bên kia không có, mình nên chọn bên nào?

Trong bài của Giáo sư Lê Hữu Nghĩa ông cũng nghĩ đến vấn đề bảo hiểm, nên dành một trang để trả lời câu hỏi: "Làm gì để bảo đảm và phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền?" Ba thứ bảo đảm mà ông nêu ra là:

1) Xây dựng Đảng Cộng Sản thật trong sạch, vững mạnh, thật sự vì lợi ích của nhân dân...

2) Xây dựng nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, thực sự của dân, do dân, vì dân...

3) Phát huy đầy đủ vai trò Mặt trận Tổ quốc...

Nếu làm được đúng ba điều trên thì hy vọng dân Việt Nam sẽ được ăn cái bánh dân chủ. Nhưng phải đặt câu hỏi: Đảng Cộng Sản có từ thời ông Lê nin ở nước Nga, lúc đó họ có biết những "bảo đảm" mà Giáo sư Lê Hữu Nghĩa mới nói hay không? Chắc chắn là họ biết. Vậy tại sao ở Nga người ta phải vứt bỏ chế độ độc đảng để dân chủ hóa nước họ, bây giờ trong cuộc bầu cử có hai ba đảng lớn, có cả mấy đảng cộng sản nữa? Chỉ vì họ thấy cả ba điều kiện nêu trên nó lý tưởng quá. Những thứ "thực sự trong sạch, thực sự vì dân," v.v. đó chắc không bao giờ thực hiện được. Dù lúc đầu cố thực hiện thì vì tự trong đảng đã không dân chủ, lâu ngày nó cũng hư. Sau khi nó hư rồi thì khó lòng xóa đi làm lại. Vì thế cái bánh dân chủ vẫn chỉ là bánh vẽ. Ở Việt Nam đảng Cộng Sản cũng đã cai trị 50 năm rồi, tại sao bây giờ vẫn còn phải nêu ba điều ước cao quý đó ra? Hơn 50 năm không làm được, liệu trong tương lai có làm được hay không? Nêu những ước mong như vậy xong rồi yên tâm cầu nguyện cho nó thành sự thật thì không phải là mua bảo hiểm, đúng ra là đi đánh bạc, là chơi trò may rủi.

Giả dụ dân Nga họ ngu hơn dân mình, đảng Cộng Sản Việt Nam "có thể" làm được cả ba điều mà đảng Cộng Sản Nga không làm được. Và ví thử đảng Cộng Sản Việt Nam bây giờ toàn những người thông minh sáng suốt và lương thiện hơn thời các ông Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, v.v. liệu họ "có thể" thực hiện được ba điều mơ ước trên hay không? Nếu trả lời "có thể" thì "có thể" với xác suất là bao nhiêu? Được 99% chắn chắn? 80%? 40%? Hay 10%? Đu 161ng như đánh bạc vậy. Có thể thắng lớn lắm. Nhưng cũng có thể thua cháy túi! Liệu có nên đem tương lai cả một dân tộc đánh cá vào một trò may rủi như vậy hay không? Những người có lương tâm và suy nghĩ thành thật, giản dị, có thể nói chuyện với nhau mà không hô một khẩu hiệu mầu mè hay dọa nạt ai cả, không nhất thiết bênh ai mà cũng không chống ai hết, chúng ta biết không nên đem tương lai con cháu ra đánh bạc. Cho nên, vẫn nên thực hiện một chế độ đa đảng để dễ bảo đảm dâ n chủ hơn.

CÓ ĐA NGUYÊN MỚI DÂN CHỦ

Các lý thuyết về chính trị khác nhau chỉ vì cách họ trả lời một câu hỏi chính, là "Tại sao người này phải làm theo lệnh của người kia?" Đó là lối Isaiah Berlin đặt vấn đề. Ông không hỏi tại sao người ta vâng lệnh (đó là đề tài tâm lý, xã hội học), mà hỏi tại sao PHẢI tuân lệnh (lý thuyết chính trị học). Và càng ngày chúng ta càng có thêm nhiều cách trả lời. Liệu có một câu trả lời duy nhất, vì nó đúng nhất, hợp lý nhất, được các nhà toán học, các triết gia đ ồng ý, cho đến các vị đại tôn sư của các tôn giáo cũng đều công nhận hay không? Điều này chắc khó đạt được. Loài người đã đủ trưởng thành để biết rằng chúng ta phải chấp nhận sống trong một thế giới rất tương đối, được cái nọ thì mất cái kia.

Đi tìm một giải pháp tối hảo, cho tất cả đồng ý, là một ảo tưởng. Berlin đưa thí dụ có hai thứ mà chúng ta ai cũng coi là giá trị: Tự Do và Bình Đẳng. "Nhưng khi chó sói được tự do hoàn toàn thì các con cừu sẽ chết; tự do hoàn toàn cho những kẻ mạnh, những kẻ có năng khiếu trời ban thì không thể đi đôi với quyền được sống một cuộc đời xứng đáng của những kẻ yếu và thiếu tài năng." Một khám phá của Berlin là thấy Machiavelli đã vô tình đặt Tây phương trước một sự thật mà trước đó

chưa ai nêu ra: một nhà lãnh đạo chính trị cũng như các công dân một xứ phải theo đuổi hai thứ giá trị, lý tưởng không nhất thiết lúc nào cũng tương hợp với nhau. Một bên là bổn phận làm cho đất nước của họ sống trong trật tự và nhờ thế sẽ thịnh vượng, bên kia đức từ bi của tôn giáo - vào đầu thế kỷ 16 ở Florence thì đó là các đức hạnh mà Phúc Âm đề cao. Làm chính trị người ta phải dùng thủ đoạn, có lúc phải tàn nhẫn, trong khi các tín đồ thì lúc nào cũng phải thành thật, tha thứ, khoan hồng. Machiavelli thấy đành phải chấp nhận cả hai thứ lý tưởng không tương hợp đó.

Xếp đặt xã hội cách nào cũng phải đoán trước để biết trong cách sắp đặt đó mọi người sẽ phản ứng, hành động ra sao. Trong nhà tu thì người ta được động viên bằng đức tin, cầu nguyện. Trong nhà tù, trại lính thì họ dùng mối đe dọa trừng phạt. Còn trong thị trường thì người ta được tác động bằng các suy tính lợi hại. Một xã hội thường dùng cả ba lối tác động đó, miễn sao người được tác động có quyền tự do lựa chọn.

Chỉ khi nào xã hội loài người được tổ chức như tu viện, trong đó mọi người đều là các tu sĩ đức hạnh vẹn toàn, thì chúng ta mới giải quyết được mối mâu thuẫn trên. Nếu không chấp nhận thân phận bất toàn của con người, cứ nhất định bắt một dân tộc sống như trong tu viện (thật sự là bắt họ sống như trong trại lính), thì cuối cùng từ trên xuống dưới sẽ phải sống giả dối, lừa bịp lẫn nhau - theo lối ở trên thì làm bộ trả lương, bên dưới giả vờ la 41m việc. Làm như vậy sẽ không đạt được một lý tưởng nào cả. Không những đất nước chẳng được tự do, phồn vinh, hạnh phúc, mà ngay đến đạo lý cá nhân trong đời sống hàng ngày cũng suy đồi không biết làm sao cứu vãn. Người ta không thể sống tử tế với nhau trong một khung cảnh như vậy. Chúng ta đành phải chấp nhận rằng, khi loài người sống chung thành xã hội bên ngoài các tu viện, thì có những lý tưởng, mặc dù đều có giá trị, đều đáng theo đuổi hết, nhưng không nhất thiết lúc nào cũng phù hợp với nhau. Nếu trong xã hội có nhiều người muốn theo đuổi một lý tưởng đến cùng, thí dụ Tự Do, trong khi những người khác theo đuổi lý tưởng Bình Đẳng cũng nhiệt thành không kém, mà hai lý tưởng đó có những lúc không thể thực hiện được cả hai, thì chúng ta phải làm sao? Những người có một tâm hồn trong trắng như trẻ thơ sẽ đề nghị đưa bàn tay ra "Oẳn tù tì" coi ai thắng ai thua, hay là gieo một đồng xu coi sấp hay ngửa, rồi kết quả ra sao mình đành chịu!

Đó chính là giải pháp tốt nhất. Hai em bé tranh giành nhau rồi giải quyết bằng cách "oẳn tù tì ra cái gì ra cái này," các em phải có một tâm hồn trong trắng và coi nhau ngang hàng. Đó là thái độ chấp nhận mọi người được theo đuổi các mục đích khác mình nhưng có giá trị như mục đích mà mình theo đuổi. Chấp nhận luật chơi có may rủi trong đời, mà nếu mình thua cũng tôn trọng kết quả cuộc chơi. Đó là căn bản của một xã hội gọi là "đa nguyên."

Đa nguyên là một hiện tượng mới mẻ ở Tây phương. Ở Á Đông, tinh thần Khoan Dung thực đã được thể hiện từ ngàn năm trước. Khi người Việt Nam nói "tam giáo đồng nguyên" thì chúng ta biết mình chấp nhận có tứ giáo, ngũ giáo cũng được, miễn là Dung lẫn nhau, không tìm cách tiêu diệt nhau.

Nhưng tại sao có nhiều người vẫn cứ nói rằng tư tưởng "đa nguyên" là sản phẩm của Tây phương họ muốn áp đặt lên phương Đông? Lớn tiếng tố cáo chắc tại vì họ lo mất phần ăn. Họ đang chiếm độc quyền chính trị, kinh tế, độc quyền đủ thứ, đa nguyên hay đa cái gì họ cũng lo mất phần cả.

Nhưng chúng ta phải công nhận Tây phương đã đóng góp vào truyền thống tinh thần đa nguyên của nhân loại. Đóng góp của Tây phương là người ta "định chế hóa" các xã hội đa nguyên, là điều mà phía Đông chưa làm. Ở Á đông tinh thần đa nguyên do lòng dân bảo vệ chứ không phải được các định chế bảo đảm. Trong lịch sử Á đông có nhiều thời kỳ các chính quyền muốn áp đặt một quốc giáo, muốn hủy bỏ các tông giáo khác, chính sách đó thất bại vì dân chúng p hản đối. Một cách thụ động hay có khi nổi loạn, dân Á đông đã bảo vệ tinh thần đa nguyên.

Chế độ dân chủ, tự do, một sản phẩm bắt đầu ở phương Tây, là thứ "giấy bảo hiểm" để chúng ta yên tâm rằng các lý tưởng tốt đẹp nhưng bất tương hợp của loài người đều có thể được tôn trọng ngang nhau. Chỉ trong một xã hội tự do, với một xã hội công dân phát triển thì các lý tưởng, lập trường, cho đến các quan niệm thẩm mỹ, các chương trình kinh tế, xã hội khác biệt nhau mới có cơ hội đồng đều để trình bầy và được biện hộ trước công chúng cho họ lựa chọn. Vì chế độ dân chủ tự do có những thủ tục để người ta giải quyết các ý kiến xung khắc mà không cần bỏ tù hay giết người đối lập với mình. Thí dụ báo chí tự do,

hội họp tự do, bầu cử tự do. Thể chế dân chủ chỉ là những luật chơi, không khác gì trò "oẳn tù tì." Trong phạm vi các luật chơi đó chúng ta sẽ quyết định mình sống theo các lý tưởng, các giá trị thế nào. Trong khi đó biết những lý tưởng khác nhau có thể sống chung mà không ai phải dùng cùm xích người khác để cải tạo nhau. Làm như vậy hạ phẩm giá cái anh đi cùm xích người ta chứ không phải làm cho người bị cùm mất phẩm giá. Giống như nhà văn Doãn Quốc Sĩ trả lời anh công an chấp pháp, "Anh phải còng tay tôi mang đến đây để hỏi ai đúng ai sai thì thấy rõ là anh sai rồi."

CÓ THỂ ĂN Ở TỬ TẾ VỚI NHAU

Doãn Quốc Sĩ là người ôn nhu hòa nhã, ông không đặt một câu hỏi như vậy để gây tổn thương cho người khác. Trong một xã hội tử tế chắc không ai phải hỏi nhau tại sao đi còng tay người ta để chứng tỏ mình có lý hơn. Anh công an chấp pháp phải đóng vai như vậy cũng thật tội nghiệp. Trong một hoàn cảnh khác chắc chắn anh vẫn là người có tư cách tử tế đáng kính trọng. Liệu chúng ta có cách nào để ăn ở tử tế với nhau hơn hay không?

Ở đây chúng tôi không bàn chuyện đức hạnh mỗi cá nhân, đạo đức thường do tình cảm con người nuôi dưỡng. Vấn đề cần bàn là các định chế xã hội như thế nào thì giúp các cá nhân dễ sống lương hảo hơn.

Trong đời sống riêng mình, khi nghe một người thân nói rằng mình không tử tế thì chúng ta có thể tự sám hối coi mình đã ăn ở ra sao để gây ra nỗi phiền não cho người mình yêu quý. Có thể thấy nguyên nhân từ những lời nói, những hành vi của mình, thấy rồi thì thay đổi. Mình tạo nghiệp cho nhau, mình phải tự thay đổi. Nhưng trong một xã hội thì chúng ta không thể cứ vô ý làm chết hàng triệu người, gây nỗi oan khuất cho hàng triệu người, làm hàng triệu người khác bị đói, rồi cứ tiếp tục hứa hẹn nếu còn sai lầm sẽ lại sửa sai! Làm như vậy là không đủ. Vì cái nghiệp chung của tất cả mọi người nó đòi hỏi thay đổi mối tương quan trong cuộc sống chung, cách xếp đặt, tổ chức cả xã hội. Chỉ lo thay đổi hành vi, tư tưởng một nhóm người thì không đủ, dù mỗi cá nhân đó đều hướng thiện cả. Giải thoát Cộng nghiệp không phải chỉ cần chuyển hóa từng Tư nghiệp một, mà còn cần thay đổi cách mọi người sống chung với nhau, như thể chế chính trị, hệ thống pháp luật. Ngay trong các tu viện người ta cũng không phải chỉ lo cầu nguyện, sám hối mà còn phải đặt ra các giới luật nghiêm chỉnh ràng buộc mọi người.

Nhân loại sẽ tiếp tục đứng trước những lý tưởng không phải bao giờ cũng tương hợp, như Tự do và Bình đẳng. Điều may mắn là những giá trị đó không có tính tuyệt đối, nghĩa là mỗi thứ có thể được đo lường nhiều hơn một chút hay ít đi một chút. Có thể nào tìm một cách pha chế hoàn hảo, thí dụ, 50% Tự do và 50% Bình đẳng, hay không? Chắc không có công thức nào toàn hảo cho mọi nơi, bất cứ lúc nào. Có những lúc xã hội cần tăng thêm Bình đẳng, giảm bớt tự do, vì lòng bất nhẫn trước cảnh chênh lệch giầu nghèo. Không những thế, các cuộc nghiên cứu kinh tế cho thấy ở các xứ càng ít chênh lệch thì kinh tế càng phát triển cao. Nhưng cũng có lúc cần Tự do hơn một chút, bớt Bình đẳng đi một chút, nếu không thì kinh tế trì trệ vì nhiều người ỷ lại. Khi kinh tế xuống đến mức ai cũng lo đói thì cũng khó giữ được sự bình đẳng giữa các con cừu với nhau, nhiều con cừu cũng biến thành chó sói.

Trong một chế độ dân chủ, mọi người quyết định chọn cách pha chế cho từng giai đoạn. Khi 51% số phiếu bầu cho "Đảng Tự Do" thì cả nước nghiêng về phía Tự do. Đến lúc khác hơn 50% bầu cho "Đảng Bình Đẳng" thì cả nước đều chấp nhận, giống như trẻ em "oẳn tù tì" vậy! Có lẽ đó là cách xếp đặt xã hội giản dị giúp chúng ta dễ sống tử tế với nhau mà không ai phải lên lớp, dậy bảo ai cả.

Tự do và Bình đẳng chỉ là một thí dụ về các lý tưởng có lúc không tương hợp; trong đời sống còn nhiều lý tưởng khác cũng có khi xung khắc. Ai sẽ quyết định lúc nào thì pha chế xã hội theo công thức nào? Nói cách khác, ai thay mặt tất cả mọi người để lựa chọn? Đó là vấn đề thể chế chính trị. Chúng ta nên dành quyền cho một lớp người ưu tú làm công việc lựa chọn đó, hay để cho tất cả mọi người cùng có cơ hội lựa chọn như nhau?

Lựa chọn thể chế chính trị cũng là trả lời cho câu hỏi: Cách xếp đặt xã hội như thế nào thì chúng ta, người Việt Nam với nhau, có thể sống tử tế với nhau hơn? Bao nhiêu người đã chết đi trong nửa thế kỷ qua chỉ vì mong dân tộc mình được sống tử tế, đây là một vấn đề không nên quyết định liều lĩnh. Xây dựng xã hội công dân, tôn trọng tinh thần đa nguyên và chế độ đa đảng, là cách tập cho chúng ta có thể sống tử tế với nhau, cách đó coi bộ an toàn hơn cả.

NGUYÊN NHÂN CUỘC NỔI DẬY CỦA ĐỒNG BÀO THƯỢNG CAO NGUYÊN

Phỏng vấn ông NGUYỄN VĂN NGHIÊM
KICON *thực hiện*

Tuần qua, mấy ngàn đồng bào thiểu số thuộc các sắc tộc Jarai, Édé và Bana đã nổi dậy đập phá cơ sở đảng và nhà nước của thành phố và các huyện tại hai tỉnh Đắc Lắc và Gia Lai ở Cao nguyên Trung phần. Công an địa phương bị bắt làm con tin và chỉ được thả khi hai người thiểu số bị bắt giữ được trả tự do. Bộ đội và trực thăng đã được phái tới vãn hồi trật tự, rồi giới nghiêm được ban bố trong suốt sáu tỉnh miền Trung. Tháng Tám năm ngoái, mấy trăm đồng bào sắc dân Édé nổi loạn và tấn công một đồn công an tại Đắc Lắc.

Trước biến cố này, Kicon được ông Nguyễn Văn Nghiêm dành cho cuộc phỏng vấn đặc biệt về những vấn đề liên quan đến đồng bào Thượng Cao Nguyên.

Ông Nguyễn Văn Nghiêm năm nay 72 tuổi, hiện cư ngụ tại thành phố Fulleton thuộc miền Nam bang California. Thời chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, ông từng giữ các chức vụ quan trọng như Trưởng phòng 5 đặc trách Thượng Vụ của Sư đoàn 23 từ năm 60 đến 63; Trưởng phòng Thượng Vụ Quân đoàn 2 từ năm 63 đến 64; Giám đốc Nha công tác Phủ Đặc ủy Thượng Vụ, Phó tổng giám đốc Tổng nha công tác Bộ Phát triển Sắc tộc và Tổng thanh tra Bộ Phát triển Sắc tộc từ năm 66 đến 70; Phụ tá Tư lệnh Sư đoàn 2 Đặc trách Bình định và Phát triển của hai tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Tín từ năm 71 đến 75.

Sau đây là nguyên văn cuộc phỏng vấn do biên tập viên Đinh Quang Anh Thái thực hiện.

*

Kicon: Gần đây tại một số tỉnh ở Cao Nguyên đã xảy ra những cuộc biểu tình của đồng bào Thượng chống lại Nhà Nước Cộng Sản. Xin ông cho biết nhận định của ông về vấn đề này.

Ông **Nguyễn Văn Nghiêm**: Tin tức do các cơ quan truyền thông loan truyền từ nhiều năm nay cho biết sự bất mãn của đồng bào Thượng ở Cao Nguyên đối với chính quyền Việt Nam đã âm ỉ từ lâu. Khoảng năm 1995, một nhà nhân học ở Âu Châu sau khi đi du lịch ở Việt Nam về đã tiên đoán rằng sự chống đối của đồng bào Thượng đối với chính quyền có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Người Việt có câu "Tức nước thì vỡ bờ," hay "Con giun xéo lắm nó cũng phải quằn lên." Do đó việc đồng bào Thượng phải biểu tình để nói lên những nguyện vọng chính đáng của mình, theo tôi, chỉ là việc đương nhiên mà thôi.

1. Tình hình căng thẳng này bắt đầu từ nguyên nhân nào?

Có nhiều nguyên nhân xa và gần.

Nguyên nhân xa thuộc về chính trị, có liên quan đến đường lối chính trị của Đảng Cộng Sản đối với các sắc tộc thiểu số Việt Nam nói chung và đối với đồng bào Thượng trên Cao Nguyên miền Nam nói riêng. Để lấy lòng người Thượng miền Bắc và người Thượng miền Nam hầu có thể dùng tài nguyên nhân vật lực của đồng bào Thượng trong cuộc chiến tranh với miền Nam, Đảng Cộng Sản đã thi hành một chính sách tự trị cho các sắc tộc thiểu số.

Vào tháng Giêng, 1955, trong một buổi lễ gồm 600 đại biểu thuộc tất cả các sắc tộc trên toàn cõi Việt Nam, Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố chính sách này và cho biết sẽ thành lập những Khu Tự Trị cho đồng bào thiểu số.

Ngày 29 - 4 - 1955, Khu Tự Trị Thái-Mèo được thành lập đầu tiên. Khu này gồm các tỉnh Lai Châu, Sơn La nên còn gọi là Khu Tự Trị Tây Bắc. Tại đây có nhiều sắc tộc thiểu số nhưng hai sắc tộc Thái và Mèo (còn gọi là Hmông) có số dân đông đảo nhất, vì vậy tên

của hai sắc tộc ấy đã được dùng để đặt tên cho Khu Tự Trị. Hiện nay dân số người Thái ở nước ta là trên một triệu người, còn người Mèo, nay gọi là Mông hay Hmông, tên tự gọi của họ có nghĩa là "Tự Do," thì có khoảng 600 ngàn người. Tháng 5, 1955, Uỷ Ban lãnh đạo Khu Tự Trị Thái-Mèo ra mắt gồm 23 ủy viên, trong số đó chỉ có hai uỷ viên là sắc tộc Kinh đa số, còn 21 uỷ viên khác là người thuộc các sắc tộc thiểu số ở trong vùng.

Ngày 10 - 8 - 1956, Khu Tự Trị thứ hai được thành lập có tên là Khu Tự Trị Tày-Nùng. Cũng như Khu Tự Trị Thái-Mèo, ở đây cũng có nhiều sắc tộc thiểu số sinh sống, nhưng hai sắc tộc Tày và Nùng là hai sắc tộc có dân số đông đảo nhất. Hiện nay dân số của đồng bào Tày ở Việt Nam là khoảng 1.2 triệu, còn dân số của đồng bào Nùng thì trên 700 ngàn người. Khu này gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Thái, và Lạng Sơn nên cũng còn có tên chính thức là Khu Tự Trị Việt Bắc. Uỷ Ban lãnh đạo Khu Tự Trị này có tới 72 uỷ viên, đứng đầu là tướng Chu Văn Tấn, sắc tộc Nùng.

Tháng 3, 1957, thành lập thêm một Khu Tự Trị thứ ba, có tên là Khu Tự Trị Lào-Hà-Yên, gồm ba tỉnh Lào Kay, Hà Giang, và Yên Bái. Đến tháng 3, 1959, Khu Tự Trị này bị âm thầm dẹp bỏ, không rõ lý do.

Năm 1954, theo Hiệp Định Genève, chính phủ Hà Nội phải rút hết quân đội về Bắc vỹ tuyến 17. Họ đã mang theo được khoảng sáu ngàn người thuộc các sắc tộc thiểu số miền nam tập kết ra Bắc. Phần lớn là quân nhân và gia đình của họ. Những người này đã được huấn luyện để đến năm 1959, 1960 lại được cho xâm nhập trở lại Cao Nguyên miền Nam từng toán một theo đường mòn Hồ Chí Minh để tuyên truyền lôi kéo đồng bào Thượng đi theo họ chống lại chính phủ miền Nam ở Sài Gòn.

Ngày 20 12 - 1960, Đảng Cộng Sản cho thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Trong chương trình hành động của Mặt Trận có ghi là bảo đảm quyền tự trị của các dân tộc ít người. Thành lập các Khu Tự Trị ở những vùng có các dân tộc ít người sinh sống. Mọi dân tộc đều có quyền sử dụng và phát triển ngôn ngữ, chữ viết, có quyền duy trì hay thay đổi phong tục, tập quán... Đến ngày 19 - 5 - 1961, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cho thành lập Uỷ Ban Dân Tộc Tự Trị Tây Nguyên, sau này là tổ chức Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị. Trong Hội Nghị của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam từ ngày 16, tháng 2, đến ngày 3 - 3 - 1962, Y Bhi Aleo, một người thuộc sắc tộc Rhadé (cũng gọi là Ê đê) ở Ban Mê Thuột, trước là một đoàn viên tích cực trong Phong Trào BaJaRaKa, 1957, chống chính phủ Ngô Đình Diệm, đã bỏ làng đi theo Cộng Sản vào đầu năm 1961, được bầu làm Chủ Tịch Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị. BaJaRaKa là tên gọi tắt của bốn sắc tộc có dân số đông đảo nhất ở Cao Nguyên: Bahnar, Jarai, Rhadé, Kahô nhưng là một từ mới được dùng để chỉ tất cả đồng bào Thượng nói chung.

Sau năm 1975, khi đã chiếm được miền Nam rồi, chính sách tự trị cho các sắc tộc thiểu số hết giá trị sử dụng, không còn cần thiết nữa, Đảng Cộng Sản đã lặng lẽ dẹp bỏ chính sách này. Trong cuộc cải tổ hành chánh ngày 25 2 - 1976, ở miền Bắc hai Khu Tự Trị Tây Bắc, và Việt Bắc bị âm thầm dẹp bỏ. Còn trong Nam thì Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị cũng có chung một số phận với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, cũng âm thầm tự tan rã. Những lời hứa hẹn sẽ thành lập Khu Tây Nguyên Tự Trị cho đồng bào Thượng trong các cuộc tuyên truyền trước kia cũng bị im lặng bỏ qua không hề thấy nhắc đến nữa. Đồng bào Thượng ở Cao Nguyên rất chất phác và thành thật. Một trong những giá trị văn hóa quan trọng nhất của họ là "tôn trọng chữ tín." Đối với đồng bào, đã hứa thì phải thi hành. Nếu biết không thể thi hành được thì đừng có hứa. Còn trái lại, khi đã hứa với họ rồi lại nuốt lời hứa thì họ sẽ bảo là "Nói láo" và lừa gạt họ, họ sẽ không tin nữa. Những ai đã từng sinh sống ở Cao Nguyên, có dịp gần đồng bào Thượng đều biết rõ điều này.

Nguyên nhân gần, theo tôi, có hai nguyên nhân quan trọng nhất:

1/ Về kinh tế và môi trường sinh sống.

Đồng bào Thượng sinh sống chủ yếu về canh nông. Một số sắc tộc biết dùng voi giẫm bùn, hay dùng trâu bò cày để trồng lúa dưới ruộng nước. Còn đa số sắc tộc khác thì trồng lúa khô trên nương rẫy. Kỹ thuật trồng còn thấp kém, nhất là họ không dùng phân bón rẫy, vì sợ làm bẩn đất, thần đất không cho lúa nữa. Năng xuất do đó rất kém. Trồng lúa vài năm trên một miếng đất là đất đã hết màu, họ phải để cho đất nghỉ, đi phá rừng để trồng lúa trên một miếng đất khác. Cây cỏ mọc lên thành rừng ở miếng đất cũ. Cho đến khi đất

hồi phục, có đủ chất màu, họ mới quay trở lại. Theo phong tục bất thành văn của đồng bào thì những miếng đất ấy đều có chủ, gọi là Pô Lăn, Pô là chủ, Lăn là đất. Đồng bào Thượng theo chế độ mẫu hệ. Con cái sinh ra đều lấy họ mẹ. Tài sản thuộc về nhà vợ, do đó Pô Lăn đều là đàn bà. Trong buôn, tiếng Rhadé có nghĩa là làng, hay trong Plei theo tiếng Jarai, ai nấy đều biết rõ đất của nhau và đều cùng tôn trọng quyền sở hữu đất đai của nhau, không ai xâm phạm vào đất của ai.

Đất canh tác cũng thường được mua đi bán lại giữa những người ở trong làng. Một miếng đất có thể trị giá nhiều con trâu, hay nhiều choé cổ dùng làm rượu cần, hoặc nhiều cồng chiêng để tấu nhạc. Họ chưa có chữ để làm giấy tờ sang nhượng, nhưng có phong tục chứng nhân ba thế hệ gồm thế hệ những người mua bán, thế hệ những người già hơn, và thế hệ những người trẻ hơn họ để làm chứng cho việc mua bán đất của nhau. Những ai chưa hiểu biết phong tục tập quán và kỹ thuật canh tác của đồng bào thường hiểu lầm, cho rằng lối sống của họ còn ở trong tình trạng du canh, du cư. Thực ra họ đã tiến đến tình trạng định canh định cư từ lâu rồi. Họ chỉ luân phiên canh tác trên một số miếng đất thuộc quyền sở hữu bất thành văn của họ. Còn việc họ phải dời Buôn, hay Plei đi nơi khác, cũng trong vùng đất của họ, là chỉ ở trong những trường hợp đặc biệt. Ví dụ như trường hợp xẩy ra bệnh dịch, có nhiều người chết mà họ tin là thần linh không cho ở chỗ đó nữa mà thôi. Người Kinh lên Cao Nguyên không biết quyền sở hữu đất đai canh tác của đồng bào Thượng, thấy đất hay rừng để cho đất nghỉ của đồng bào, lại tưởng là đất hoang nên thường vô tình xâm phạm vào.

Nhưng đối với chính quyền Cộng Sản thì khác. Đất là của công, không ai có quyền tư hữu, do đó quyền sở hữu đất đai từ ngàn xưa của họ không được chính quyền để ý đến. Vào khoảng giữa năm 1976, chính phủ đã có những chương trình tái định cư đồng bào Thượng, và những chương trình đưa đồng bào Kinh lên Cao Nguyên để thành lập những khu kinh tế mới, và những vùng đông dân mới. Kết quả là nhiều Buôn, Plei đã bị di chuyển đi, và nhiều người di cư có tổ chức của chính phủ cũng như nhiều người di cư tự nguyện, còn gọi là di cư tự do đã ồ ạt lên Cao Nguyên định cư vào những đất đai thuộc quyền sở hữu của đồng bào. Trước đây đã có tin, vị Tỉnh uỷ Tỉnh Darlac có nói rằng, chỉ từ năm 1991 đến năm 1993, có trên 400 ngàn đồng bào Kinh và Thượng miền Bắc đã được định cư trong tỉnh này. Còn tin mới nhất mấy ngày qua thì cho biết là chỉ riêng tỉnh Gia Lai, có dân số khoảng một triệu người thì người Kinh đã chiếm 51% dân số.

Nền kinh tế của đồng bào Thượng chỉ trông vào nương rẫy để có lúa ngô, và rừng rú là môi trường sinh sống của họ, để có thịt thú rừng, các loại củ, cùng lá rừng để ăn. Nay đất đai thì bị mất, rừng rú thì bị khai thác quá mức để lấy gỗ, thú rừng thì bị săn bắt bán làm những thức ăn đặc sản ở các tỉnh trong nước, và còn được chuyên chở lậu sang bán cho Trung Quốc, nên đời sống của đồng bào đương nhiên là gặp nhiều khó khăn. Một số người Thượng được sang định cư ở Hoa Kỳ cho biết rằng sau khi trừ thuế đóng cho chính quyền rồi, đồng bào chỉ còn đủ thóc và ngô để ăn trong sáu tháng. Những tháng còn lại phải đi vào rừng mà kiếm ăn. Báo trong nước có kể lại lời những ông chủ làng Trà Leng, và Trà Zon ở tỉnh Quảng Đà nói với phóng viên nhà báo rằng: "Sau mùa gặt và sau mùa bóc vỏ quế, đồng bào Kor và Cadong phải bắt đầu ăn sắn (khoai mì) và lá rừng để sống còn." Cũng có tin còn cho biết những con số thống kê như sinh xuất trên Cao Nguyên là 3.7 %, nhưng tử xuất lên tới 4 %. Hoặc là ở tỉnh Quảng Đà, số dân chúng trên toàn tỉnh sống trên 40 tuổi đến 64 tuổi là 36 %, nhưng riêng ở huyện Trà Mi, nơi có nhiều đồng bào Thượng sinh sống, thì tỉ lệ những người ở trong số tuổi nói trên chỉ còn 12.8 %. Sự khác biệt giữa hai con số 36% và 12.8% cho thấy có nhiều đồng bào Thượng ở huyện này đã không sống tới 40 tuổi. Vì thiếu ăn, thiếu dinh dưỡng, bệnh hoạn phát sinh, thuốc men không có, họ chỉ có chết dần chết mòn mà thôi.

2. Về Tôn Giáo

Đồng bào Thượng xưa kia theo tín ngưỡng thần linh. Khi cúng họ kêu gọi tới Ông Trời là Ây Dié, và kêu tới tên các Thần Núi (Yang Chư), hay Thần Sông (Yang Êa). Trong tỉnh Gia Lai, đồng bào Jarai có hai hệ thống những người kêu gọi thần linh chuyên nghiệp (M'nuih iêu Yang), ta thường gọi là thầy cúng. Đứng đầu một hệ thống là Mtâo Pui (Vua Lửa), hệ thống còn lại đứng đầu là Mtâo Êa (Vua Nước). Hai vị vua này được đồng bào rất tôn sùng kính nể. Trong năm, các Vua thường du hành giữa các Plei làng trong vùng thuộc

quyền họ để thanh tra các thầy cúng dưới quyền, và để chủ tọa những buổi lễ cầu cho dân làng được bình an, thu hoạch mùa màng được gấp bội. Lịch sử Triều Nguyễn có ghi lại nhiều lần Vua Lửa của người Jarai đem lâm thổ sản quý giá ra Phú Xuân (Huế) triều cống. Đáp lại, Vua đã ban cho phẩm phục, cho quan chỉ dạy cách thức vào triều yết kiến nhà vua. Lại còn ban cho nhiều quà tặng khác, và còn chỉ thị cho các quan chức địa phương phải đón tiếp trọng thể suốt dọc đường phái đoàn của Vua Lửa trở về.

Sau này Đạo Thiên Chúa và Đạo Tin Lành truyền lên Cao Nguyên thì đồng bào đã theo hai đạo này rất nhiều. Ví dụ, hầu hết sắc tộc Ba Na ở Kon Tum theo Đạo Thiên Chúa. Họ đã có Linh Mục, và rất nhiều Sơ. Hầu hết sắc tộc Chil ở Đà Lạt lại theo Tin Lành. Trước năm 1975, họ đã có tới 36 Mục Sư và Thầy Giảng. Từ sau 1975, tin tức cho biết chính quyền Cộng Sản đã gây nhiều khó khăn cho đời sống tâm linh của đồng bào. Tài sản nhà thờ bị lấy. Một số Sơ phải trở về đời sống dân thường, Có người đi truyền đạo ở các Plei đã bị bắt ở tù một năm. Mục Sư không hành lễ được vì bị theo dõi thường xuyên. Có nơi dân đang dựng nhà thờ Tin Lành thì bị dỡ đi vì lý do chưa có giấy phép. Có nơi dân phải đi lễ xa, đến những nhà thờ Tin Lành của đồng bào Kinh. Xe đò chở họ nếu bị công an biết được phải bị nộp phạt tới một triệu đồng. Do những khó khăn trở ngại đó mới phát sinh ra biện pháp "Nhà thờ tại gia." Đồng bào họp vài nhà với nhau để cùng đọc Kinh Thánh và cầu nguyện. Một điều rất đáng ngạc nhiên là càng bị cấm đoán thì số đồng bào Thượng theo đạo càng đông. Có tin cho biết đến 95% đồng bào Stiêng đã theo Đạo Tin Lành. Nhiều Plei trong tỉnh Gia Lai trước theo Đạo Thần Linh cổ truyền nay chuyển sang theo Đạo Thiên Chúa. Họ đã tìm đến Chúa như là tìm đến một nguồn an ủi trước những đau khổ của cuộc đời, và để thỏa mãn những khát vọng tâm linh sâu xa trong lòng họ.

Kicon: Tình hình căng thẳng tại Cao Nguyên khiến người ta nhớ tới những biến động tại vùng này trong những năm giữa của thập niên 1960 do tổ chức Fulro chủ xướng. Ông có thể cho biết về Fulro, cùng vai trò của người Pháp và người Mỹ đối với các phong trào chống đối của đồng bào Thượng.

Ông **Nguyễn Văn Nghiêm**: Danh từ Fulro được biết lần đầu tiên, ngày 20 - 9 - 1964,

trong cuộc phản loạn của năm trại Lực Lượng Đặc Biệt Thượng xung quanh Ban Mê Thuột, tỉnh Darlac. Đó là tên tắt bằng tiếng Pháp của một tổ chức chính trị được thành lập ở Phnom Penh, Kampuchia, trước đó không lâu, *Front Unifié de Lutte des Races Opprimeés* (United Struggle Front for the Oppressed Races). Phong trào này do chính phủ Kampuchia hồi đó chủ mưu lập ra để chống phá chính phủ Việt nam. Là một tập hợp ba tổ chức gồm Phong Trào Giải Phóng Champa, Phong Trào của Người Khmer Miệt Dưới (Khmer Krom), và Phong Trào Bajaraka cũ, từ 1958, của người Thượng ở Cao Nguyên. Họ đã thiết lập kế hoạch sử dụng năm trại Lực Lượng Đặc Biệt Thượng tỉnh Darlac để chiếm thành phố Ban Mê Thuột để tuyên bố miền Cao Nguyên Tự trị. Lực lượng này chỉ chiếm được Đài Phát Thanh Ban Mê Thuột và bao vây thành phố được một vài ngày là phải rút lui, chưa kịp tuyên bố điều gì. Họ đã được thuyết phục buông súng trở về trung thành lại với chính phủ. Tiếp theo đó một mặt chính phủ Việt Nam thay đổi chính sách đối với đồng bào Thượng, một mặt chính phủ kiên trì tiếp xúc với tổ chức Fulro của đồng bào để thuyết phục họ trở về. Họ đã trở về làm nhiều đợt. Lần chót đã được dự trù trở về nhưng chưa kịp thực hiện thì xảy ra biến cố chính phủ Kampuchia biết được tổ chức Fulro Thượng muốn trở về quy thuận hết với chính phủ Việt Nam. Họ liền điều động quân đội lên bao vây tổ chức này đang đóng ở tỉnh Mondolkiri thuộc Kampuchia, ngày 31 - 12 - 1968, bắt chủ tịch phong trào là Y Bham cùng gia đình ông ta gồm 13 người đưa về giữ ở Phnôm Pênh, tước súng đạn của binh sĩ Fulro, rồi cho họ được tự do muốn trở về Việt Nam thì cứ việc về. Họ và gia đình gồm 1337 người Fulro cuối cùng đã về quy thuận. Tổ chức Fulro thật sự không còn nữa. Trước sau tổng cộng đã có 2.017 binh sĩ Fulro quy thuận và được bổ sung vào những đơn vị địa phương quân.

Năm 1975, khi Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa rút khỏi Cao Nguyên, một số quân nhân, công chức Thượng rút vào rừng, tiếp tục chống Cộng Sản dưới danh nghĩa tổ chức Fulro trở lại. Quân đội Cộng Sản đã truy quét họ ráo riết. Năm 1979, sau nhiều lần đụng độ bị thiệt hại nặng về nhân mạng và vũ khí, họ phải rút sang tỉnh Mondolkiri, Kampuchia. Tại đây họ vừa phải chiến đấu chống Quân Đội Cộng Sản Việt Nam, vừa phải chiến đấu chống quân của Khmer Đỏ nữa. Cuối năm 1986, có 212 người rút sang được Thái Lan, và được chính phủ Hoa Kỳ tiếp nhận cho định cư tị nạn ở Tiểu Bang North Carolina. Những người còn ở lại vẫn tiếp tục chiến đấu ở Mondolkiri. Tháng 10, 1992, họ mới bắt liên lạc được với Cao Uỷ Tị Nạn Liên Hiệp Quốc ở Phnom Pênh. Cơ quan này đã tiếp nhận vũ khí của 407 binh sĩ cuối cùng của Fulro vào ngày 10 - 10 - 1992. Họ được trực thăng của Cao Ủy đưa về Phnom Pênh và được quân Liên Hiệp Quốc bảo vệ. Đến cuối tháng 11, Hoa Kỳ tiếp nhận họ, di chuyển họ sang North Carolina định cư cùng với 212 người đã định cư tị nạn ở đấy từ 1986, đã đề cập ở trên. Trả lời những phóng viên báo chí, họ cho biết khi rút ra rừng tiếp tục chiến đấu, họ có khoảng trên 10 ngàn người. Sau 17 năm chiến đấu lẻ loi không có tiếp tế súng đạn, lương thực thuốc men, họ đã bị hi sinh trên 8.000 người. Một cấp chỉ huy Fulro cho biết con số chính xác là 9.872 người. Đến nay họ vẫn định cư ở North Carolina, và đã trở thành công dân Hoa Kỳ như những đồng bào Kinh chúng ta đang sống ở Orange County này vậy.

(Còn tiếp)

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

TIẾNG ĐẠI HỒNG CHUNG

NGÃ VĂN

Tiếng chuông Linh Mụ kêu sầu, tợ kêu cầu Phật Tổ. Ngài không bác-độ siêu thăng cho muôn vạn chúng sinh!

Nghe tiếng kệ cầu Kinh, đêm ngày chuông động u minh, rầm vang giọng đồng thinh, cảm động tình tâm tình.

Mê tâm khổ hải lấp vùi, mấy kiếp cho rồi tục-đoạn. Trong bá vạn hà-sa, ngưỡng vọng Quan Âm.

Đốt nhang xông trầm, niệm từ tâm, miệng vái lâm râm. Diệu pháp trần sắc sắc không không, chứng minh cho thấu lòng, đao bát-trượng có ngày gặp gỡ.

Chừ đứng thở ngồi than, sực nhìn miếu-tự giang san... Ơi hỡi bạn Dương quan! có thấu cho nhau một đoạn-tràng!

(điệu Nam Ai, Huế)

*

Không biết giờ đây, còn có ai hò Nam Ai, tức điệu Vọng Giang-nam, với những câu bi hoài, cảm khái và đậm đà như bài *Tiếng chuông Linh Mụ* trích ở trên, không biết tác giả là ai. Lạ một điều, nội dung là tiếng chuông, là đạo Phật, là ngôn từ Phật giáo, là đoạn tuyệt phiền não, thế nhưng chỉ đọc (chứ chưa phải là ca), thì không phảng phất mà đậm đà nỗi u hoài, bi ai, trách móc và nhắn gửi.

Đặt trong bối cảnh chùa Linh Mụ, Huế, mấy năm qua, khi công an chận đường không cho dân đến chùa hành lễ, vào tận chùa bắt sư, thì không khỏi ngậm ngùi, tưởng như điệu Nam-ai mà chắc có người ca trên sóng nước sông Hương đâu trên bốn mươi năm về trước sống lại, day dứt kêu "có thấu cho nhau một đoạn-tràng."

Tưởng tượng một đêm trăng, nước sông Hương đứng lặng như mặt hồ (không phải *mặt Hồ Gươm vẫn lung linh mây trời...* trong bài ca tế sống Đảng: "Hà Nội niềm tin yêu... vô vọng"), rồi bỗng đâu một tiếng chuông chùa nổi lên vừa ngân nga thanh thoát vừa trầm hùng sâu thẳm, âm ba xao động không khí khiến mặt sông gợn sóng lăn lăn, và rồi điệu Vọng Giang-nam ai oán không biết từ đâu cất lên xa xôi!

Cái cảnh tưởng tượng ấy chắc hợp lòng thi sĩ, và chắc, và rất có thể, có xảy ra, bây giờ. Nhưng bây giờ không là một điệu Nam-ai sầu bi điểm trong tiếng chuông đượm mùi thoát tục, mà là một tiếng chuông vang dội, không chỉ làm gợn sóng sông Hương, mà còn vô tận cõi người và cõi linh, tới tận thế giới ngoài, và dộng vô ngục A-tì cải tên Bắc bộ phủ.

Đó là *tiếng chuông* chùa Từ Hiếu vào ngày mười chín tháng Giêng xuân Tân Tỵ 2001. Sách viết về chùa Từ Hiếu: Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), hòa thượng Nhất Định lập một thảo am ở núi Dương Xuân Thượng, xã Dương Xuân, huyện Hương Thủy, Huế, gọi là An Dưỡng Am. Xung quanh thảo am có thông reo, có hồ trong, có đồi núi, thật là một cảnh trí tuyệt trần. Sau, vua Tự Đức cho trùng tu, ban tên Từ Hiếu tự. Năm Thành Thái thứ 5 (1893), tu sửa lớn, thiết trí trang nghiêm lộng lẫy, mé phải có tháp Bồ Đề, trên khắc sắc văn của Thành Thái lệnh cho các chùa và tư nhân mang kinh Phật tới chứa trong tháp.

Chùa Từ Hiếu ít khi được nhắc đến trong chữ nghĩa so với các chùa khác ở Huế, người ta nói tiếng chuông Linh Mụ, tiếng chuông Diệu Đế, còn Từ Hiếu thì người ta nói là nơi có thờ thêm các quan thái giám triều Nguyễn, các vị này không con, phát tâm cúng dường để khi đi khỏi đất này còn có chỗ hương khói. Giữa những biến động chính trị, những tiếng ồn hoằng dương đâu đó bên ngoài nước, hay những 'phát triển' có vẻ hào nhoáng của vài ngôi chùa trong Nam trong hơn một phần tư thế kỷ qua khiến người ta có cảm tưởng chùa Từ Hiếu chìm trong im lặng như mặt nước hồ Sao Hôm và hồ Sao Mai trong chùa, như cây khế già hơn trăm tuổi trồng một bên cạnh Đại hùng Bảo Điện, hoặc thường hơn, như nhiều ngôi chùa khác, là nơi người ta đến chiêm bái lễ Phật mỗi dịp lễ, hay để qui linh ký cốt người chết, đốt vài cây hương cho... xong!

Thế mà, từ trong im lặng tịch mịch bao năm qua, trải trên đồi thông Hương Thủy, bỗng nhiên một Đại lễ cầu nguyện thiên niên kỷ mới xuất hiện, nơi chùa Từ Hiếu. Trong cảnh thiên nhiên lặng lẽ vốn có nơi xứ Huế, và trong cảnh thanh tịnh cửa thiền, giữa dùi cui, súng đạn, hăm dọa, bắt bớ, chận xét, đẹp biết bao khi xuất hiện hàng trăm tăng ni khoác pháp y cùng hàng ngàn Phật tử yên lặng cầu nguyện, và, một tiếng đại hồng chung điểm lên.

Một bầu khí yên lặng, một mình, không tiếp xúc với ai cả, là điều kiện tốt nhất nếu không là cần thiết cho bước đầu tìm kiếm tâm linh. Khi không tiếp xúc, thì không bị chi phối bởi những bàn bạc cuộc đời, để nhập vào không gian, không biết thời gian, không thấy mình khác ngọn cỏ phất phơ kia, quán sát và thấy mình hòa đồng trong vũ trụ, và tự tánh xuất hiện. Bồ đề Đạt ma nhìn vách chín năm, đức Phật trước khi thành đạo, tìm một nơi xa khuất, lánh tục, chiêm nghiệm. Chiêm nghiệm xong, thấy rõ các tướng, mới trở lại đời. Khi ấy đời và tánh không khác, không còn sự phân biệt nào nữa. Truyện Tàu cũng kể tinh thần cầu đạo như thế: Người thầy tu trên núi, dạy học trò trên núi, sau bao năm học đạo, mới cho trò hạ sơn. Người ta không thấy các bậc thánh nhân hô hào trước, in sách lập chùa trước, dự phần vào cuộc buôn bán thị phi trước, rồi mới truyền đạo. Cái phần sau chỉ là nghi thức, để tán dương cái phần trước chứ không phải là phần trước. Bản thân sự tán dương vẫn là cái bề ngoài nghi lễ, nặng phần trình diễn, cho nên có ai nói leo lẽo tám vạn bốn ngàn Pháp môn Phật vẫn chỉ là *nói* về pháp chứ tự thân lời nói không phải là pháp, chưa chứng mà *nói* về chứng, *nói* về ngộ chứ không phải ngộ. Tưởng như thế là vô hại nhưng thật ra đã tạo nghiệp xấu vì lôi kéo, dù vô tình, người khác theo mình, tức đi ngược lại một trong bốn phương pháp y cứ của người tu là "Y pháp bất y nhơn" (y cứ vào giáo pháp của Phật đã chỉ dạy trong tam tạng kinh điển chứ đừng y cứ vào người truyền giáo).

Cho nên, tiếng chuông chùa Từ Hiếu đã im lặng trong hơn một phần tư thế kỷ qua chính là sự im lặng có thực, để bồi dưỡng nội lực, để trang bị hành trang cho cuộc hành trình không bao giờ chấm dứt của thệ nguyện bồ tát. Trong khoảng thời gian ấy không ai chú ý đến Từ Hiếu trừ Nhà nước Việt Nam: dưới một chế độ quyết kiểm soát tất cả mọi lãnh vực, chùa Từ Hiếu chưa bao giờ chịu nằm trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tức giáo hội do Hà Nội lập ra để thao túng. Và tất nhiên không chỉ có vậy, chắc các thầy còn cho đệ tử để tóc trà trộn trong hàng ngũ "ác ma," chuẩn bị đúng thời sẽ dộng tiếng chuông *"động u minh, rầm vang dọng đồng thinh, cảm động tình tâm tình."*

Cái thời ấy đã đến. Bậc đạo sư đã tu thành, chứng đắc, và thỏng tay vào chợ, như bài pháp thoại của Hòa thượng Thích Thiện Hạnh, trụ trì chùa Báo Quốc (Huế) nói trong lời dẫn khởi đầu buổi lễ cầu nguyện thiên niên kỷ mới hôm 11 tháng 2 năm 2001:

"... trước khi hành động, người Phật tử cần phải có khoảng không gian và thời gian thích hợp, thanh tịnh để lắng đọng tâm tư, để có tầm nhìn thông suốt, tránh những hành động dẫn đến sự sụp đổ bản thân và nhiều người khác. Phật dạy: 'Như người có mắt sáng, tránh được lối hiểm nghèo. Bậc có trí trong đời, tránh xa những nghiệp xấu'."

"Vì vậy, phật tử cần cầu nguyện trước khi có hành động."

Chỉ một đoạn ngắn, thầy Thiện Hạnh đã thu tóm yếu chỉ nhà Phật. Lúc Phật sắp nhập niết bàn, A Nan hỏi "Sau khi Thế Tôn nhập Niết bàn rồi chúng tôi phải hành đạo như thế nào?" Phật đáp: "Dầu nay ta còn, dầu khi ta diệt độ rồi, phải dựa vào tự mình và dựa vào Pháp mà tu, chẳng nên dựa vào ai và chỗ nào khác."

Dựa vào tự mình là tự *y chỉ*, dựa vào Pháp (giáo pháp, lời Phật dạy) là *pháp y chỉ*, nói gọn là *y tự* và *y pháp*. Người Phật tử chùa Từ Hiếu đã y tự và y pháp trong "khoảng không gian và thời gian thích hợp, thanh tịnh lắng đọng tâm tư..." rồi mới hành động. Khoảng thời gian im lặng ấy là sự im lặng đáng sợ, là cái dùi chuông giang rộng chuẩn bị lấy hết sức bình sinh để dộng tiếng chuông đại hùng đại lực đại từ bi; là thời gian cầu nguyện, không phải là tụng kinh gõ mõ thuộc làu kinh, không phải cầu nguyện để chờ một tha lực (bên ngoài) cứu trợ là đủ, bởi mọi mong cầu hay kêu gọi hướng ngoại đều là những ý tưởng và hành động xa rời giáo pháp. Cầu nguyện là nhìn ngược vào tâm mình, làm tâm thức chuyển hóa, nhìn ra chân diện.

"Không phải cầu nguyện vì tin tưởng và chờ đợi một phép màu nào đó chợt hiện, làm cho mình bỗng to lớn ra, đời mình bỗng sáng cả hẳn lên. Phật tử chỉ cầu nguyện để cho tâm mình

lắng đọng, càng định tĩnh, nó càng trở nên trong sáng, thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, chúng sanh thanh tịnh. Tâm bình thế giới bình."

Bằng một đoạn ngắn, hòa thượng Thiện Hạnh không những nói lên đầy đủ bản chất cầu nguyện của người Phật tử, mà còn là một tuyên ngôn khẳng định sự sáng suốt và bình thản khi vượt lên chướng ngại mà nhà cầm quyền tạo ra, để tổ chức một đại lễ chưa từng có trong suốt thời gian cộng sản nắm chính quyền. Thầy đã cầu nguyện trong tinh thần như thế, trò đã cầu nguyện trong tinh thần như thế, cho nên tâm thức bình thản, lặng lẽ, định tĩnh, có bình thản mới sáng suốt, có định tĩnh mới biết rõ mình đang làm gì, và việc làm của mình sẽ đưa đến đâu, nghĩa là xác định tư cách của hành động - một hành động bình tĩnh nên sáng suốt, chứ không phải như cả hệ thống loa đài đồn thổi theo tập quán là "do một số thành phần quá khích gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc." Nói theo ngôn ngữ bình thường là: tôi đã suy nghĩ kỹ chuyện này, nên lần này quyết ra tay!

Cho nên buổi lễ đã bắt đầu bằng những bước thiền hành của tăng chúng xuất gia và tại gia. Đó là những bước đi biết rõ bàn chân mình sắp bước, sẽ bước tới đâu, mỗi dấu chân sẽ để lại dấu ấn gì, và nhận thức rất rõ từng bước chân là mỗi hoà điệu vào vòng quay của vũ trụ, của trái đất. Đó là những bước đi, dù trong vòng bủa vây kiềm tỏa, dù giữa muôn hăm dọa, phỉ báng, nhưng tự mỗi bước chân đã là một cuộc chiêm bái, mỗi bước đi là một cuộc hành hương hướng về thánh địa tâm linh. Như một máy phát điện tự nó không thể phát ra điện nếu không quay chung quanh cái trục, mỗi bước đi thiền hành là một vòng quay chung quanh chính tâm vũ trụ, chính tâm cuộc sống (cuộc sống thì vô hạn mà đời người thì ngắn ngủi), mỗi bước đi của 300 tăng ni và 3000 Phật tử là những bước đi hòa trong nhịp vận hành của đất nước đã tới thời, cho nên phát ra điện, cho nên lan tỏa một từ trường, cuốn hút những người đồng điệu, những kẻ đồng tâm, những người cùng đi theo sự vô hạn của thời gian và chuyển động vào không gian vô biên vô lượng, nhưng đồng thời cũng phát ra lực ly tâm để trục xuất khỏi nó mọi chướng ngại ngược đường, mọi vây bủa trước và trên đường tới cổng chùa.

Từ khi ác ma nhuộm áo đỏ trên cả nước, người Huế vẫn âm thầm tổ chức những buổi lễ tưởng niệm hương linh những người bị thảm sát trong tết Mậu Thân. Vẫn còn ba thế hệ người Huế sống sót sau cuộc tàn sát man rợ của ác ma từ sau mùa xuân tang tóc ấy. Không ai có thể quên được. Nhưng nhớ để bùi ngùi cho thân phận chứ không phải ám ảnh bởi hận thù. Nhớ và đau xót, cái đau xót khác với nỗi đau do thiên tai tạo ra cuối năm chín chín. Nhớ để thấy vùng đất ấy và cả đất nước này còn triền miên đau khổ, còn mãi day dứt, và do thế cần một hành động chung, một hành động hết sức trầm tĩnh và sáng suốt. Chính sự cầu nguyện là một hành động khởi đầu, một sự tuyên bố trước khi hành động, nhưng không phải là lời tuyên bố bình thường mà là một tuyên cáo trời đất và nhân loại. Một lời *thệ* trước khi *hành*, như sau mỗi thời kinh, người Phật tử hướng về khắp cõi, phát nguyện: "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ; Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn..."

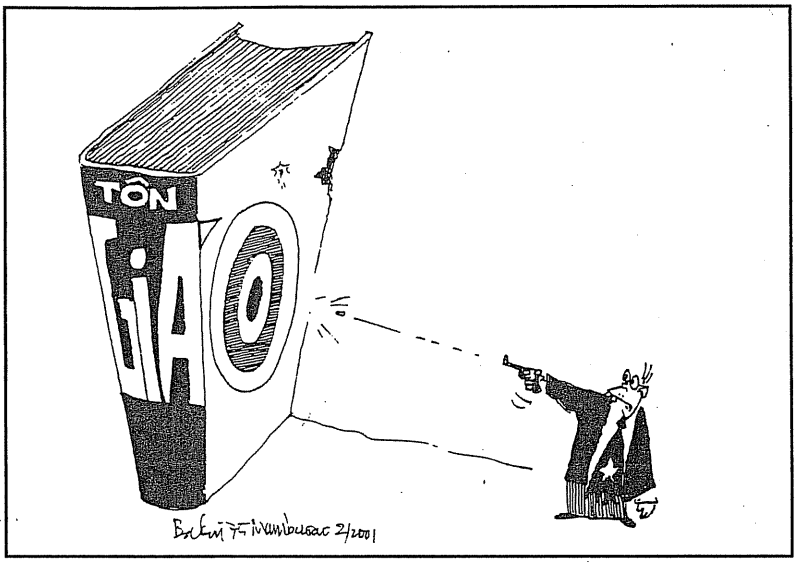

Hoà thượng Thích Thiện Hạnh nói: "Cầu nguyện cho thế giới hoà bình chúng sanh an lạc. Không phải chỉ mới gần đây thôi chúng ta mới có ý tưởng về ý nguyện này. Đó là một phần trong phát nguyện hồi hướng mà Chư Tổ truyền lại nhiều đời. Ý tưởng này trở thành một di sản tâm linh mà Phật tử chúng ta ngày

ngày thừa hưởng. Và di sản này đã từ lâu hoà tan vào mạch sống của dân tộc. Biết bao nhiêu thế hệ đã vun bồi, đã bảo vệ di sản ấy bằng tâm tư, bằng trí tuệ, và bằng cả tính mạng của mình. Đó là món nợ tinh thần không chỉ theo ta trong đời này, mà sẽ theo ta trong nhiều đời nữa. Nếu ngày nay chúng ta tuy vẫn là dân của một đất nước được xem là nghèo nàn lạc hậu nhất thế giới, nhưng chúng ta cũng biết rằng không phải vì thế mà phẩm giá con người cũng trở thành hèn kém. Đóa hoa tuy hèn mọn, nhưng được chiêm ngưỡng và tán thán nhiệt tình, khi nó được cài lên mái tóc của nữ hoàng. Cũng vậy, tách rời di sản tinh thần, thì phẩm giá con người của chúng ta chẳng là gì cả trong những giá trị phổ quát của con người."

Một câu nói rõ ràng, một tuyệt bút văn chương nhưng vô cùng giản dị, và vì thế trong sáng. Trong sáng bởi lẽ người nói câu nói trên không cần phải mượn phù chú của một chủ nghĩa nào để nói ngược lại mặt thật của đời sống. Đời sống chồng chất đau khổ ta nói có đau khổ, và muốn thoát khổ thì phải phát sinh hành động lành từ một trái tim lành, không việc gì phải nói đó là "khó khăn nhất thời vì thiên tai, vì ảnh hưởng nạn suy thoái tài chính trong vùng." Trong sáng bởi lẽ người nói sống thường xuyên trong tinh thần cộng nghiệp, rằng sự đau khổ của tha nhân, lỗi lầm của tha nhân, chính là có cá nhân ấy dự phần vào đó.

Duy việc sinh ra trong một đất nước nghèo nàn, duy việc phải sống trong một thế giới không hoàn hảo, cũng đủ chứng tỏ chính cá nhân sống trong đó đã bất toàn, bởi lẽ nếu một cá nhân nào đó hoàn hảo thì họ đã không bị sinh ra trong một hoàn cảnh không tương xứng, cho nên vì do nghiệp dữ từ bao đời tích tụ con người mới phải hưởng cái phần thưởng xứng đáng là sinh ra ở một môi trường không lành mạnh. Con người, trong ý nghĩa tột cùng của nó, hưởng những gì do mình tạo nên, dù do vô tình hay cố ý. Như trong câu chuyện người học trò hỏi bậc đạo sư về quá khứ và tương lai, thầy đáp: Muốn biết quá khứ ta thế nào thì nhìn vào việc làm hiện nay của chúng ta, muốn biết đời sau ra sao thì nhìn vào những việc làm hiện tại. Nhận chân được chỗ đứng của mình là đã nhìn ra một phần sự thật. Những người chỉ thích qui tụ trong một nhóm, nhân danh một chủ nghĩa hay một niềm tin, gán tất cả mọi sai lầm, mọi tội lỗi cho người khác vì ích kỷ đã không bao giờ nhìn thấy bản chất của từng vấn đề. Sự ích kỷ và tham lam khiến đầu óc họ u tối, nên thấy trời đất cao rộng chỉ to bằng cái máng đựng thức ăn dơ bẩn. Chính vì vậy họ đổ mọi sai lầm cho người khác, không biết rằng sai lầm của người khác có họ dự phần vào, dù không muốn đi nữa. Bởi thế mọi xưng tụng chủ nghĩa đều là cái nhìn phiến diện, và nếu chẳng may do cơ duyên cái nhìn phiến diện ấy ở vị trí đắc địa thì sẽ lôi kéo bao nhiêu tai họa khác.

Phật giáo không chống mọi hình thức chuyển hóa, coi chuyển hóa, dù chuyển thành một tình trạng, một điều kiện, hay một hình thức tồi tệ hơn, bởi chuyển hóa là lẽ tất nhiên của đời sống vạn vật. Giống như truyện cổ Tàu "Tái ông thất mã," được cái này mất cái kia, hay mất cái này được cái kia, mọi thay đổi không phải là điều cần thiết mà là lẽ tự nhiên. Đạo Ki-tô từng một thời bị gót giày La Mã tàn sát, nhưng càng bị khủng bố thì niềm tin của tín hữu Ki-tô càng phát triển, càng bành trướng, không phải chỉ trên một đất nước nhỏ hẹp mà tràn lan khắp thế giới. Đế quốc La Mã đã tàn lụi nhưng đạo Ki-tô vẫn không ngừng phát triển. Người ta cũng đang chứng kiến thảm kịch đó với Phật giáo và văn hóa Tây Tạng. Gót giầy xâm lược của Trung Quốc dày xéo bao kỳ tích, đày đọa người Tây Tạng đến cùng thì thôi. Nhưng trong nửa thế kỷ qua nền văn hóa Tây Tạng đã không chết, ngược lại lan tỏa hang cùng ngõ hẻm thế giới. Cũng trong ý nghĩa và sự kiện đó, các tôn giáo Việt Nam đang bị gót giầy của cộng sản giáo tiêu diệt, nhưng điều đó càng khiến sức sống dân tộc, càng khiến "di sản này đã từ lâu hoà tan vào mạch sống của dân tộc" lan tỏa khắp thế giới.

Di sản ấy chưa hề ngủ dù có thể trong một phần tư thế kỷ qua ít người nghe thấy tiếng. Nó đã sống dậy, bằng tập hợp hết sức ý nghĩa, bằng hằng động vô cùng ý nghĩa, của những tín đồ đang đứng lên dưới bầu trời Huế. Đó là một sự khẳng định, một tiếp nối đầy sức thuyết phục về thệ và nguyện rằng, như Hòa thượng Thiện Hạnh dõng dạc và hùng hồn tuyên bố: *"chúng ta không phải là một dân tộc ăn mày trong cái thế giới này."*

Những thành phần thượng tầng trong guồng máy cầm quyền nghĩ gì trước lời nói của một tu sĩ áo vải nghèo? Họ nghĩ gì khi hồi tưởng, và tiếp tục, bao lần ngửa tay xin nước ngoài, và xin đểu người dân trong nước, để duy trì một hệ thống chính trị đốn mạt, cầm giữ và gieo họa quê hương nghèo khó! ●

SỐNG TRUNG DUNG TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA?

NGUYỄN HỮU CHI

Chúng ta đã trải qua một cuộc chiến tranh kinh hoàng, rồi di tản sang đây sống trong một môi trường xã hội hoàn toàn xa lạ, cạnh tranh dồn dập, vật lộn với vật chất không biết thế nào là đủ (*"tri túc"*). Vì thế, có người khuyên chúng ta nên *"sống trung dung"* để có một đời sống thảnh thơi hơn. Liệu thuyết trung dung của Khổng Tử có giúp chúng ta đạt được mục đích đó không?

Để trả lời câu hỏi này, tôi bèn đi tìm sách viết về Khổng giáo để bổ túc thêm những hiểu biết mà tôi đã thu tập được khi còn ở nước nhà. Các thư viện Âu Mỹ có rất nhiều sách ngoại ngữ về vấn đề này. Đối với các độc giả Việt Nam, tôi thấy cuốn *Trung Dung* của cụ Phan Khoang rất đầy đủ vì cụ dịch và ghi chú nguyên văn bản chính do Chu Hi hiệu đính (Nhà Sách Mai Lĩnh, 1959). Cuốn *Nho Giáo* của cụ Trần Trọng Kim (Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 1971) cũng giảng qua về thuyết trung dung của Khổng Tử. Tôi dùng hai cuốn sách trên để làm tài liệu dẫn chứng. (Tôi dùng chữ "PK" để chỉ sách của cụ Phan Khoang, và "TTK" để chỉ sách của cụ Trần Trọng Kim.)

1. Mấy ai hiểu được thuyết trung dung?

Thuyết trung dung có giá trị giáo khoa trong truyền thống Khổng giáo nên được xếp trong bộ Tứ Thư. Tuy pho sách này có nhiều chỗ *"u ẩn," "chương cú rời rạc"* (PK, tr. 5), ta cũng không nên suy luận rằng Tăng Tử, và sau đó Tử Tư, đã ghi chép thiếu sót những lời dạy của Khổng Tử. Thực ra cuốn *Trung Dung* khó hiểu chỉ vì tư tưởng cao siêu của Khổng Tử. Như Chu Hi đã nhận thấy rằng: *"Kẻ khéo đọc ngẫm nghĩ tìm kiếm mà hiểu được, thì dùng trọn đời cũng không hết được."* (PK, tr. 10).

Tại sao khó hiểu như vậy? Người nào có dịp đọc cuốn *Luận Ngữ* cũng có thể mường tượng ra cảnh Khổng Từ ngồi giảng, các học trò ngồi xung quanh nghe, rồi hỏi những điều chưa hiểu, và Ngài lại giảng thêm để làm sáng tỏ những chỗ tối nghĩa. Nhờ thế, cuốn sách này tương đối dễ hiểu.

Trái lại, khi giảng về thuyết trung dung, Khổng Tử dùng phương pháp giảng huấn khác hẳn. Như Chu Hi đã nhận thấy rằng thuyết trung dung do *"tâm đắc của học trò Khổng nghe thầy dạy mà truyền lại cho nhau"* (PK, tr. 10) .

Vậy, *"tâm đắc"* là gì? Theo cụ Phan Khoang, *"phương pháp tâm đắc... là lấy tâm mà lĩnh hội chứ không phải lấy lời nói mà giảng giải cho vỡ lẽ... ngày nay dùng ngôn ngữ, văn tự để mong diễn đạt hết cái uyên áo, điều ấy cố nhiên không được"* (PK, tr. 5).

"Tâm đắc", "tâm pháp" hay *"tâm truyền"* là một phương pháp truyền thông tư tưởng: thiền sư *"giảng huấn"* bằng cách ngồi im lặng, và môn sinh cũng ngồi im lặng tiếp nhận tư tưởng của thiền sư. Để hiểu rõ hơn về điểm này, ta hãy nghe qua cuộc đối thoại giữa Khổng Tử và Tử Cống (TTK, tr. 101):

Khổng Tử: *Ta muốn không nói.*

Tử Cống: *Nếu Phu Tử không nói thì đệ tử biết noi theo vào đâu?*

Khổng Tử: *Trời có nói gì đâu! Bốn mùa chuyển vần, trăm vật sinh nở. Trời có nói gì đâu!*

Hơn hai ngàn năm sau, các học giả Âu Mỹ mới chú trọng đến vấn đề tâm truyền hay truyền cảm. Khả năng tiếp nhận truyền cảm trong đời sống hàng này thường được biết dưới danh hiệu là "khả năng nhậy cảm" (empathy). Khả năng này không có gì là huyền bí cả. Chúng ta phỏng đoán về tâm trạng của những người xung quanh ta nhờ cái khả năng đó. Nhìn vẻ mặt hay quan sát điệu bộ người đối diện (body language), ta có thể biết người đó muốn gì (vui vẻ, giận hờn, thèm muốn v.v.) tuy người đó không phát ra một câu nói, một tiếng cười...

Tuy nhiên, không phải ai cũng có mức độ khả năng nhậy cảm như nhau. Vì vậy, khi

Khổng Tử dùng phương pháp *"tâm truyền"* để *"giảng"* về thuyết trung dung, những người thiếu khả năng nhạy cảm trong lãnh vực siêu hình khó có thể hiểu hết được tư tưởng cao siêu của Ngài.

Nói tóm lại, thuyết trung dung khó hiểu chỉ vì học trò thiếu khả năng nhậy cảm chứ không phải thầy không biết truyền cảm! Vì thế Khổng Tử đã phải than rằng: *"Đạo trung dung cao xa lắm thay! Đã lâu rồi, loài người ít theo được!"* (TTK, tr. 26)

2. Thuyết trung dung: lối hiểu từ chương

Theo *Hán Việt Tự Điển* của Đào Duy Anh, chữ "trung" trong cụm từ "trung dung," có nghĩa là "trúng," "ở giữa," "không thiên lệch." Chữ "trung" này khác với một chữ "trung" khác có nghĩa là "hết lòng," mà ta thường thấy trong những cụm từ như "trung thành," "trung thực" v.v...

Chữ "dung" trong cụm từ "trung dung" có nghĩa là "bình thường." Vậy chữ "dung" này khác một chữ "dung" khắc có nghĩa là "tiếp nhận," "bao bọc" mà ta thường thấy trong những cụm từ như "dung thứ," "khoan dung," v.v... **Chú ý:** tôi dùng gạch dưới để phân biệt chữ *"trung"* (*"hết lòng"*) với chữ *"trung"* (*"trúng ở giữa"*), và chữ *"dung"* (*"tiếp nhận", "bao bọc"*) với chữ *"dung"* (*"bình thường"*).

Dựa vào nghĩa trình bày ở trên, nhiều người cho rằng Khổng Tử đưa ra thuyết trung dung để khuyên mọi người nên *"đứng giữa, không nên thiên lệch"* (*"trung"*), và nên *"bình thường,"* không nên *"quá đáng"* (*"dung"*). Lối giải thích này nghe rất thuận tai vì hàng chục triệu người đã bị chết oan chỉ vì người cầm quyền lực trong tay theo đuổi những tư tưởng quá khích, không biết thế nào là thái quá, thế nào là bất cập.

Nhưng tiếc thay, lối suy luận từ chương này không nói lên hết cái cao siêu của Khổng giáo. Thật vậy, Khổng Tử đã bỏ bao nhiêu công phu trình bầy hai mẫu người đối nghịch không đội trời chung, đó là *"quân tử"* và *"tiểu nhân."* Với quan niệm trắng-đen như vậy, chẳng lẽ Ngài lại muốn chúng ta phải đứng lì trong thế *trung lập* khi thấy sự tranh chấp giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân? Chẳng lẽ Ngài muốn *bình thường hóa* người quân tử để dễ bề "hòa hợp, hòa giải" với với đám côn đồ khát máu?

Hơn nữa, nếu mọi người đều cho rằng làm cái gì *"thái quá"* hay *"bất bình thường"* đều không nên. Vậy thế nào là *"thái quá"* và thế nào là *"bất cập"*? thế nào là *"bình thường"* và thế nào là *"bất bình thường"*? Thực ra, không có tiêu chuẩn bất di bất dịch nào có thể giúp ta nhận ra được những hành vi "thái quá" hoặc "bất bình thường." Tư tưởng con người luôn luôn thay đổi theo thời gian và không gian. Một hành vi *"bình thường"* trong thời điểm này hay trong xã hội này lại bị coi là *"bất bình thường"* trong một thời điểm khác hay trong một xã hội khác. Một thí dụ điển hình là nhà bác học Galileo. Ông quan sát thiên văn, rồi kết luận rằng quả đất quay xung quanh mặt trời. Thế là ông đã bị giam cầm nhiều năm chỉ vì phổ biến tư tưởng *"bất bình thường."* Đó là cái tàn bạo của *"bình thường."* Tuy nhiên, cái tàn bạo này không đẫm máu bằng chính sách Hitler coi tất cả người Do Thái là loại người *"bất bình thường"* cần phải tiêu diệt.

Xin nêu thêm một thí dụ nữa. Bất cứ xã hội nào trên thế giới đều khuyến khích con cái giữ lòng hiếu thảo với bố mẹ. Nhưng khi ta đọc cuốn *Nhị Thập Tứ Hiếu*, ta lại cho rằng lối phụng dưỡng bố mẹ thời xưa thật là *"thái quá."* Nhưng thật ra hành động hiếu thảo khi xưa cũng không đến nỗi *"thái quá"* bằng phong tục *"tòng phu tử tiết"*: người quả phụ phải nhẩy vào đống lửa cùng tự thiêu với xác chồng (phong tục này hãy còn duy trì trong những vùng hẻo lánh ở Ấn Độ tuy luật pháp tuyệt đối cấm).

Gần hơn nữa, trong một xã hội xáo trộn như xã hội Việt Nam, ta phải dựa vào một truyền thống đạo nào để tìm tiêu chuẩn phân định cái *"thái quá"* và cái *"bất cập"*? Thí dụ như đối với một người đàn bà Việt Nam, ta nên chọn tiêu chuẩn *"tứ đức tam tòng"* trong thời Nho giáo cực thịnh? hay tiêu chuẩn *"nam nữ bình quyền"* theo bộ Luật Gia Đình trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa? hay tiêu chuẩn *"yêu Đảng"* dưới thời Cộng Sản (nếu chồng có tư tưởng phản động, vợ phải ra công an tố cáo)?

Nói tóm lại, nếu ta coi thuyết trung dung của Khổng Tử như một lời khuyên ta *"không làm điều gì quá đáng," "phải sống theo mức bình thường,"* tức là ta đã giản dị hóa một lý thuyết uyên thâm. Hơn nữa, nếu ta suy luận thuyết trung dung theo lối từ chương, rồi dựa vào đó để giáo dục con em, tức là ta không muốn cho chúng dùng hết khả năng để tiến tới chỗ tuyệt đỉnh trong xã hội. Nếu ta chỉ muốn con em trở thành những người *bình thường*, với lối suy nghĩ *bình thường*, tức là ta muốn tiêu diệt trí sáng tạo của chúng, tức là ta không muốn chúng trở thành những khoa học gia nổi tiếng,

hay những nghệ sĩ tuyệt vời. Thực ra, không một bậc vĩ nhân nào là người *bình thường* cả.

3. Thuyết trung dung: căn bản siêu hình

Thuyết trung dung khó hiểu hay hiểu nhầm vì thuyết đó dựa trên căn bản siêu hình trong Kinh Dịch, thuộc về phần *"hình nhi thượng học,"* nói về *"những lẽ vô hình, rất uyên-áo và cao-viễn"* (TTK, tr. 31). Vậy, muốn hiểu rõ thuyết trung dung, chúng ta phải xét tới quan niệm siêu hình của Khổng Tử về vũ trụ và vị trí con người trong vũ trụ.

(a) Quan niệm về vũ trụ

Lúc khởi thủy (thời *"hỗn mang"*), vũ trụ là một khối mờ mịt, trong đó chỉ có cái *"Lý"* (hay *"Thiên Lý"*) vô hình và huyền bí. Trong cái *Lý* đó là hai thể: *"Âm"* và *"Dương."* Âm-Dương luôn luôn di động và biến hóa. Khi Âm đến cực độ thì biến ra Dương, và khi Dương đến cực độ thì biến ra Âm. Theo Khổng Tử, Âm và Dương *"biến hóa điều hòa"* tạo ra Trời-Đất (TTK, tr. 19). Đó là thuyết về nguyên thủy của vũ trụ trong Khổng giáo.

Gần đây các nhà vũ trụ học Tây Phương đưa ra lý thuyết *"Nổ Lớn"* (Big Bang theory) để giải thích về sự phát sinh của vũ trụ. Theo lý thuyết này, vũ trụ bắt đầu bằng một khối thể chất vô lường. Các thể chất này di động (hay là *"dịch"* theo từ ngữ Nho giáo), bị trọng lực ép lại thành một khối nhỏ, rồi nổ tung ra thành nhiều vũ trụ, mỗi vũ trụ gồm có hàng hà sa số ngân hà và hành tinh.

Ta thấy điểm dị biệt quan trọng nhất giữa lý thuyết của Khổng Tử và lý thuyết Âu Mỹ về vũ trụ là sự chú trọng đến *"hòa"* của Đông phương và sự chú trọng đến *"nghịch"* hay *"phá"* của Tây phương. Theo Kinh Dịch, Âm-Dương *"điều hòa với nhau để biến hóa mà sinh ra trời đất và vạn vật"* (TTK, tr. 119). Do đó quan niệm *"hòa"* rất quan trọng trong Nho giáo, và dễ bị người đời ngộ nhận để rồi suy luận từ *"Âm-Dương điều hòa"* ra tinh thần *"hòa hợp"* với tất cả mọi người, kể cả tiểu nhân.

Trái lại, theo vũ trụ học Tây phương, cái cũ phải nổ tan tành mới sinh ra cái mới. Đó cũng là tiền đề căn bản trong văn hóa Tây phương. Theo ý thức hệ Tư Bản, tự do cạnh tranh rất cần thiết cho sự phát triển: các doanh nghiệp không có hiệu năng phải để cho nó sụp đổ, để nhường chỗ cho những doanh nghiệp có hiệu nâng cao hơn. Đó cũng là tiền đề căn bản của ý thức hệ Cộng Sản: chế độ cũ phải đập tan bằng những cuộc cách mạng đổ máu mới có *"tiến bộ"*.

(b) Quan niệm về con người trong vũ trụ

Trước hết, Khổng Tử đưa ra tiền đề *"thiên địa vạn vật nhất thể"*, tức Trời, Đất và mọi vật cũng đều phát xuất từ sự biến hóa Âm-Dương mà ra. Như vậy, người và súc vật chẳng lẽ lại cũng ngang vai nhau hay sao? Lẽ dĩ nhiên là không. Con người khác mọi vạn vật vì *"con người là cái của trời-đất, sự giao hợp của âm dương, sự tụ hội của quỷ thần, cái khí tinh tú của ngũ hành"* (*Lễ Ký*, chương 9, TTK, tr. 38). Trong cuốn *Trung Dung*, Tư Tử cũng ghi rằng: *"Cái trời phó cho (con người) gọi là tính (hay nhân tính). Noi theo tính (hay nhân tính) gọi là đạo (hay nhân đạo). Sửa cho hợp đạo gọi là giáo (tức giáo hóa)."* (PK., tr. 18, những chữ trong ngoặc là phần tôi ghi thêm cho rõ nghĩa).

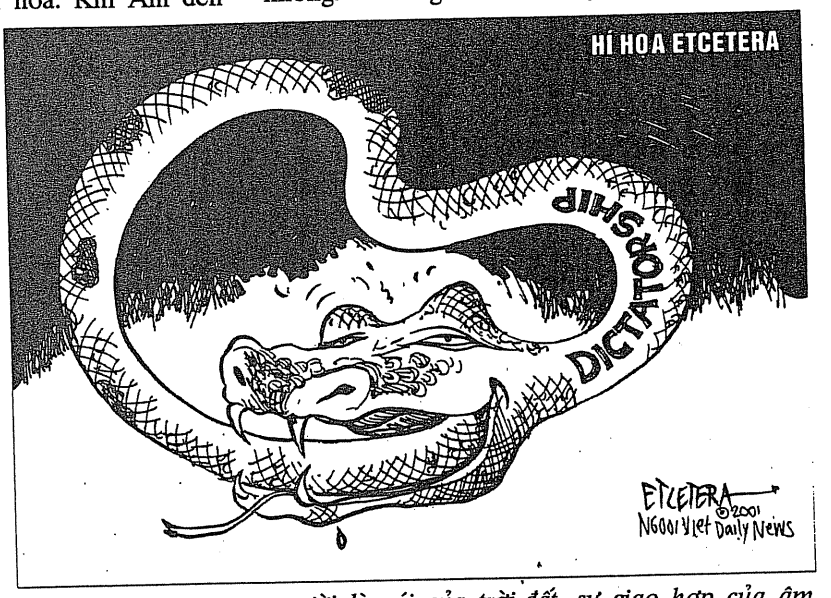

Vì nhờ cái khí chất của tinh tú mà Trời Đất đã phú bẩm cho con người, nên con người có thể sáng suốt nhìn hết mọi vạn vật. Cái khả năng này gọi là *"lương tri"* (TTK, tr 36). *"Lương tri"* hướng dẫn con người đi theo đúng đường *"nhân đạo."* Con vật không được hưởng cái ưu đãi của Trời Đất, nên không có *lương tri* và

không ý thức được *nhân tính* để sống theo *nhân đạo*.

Quan niệm siêu hình trong Khổng giáo có thể tóm lược như sau: *thiên lý* có đặc tính toàn thiện; con đường đưa tới *thiên lý* là *thiên đạo*. *Nhân tính* là phản ảnh của *thiên lý*; con đường đi tới *nhân tính* là *nhân đạo*; vậy *nhân đạo* là phản ảnh của *thiên đạo*, vì thế con người đương nhiên hướng về *thiện*. Tuy vậy, vẫn có những người bị u mê vì *vật tính*, không nhìn rõ con đường nhân đạo để theo, nên cần phải *giáo hóa* để sống cho phải đạo làm người.

4. Thử tìm hiểu thuyết trung dung

(a) Chữ "Trung" ("trúng giữa")

Thể hiện cái *nhân tính* trong đời sống hàng ngày tức là sống phải *"đạo"*, tức là biết *hòa mình với Trời Đất* để sống *"trúng"* theo *thiên lý* (chứ không phải hòa mình với tụi côn đồ). Trong trường hợp này, người quân tử đạt được chữ *"trung"* (không có nghĩa là *"trung lập"*). Có như vậy, *"Trời Đất yên vị, vạn vật toại sinh"* (PK, tr. 24).

Trái lại, kẻ tiểu nhân thiếu *lương tri*, không biết sống cho phải đạo, tức là không biết sống *"trúng"* theo *thiên lý*. Hạng người này cần phải *giáo hóa*. Ngay cả những người quân tử có *lương tri*, nếu thấy chưa đi trúng đường (*đạo*), cũng phải tự giáo hóa (*tu thân*), như Tử Tư đã ghi:

"Đạo là cái chẳng nên rời xa giây phút nào, hễ rời ra được thì chẳng phải đạo nữa rồi. Vậy người quân tử răn đe và cẩn thận về những điều cho rõ (về đạo), e sợ ở những điều mình chưa nghe chắc (về đạo)... vì vậy người quân tử giữ gìn cẩn thận trong khi chỉ một mình mình đối với mình... (Phải) học cho rộng, hỏi cho rõ, nghĩ cho kỹ, phân biệt cho rành, dốc lòng mà làm... Đã học mà không đến nơi, không chịu bỏ (cố gắng học)... Đã hỏi mà không biết rõ, không chịu bỏ (tiếp tục hỏi)... Đã nghĩ mà không ra, không chịu bỏ (cố gắng nghĩ)... Người ta làm một lần mà được, mình làm trăm lần; người ta làm mười lần mới được, mình làm nghìn lần." (PK, tr. 18, 844-85).

Nói theo kiểu mới, người quân tử phải luôn luôn đề cao cảnh giác, không để lập trường chao đảo, phải tự phê bình kiểm thảo từng phút từng giây, phải cố gắng học tập để thấm nhuần nguyên tắc đạo lý, phải mang những điều học được ra thực hành hàng ngày để tiến tới đỉnh cao trí tuệ của loài người. Không những thế, người quân tử còn có nhiệm vụ cải huấn những kẻ tiểu nhân. Quả thật, chính sách giáo hóa này không khác gì chính sách "tẩy não" hay "cải tạo" trong các chế độ cộng sản Á Đông!

Vậy, ta đừng cho rằng nếu theo đúng thuyết trung dung ta sẽ có một lối sống thanh thản, không lo sợ! Nhưng tại sao lại có người cứ tưởng nhầm như vậy? Có lẽ vì lời Tử Tư đã ghi như sau:

"Người quân tử cứ theo địa vị mình mà ăn ở, không cầu ở ngoài... ở địa vị cao, không khinh khi lấn ướt người dưới; ở địa vị thấp, không cầu cạnh người trên, chỉ giữ cho mình được chính mà thôi, không cầu gì ở ngoài thì không oán hận; trên không oán trời, dưới không trách người..." (PK, tr. 50)

Nói một cách khác, người quân tử đạt được trạng thái bình thản này vì trong bất cứ trường hợp nào chỉ cần đi theo trúng chiều hướng nhân đạo là đủ toại nguyện. Đó mới là ý nghĩa của chữ *"trung"* trong thuyết trung dung! Như cụ Trần Trọng Kim đã giải thích: *"Nhân tâm nghĩa là cái phần sáng suốt riêng của người ta, tuy là một phần thiên lý... nhưng thường hay bị vật dục làm bế tắc, hơi sai một ly là chếch lệch ngay,... hễ sai một ly là mất cái trung rồi, cho nên ta phải lo sợ, phải cố hết sức mà giữ nó không trệch lệch."* (TTK, tr. 39)

Vậy giữ nổi đạo trung dung không phải là dễ, và nếu cần thì phải tử thủ, giữ vững lập trường. Như Tử Tử đã ghi:

"Cho nên người quân tử... đứng chính giữa mà không thiên mếch qua bên nào... Lúc nước có đạo (thái bình) không đổi cái chí của mình lúc chưa đạt... Lúc nước vô đạo (loạn) **dẫu đến phải chết cũng không dời cái chí bình sinh của mình.** *Mạnh thay mạnh."* *(PK, tr. 35-36)*

Thế nào là *"Đứng chính giữa mà không thiên mếch qua bên nào"*? Về điểm này, cụ Phan Khoang đã giải thích rằng:

"Xử sự thì giữ mực trung, nhưng trung là giữa thì dễ xiêu về một bên, vậy phải có định kiến cho vững, nên không để cho xiêu..." (PK, tr. 37) và *"Cái đích của đạo trung dung chỉ là làm cho đúng với thiên lý đương nhiên mà thôi"* (PK, tr. 28).

Nói một cách khác, người quân tử phải phân biệt rõ ràng cái tốt với cái xấu, để phán xét công minh, không vì tư lợi hay vật dục mà áp dụng nguyên tắc đạo đức một cách thiên vị. Vậy chữ *"trung"* ở đây ám chỉ lối sống theo *"trúng giữa"* con đường *thiên đạo*, chứ không có nghĩa là lửng lơ trong thế trung lập giữa phe

quân tử và phe tiểu nhân, giữa liêm sỉ và vô liêm sỉ.

(b) Chữ "Dung" ("bình thường")

Chữ *"trung"* dễ bị hiểu lầm như vậy, còn chữ *"dung" ("bình thường")* thì phải hiểu như thế nào? Lẽ dĩ nhiên, người quân tử theo đạo trung dung không phải là người *"bình thường"* rồi, vì nếu làm quân tử dễ dàng như vậy thì Khổng Tử đâu cần phải bỏ ra cả một đời đi giáo hóa thiên hạ. Vậy muốn thấu hiểu chữ *"dung" ("bình thường")*, ta lại phải trở về tiền đề siêu hình của Khổng giáo.

Theo một trong những tiền đề căn bản của Khổng giáo, con người bẩm sinh ra đã có *lương tri*, nhờ vậy ý thức được nhân tính và luôn luôn hướng về điều thiện (*"nhân chi sơ, tính bản thiện"*). Nếu bình thường không bị vật tính khuấy động, *nhân tính* sẽ phát triển một cách tự nhiên theo chiều hướng *nhân đạo*. Vậy con người chỉ cần theo đúng tính bản thiện của mình là đã theo đúng định lý biến chuyển điều hòa của vũ trụ, và đạt được đạo trung dung. Đó chỉ là một hành động rất *bình thường* làm theo *bản tính con người*. Như Tử Tư đã viết, muốn đạt được trung dung chỉ cần *"làm cho đúng với thiên lý đương nhiên mà thôi"* (PK, tr. 28). Đi ngược lại *"thiên lý đương nhiên"* tức là một hành động ngoại lệ, một hành động bất bình thường (không *"đương nhiên"*).

Nói tóm lại, thuyết trung dung không phải là một lời khuyên răn chúng ta nên sống như một người bình thường! Không trách gì Khổng Tử đã phải than rằng: *"Đạo trung dung cao xa lắm thay! Đã lâu rồi, loài người ít theo được."* (PK, tr. 26).

4. Trung dung trong môi trường Âu Mỹ

(a) Tình trạng "trung dung" trong xã hội theo quan điểm xã hội học Âu Mỹ

Theo Khổng giáo, sống theo thuyết trung dung là sống theo thiên lý, một nguyên tắc đạo đức chỉ những bậc Thánh Hiền có tâm đắc mới cảm thấy (vì *"Trời có nói gì đâu"*). Đa số con người không phải là bậc Thánh Hiền, không có tâm đắc, nên không biết *thiên lý* để suy ra *nhân tính* và sống theo *nhân đạo*. Vì thế, mỗi xã hội phải tự tìm lấy một con đường đi cho dân mình, tự suy luận ra *"đạo làm người"* tùy theo một nhân sinh quan nào đó hay ý thức hệ nào đó. Đó là quan điểm thực tiễn (empirical) và tương đối (relativism) mà ta thường thấy trong các nhà khoa học xã hội Âu Mỹ.

Trong một xã hội ổn định, mọi người được giáo hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác (socialization), thấm nhuần nếp *"đạo đức"* (social norms) để biết sống cho *"phải đạo"* (social conformity). Khi mọi người dân theo đúng quy tắc truyền thống, không *"trệch lệch"* (conforming to social norms), xã hội đó đạt được tình trạng *"trung"* (trúng truyền thống đạo đức). Khi đại đa số dân chúng sống *"bình thường"* (normal), tức sống theo đúng khuôn phép mà không cần phải chế tài, xã hội đó đã đạt được tình trạng *"dung"*. Lẽ dĩ nhiên, xã hội nào cũng có đôi người sống ngoài vòng đạo (deviants). Đó là biệt lệ, đó là trường hợp *"bất bình thường"* cần phải chỉnh đốn lại bằng áp lực xã hội (social pressure) hay dùng quyền lực quốc gia để chế tài.

Vậy theo quan niệm xã hội học, tình trạng *"trung dung"* chỉ đạt được khi xã hội đã thiết lập được một hệ thống kỷ cương ổn định (stable normative system), và một hệ thống giáo hóa hữu hiệu (effective socialization system) để mọi người theo nền nếp đạo của xã hội đó. Nhờ vậy, người dân vui vẻ sống theo kỷ cương, và bạo lực không cần thiết để bắt người dân vào khuôn phép. (Trong phần này, tôi dùng chữ *"tình trạng trung dung"* theo quan niệm xã hội học. Tôi cố ý tránh chữ *"đạo trung dung"* hay *"thuyết trung dung"* vì những chữ này ám chỉ hệ thống đạo Khổng Mạnh với những tiền đề siêu hình mà nhiều người không chấp nhận.)

Một điểm nữa tôi cần phải nhấn mạnh cho thêm rõ nghĩa chữ *"đạo đức"* hay *"kỷ cương"* (social norms). Mỗi xã hội có một nền đạo đức riêng, kỷ cương riêng, không cứ phải theo quan niệm *"Lễ"* của Nho giáo. Ngay cả một bộ lạc ăn thịt người cũng có nếp "đạo đức" riêng của họ nếu cái nếp "đạo đức" này đã được tổ chức quy củ, và mọi người đã được giáo hóa trong nhiều đời để biết thế nào là "phải," thế nào là "trái," thế nào là "ngon," thế nào là "không ngon," nấu thịt theo kiểu nào cho "phải phép," v.v.. Nếu toàn dân trong bộ lạc chấp nhận truyền thống *"đạo đức"* này, ta phải kết luận là bộ lạc ăn thịt người đó đã đạt được *tình trạng trung dung*, tuy ta không chấp nhận truyền thống dã man của đám người này.

Trái lại trong một xã hội theo *"luật rừng,"* không có nguyên tắc đạo đức rõ ràng, không có một chương trình giáo hóa quy củ, không có một hệ thống thưởng phạt phân minh, đa số người dân không biết thế nào là *"phải,"* thế

nào là *"trái"*, kẻ mạnh đàn áp kẻ yếu... Xã hội đó là một xã hội không đạt được *tình trạng trung dung*, không bằng một bộ lạc ăn thịt người.

Ta cũng nên biết, trong thời Chiến Quốc, luân thường bị đảo lộn (anomie), nhiều môn phái xuất hiện, mỗi môn phái đưa ra một chủ thuyết trị an với mục đích tạo ra một xã hội an hòa và ổn định. Khổng Tử bèn thiết lập một hệ thống đạo đức gọi là *Lễ* (normative system), và một chương trình giáo dục cho mọi người (socialization system). Kết quả là Khổng giáo đã hoàn toàn thống trị các xã hội trong vùng Viễn Đông trong mấy ngàn năm qua.

(b) Xã Hội Đa Văn Hóa

Trong một xã hội đa văn hóa có nhiều tôn giáo khác nhau. Tuy nhiên, đối với các nhà xã hội học Tây Phương, tôn giáo nào cũng vậy. Mỗi tôn giáo dựa trên một vài nguyên tắc siêu hình về vũ trụ, về vị trí con người trong vũ trụ, và về hướng đi của nhân loại. Về điểm này, các tôn giáo đó không khác gì Khổng giáo.

Trong một xã hội đa văn hóa không những có nhiều tôn giáo, mà còn có nhiều nhân sinh quan khác nhau. Vì thế, trong một cộng đồng nào đó, sự phát triển *"nhân tính"* được coi là *"bình thường"* hay đúng với *"bản tính thiên nhiên"* lại có thể bị cộng đồng khác coi là *"bất bình thường"* hay trái với *"bản tính thiên nhiên"*.

Nói tóm lại, quan niệm *"Lễ"* hay *"Vô Lễ"* thay đổi tùy theo môi trường văn hóa. Ngay cả trong thời Khổng Tử, một số triết gia cũng không đồng ý với Ngài như Lão Tử, Mạc Tử, Hàn Phi tử, v.v., làm cho Ngài phải than phiền là người đời không nhìn thấy cái cao siêu của Ngài. Thực ra, họ không theo Ngài, không phải vì họ không có *"lương tri."* Mà chính ra vì họ không chấp nhận một số nguyên tắc siêu hình căn bản của Ngài.

Trong cộng đồng Việt Nam ở đây, chúng ta không có bậc Thánh Hiền nào chỉ bảo chúng ta phải sống như thế nào *"cho phải đạo,"* nên mỗi người Việt sống trong xã hội đa văn hóa Âu Mỹ có một quan niệm riêng về nguyên tắc đạo đức cần phải theo.

Có người nghĩ rằng chỉ mình mới là người *"có lương tri,"* biết *"sống phải đạo,"* rồi lên án những người không đồng ý với lối sống của mình là những người *"vô lương tri," "vô đạo đức."* Cuối cùng là người "có lương tri" và người "không có lương tri" đều nổi giận, chê nhau là *"dốt."* Đó là tình trạng *sân-si văn hóa* (cultural intolerance).

Có người tưởng là mình đang theo đạo *"trung dung"* với lối sống *"ba phải"* (*"mình"* cũng hay, *"họ"* cũng giỏi), rồi cuối cùng, không biết mình là ai, không biết "mình" hay chỗ nào, và "họ" giỏi chỗ nào. Đó là tình trạng *lạc lõng văn hóa* (cultural disorientation).

Có người lại theo con đường *"hội nhập"* với ý muốn *"hòa đồng"* với môi trường mới. Nhưng "hòa đồng" thì không thấy đâu, mà chỉ thấy cảnh mất gốc vì không có căn bản văn hóa vững vàng nên bị văn minh kỹ thuật Âu Mỹ áp đảo và *"đồng hóa."* Kết quả đưa đến tình trạng *đầu hàng văn hóa* (cultural surrender).

Lại có người nhất quyết đi tìm *Thiên Lý* bằng phương pháp tâm cảm, rồi lãng quên đời sống hiện tại, không thiết tha gì đến công việc hướng dẫn con em đi tìm một đời sống văn hóa thích hợp với môi trường mới. Hành vi *trốn tránh văn hóa* này (cultural escapism) chỉ là một biện pháp giải quyết nỗi cô đơn của cuộc sống nơi xứ lạ quê người, chứ không phải là một giải pháp hướng về phát huy và bảo tồn văn hóa.

(c) Tìm Một Lối Sống Theo Chữ "Trung" (trung thực, chứ không phải "trúng giữa")

Nếu thuyết trung dung cổ truyền với những tiền đề quá cao siêu, khó có thể áp dụng trong đời sống trong văn hóa Âu Mỹ, tại sao ta không tìm một con đường *trung dung* mới, thiết thực hơn, nhẹ nhàng hơn, để có đời sống thảnh thơi hơn?

Để trả lời câu hỏi này, trước hết ta phải tự xét lại nhân sinh quan của mình, để tìm cái nào hay nhất, đẹp nhất, tốt nhất, đạo nhất. Ta phải thành thực với ta trong vấn đề tự vấn lương tâm này, để biết cái gì ta muốn làm và nên làm. Mỗi người phải tự tìm lấy hướng đi của mình vì không ai có thể giúp ta trong vấn đề này được. Đó là hành động tự đi tìm mình (self-discovery). Cố gắng làm như vậy tức là một hành động *trung thực* đối với chính ta, *trung tín* với lương tâm của ta, *trung thành* với tư tưởng của ta, *trung trinh* với lòng của ta. Đó là đã đạt được chữ *trung* mà không cần phải thắc mắc đến Thiên Lý.

Hành động *trung thực* với lương tâm của mình có thể được coi là một hành động quân tử trong bất cứ một môi trường văn hóa nào. Trong văn hóa Khổng-Mạnh, đó là hành động *"giữ gìn nhân phẩm."* Trong văn hóa Âu Mỹ, đó là hành động *"bảo tồn phẩm hạnh"* (moral integrity).

Lối sống mà ta đã chọn là con đường sẽ đưa

ta tới phát triển *"nhân đạo" theo nhân sinh quan của ta.* Chúng ta đều biết những cái gì ta cho là "đúng," là "tốt," là "đẹp" có thể bị những người khác không chấp nhận. Nhưng cái đó là chuyện của họ, vì lương tâm của ta mới thực là kim chỉ nam giúp ta đi tìm hướng đi cho phải đạo. Như Khổng Tử đã dạy, *"Người ta ghét ai, ta cũng phải xét; người ta yêu ai, ta cũng phải xét"* (TTK, tr. 93). Khi thầy Tử Cống đến nghe giảng, Ngài cũng đã dạy *"Người mà cả làng ưa... chưa phải là người hiền. Người mà cả làng ghét... chưa phải là người hiền. Không bằng người mà kẻ thiện trong làng ưa, kẻ bất thiện trong làng ghét."* (TTK, tr 93-94)

Đạt được chữ *"trung"* theo định nghĩa ở trên là một việc rất khó trong một xã hội đa văn hóa giầu có. Ở đây, các cộng đồng di cư thường xuyên sống dưới áp lực đồng hóa, dễ đưa con người vào cảnh u mê, vào tình trạng đầu hàng văn hóa, hoặc trốn tránh văn hóa. Nếu không muốn đầu hàng hay chạy trốn, giải pháp hay nhất là quyết tâm tranh đấu để bảo vệ tư tưởng của mình, triết lý sống của mình. Đó mới là chữ *trung* mà ta phải theo.

(d) Tìm một lối sống theo chữ "dung" (dung hợp, chứ không phải "bình thường)

Cư ngụ trong một xã hội đa văn hóa, quyết tâm bảo vệ lối sống của mình là một hành động quân tử để duy trì lòng *trung* thực với chính mình và đồng thời để duy trì đặc tính đa văn hóa của xã hội đó. Làm như vậy tức là tỏ lòng hiếu đễ đối tổ tiên mình, và cũng là tỏ lòng biết ơn đối với một xã hội đã mở vòng tay đón tiếp mình.

Tuy nhiên, không vì vậy mà ta coi tất cả những người theo một lối sống khác là những người *"bất nhân"* (vì không theo con đường *"nhân đạo"* của ta) hay là *"vô đạo đức"* (vì không theo con đường *"đạo đức"* của ta). Làm như vậy tức là ta phạm vào tội bất công vì ta muốn đồng hóa họ mà lại không muốn họ đồng hóa ta. Hơn nữa, những người bị ta phán xét là "bất nhân" hay "vô đạo đức" sẽ phản ứng lại, và tạo ra tình trạng bất hòa giữa ta và những người đó. Lúc đó, làm sao ta thanh thản tiếp tục con đường *"nhân đạo"* của ta được?

Nói một cách khác, sống *trung* thực với nguyên tắc đạo đức của ta không có nghĩa là ta có quyền buộc tất cả mọi khác phải theo ta. Đó là tinh thần *dung hợp* với tất cả mọi người (tolerance). Đó là một điều kiện cần thiết đưa đến thanh bình trong một xã hội đa văn hóa để tất cả mọi chủng tộc được tự do phát triển trong không khí "trăm hoa đua nở."

Ta cũng nên biết, Trung Hoa cũng là một xã hội đa văn hóa khi Tần Thủy Hoàng mới lên ngôi. Nhưng vài năm sau, nhà Tần đã nghe Lý Tư dùng võ lực để tiêu diệt đặc tính đa văn hóa trước đó. Nho sĩ bị chôn sống, sách vở bị thiêu hủy. Lý Tư rất *trung* thực với chính sách pháp trị, mà không có lòng khoan *dung* đối với những tư tưởng dị biệt. Tên này chỉ biết dùng chữ *"trung"* để trị nước, mà không biết dùng chữ *"dung"* để an dân, và đã đưa toàn dân vào trọng cảnh lầm than máu lửa.

Trở lại thời đại hiện tại, ta đã từng chứng kiến nhiều xã hội đa văn hóa rơi vào cảnh tang tóc vì người dân không biết *dung* hợp với những người khác tôn giáo hay khác chủng tộc. Ta đừng tưởng rằng các bộ lạc Phi Châu tiêu diệt lẫn nhau chỉ vì trình độ bán khai, nghèo đói nên không biết *dung* hợp với các bộ lạc khác. Hãy nhìn những vùng có trình độ học vấn và kỹ thật tương đối cao như Bắc Ái Nhĩ Lan, hay Nam Tư, ta cũng thấy những cảnh tương tàn máu lửa chỉ vì dân này không có lòng khoan *dung* cởi mở.

Nói tóm lại, giữ vững lòng *trung* thực với chính mình rất cần thiết để duy trì nhân cách, nhưng cũng dễ đưa tới mâu thuẫn trong xã hội. Do đó, trong khi ta sống theo chữ *"trung"*, ta cũng phải biết *dung* hợp với người khác. Như vậy, mọi người mới thanh thản hơn, và biết thương yêu nhau hơn!

Ta nên nhớ rằng *trung* thực với nguyên tắc đạo đức của mình có nghĩ là phải *trung* thực ngay cả với đường lối *dung* hợp mà ta đã chọn. Tức là trong đời sống hàng ngày, chúng ta phải chống đối tất cả một hành động kỳ thị chủng tộc, dù nhóm người bị phỉ báng hay bị áp bức có một mầu gia hay tôn giáo khác hẳn chúng ta. Nói một cách khác, ta *dung* hợp với tất cả mọi chủng tộc, nhưng ta không *dung* túng những hành vi nào chà đạp nhân phẩm của bất cứ nhóm thiểu số nào khác. Có như vậy ta mới thực sự sống theo chữ *"dung"* một cách *trung* thực.

Để kết luận bài khảo luận này, tôi xin ghi lại đây hai câu khuyên nhủ của Khổng Tử nói lên chữ *"trung" (thực)* và chữ *"dung" (hòa)* theo nghĩa đặc biệt mà tôi đã trình bày ở trên:

"Dốc lòng tin, ham sự học, giữ cho vững dẫu chết cũng không thay đổi." (TTK, tr. 88).

"Công kích đạo khác là chỉ hại mà thôi." (TTK, tr. 59).●

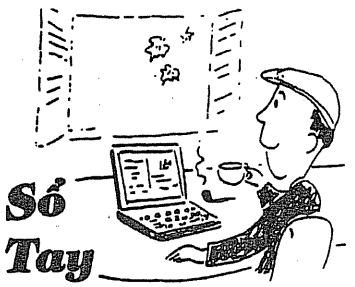

ĐẶNG THÁI SƠN VỀ QUẬN CAM

Đặng Thái Sơn đã trình diễn cho đồng bào ở Quận Cam nghe một lần trước đây ba năm, nhưng lần giữa Tháng Hai vừa qua giống như cảnh gia đình đoàn tụ. Cảm động nhất khi ban tổ chức mời thân mẫu ông, nhạc sư dương cầm Thái Thị Liên, lên sân khấu để tặng hoa. Cả rạp hát đứng dậy hoan hô hai dương cầm thủ ôm bó hoa đứng bên nhau, mẹ và con. Bá Thái Thị Liên mới từ Việt Nam ghé qua California trên đường trở về Montréal. Trong không khí đó, nhiều người nhớ tiếc thi sĩ Đặng Đình Hưng, thân phụ nhạc sĩ, nay đã qua đời. Tập chương trình chỉ nói "nhà thơ Đặng Đình Hưng đã gặp 'nhiều vấn đề' với chính phủ Hà Nội vì ông hoạt động trong phong trào Nhân Văn Giai phẩm."

Nhiều người đến nghe Đặng Thái Sơn vì hâm mộ tài danh, nhiều phụ huynh đem con em đến nghe để các trẻ em Việt Nam đang học đàn ở đây được khích lệ và tự tin hơn, khi nhìn thấy tận mắt một người Việt Nam đã chiếm huy chương vàng giải Chopin lúc mới 21 tuổi, trước đây 20 năm. Tập giới thiệu chương trình do Phạm Trung Chính giúp soạn thảo góp phần giải thích cặn kẽ các nhạc phẩm cho thính giả. Không khí hội trường ấm áp hẳn lên khi nhạc sĩ giải thích lời giới thiệu của cô Lê Đình Y Sa, Tổng thư ký hội VAALA. Đặng Thái Sơn nói rằng ông sắp trình tấu mấy "Khúc ca không lời" của Mendelssohn để tặng riêng các trẻ em Việt Nam đang có mặt. Mối thông cảm trực tiếp nở ra trong tiếng vỗ tay. Đó là những bài mà các nhạc sinh dương cầm đều tập, nhưng Đặng Thái Sơn cho thấy có thể diễn tả những "bài tập" đó bằng nghệ thuật điêu luyện, tài hoa.

Đặng Thái Sơn đã trình tấu ba bài của Chopin để thính giả thưởng thức tài diệu thủ của người Á châu đầu tiên chiếm thứ "Giải Nobel của âm nhạc" này. Nhưng mỗi năm có nhiều người được giải Nobel, còn giải Chopin năm năm mới có một huy chương vàng, nếu có người xứng đáng.

Nhưng phần xuất sắc nhất trong đêm Đặng Thái Sơn ở Quận Cam là các khúc nhạc của Ravel và Debussy. La Valse của Ravel được nhạc sĩ say sưa diễn tả đúng tầm vóc như một dàn nhạc hòa tấu. Khi ông báo cho thính giả biết sẽ trình tấu thêm bài "Pháo bông" của Debussy, cả hội trường ào lên trong tiếng hoan hô, rồi im lặng hoàn toàn để nghe những tiếng đàn rót vào tai. Những người đang cảm cúm, mà bữa đó miền Nam California đang bị dịch cúm, ai cũng nín tiếng ho. Ngồi bên tôi là Paul Van Ness, giáo sư trưởng ban dương cầm một đại học ở Los Angeles. Ông hoàn toàn bị chinh phục, tán thán: Đặng Thái Sơn gặp Ravel và Debussy mới thật sự "trở về nhà!"

Đặng Thái Sơn cũng trở về nhà trong cộng đồng người Việt ở Quận Cam. Các cơ sở truyền thông lớn như nhật báo *Người Việt*, đài phát thanh và đài truyền hình *Little Saigon*, đài *VNCR* và nhật báo *Viễn Đông*, đài *RFA*, đài *VOA*, chương trình truyền thông *Kicon.com* v.v. đều giới thiệu và phỏng vấn nhạc sĩ. Nhạc sĩ và bà Thái Thị Liên cũng đoàn tụ với những thân nhân mấy chục năm nay không gặp. Những người bạn của ông biết nhau từ thời ở Mát Cơ Va, Hà Nội hay Hải Phòng cũng đến tay bắt mặt mừng bên ngoài phòng trình diễn La Mirada. Nhạc sĩ Đặng Thái Sơn nói với bạn bè rằng khán giả ở Quận Cam thật là thanh lịch; khi ông đi diễn ở Hồng Kông thấy ở đó khán giả ồn ào quá, ngay cả ở Nhật Bản cũng không kém Hồng Kông bao nhiêu.

Mấy ngày sau, tôi ăn phở ở tiệm Hòa Bình, ngạc nhiên vì, lần đầu tiên, nghe tiếng nhạc Chopin thánh thót trong một tiệm phở. Tôi khen tiếng nhạc hay quá, người dọn bàn khoe liền: Đĩa Đặng Thái Sơn chơi đó! Bà chủ quán cho biết bà đã đi nghe Đặng Thái Sơn và mua một đĩa nhạc kỷ niệm. "Tuyệt diệu!" bà nói.

XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH VÀ TRẦN PHÚ

Tháng trước báo chí trong nước đã đăng bản dự thảo Báo cáo chính trị sắp đưa ra Đại hội đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ chín. Ngay đoạn mở đầu nó đã nhắc đến *"cuộc cách mạng tháng Mười ở Nga, cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên Chủ nghĩa Xã hội, ..."*

Họ long trọng báo tin cho các đảng viên và cả nước biết tin "cách mạng tháng Mười" đã mở ra cái này cái khác, mà quên bẵng không báo tin nó đã đóng cửa rồi. Cũng giống như Niên giám Vàng quảng cáo tiệm phở Bà Cả Đọi khai trương năm 1917, độc giả đi

đến xếp hàng tính ăn phở, không biết tiệm đã khánh tận từ lâu! Tin tức về cửa tiệm đóng vì phá sản được gói ghém trong một câu sau: "mặt khác lại xảy ra sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới vào cuối thế kỷ." Người đọc không quen văn chương của ban Tư Tưởng Văn Hóa thì chẳng biết câu "xẩy ra sự thoái trào" đó ngụ ý nói tiệm đã đóng cửa.

Báo cáo chính trị còn ca tụng "cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh." Thế ra ban Tư Tưởng Văn Hóa chưa đọc báo. Làm gì có cái gọi là phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh? Trong cuốn "Đảng Cộng Sản Việt Nam qua những biến động trong phong trào cộng sản quốc tế" tác giả ông Nguyễn Minh Cần đã chứng minh Xô viết Nghệ Tĩnh là một vụ mạo hóa, việc này do ông Hồ Chí Minh chủ động.

Ông Nguyễn Minh Cần viết "trong cuộc nổi dậy mạnh mẽ và dũng cảm của nông dân hồi tháng Tám-Chín năm 1930 không một nơi nào ở hai tỉnh Nghệ an, Hà Tĩnh đã lập ra xô viết cả." Họ đã lập ra những "xã bộ," "thôn bộ," có thể, nhưng xô viết thì không. Xô viết là từ chuyên môn trong tiếng Nga, để chỉ các "Ủy ban" cai trị sau khi cộng sản cướp chính quyền, tổ chức theo mẫu của Lenin. Không phải cứ lật đổ chính quyền cũ là có xô viết. Tại Nghệ Tĩnh, những nông dân nổi lên giống như đồng bào Thái Bình nổi dậy ba năm trước đây, họ cũng chưa có ý định lập một chính quyền, chứ đừng nói lập "chính quyền xô viết." Ông Cần viết: "đảng viên và dân chúng ở các địa phương đó không hề biết 'xô viết' là cái gì cả. Thế mà úm ba la .. lại có "phong trào xô viết Nghệ Tĩnh."

Cuộc nổi dậy ở Nghệ An Hà Tĩnh sau đó bị Cộng Sản Quốc tế chỉ trích là manh động, phiêu lưu. Và người chịu trách nhiệm là ông Trần Phú, Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Đông Dương lúc đó. Theo ông Nguyễn Minh Cần thì nguyên do là ông Nguyễn Ái Quốc đang ở bên Trung Quốc, nghe hóng biết tin, vội vã viết báo cáo "để làm đẹp lòng cấp trên." Cũng giống như một đại diện hãng Coca Cola ở Việt Nam bây giờ thế nào cũng tìm cách khoe dân bản xứ rất thích uống Coca Cola. Để làm gì? Để công ty chi nhánh trụ sở ở Singapore hay cấp thêm tiền làm ngân sách quảng cáo! Vì mọi số tiền chi dùng cho hoạt động tuyên truyền, quảng cáo của Nguyễn Ái Quốc đều do Cộng Sản Quốc tế cung cấp, như ông Cần đã cho thí dụ.

Sau đó Trần Phú đã viết thư lên than phiền với Cộng Sản Quốc tế. Bức thư này còn giữ trong kho lưu trữ của Cộng Sản Quốc tế, và ông Cần đang sống ở Mát-cơ-va được đọc. Trần Phú than rằng "Quốc chỉ là liên lạc viên" giữa Cộng Sản Đông Dương và Cộng Sản Quốc tế mà thôi nhưng, khi truyền lệnh từ trên xuống "anh ta cứ đưa ý kiến riêng của cá nhân vào mà không xin ý kiến các đồng chí."

Ngoài ra Trần Phú còn than phiền: "Quốc lại cứ liên lạc với Trung ương và Bắc Kỳ bộ, ở đâu anh ta cũng ra mệnh lệnh, ở đâu anh ta cũng đòi báo cáo." Đến nỗi "các đồng chí ở các kỳ bộ hỏi chúng tôi: Ai lãnh đạo chúng tôi, Trung ương hay là Quốc?" Và Trần Phú xin "các đồng chí sẽ giải thích cho Quốc rằng tình trạng đã xảy ra là không bình thường... Từ nay trở đi chúng tôi sẽ gửi trực tiếp những báo cáo và thư từ bằng tiếng Pháp... v.v."

DÂN HẾT SỢ ĐẢNG

Năm ngoái Thượng tọa Thích Thái Hòa, giáo thọ ở chùa Từ Hiếu, Huế, được Hòa thượng Thích Nhất Hạnh giới thiệu thay mặt thuyết trình tại Hội nghị Hòa bình Thiên niên kỷ của các tôn giáo. Nhưng Thượng tọa không được cấp hộ chiếu, bài thuyết trình được Thượng tọa Chân Pháp Ấn đọc ở New York. Khi Ban Tôn giáo chính phủ Hà Nội từ chối không cho một tăng sĩ xuất ngoại, họ chỉ phản ứng theo lối thông thường của nhà nước: bất cứ ai có hoạt động nào không do đảng Cộng Sản kiểm soát thì không được phép, dù đó là một nhà sư đi nói chuyện tôn giáo ở một hội nghị do Liên Hiệp Quốc bảo trợ.

Nhưng hành động của Ban Tôn giáo chính phủ (đúng ra đó chỉ là những phản ứng theo bản năng không kịp suy nghĩ) tạo ra những hậu quả mà đảng Cộng Sản không ngờ được. Thượng tọa Thái Hòa bỗng trở thành một nhân vật quốc tế. Các tổ chức nhân quyền thế giới theo dõi các hoạt động của Thượng tọa và phản kháng chính quyền cộng sản nếu thấy Thượng tọa bị đàn áp. Trước đó ở bên ngoài Việt Nam ít người biết tên Thượng tọa. Năm nay, khi Thượng tọa đến thăm Linh mục Nguyễn Văn Lý đang đòi tự do tôn giáo ở giáo xứ Nguyệt Biều, tin đó được loan truyền khắp thế giới trong cộng đồng người Việt. Bản tuyên bố mà hai vị ký, trong tháng Hai năm 2001 cùng các nhà lãnh đạo tôn giáo khác đánh dấu cuộc tranh đấu đòi tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Nước Việt Nam đang thay đổi, người dân đã hết sợ công an. Và người dân còn mạnh

dạn ra đường chứng tỏ rằng họ không còn sợ nữa. Dân hết sợ, đảng cầm quyền thì yếu. Những cuộc họp Trung ương Đảng gần như tê liệt, họp cả mười ngày cũng không quyết định được ai ngồi lại, ai đi. Trong khi những người tự nhận là "lãnh đạo" cả nước loay hoay không biết làm gì thì thế giới bên ngoài vẫn thay đổi.

Cuộc thiền hành do Tăng đoàn Thừa Thiên tổ chức đầu tháng Hai là một diễn biến hòa bình. Không còn gì hòa bình hơn một đoàn 300 tăng ni mặc áo vàng và 3000 Phật tử áo lam đi im lặng suốt hai giờ trong thành phố Huế cổ kính. Họ có kêu gọi lật đổ một chính quyền nào không? Không. Họ có đòi thanh trừng các cán bộ tham nhũng nào không? Không. Họ có đả đảo một chủ thuyết hay chính sách kinh tế nào hay không? Cũng không. Thượng tọa Thích Thái Hòa nói, khi hướng dẫn cuộc thiền hành này: "thiền giả vừa trầm lắng, vừa thanh thản, vừa an lạc và hùng tráng, .. không thể diễn tả hết bằng ngôn ngữ, bằng văn tự..."

Một hiện tượng đáng nhớ là hơn 3000 người dân ở năm huyện Thừa Thiên và thành phố Huế cho thấy: Họ không sợ. Ba ngàn người không phải là một đám đông lớn lắm. Nhưng ba ngàn người đã vượt qua bao nhiêu hàng rào ngăn cản, từ những đe dọa trực tiếp của công an đến nỗi sợ hãi âm ỷ nuôi trong lòng từ một phần tư thế kỷ, họ vượt hết các rào cản bên trong và bên ngoài, đi bên nhau để thể hiện nguyện ước lớn sống tấm lòng đại hùng đại lực đại từ bi. Đó là một biến cố lớn.

Công an đã tìm mọi cách ngăn cản, đến từng nhà khủng bố tinh thần. Dọa các người dạp xích lô, các người lái xe thồ không cho chở ai đến Tổ đình Từ Hiếu. Các huynh trưởng Phật tử được mời "làm việc" rồi bị giữ lại không cho về. Ngày Chủ Nhật nhưng các sinh viên bị mời tới trường rồi giữ lại. Các ngả đường vào thành phố bị chặn. Nhưng vẫn có ba ngàn người tụ họp được ở chùa, khi vào chùa dám mới mặc áo mầu khói hương, dự lễ. Họ đã tự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi bao trùm trên đất Huế từ năm 1975, từ Tết Mậu thân năm 1968. Mỗi năm vào đầu tháng Giêng người dân Huế vẫn âm thầm thắp hương tưởng niệm những nạn nhân bị giết hồi Tết Mậu thân. Năm nay người dân công khai chứng tỏ rằng họ không sợ nữa.

Linh mục Nguyễn Văn Lý đã nêu một tấm gương an lạc và hùng tráng như vậy ở Nguyệt Biều. Như ông Nguyễn Minh Cần, một người dân xứ Huế hiện sống ở Mát Cơ Va mới viết bài "Mạnh dạn xé rào mà tiến lên" trên báo Người Việt. Ông có một cách nhìn lạc quan về tương lai đất nước.

Ông Cần đã kể lại lời cố đạo diễn Vũ Huy Cương ca ngợi các hành động phản kháng của người dân Thái bình, Nam Định, Hưng Yên, Nghệ An, Hà Tây, v.v. Ông Cần nhắc lại những cuộc biểu tình của đồng bào Đồng Tháp, đồng bào Hải Phòng, kéo nhau về Hà Nội, đến biểu tình tận trụ sở đảng Cộng Sản. Các nông dân ý thức quyền của họ, và họ không sợ hãi. Cũng như hàng triệu đồng bào Phật giáo Hòa Hảo đã tìm về thánh địa kỷ niệm ngày đản sanh Đức Thầy. Tất cả những hành động đó cho thấy người dân Việt Nam không còn sợ như Nguyễn Tuân đời xưa nữa. Đồng bào Thượng cũng không chịu nổi chính sách chiếm lĩnh đất đai vô tổ chức và bất chấp luật pháp, họ cũng vùng dậy.

Trong lúc đó thì nội bộ đảng Cộng Sản đang lâm vào tình trạng bế tắc, tê liệt. Họp nhau mấy lần cũng không ngã ngũ ai sẽ nắm đầu ai. Một bản báo cáo chính trị chỉ toàn những khẩu hiệu trống rỗng. Hơn ba trang chỉ để thú nhận "những yếu kém khuyết điểm" mà mục đích là để đổ tội lẫn nhau ngõ hầu tranh giành địa vị. Nước Việt Nam đang bị thế giới bỏ quên, từ kinh tế đến chính trị.

CHỈ CÒN LẠI MỘT BẦY NÔ LỆ

Quý vị thử đọc một đoạn phê bình các yếu kém khuyết điểm của đảng Cộng Sản Việt Nam dài hơn 1500 chữ. Chỉ xin trích vài câu trong mỗi đoạn dưới đây.

"Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp... Năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao... Nạn buôn lậu, gian lận chưa bị đẩy lùi.. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài giảm nhiều, .. công tác quản lý, điều hành lãnh vực này còn nhiều vướng mắc và khuyết điểm..."

"Một số vấn đề văn hóa, xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Tỷ lệ thất nghiệp... còn ở mức cao...Chất lượng và hiệu quả giáo dục-đào tạo thấp so với yêu cầu... Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dậy và học, sách giáo khoa, thi cử, cơ cấu đào tạo, trình độ quản lý có nhiều thiếu sót...những hiện tượng tiêu cực đáng lo ngại tiếp tục diễn ra... Môi trường .. ô nhiễm ngày càng nặng... Mê tín hủ tục có chiều hướng tăng. Cơ sở vật chất của ngành y tế thiếu thốn và lạc hậu..."

"Tai nạn giao thông xảy ra ở mức nghiêm trọng, gây những thiệt hại lớn về tính mạng và

tài sản... nạn ma túy và mại dâm chưa bị đẩy lùi. Bệnh HIV/AIDS lan ra cả nước... Tội phạm gia tăng. Mức sống nhân dân một số vùng quá thấp..."

"Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển., ... chưa sát với cuộc sống, chưa hợp lý, thiếu tính khả thi..."

"Tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng."

"Tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu kéo dài, diễn ra trên nhiều lãnh vực trong bộ máy nhà nước, đảng, đoàn thể và trong các doanh nghiệp nhà nước."

Xin tạm ngưng ở đây, dù mới chỉ đi qua một phần ba bảng tổng kết các "yếu kém khuyết điểm." (Có một câu khó hiểu là tại sao một bản Báo cáo chính trị lại báo cáo cả các tai nạn xe cộ? Không lẽ Trung ương Đảng lại đóng vai cảnh sát lưu thông nữa? Một người mới từ Hà Nội qua chơi cho biết ông Đại sứ Mỹ Pete Peterson rất quan tâm về vấn đề này, ông có một quỹ viện trợ cho việc cải thiện hệ thống điều khiển giao thông cho thành phố Hà Nội nữa. Nghe nói vậy không biết đúng hay sai nhưng thấy dễ hiểu hơn. Hà Nội là lãnh địa của ông Phạm Thế Duyệt!) Phần sau nói về các "nguyên nhân chủ quan" gây ra các khuyết điểm trên, lời lẽ nặng nề không kém. Bây giờ quý vị thử đoán đây là tài liệu của ai đưa ra? Đó chính là ba trang trong Báo cáo chính trị của Trung ương Đảng cho Đại hội Chín.

Đọc cũng thấy ngay trong đó lưỡi dao cắm sau lưng Lê Khả Phiêu, người đang bị phe cánh Phạm Thế Duyệt (Thủy Cung Thăng Long) bủa vây và phá từ trong phá ra. Sau khi ba hoa về "tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo tiếp tục công cuộc đổi mới, ra sức xây dựng v.v." bản Báo cáo dành ra hơn ba trang chỉ để nói về những "yếu kém khuyết điểm." Những đoạn trên đây trích từ ba trang đó.

Có đảng chính trị nào thú nhận những "yếu kém" như vậy rồi "xin đồng bào hãy tin tưởng bỏ phiếu cho chúng tôi" hay không? Vì họ độc quyền một mình một chợ, múa gậy vườn hoang nên Đảng muốn múa sao cũng được.

Nhưng ở Việt Nam không thiếu những cá nhân can đảm dám phê bình Đảng Cộng Sản. Nhóm Nối Kết đã chuyển đi một bài của Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân, đang sống ở Hà Nội và Sài Gòn, có ghi cả địa chỉ. Họ lên tiếng đòi dân chủ cho nước Việt Nam, thiết tha nói đi nói lại nước Việt Nam phải có dân chủ mới được. Họ phải che cái dù "Tư tưởng Hồ Chí Minh" cho nó an toàn, nhưng nội dung chính là đòi dân chủ. Cụ thể, ông Trần Khuê và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân đòi Việt Nam phải có tự do báo chí.

Bằng một lối văn hài hước được che đậy dưới giọng nghiêm trang, hai tác giả đã mô tả tình trạng "giậm chân tại chỗ" và "thần hồn nát thần tính" của chế độ. Họ nói những câu thẳng thắn: "Làm kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc ngót 20 năm đã thấy là không thích hợp, làm tiếp 10 năm nữa trong cả nước lại thấy càng không thích hợp, lâm vào tình trạng khốn đốn, khủng hoảng, trì trệ." Và họ viện dẫn những lời cụ Trần Văn Giàu, tốt nghiệp "Văn bằng Chủ nghĩa Xã hội" ở Mát Cơ Va từ 70 năm trước, bây giờ hỏi Đảng: "Thế nào là Chủ nghĩa Xã hội? Thế nào là định hướng xã hội chủ nghĩa?"

Chẳng ai biết nó là thế nào cả! Đó là sự thật. Nhưng đảng Cộng Sản vẫn nhất quyết còng tay toàn dân lại kéo họ tiến tới Chủ nghĩa Xã hội! Kết quả sẽ ra sao? Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân kết luận, "Có tự do dân chủ là có tất cả! Mất tự do dân chủ là mất tất cả! Vậy còn lại gì? Chỉ còn lại một bầy nô lệ mới cho bọn tài phiệt bản xứ và tài phiệt quốc tế mà thôi!"

CHỐNG CỘNG HAY BỊ CỘNG CHỐNG

Mười năm trước, Nguyễn Hữu Chung viết bài "Hãy ngưng... chống Cộng" (Thế Kỷ 21 số 18, tháng Chín 1990). Ông viết "Vấn đề không phải là chống Cộng, chống Cộng. Vấn đề là dẹp bỏ độc tài, xây dựng Dân chủ." Thế mà đến nay, có nhiều người khen tạp chí này "Chống Cộng quá nhỉ."

Nhưng sự thật phải nói ngược lại mới đúng: Cộng nó chống mình đấy chứ có phải mình chống họ đâu? Cộng nó chống cả bầy chục triệu dân mình. Cứ coi cái cách băng đảng của họ bắt dân mình nuốt chủ nghĩa Marx Lenin vào họng suốt nửa thế kỷ còn khổ hơn nuốt bo bo. Thí nghiệm đủ thứ chính sách nhập cảng từ Nga từ Trung Quốc, sai rồi lại sửa, sửa rồi càng sai. Đem thân xác hàng triệu thanh niên ra làm thí nghiệm chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng để đóng vai tiên phong cho phong trào cộng sản thế giới. Đến bây giờ phong trào tan rã rồi vẫn còn bắt dân cắm cổ chạy tiếp, ai nói khác đi thì dùng Nghị định 31 để bỏ tù, quản chế. Có phải là họ

chống dân mình hay không nào?

Nhà văn Hà Sĩ Phu bị họ đưa giấy đòi truy tố ra tòa về tội "phản quốc," hơn một năm sau dư luận quốc tế phản đối mới thôi, nhưng máy PC của ông vẫn bị lấy mất, ông vẫn bị quản chế nhân danh cái Nghị định 31. Như thế là Hà Sĩ Phu chống Cộng hay Cộng chống Hà Sĩ Phu? Trường hợp nhà văn Nguyễn Đình Toàn nữa. Xưa ông đã nổi tiếng về viết tiểu thuyết, đêm đêm rỉ rả kể chuyện tình cảm qua ca nhạc ở đài phát thanh Sài Gòn, vì thế mà đã bị sáu năm tù cải tạo. Hai năm qua ông đã định cư ở Mỹ, được đài phát thanh VOA mời lâu lâu nối tiếp những câu chuyện nhạc chủ đề, chẳng chống Cộng chống Trừ gì hết. Mới phát thanh được mấy lần mà các con ông đang ở Sài Gòn đã được công an đến hỏi thăm! Như vậy là Cộng Sản chống Nguyễn Đình Toàn hay Nguyễn Đình Toàn chống Cộng?

Thượng tọa Thái Hòa có chống Cộng hay không? Ngay cả tổ chức Giáo hội Phật giáo do Đảng lập ra, Thượng tọa cũng không chống. Từ năm ngoái ông viết thư cho Đảng xin cho được tự do hành đạo, còn yêu cầu Đảng để yên cho các tăng ni Giáo hội Phật giáo tu tập, đừng có xen lấn vào việc đạo.

Bàn về dự thảo Báo cáo Chính trị của Trung ương Đảng Cộng Sản, lý do vì Đảng Cộng Sản sẽ dùng những chữ trong Báo cáo này cai trị dân mình. Dân mình đói hay no, con em mình được học hành hay đi lượm rác, nhìn sang các nước láng giềng thấy hãnh diện hay là tủi hổ, là tùy thuộc họ sẽ thực hiện những điều viết trong Báo cáo này. Chúng ta bầy tỏ ý kiến VÌ không muốn họ tiếp tục chống bà con mình, chứ trên thế giới bây giờ đâu còn cộng sản nữa mà chống cộng?

Nhưng trong nước cũng nhiều thay đổi và tiến bộ đấy chứ? Khi phê phán một chế độ người ta không phải chỉ so sánh, nhận xét về những tiến bộ hiện giờ so với trước đây 10 năm, 20 năm. Mà phải so sánh với những chế độ khác, ở các nước có hoàn cảnh tương tự, xem người ta tiến xa bao nhiêu, còn mình tụt hậu như thế nào.

Dân mình có no ấm hơn không? Ngày xưa ở Hà Nội người ta phải than vãn: "Một năm ba thước vải thô - làm sao che nổi cụ Hồ hở em?" Ngày nay mọi người có quần áo mặc, nhiều người còn mặc áo dạ hội hay "mi ni ríp" nữa. Người mình có được tự do hơn không? Trong mươi năm vừa qua, có tự do hơn. Thay vì phải ăn phở chui, bây giờ muốn ăn phở quán nào cũng được. Ở Sài Gòn xưa ngày nào ông bà công an khu vực cũng vô nhà mình đi nhìn ngó từ gầm giường đến nóc tủ, bây giờ chỉ khi nào họ cần tiền hút thuốc họ mới đến xét nhà, cũng tự do hơn thật. Nhưng tự do như vậy có đáng gọi là tự do hay không?

Hòa thượng Quảng Độ cũng tự do hơn so với hai năm trước. Năm 1999 ông đến thăm Hòa thượng Huyền Quang đang nói chuyện thì bị công an xông vào bắt, khảo cung, áp giải ngay về Sài Gòn. Tháng Hai năm nay ông được tự do đi từ Sài Gòn đến Quảng Ngãi. Dọc đường chỉ bị giữ lại khám xét, một tỉnh khám, rồi hai tỉnh xét, đến tỉnh thứ ba lại khám xét nữa. Nhưng không bị bắt giam, lại còn được vào chùa thăm bạn đồng đạo. Thôi thế cũng coi là tự do hơn rồi.

Tất cả những lần họ chặn đường để khám xét Hòa thượng Thích Quảng Độ họ đều nói là để xem có có cái gì "vi phạm anh ninh quốc gia" hay không. Nhưng tại sao phải lột hết quần áo một vị thầy tu 74 tuổi ra, lần từng gấu áo để tìm những tài liệu gì nguy hại đến an ninh quốc gia? Làm như vậy cốt để làm mất phẩm giá của một nhà tu hành, chứ có thấy trong đó an ninh quốc gia hay tư tưởng Hồ Chí Minh nào đâu?

Nhưng đây không phải là chuyện riêng của nhà sư. Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, bất cứ ai cũng có thể bị công an làm như vậy. Hòa thượng Thích Quảng Độ nói "Từ hai chục năm nay Giáo hội kêu gọi nhiều lắm, chỉ mong làm sao cho dân tộc Việt Nam được tự do làm người công dân, nhân phẩm tư cách được bảo đảm. Chỉ mong có thế thôi... Chỉ mong một ngày nào gần đây Nhà nước này họ mở rộng ra, họ cải tổ đổi mới cho nó nhanh hơn chút để đem lại tự do, nhân phẩm cho người Việt Nam. Chúng tôi chỉ mong có vậy thôi."

Chỉ mong có vậy thôi. Một ngày gần đây, cải tổ, đổi mới cho nó nhanh nhanh một chút, chỉ có vậy thôi. Nhà tu hành trên bẩy mươi tuổi không biết còn sống được bao nhiêu năm nữa, nói những lời chân thành, giản dị như vậy, có ai thấy là đòi hỏi quá đáng lắm không?

Vậy có phải là đảng Cộng Sản nhất định chống lại những ước vọng đơn giản nhất của dân mình hay không? Họ chống dân như vậy mà không lên tiếng can ngăn, cứ sống yên thân nơi xứ người, lâu lâu về nước bỏ đô la ra để hưởng thụ thì khi chết còn mặt mũi nào trông thấy tổ tiên?

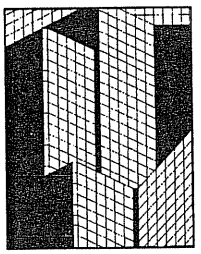

Đời sống quanh ta

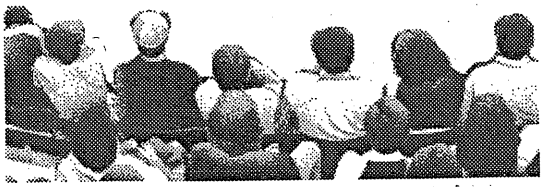

NGƯỜI THIẾU NỮ NGĂN CHẶN ĐƯỢC THẢM KỊCH BẮN GIẾT

THANH THẢO

Kelly Bennett ôm mộng trở thành diễn viên từ lúc ấu thơ. Cô biết giấc mơ của mình xa vời, nhưng không thể vì khó khăn mà không theo đuổi, và cô vẫn thường nghĩ một ngày nào đó cô sẽ nổi tiếng. Theo lời thuật cho phóng viên People của cha mẹ cô Kelly, từ lúc còn rất bé, cô đã tuyên bố mình sẽ nổi tiếng, sẽ thành một "minh tinh." Nhưng có lẽ cả cô, lẫn cha mẹ đều không ngờ có lúc tên Kelly Bennett được nhắc đến trong các chương trình hội luận truyền hình toàn quốc, không phải trong vai nhân vật nào đó của phim ảnh, mà là một "minh tinh" thứ thật, một vị anh thư ngoài đời.

Là một sinh viên Đại Học năm thứ nhất, tại Đại Học San Jose tiểu bang California, Kelly Bennett, 18 tuổi, phải đi làm thêm để có tiền chi dùng lặt vặt. Cô làm việc trong phòng rửa phim bên trong tiệm bán dược phẩm Longs Drugs từ năm giờ chiều đến 10 giờ tối, vài ngày một tuần, theo sự phân công của phòng nhân viên.

Buổi chiều Thứ Hai ngày 29 tháng Giêng vừa qua, Kelly đến tiệm làm việc như những ngày khác lúc năm giờ chiều. Người phụ trách công việc ca trước cho biết hôm đó là một ngày ế ẩm, buồn ngủ, và Kelly có thể đem sách ra học vì chẳng có bao nhiêu việc để làm. Vốn tính nhanh nhẹn, Kelly dọn dẹp, sắp xếp mọi thứ gọn gàng xong, cô bắt đầu đem phim ra rửa. Khoảng 5 giờ 45 phút, Kelly rửa một cuộn phim được khách hàng bỏ rửa ngày hôm trước, và có giờ hẹn sẽ đến lấy hình lúc 6 giờ 05 phút.

Đáng lẽ sau khi bỏ phim vào máy, Kelly có thể ra ngồi học bài đợi phim xong, đem bỏ vào bao hình, ghi số, ghi giá tiền là xong việc. Nhưng vốn cẩn thận, Kelly muốn xem màu hình có trung thực hay không. Cô ngồi vào máy điện toán để kiểm soát từng hình. Tấm đầu cho thấy một chồng quần áo màu đen, bên trên là một chiếc áo thun đen gấp gọn gàng, với hàng chữ "Natural Selection," tạm dịch là "Luật Đào Thải Tự Nhiên." Hình này làm cô băn khoăn suy nghĩ chút ít, nhưng những tấm sau mới gây cho cô sự hoảng sợ. Trong những hình kế tiếp là những cây súng đã cưa bớt nòng, những đống bom, và hàng trăm băng đạn. Những tấm hình này cho thấy có một người hay một nhóm nào đó đang âm mưu gây tội ác. Nhưng gây tội ác ở đâu? Ai là người chủ mưu? Bao nhiêu nghi can liên quan trong vụ này? Ai là đối tượng của trận tấn công đáng sợ có thể xảy ra? Và cô làm được gì để ngăn chặn âm mưu hãi hùng này?

Kelly kinh hoàng nghĩ đến giờ khách sắp đến lấy hình, chỉ còn chừng 15 phút, cô buộc phải làm gì đó ngay lập tức nhằm ngăn chặn âm mưu này. Suy nghĩ trong giây lát, cô in hết hình ra, đem đưa cho người bạn làm cùng ca, và là quản lý tiệm tên Michelle Houde xem. Michelle Houde, 20 tuổi, sinh viên trường Đại Học Cộng Đồng De Anza năm thứ ba, cũng cảm thấy sợ hãi cho rằng cả hai cần báo cho giới thẩm quyền. Kelly gọi điện thoại cho cha cô, ông Bob Bennett, 46 tuổi, một cảnh sát viên tại ty San Jose. Sau khi nghe con gái kể chi tiết những tấm hình cô vừa rửa xong, với bom, đạn, súng đã cưa nòng, ông Bob bảo Kelly gọi số điện thoại khẩn 911 ngay lập tức.

Trong thời gian chờ cảnh sát đến, hai cô Kelly và Michelle phải an ủi nhau vì chỉ còn khoảng 10 phút nữa là đến giờ khách lấy hình. Bất cứ lúc nào người chụp những tấm hình này cũng có thể xuất hiện. Trước khi cảnh sát đến, làm sao hai cô biết được cả hai có thể bị nguy hiểm đến tính mạng không?

Cảnh sát đến tiệm 10 phút sau đó. Tuy lúc đầu họ tỏ ra không mấy quan tâm đến câu chuyện Kelly kể, nhưng khi nhìn thấy xấp hình, họ gọi về sở cảnh sát và bắt đầu xin lực lượng đặc biệt chuyên về bom đến tiếp viện. Cảnh sát nhờ Kelly rửa thêm một bộ hình thứ nhì, đợi nghi can đến lấy. Lúc này đồng hồ đã chỉ 6 giờ 15 phút. Kelly bắt đầu thấy run khi cảnh sát trông chừng cho biết có một người đang tiến đến cửa, sắp bước vào tiệm, có thể là nghi can. Cảnh sát bảo cô Kelly bước ra tiếp người khách trong khi họ bố

trí canh chừng cho cô từ bên trong phòng rửa phim.

Có thể nhờ thích đóng phim từ nhỏ, nên Kelly đóng kịch tài tình. Dù run sợ, cô hỏi tên nghi can. Anh ta cho biết tên Al DeGuzman. Kelly nhận thấy mắt anh chàng đỏ hoe khi anh ta nói rằng đến lấy xấp hình anh đã bỏ rửa hôm qua. Biết chắc trong thùng hình đã rửa không thể có hình DeGuzman đến lấy, vì xấp hình đó đang nằm trên tay nhóm cảnh sát trong phòng rửa phim, nhưng Kelly cũng làm bộ cúi xuống loay hoay tìm. Sau đó, cô đứng lên nói với nghi can cô không thấy hình trong thùng, chắc để cô vào phía trong tìm xem sao. Nghi can gật đầu đứng ngoài đợi.

Đợi Kelly vừa bước vào phòng trong an toàn, cảnh sát đã phân tán, xông ra chặn cửa và ra lệnh cho nghi can đầu hàng. Thoáng thấy bóng cảnh sát, nghi can đã bỏ chạy, nhưng không kịp. Sau khi bắt giữ nghi can, cảnh sát giao Kelly và cả tiệm cho lực lượng đặc biệt canh chừng trước khi giải nghi can về bót. Kelly và người bạn Michelle vẫn làm việc bình thường cho đến hết ca lúc 10 giờ đêm. Hai cô được bảo vệ ra khỏi tiệm, về nhà an toàn tối hôm đó.

Tuy chưa quên được kinh nghiệm đáng sợ chiều hôm trước, nhưng Kelly không ngờ những chi tiết cô biết ngày hôm sau cho thấy việc làm của cô đã ngăn được một âm mưu sát nhân hàng loạt nghiêm trọng đến độ nào. Sáng sớm hôm Thứ Ba, cha Kelly gọi điện thoại cho cô tại nơi cô ở, trong căn chung cư gần trường Đại Học, cho biết những điều cảnh sát lục soát thấy trong phòng ngủ của nghi can. Kelly đến lớp học sớm như thường lệ, nhưng khi thấy cô, cảnh sát bố trí sẵn gần trường đại học đã khuyên cô về nhà cha mẹ tại Aromas tạm trú. Aromas cách San Jose khoảng 50 dặm, là nơi cảnh sát cho rằng cô sẽ được an toàn hơn, đề phòng nghi can có thêm đồng lõa trong âm mưu sát nhân. Những đồng lõa này có thể tìm cách gây nguy hại cho Kelly.

Lúc về đến nhà cha mẹ, Kelly mới biết chi tiết những tang vật cảnh sát tìm thấy tại nhà nghi can. Theo hồ sơ điều tra của cảnh sát quận Santa Clara, phòng ngủ của nghi can DeGuzman, 19 tuổi, chứa hàng loạt vũ khí giết người. DeGuzman là sinh viên đại học cộng đồng De Anza (cùng trường với Michelle, người làm việc cùng ca với Kelly tại Longs Drugs) năm thứ nhất, nhưng vũ khí tìm thấy trong phòng cho thấy anh chàng này không phải sinh viên, hay học giả, mà là một kẻ dự mưu sát nhân nguy hiểm. Cảnh sát đã tịch thu năm khẩu súng, loại tự động và bán tự động, có cây đã cưa nòng, 60 quả bom loại nặng, 2,000 viên đạn còn trong băng và những bài viết ca ngợi hành động sát nhân đã man của hai học sinh trường trung học Columbine, gần Denver, Colorado. Vụ thảm sát tháng Tư năm 1999 này đã làm thiệt mạng 12 học sinh, một giáo sư; hai kẻ sát nhân mới 15 và 16 tuổi.

Phó Biện Lý quận Santa Clara, ông Lane Liroff, đã công bố không ai có thể lường được chuyện gì sẽ xảy ra nếu nghi can không bị bắt vào đúng tối Thứ Hai, vì theo những chi tiết tìm thấy trong phòng nghi can, vụ thảm sát dự trù được thực hiện trong ngày Thứ Ba, tức ngày hôm sau. Nếu điều đó xảy ra, vẫn theo ông Liroff, thì đây sẽ là một cuộc thảm sát lớn hơn cả vụ đặt bom nổ tại tòa nhà thị chính Oklahoma của Timothy McVeigh khiến hàng trăm người chết và vô số bị thương. Hành động khủng bố tại Oklahoma hiện mang cho can phạm McVeigh án tử hình trong tháng Năm tới đây. Ông Liroff kết luận: "Điều kỳ diệu nhất trong vụ này là không ai có thể tưởng tượng một người trẻ tuổi như DeGuzman lại có thể toan tính một âm mưu sát nhân nguy hiểm đến như vậy, nhưng lại gặp phải một anh thư trẻ không kém, kịp thời cản được âm mưu đó."

Hiện nay nghi can DeGuzman đang bị giam giữ không được đóng thế chân để tại ngoại hầu tra. DeGuzman đã khai vô tội trong cáo trạng 122 tội danh tàng trữ vũ khí sát nhân. Anh ta phải ra tòa sơ thẩm ngày 15 tháng Hai, 2001. Hồ sơ điều tra cho thấy nghi can là một người trầm lặng, sống trong nhà với cha mẹ ở San Jose. Cha nghi can, ông Leonardo, là một kỹ sư , mẹ tên Alma là người huấn luyện nhân viên. Trong vài tháng gần đây, nghi can đã lên hai mạng điện toán tỏ lộ sự thù ghét nhiều đối tượng khác nhau, từ tổng thống Bush, cựu phó tổng thống Gore, cho đến giảng sư và sinh viên tại trường đại học De Anza. Điều tra cảnh sát hiện kết luận DeGuzman hành động đơn lẻ.

Trong khi Kelly đang vui sướng xuất hiện trong nhiều chương trình hội luận truyền hình tại New York, cha mẹ cô

cho biết họ không ngạc nhiên với hành động của con gái, vì biết tính cô từ nhỏ, nhưng họ rất hãnh diện con mình là người ngăn chặn âm mưu thảm sát đáng sợ nhất được tìm thấy xưa nay. Những nhân viên phòng điều hành trường đại học cộng đồng De Anza, cảm kích vì hành động của Kelly và Michelle, hiện đang kêu gọi gây quỹ học bổng cho hai cô học xong chương trình đại học. Nhưng Kelly có dự định riêng.

Kelly cho biết, ngoài giờ học hoặc tham gia những chương trình truyền hình, cô vẫn làm việc như cũ tại tiệm Longs Drugs. Nơi đây hàng ngày có cả trăm người ghé đến mua sắm để tỏ sự ủng hộ một tiệm địa phương, nơi làm việc của người thiếu nữ đã ngăn chặn đúng lúc một thảm kịch sát nhân. Vì vậy, thương vụ tại Longs Drugs tăng triển rõ rệt trong mấy tuần qua. Kelly nói rằng cô đem thương vụ đến cho tiệm nhiều như vậy thì khi cô xin tăng lương chắc giám đốc điều hành Longs Drugs không nỡ từ chối.

VỀ CÁI CHẾT CỦA STALIN

(Bài đăng trên tờ Nhật Báo (Mátxcơva) số 116 ngày 12-02-2000)

Chết vì tràn máu não?

Về những gì liên can đến Staline trước lúc lâm chung, hiện có nhiều cách giải thích. Tường tận hơn cả vẫn là chuyện kể của Khrouchev trình bày. Theo ông, như thường lệ, dạ yến đêm 28 tháng Hai tại biệt thự ngoại ô Mạc tư khoa kéo dài cho tới năm, sáu giờ sáng hôm sau. Staline uống khá nhiều, say túy lúy nhưng thần sắc hưng phấn lạ thường, không hề nhận thấy dấu hiệu gì của bệnh hoạn. Ông còn ra tận cửa để tiễn Malenkov và những vị "hạt nhân" khác. Và khi ấy Staline cũng rất vui, nói cười sảng khoái, ông lấy ngón tay dí vào bụng phệ của Khroutchev rồi bắt chước giọng nói của người Ucraina mà phát âm ba tiếng "nikita" - tên gọi thân mật đối với Khrouthev. Có lẽ chưa từng thấy buổi dạ yến nào ở biệt thự này mà ra về lại vui vẻ như hôm nay. Không chỉ Staline mà cả "đoàn năm người" đều hào hứng như thế.

Đó là ngày chủ nhật, thường lệ vào khoảng 11 giờ trưa Staline hay gọi người mang thức và trà điểm tâm lên cho ông, nhưng hôm ấy suốt ngày 1 tháng Ba mãi tận chiều tối mà vẫn không thấy ông sai khiến gì, đội cảnh vệ liền cử một nữ phục vụ lớn tuổi - bà Pitelavna mạnh dạn vào Staline xem sự thể ra sao.

Pitelavna phát hiện thấy Staline nằm lăn trên sàn nhà, có thể là ông đã ngã từ trên giường xuống. Lúc ấy đã là tinh mơ ngày 2 tháng Ba.

Hay tin như vậy, bốn vị trong "Đoàn năm người" Malenkov, Beria, Bunganin và Khroutchev liền ào tới. Malenko Beria cho gọi Volosilov, một uỷ viên thường vụ nữa là Khakangnovich và nhiều bác sĩ, cả mấy người bước vào thăm bệnh của Staline. Ông vẫn ngủ say sưa. Giáo sư Lukomsky rón rén cầm tay bắt mạch, bỗng ông thất sắc như chạm phải thỏi sắt bị nung đỏ, Beria la mắng giáo sư: Anh là thầy thuốc kia mà sợ cái gì, hãy nắm chặt tay Staline kiểm tra xem sao. Lukomsky chẩn đoán là Staline đã bị trúng gió cấp tính, bệnh tình nguy kịch, cánh tay phải không thể cử động, cả chân trái bị liệt, thậm chí còn cấm khẩu.

Malenkov hỏi thầy thuốc về bệnh tình của Stalin, họ trả lời rằng: Người mắc chứng bệnh hiểm nghèo này hầu như không thể khôi phục được khả năng làm việc, có thể sống nhưng hoàn toàn bại liệt. Nhóm giáo sư, bác sĩ còn lo bệnh tình diễn biến rất nhanh và kết cục sẽ dẫn đến thiệt mạng...

Sáng ngày 2 tháng Ba, Staline đã có thể nhận biết nhưng vẫn không nói được nét mặt bắt đầu biểu lộ tình cảm, các bác sĩ dùng thìa bón nước trà đường cho ông.

Trên đây là câu chuyện do Khroutchev kể lại, không phải kể một lần mà lần nào cũng nội dung như thế nhưng xem ra có nhiều chỗ thiếu logic khiến người ta nghi ngờ. Thứ nhất, theo Khroutchev thì Staline bắt đầu lâm bệnh vào ngày 1 tháng 3 tại biệt thự riêng của ông ở ngoại ô Mạc Tư Khoa, điều này không giống như "Thông báo của chính phủ" phát ngày 4 tháng Ba: "Đêm mồng 2 tháng 3 (năm 1953) đồng chí Staline đã bị bạo phát chứng bệnh tràn máu não, mất hẳn tri giác, không có khả năng phát âm và hai chi bên phải đều bại liệt." Như vậy nghĩa là sao? Trúng gió hay tràn máu não? Thứ hai, Khroutchev bảo rằng, dạ yến đêm 28 tháng 2 giữa Stalin và bốn vị "hạt nhân" là rất vui vẻ, có thật vậy không, sao chưa thấy ai xác nhận điều này?

Ngược lại, nhà văn nổi tiếng của Liên Xô - ông Erenbur (1891-1967) đã nói:

Ngày 1 tháng 3 trong cuộc hội nghị của đoàn chủ tịch trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Khakangnovich đọc báo cáo. Ông yêu cầu Staline mấy điểm như sau:

1) Thành lập uỷ ban đặc nhiệm để nghiên cứu một cách khách quan "vụ án bác sĩ."

2) Huỷ bỏ quyết định tập trung tất cả các người bất hảo vào một khu vực biên thùy xa xôi.

Ngoại trừ Beria, tất cả các thành viên đoàn chủ tịch đều tán thành và ủng hộ ý kiến của Khakangnovich. Stalin không kìm chế được bản thân, ông chẳng những nổi trận lôi đình mà còn đe dọa sẽ trấn áp tàn khốc đám người dám bạo loạn. Mykoyan tuyên bố với Staline rằng: Nếu trong vòng nửa giờ nữa mà chúng tôi không được tự do rời khỏi nơi đây thì buộc lòng phải ra lệnh cho quân đội chiếm lĩnh cung điện Kremlin. Mykoyan vừa dứt lời thì Beria không dám đứng cạnh Staline nữa, ông lẻn vào đám đông, hành động phản bội đó của Beria khiến Staline thất sắc. Ngay lúc đó Khakangnovich xé nát tờ giấy chứng chỉ của mình và ném vào mặt Staline. Staline kinh ngạc, chưa kịp kêu cảnh vệ Kremlin thì ông đã ngất xỉu, mất luôn tri giác. Sáu giờ sáng hôm sau, ngày 2 tháng Ba, giáo sư bác sĩ mới tới chữa bệnh cho Stalin.

Năm 1956, Erenbur đem câu chuyện này kể lại cho nhà văn Pháp Jean Paul Sartre (1905 - 1980) và lập tức được đăng tải trên báo chí Pháp, gây nên trận tranh cãi quốc tế. Một năm sau, người của Kremlin phải xác nhận những gì Erenbur đã mô tả là đúng sự thật. Quan chức này bổ sung thêm: Stalin phê chuẩn đề án đồn tất cả dân bất hảo vào một vùng ở Trung Á, Molotov và Khakangnovitch phản đối vì quyết định như vậy sẽ gây ảnh hưởng lớn tới xã hội. Stalin tức giận, khiển trách những người có ý kiến trái ngược kia. Khakangnovich không hề run sợ, tiếp tục tranh luận và xé tan tấm thẻ chứng nhận ủy viên đoàn chủ tịch trước mặt Stalin và quăng vụn giấy lên bàn hội nghị.

Mọi người dự họp đều ủng hộ Molotov và Khakangnovich. Stalin ngất xỉu và mất luôn tri giác từ giờ phút đó. Như vậy là theo Erenbur và người của Kremlin, Stalin bạo tử ra đi bởi vì kích động chứ không phải say rượu trúng gió như Khroutchev luôn tường thuật.

Khroutchev còn bỏ sót một tình tiết khá quan trọng là ngày 2 tháng Ba, khi hai người con của Staline và Vaxily và Alyluyeva được gọi về bên cha thì ông đã không còn nhận biết gì nữa. Ngày 1 tháng Ba, Alyluyeva có điện thoại cho Stalin nhưng không được nối thông, hôm nay đứng bên giường bệnh cha cô bỗng phát hiện "Staline mở to đôi mắt và nhìn mọi người với một ánh mắt như điên cuồng, rất sợ hãi... đoạn ông giơ cánh tay trái chỉ vào đâu đó trong không trung, có lẽ ông muốn chỉ trích uy hiếp mối chúng tôi."

Quan sát của con gái Stalin hoàn toàn khác với Khroutchev, cho tới khi rời bỏ Liên Xô sang sống ở Tây âu, Aiyluyeva vẫn không quên những nghi vấn ấy trong lòng mình. Còn Vaxily sau vài giờ ngồi cạnh cha, anh bước vào căn buồng nhỏ của biệt thự, rồi uống rượu say và chửi các thầy thuốc, từ đó về sau Vaxily luôn nhắc lại một câu nói: Có kẻ đã giết cha tôi!

Staline bạo tử ra đi vì tràn máu não... tất cả vẫn là những nghi án mà hậu thế đang cố công tìm câu trả lời đích thực.

Chết vì chính biến cung đình?

Trong khi Staline đang mê man trên giường bệnh ở biệt thự ngoại ô và đi dần vào cõi chết, thì hàng loạt sự kiện không thể hiểu nổi đã xảy ra tại Mạc Tư Khoa.

Từ ngày 2 tháng Ba, báo *Sự Thật* bỗng đình chỉ đăng tải những bài viết phê phán lên án "kẻ thù của nhân dân," "gián điệp," "kẻ sát nhân," "Phần tử chủ nghĩa dân tộc giai cấp tư sản," thậm chí không có cả xã luận về vấn đề này! Hình như phong trào giáo dục phản gián lặng lẽ hạ màn, đương nhiên là bộ biên tập của tòa báo không có quyền lực làm điều này, vậy ai dám thủ tiêu cái chủ trương tày trời kia do Staline đề xướng?

Sáng 4 tháng Ba, trên trang đầu của báo *Sự Thật* và báo *Tin Tức* đều đăng trang trọng bản thông cáo của Bộ trưởng Y tế Liên Xô kèm theo chữ ký của chín bác sĩ về bệnh tình Staline: Đồng chí Staline đang ở trong trạng thái hôn mê, bại liệt cục bộ, sức khỏe nguy kịch.

Những dòng tin trên làm cho người ta liên tưởng đến sự kiện Staline vừa tống giam một bác sĩ mà bao năm nay đã tận tụy phục vụ ông, còn giờ đây sinh mạng ông nằm trong tay nhóm thầy thuốc mà ông chưa hiểu họ nhiều lắm.

Tại sao lại có sự trùng hợp kỳ lạ đến thế? Bản thông cáo kết luận: Quá trình cứu chữa cho Stalin đang được tiến hành dưới sự quan sát thường xuyên của Hội đồng Bộ trưởng và Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Cùng ngày hôm đó Ban chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng ban bố "Công báo chính phủ," viết rằng "Đảng và Chính phủ ý thức được tính nghiêm trọng của sự kiện Stalin lâm bệnh. Ông còn có thể tham gia công tác lãnh đạo trong bao lâu nữa. Đảng và Chính phủ phải nghĩ tới tất cả mọi tình huống liên quan khi Stalme rời khỏi vị trí quan trọng này." Lời lẽ của bản công báo trên ngầm tuyên bố rằng những gì mà Stalin để lại trong thời gian lâm bệnh đã có người tiếp quản.

Tin Stalin ốm nặng gây chấn động lớn toàn liên bang. 8 giờ 45 phút ngày 5 tháng 3 năm 1953, một công báo nữa lại phát đi nói rằng thỉnh thoảng Stalin có biểu hiện chuyển biến tốt, nhưng cái chết là chắc chắn. Và kỳ lạ thay, ở Kremlin mọi việc không có gì thay đổi, vẫn hàng đoàn xe con nối đậu ngoài sân, đèn cung điện vẫn sáng trưng và ngọn cờ đỏ trên đỉnh mái tròn vẫn phần phật bay trước gió. Bốn giờ sáng ngày hôm sau, mồng 6 tháng Ba, đài Mạc Tư Khoa phát đi bản công báo Staline đã tạ thế! Ngay lập tức tòa bưu điện trung tâm nhốn nháo hẳn lên, nhiều cuộc đàm thoại đường dài đăng ký nối mạch, phóng viên nước ngoài xếp hàng rồng rắn trước ca bin nói chuyện, nhưng bỗng ai đó đã cắt đường dây chính, mọi thông tin giữa Mạc Tư Khoa và quốc tế bị gián đoạn. Năm giờ 30 phút sáng, trời vẫn tối đen như mực, từng đoàn xe quân sự tiến vào trung tâm thành phố, mỗi xe chở binh lính súng ống đầy mình, nhìn vào màu sắc xanh đỏ của mũ đội người ta nhận ra đây là công an đặc nhiệm Bộ Nội vụ, họ chiếm lĩnh cả Mạc Tư Khoa.

Thành phố như trong không khí của một cuộc chính biến. Tám giờ sau Mạc Tư Khoa liên thông được với thế giới, đây là lúc các phóng viên nước ngoài làm việc đưa tin và nhân dân đeo băng đen, cờ rủ lên các tòa lầu đường phố, nhiều bức chân dung cỡ lớn của Stalin được dựng lên để mọi người chiêm ngưỡng tưởng niệm. Có mặt ở góc phố là công an đội mũ xanh đỏ, xe buýt xe con và các loại xe ô tô tải khác đều ngừng hoạt động, chặn mọi ngả đường là xe tăng. Hơn 3000 lính vũ trang của bộ Nội vụ tiến vào Hồng trường, đuổi dân chúng ta phía ngoại vi, phong tỏa Kremlin.

Ngày thứ hai sau khi Stalin tạ thế, tang lễ chưa cử hành, nhưng Beria đã ra lệnh cho toàn thể nhân viên phục vụ và binh lính bảo vệ biệt thự vận chuyển tất cả những di vật của Staline đi nơi khác và họ cũng phải rời khỏi biệt thự này. Tất cả sĩ quan cảnh vệ biệt thự đều bị thuyên chuyển công tác xa Mạc Tư Khoa, hai người trong họ không chấp hành mệnh lệnh đã rút súng tự sát. Đây là lời kể của hai nhân chứng trong sự kiện này, và cả hai đều đem chuyện đó kể lại cho con trai Staline nghe. Tương tự, đại đa số bác sĩ trong "Hội đồng cứu chữa Stalin" sau khi ông qua đời, đều không rõ tung tích đi đâu, ở đâu, giáo dư Lusakov người giải phẫu thi thể Staline bỗng đột tử. Cục bảo vệ sức khoẻ của điện Kremlin bị giải thể, cục trưởng Kublelin bị tống giam. Bộ trưởng Y tế thời ấy cũng không tránh khỏi số phận bị cách chức.

Vaxili con trai Stalin phủ phục bên linh cữu cha, anh luôn miệng nhắc đi nhắc lại câu nói "Cha tôi bị ám hại!" Bunganin - Bộ trưởng Quốc phòng khuyên viên tướng trẻ Vaxili này nên rời khỏi Mạc Tư Khoa. Anh từ chối, sau đó quả nhiên bị giáng chức, bị bắt và tống ngục. Sự kiện này xảy ra ngày 28 tháng 4 năm 1953 chưa đầy hai tháng sau khi Stalin nhắm mắt. Vaxily ngồi tù bảy năm, năm 1962 đã chết trong khi lưu phóng.

Staline là con người mà đời tư không mấy rõ ràng, những người biết về ông không nhiều, và rồi lại chết dần chết mòn, cho nên chuyện ông bạo tử ra đi là một nghi án rất mịt mùng, uẩn khúc còn treo mãi trong lịch sử.

BỆNH BÒ DẠI
TRẦN QUÁN NIỆM

Năm 1970 tại Anh Quốc, người ta khám phá có một số ít bò bị bệnh dại. (Bệnh này tác dụng vào tế bào não bộ của người và súc vật khiến các tế bào não bộ trở nên sốp, gây tử vong. Tên khoa học của bệnh là bovinespongiform encephalopathy (BSE)).

Mười năm sau (1980) bò dại lan tràn khắp Anh Quốc. Chính quyền Anh cấm xử dụng thịt, xương của bò bị bệnh để chế tạo thức ăn nuôi gia súc, nhất là bò. Nhưng nhiều ngàn tấn thịt bò bệnh đã được gửi qua Pháp, Ý và

Tây Ban Nha.

Năm 1990 mười thanh thiếu niên tại Anh bị chết vì lây bệnh bò dại. Trong năm 2000, con số chính thức ghi nhận có gần 200,000 bò mắc bệnh dại tại Anh Quốc. Đồng thời một số bò dại được phát hiện tại các quốc gia Âu Châu. Đã có 92 trường hợp người lây bệnh bò dại trong đó 82 bị chết tại ba quốc gia Âu Châu. Dân chúng Âu Châu hoảng hốt, sự tiêu thụ thịt bò giảm sút trầm trọng. Câu hỏi cấp thiết được mọi người quan tâm là liệu bệnh bò dại có lan qua nước Mỹ không?

Dân Mỹ và nền văn hóa Hamburger

Mỹ là quốc gia tiêu thụ nhiều thịt bò nhất thế giới. Mỗi giây đồng hồ người Mỹ tiêu thụ hơn 200 Hamburger. Tính đổ đồng, mỗi người Mỹ tiêu thụ 26 đến 30 pounds thịt bò xay hàng năm. Trẻ em dưới bảy tuổi ăn 1.7 hamburger mỗi tuần. Ở lứa tuổi từ bảy đến 13 mỗi tuần xơi 6.2 hamburger. Tuổi 13 đến 30 ăn 5.2 hamburger mỗi tuần, phụ thêm là bò bíp tết và thịt bò nướng. Đổ đồng hàng năm Mac Donald bán ra 6.7 tỷ hamburger.

Cách đây năm, bảy thập niên, chỉ hàng quí phái thượng lưu tại Âu Châu và các quốc gia khác mới có thịt bò mà ăn. Sau thế chiến thứ hai, kỹ nghệ chăn nuôi gia súc phát triển và từ từ đại chúng với khả năng tài chánh tăng dần, có thể ăn thịt bò thường xuyên, và mức tiêu thụ càng ngày càng gia tăng. Ngày nay thì dân Mỹ đã nghiện thịt bò. Thăm dò mới nhất do nhật báo *Washington Post* thực hiện bằng cách phỏng vấn 1,513 dân Mỹ (tháng 1, 2001) thì có chín trong mười người ăn thịt bò hàng ngày.

Biện pháp phòng ngừa tại Mỹ

Liệu bệnh bò dại có lan truyền sang Hoa Kỳ không? Không ai dám quả quyết trả lời không. Nhà nước và cơ quan kiểm soát thực phẩm (US/FDA - Food and Drug Administration) tại Hoa Kỳ áp dụng nhiều biện pháp ngăn ngừa như sau:

1. Không nhập cảng thịt bò từ Âu Châu
2. Cấm nhà chăn nuôi không được xử dụng thịt, xương bò để biến chế thành thực phẩm nuôi gia súc
3. Không cho phép những người đã sống một thời gian dài tại Âu Châu hiến máu.

Trong thập niên qua, các thú y thuộc bộ Canh Nông và Chăn Nuôi tại Hoa Kỳ đã thử não bộ của 12,000 bò, cừu nhưng không tìm ra triệu chứng của bệnh bò dại.

Những kẽ hở

Mặc dù đã có các biện pháp phòng ngừa chặt chẽ nhưng người ta vẫn lo ngại vì thật ra trên thực tế, luật lệ nào cũng có những kẽ hở, và muôn đời con người không tránh khỏi sơ sót, nhầm lẫn vô tình hay cố ý. Điển hình là bên Âu Châu, trong mấy thập niên, người ta cố gắng ngăn chận bệnh lan rộng, mỗi khi khám phá một con bò bị bệnh dại, cả đàn bò bị giết và đem chôn. Thế mà đến năm 2000 bệnh này lan tràn khắp Âu Châu, nhất là Anh và Pháp (có 10 bò dại trong số 71,000 con được thử) Đức (có 16 bò dại trong số 112,000 bò được thử).

Tại Mỹ, luật cấm dùng thịt và xương bò để biến chế thành thực phẩn nuôi gia súc, nhưng huyết bò lại không bị cấm.

Luật cấm nhập cảng thịt bò từ quốc gia có bệnh bò dại, nhưng lại không cấm nhập cảng các món thực phẩm phụ trội (dietery supplements) được chế biến từ bò. Năm 1999 cơ quan FDA ngăn cấm người cư trú trên sáu tuần tại Anh hiến máu, nếu sáu tuần đó nằm trong khoảng thời gian 1980-1996, và một tuần trước đây nới rộng cấm đoán này đến các người cư trú tại Pháp và Ái Nhĩ Lan trong 10 năm qua, nhưng trên thực tế, cơ quan lấy máu không thi hành lệnh này nghiêm chỉnh cho lắm. Đồng thời các nhà bào chế thuốc chủng ngừa xử dụng huyết thanh của súc vật lại không bị cấm xử dụng huyết bò tại các quốc gia có bệnh bò dại; các cơ quan này chỉ nhận được lời khuyến cáo (guide line) là không nên dùng huyết bò mà thôi.

Nền y khoa hiện đại đã chận đứng hoặc chữa trị được nhiều chứng bệnh cho nhân loại, nhưng thiên nhiên luôn luôn cắc cớ, trong những thập niên gần đây có hai bệnh nan y mà y khoa đương bó tay, đó là bệnh liệt kháng AIDS và bệnh bò dại. Nhiều nỗ lực trong lãnh vực nghiên cứu và trị liệu đang được xúc tiến để tìm cách chữa trị hai bệnh này. Trở lại với túi khôn của người xưa, các cụ nhà ta nói, bệnh tòng khẩu nhập (bệnh vào bằng cửa miệng), do đó phương pháp phòng ngừa tốt và giản dị nhất là giảm thiểu ăn thịt bò và khi Hoa Kỳ có bệnh bò dại, không ăn nữa là xong. Nói thì dễ, nhưng thực hành không phải dễ.●

CHỢ VÒM
MỘT GÓC CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở NGA

LAN HƯƠNG

Một cháu bé bốn tuổi sang Nga được sáu tháng, khoe với mẹ vừa từ Việt Nam sang:

"Mẹ ơi, mẹ có thích đi xem Moskva không? Con dẫn mẹ đi nhé!"

"Con định đưa mẹ đi đâu?"

"Đi chợ Vòm."

"Chợ đấy đẹp lắm à?, con đi chưa?"

"Chưa mẹ ạ, nhưng ai đến nhà mình cũng kể về chợ Vòm suốt ngày, nên con nghĩ nó phải đẹp lắm."

Chợ Vòm không chỉ đơn giản là một cái chợ, chợ Vòm là một cuộc sống sinh động đã làm mê hoặc nhiều người và làm nhiều người khác thất vọng, nhưng nó vẫn luôn là niềm hy vọng cho những ai có khát vọng làm giầu ở Nga.

Khu chợ như mê cung

Quả là người Việt ở Nga dùng từ "chợ Vòm" nhiều nhất trong các loại danh từ, các loại tên riêng, các loại từ chỉ địa điểm trong câu chuyện của mình. Nhưng "Vòm" không phải là tên chính thức của chợ, khái niệm chợ "Vòm" không phải chỉ là một khu chợ. "Chợ Vòm" là cái tên quy ước của người Việt để chỉ khu chợ nằm gần metro Cherkizov. Nó là cả một quần thể gồm hàng chục chợ khác nhau như chợ KT, chợ Cháy, chợ đầu đen, chợ hàng hoa, chợ AST bê tông, AST mới, chợ Thăng Long, chợ Sơn-Kiệt... Chẳng ai biết trên giấy tờ các khu chợ ấy mang những cái tên mỹ miều gì, trên cổng chợ người ta chỉ thấy một cái tên chung "chợ hàng hóa" y như câu "ở đây có bán cá tươi," không nói thì ai cũng biết cả rồi. Tất cả tên các chợ, người Việt mình thông minh tự "sáng chế" ra để mô tả với nhau cho dễ, và ngay cả cái chợ duy nhất có tên là chợ AST cũng được người Việt gọi thành ACT... cho đúng kiểu Việt Nam vì chữ cái "S" trong tiếng Nga được viết y như chữ "C" trong tiếng Việt.

Tiếng Việt ở Nga được làm giầu nhờ rất nhiều từ cải biên từ tiếng Nga cho dễ đọc, chẳng hạn chợ Cheriomyshkin được gọi thành chợ Tre, vừa dễ đọc vừa rất Việt Nam, còn chợ gần metro Tulskayi thì được gọi là chợ Tun, rồi "ốp", rồi "Kva", toàn từ đi mượn cả, nhưng là mượn... luôn. Khu chợ Vòm cũng vậy, cái tên nào cũng đầy ý nghĩa. Nhưng chắc rất ít người còn nhớ được chữ Vòm từ đâu sinh ra. Những người bán hàng ở đây từ những ngày đầu tiên kể rằng, thời ấy chợ Vòm chưa bề thế, rộng lớn như bây giờ đâu, chỉ vẻn vẹn có hai dãy, mỗi dãy chừng 30 container và hai nhà mái tôn hình vòm cuốn, loại nhà tôn làm hàng loạt để làm nơi sửa hay để ô tô tải. Từ xa nhìn lại hai dãy nhà tôn hình mái vòm ấy lừng lững và không lẫn được với các khu nhà khác, chính vì thế người Việt mới dùng tên Vòm để mô tả về khu chợ mới mở, lâu dần thành một cái tên chung cho cả khu chợ rộng lớn này. Bây giờ chính khu chợ có hai nhà mái vòm lại có cái tên riêng là chợ cháy, vì cuối năm 95 xảy ra một vụ cháy rất lớn trong khu này. Chợ Đầu Đen là chợ của những người thuộc các nước thuộc vùng Trung Á của Liên Xô trước đây, như Azerbaijan, Grudia, Armenya. Họ có mái tóc màu đen chứ không vàng hay râu ngô như người Nga nên bị gọi là dân đầu đen. Chợ đông người Việt bán hàng nhất là chợ KT. Người điều hành chợ này là một người Việt. Người Việt thì gọi ông là chủ chợ, nhưng thực ra ông cũng chỉ là một người làm Cai, đứng ra làm trung gian giữa người Việt thuê container và người chủ đích thực của nó là những người Nga, hay chính xác hơn là những người đầu đen mang hộ chiếu Nga.

Chợ Vòm là nơi đầu tiên người ta sáng chế ra cách xây dựng chợ bằng các container không còn dùng để vận chuyển được nữa: vừa tiết kiệm, vừa nhanh chóng và tiện đủ đường. Này nhé, công ty vận tải thu được một số tiền không nhỏ từ những thứ tưởng như vứt đi, thành phố giải quyết được một bãi phế thải sắt vụn vừa nhanh vừa không phải đầu tư một

xu, mà chủ chợ nếu chẳng may không hút được người mua đến khu vực này có thể chở đám container đến một chỗ khác có vị trí được "địa lợi" hơn.

Thời gian đầu, ai đến chợ Vòm cũng tưởng mình lạc vào hội chợ của dân... nhặt rác. Bởi vì các container được người ta thả trên một bãi đất- đúng nghĩa là đất, không có nền. Khoảng giữa hai hàng container, nơi được dùng làm lối đi được thả theo cách gọi là... một ít sỏi, có lẽ để dân chúng khỏi lạc đường sang các khu ... đổ rác thật, hơn là làm đường đi. Các container người Việt gọi ngắn gọn là "công," cái tróc lở, cái han gỉ đứng khập khiễng bên nhau. Nhìn trên đường người ta thấy lẫn trong đất vô vàn rác các loại, cộng thêm các vỏ hộp bỏ đi, dây, bao ny lông do các chủ hàng vứt vô tội vạ khắp nơi, cảm giác lọt vào bãi rác không phải một ảo giác hay sản phẩm của những người hay mơ mộng, mà là một sự thật hiện hữu. Người dựng chợ không dùng đến các định luật về cái đẹp, mà người bán hàng cũng hoàn toàn quên về nó. "Công" vừa là nơi bán hàng, vừa là kho cất hàng nên nó lúc nào cũng đầy ăm ắp đến tận nóc, tràn ra tận gần cửa. Buổi tối khi cất hết hàng thì "công" cũng vừa chặt cứng, còn ban ngày, khi người ta treo bớt hàng lên các cánh cửa sắt, bên trong "công" còn trống vừa một cái hõm cho người bán hàng ngồi nghỉ chân, tránh nắng, tránh mưa. Những người có con mắt thẩm mỹ nhất thì thuê thợ đóng một cái bàn bằng gỗ dán, lấy giấy vỏ thùng đặt lên cẩn thận cho "vệ sinh" rồi mới xếp quần áo lên đó làm mẫu. Vào những ngày khô ráo, chợ trông còn dễ coi. Vào những ngày mưa hay tuyết tan, đường đi bị hàng chục ngàn bàn chân dày xéo biến thành một bãi lầy không còn hình dáng cố định. Hai hàng "công" như đứng hai bên bờ con lạch cạn, bùn và nước tràn đến sát cửa "công". Nhưng khái niệm "sạch, bẩn", ở đây thật quá sa sỉ, hay quá thừa thãi cũng không ai biết, ai cũng mải miết trả giá, mua, bán, cười, nói, chọn hàng, đóng gói, ngay trên những vũng bùn ấy.

Nhưng chính cái vẻ "bất cần đẹp" của chợ Vòm làm khách hàng cứ chen nhau về đây mua hàng, họ khác nhau đây là chợ của các chủ hàng, nên giá chỉ bằng một phần ba, đôi khi một nửa so với trong cửa hàng. Trên thực tế, giá mua buôn thực sự rất rẻ, nhưng giá bán lẻ thì đôi khi cũng y như trong các cửa hàng. Số lượng "công" nhờ thế cứ tăng vùn vụt, chẳng mấy năm sau, đến trước thời khủng hoảng tháng 8 năm 98, chợ Vòm ước tính đã có chừng mười ngàn "công". Trên một diện tích hơn một km vuông, các dãy công nằm ngổn ngang, dãy ngắn, dãy dài, khu dọc, khu ngang, khu chéo cánh sẻ như một mê cung. Ai không phải thổ dân ở đây, có khi quanh quẩn cả ngày cũng không thoát ra được khỏi một góc chợ.

Một ngày như mọi ngày...

Bình thường một ngày của dân chúng ở Nga bắt đầu vào lúc tám giờ sáng, những ai không phải đi làm có thể tự cho phép bình minh bắt đầu vào lúc chín, mười. Trời mùa đông ở Nga phải đến chín giờ mới sáng, nên chín mười giờ sáng thức giấc cũng không phải trưa quá. Nhưng người đi chợ Vòm phải thức giấc vào lúc năm giờ sáng và đến sáu giờ rưỡi đã phải có mặt ở "công," sẵn sàng phục vụ khách hàng. Vào mùa hàng chạy, hay vào những hôm bán "ốp-tâm" (bán buôn) người ta phải có mặt ở vị trí từ sáu giờ.

Mặc dù ai phải đi chợ thường đi ngủ rất sớm, nhưng hôm nào nghe tiếng chuông báo thức lúc năm giờ sáng người ta cũng thấy sao mà khổ thế, ai cũng cố gắng ngủ thêm một vài phút cho đỡ thèm, rồi mới tung chăn vùng dậy. Người ta bảo, vào mấy phút ngủ rốn ấy, trong đầu họ lập tức hiện lên một con tính rất nhanh, nếu nghỉ một buổi chợ, họ bị mất 50 đô la tiền thuê "công," rồi tiền kho, tiền hộ khẩu... tổng cộng không dưới 100 đô la, nên lại bật dậy đi làm. Những người đi chợ Vòm ngoài ước mong kiếm tiền, còn một ước mơ đơn sơ giống y như nhau: được ngủ thả phanh, được ngủ thoải mái, được ngủ đến lúc nào chán thì thôi! Mỗi năm họ cũng được toại nguyện ít nhất một ngày — đó là Năm mới. Chợ Vòm chính thức chỉ nghỉ có một ngày đầu năm, còn quanh năm suốt tháng nó mở cửa làm việc, không kể thời tiết, không kể ngày nghỉ, mà đến cả các ngày lễ trong năm nó cũng không màng nghỉ ngơi. Tinh thần làm việc của chợ Vòm nếu vào thời cộng sản, chắc thế nào cũng được tặng thưởng huy chương, hay ít nhất cũng được chiến sỹ thi đua. Thế mà - tiếc quá - nó lại sinh nhầm thời !

Sau khi ăn sáng thật chắc dạ để tích trữ năng lượng cho một ngày lao động cật lực, người đi chợ cẩn thận nhìn hàn thử biểu ngoài trời. Nếu nhiệt độ dưới âm 15 độ, họ phải mặc chừng bảy, tám lớp áo khác nhau, trong đó ít

nhất có tới hai cái áo dầy sụ, trông như một cái bắp cải mùa đông rồi lặng lẽ lăn từ từ khỏi nhà. Đúng là "lăn" thật vì cứ thử hình dung mà xem, những đôi bàn chân nhỏ bé thường chỉ mang giầy cỡ 36-37, giờ phải đi tới bốn, năm lớp tất len, và bỏ vào một đôi ủng cỏ thô (tiếng Nga gọi là Valenki) cỡ 42-43 thì không có cách gì mà "đi" được. Nếu dùng một từ chính xác hơn, thì có lẽ là họ "lướt", nhưng "bắp cải" thì khó "lướt" quá, nó chỉ biết "lăn" thôi!

Ngoài trời còn tối như bưng, trên các ngả đường còn vắng lặng. Metro chỉ vừa mở cửa lúc 5giờ 30 vẫn còn vắng tanh. Mùa đông nhiều người Nga cho xe vào gara để khỏi hỏng xe, nên metro rất đông, vào giờ đi làm các toa tầu đều chật cứng. Nhưng vào lúc 5 giờ 30 cả đoàn tầu chỉ có vài chục hành khách, những người đi chợ Vòm tha hồ chọn chỗ ngồi ngủ mơ màng thêm ít phút.

Chợ Vòm nằm ngay cạnh ga metro Cherkizov, nhưng ít người Việt nào dám lên ga này để đến chợ. Người đi chợ có tiền, hầu hết đều mua ô tô, còn những ai phải đi metro lại thường rất nghèo, nên ít khi có hộ khẩu hợp lệ. Cảnh sát ở những ga gần chợ được đánh giá là "cáo", vì họ thuộc lòng mặt từng người không có giấy tờ đi qua đây, nhớ quy luật đi về để ra đây đón lõng bắt phạt. Người đi chợ thường xuống trước một hai bến, rồi lên mặt đất bắt taxi đến tận cổng chợ. Tuy hơi tốn tiền taxi một chút, nhưng lại tránh được khoản tiền phạt. Tiền taxi đến chợ thường mất hơn một đô la, còn tiền phạt rẻ cũng mất 2-3 đô la nên vẫn tiết kiệm được một khoản chi.

Mặc dù đã phải xuống trước vài ga, nhưng như vậy cũng không phải tuyệt đối an toàn. Cảnh sát trực các ga metro trước đó cũng có người ranh ma không kém. Lặng lẽ đứng nấp sau một cây cột đá trong đường ngầm, vừa thấy mấy người Việt Nam ló mặt ra là họ hỏi ngay: "giấy tờ đâu?" Lâu dần thành quen, người Việt đâm cảnh giác hơn, vừa đi vừa nghe ngóng, phán đoán xem hôm nay tay cảnh sát có thể trốn ở đâu để đi vòng đường khác. Cảnh sát với người Việt như hai kẻ chơi trốn tìm nồng nhiệt, vừa căng mọi giác quan ra phán đoán, vừa hồi hộp thích thú xem ai giỏi hơn. Mỗi khi phán đoán sai bị phạt tiền, mấy người Việt Nam lại vỗ vai viên cảnh sát khen: "mày giỏi quá !" Viên cảnh sát vừa thu được tiền phạt, vừa được khen, mặt nở như chiếc bánh đa, vừa cười sung sướng, vừa cám ơn, vừa hẹn... tái ngộ luôn luôn !

Từ cổng chợ vào đến "công" bán hàng còn phải đi vòng vèo 5-10 phút nữa qua các dãy "công" san sát. Trời vẫn tối om, đường đi không có đèn điện, nhưng các bóng người cứ lao đi vun vút. Cư dân ở đây đã học được cách định hướng rất tốt, họ chẳng cần nhìn đường, cứ đi theo một phản xạ có điều kiện đã ăn sâu vào... chân. Nhiều "công" hai bên đường đã mở cửa, xếp hàng xong, các chủ nhân của nó đã có thể tắt đèn pin ngồi thì thào nói chuyện trong bóng tối. Những công đang xếp hàng thì người giữ đèn pin, người kéo bàn ra sắp xếp hết sức khẩn trương. Ai cũng hiểu thời gian là tiền bạc, chỉ cần để tuột mất một "con khách ốp tôm"- tức là một khách hàng mua buôn- thì coi như mất một buổi chợ. Khắp chợ đâu cũng thấy người ta bàn chuyện bán buôn.

"Năm nay trời nóng chẳng ra nóng, lạnh chẳng ra lạnh, mấy 'công' hàng da nhà em lỗ mất mấy trăm 'vé'."

"Nào riêng gì áo da nhà chị, hàng áo phao nhà em cũng bán tống bán tháo mà trong kho còn cả đống kia. Chẳng biết bao giờ mới trở lại cái thời trước khủng hoảng nhỉ, hồi ấy nhà em vừa bán vừa đuổi khách mà họ cứ bâu vào mua."

"Làm gì còn cái thời ấy nữa chị, hồi ấy mỗi ngày nhà em lãi mấy 'chục vé,' ngon ơ."

TRẦN HUỲNH CHÂU

THÁNG GIÊNG

Cỏ đã thơm hay nắng chớm hồng?
Duyên em vừa bén, ấm mùa đông.
Từ trăng tây bắc lao đao rét,
Bỗng gió đông nam uyển chuyển nồng.
Đã ngọt cung đàn tơ trúc cũ,
Lại xanh màu mắt ngó qua sông.
Chiều mai nhớ gọi bầy chim én
Về hót miên man suốt cánh đồng.

"Thế nào, hàng nhà anh mấy hôm nay có 'tít' không?"

"Cũng túc tắc đủ ăn đủ tiêu thôi."

"Thời buổi này đủ ăn, đủ tiêu là tốt rồi, em cũng chỉ mong được như ông anh thôi."

"Năm nay vụ 8 tháng 3 bên nhà anh định đi hàng gì đấy, áo sơ mi hay nước hoa?"

"Em đang định lấy áo sơ mi cho chắc ăn. Nước hoa thì lãi đấy thật nhưng hàng tồn thì chỉ còn nước vứt đi. Dân Nga bây giờ cũng khôn lắm, họ biết tỏng mình bán toàn hàng dởm, nên không chạy như mấy năm trước nữa."

Cảnh họp chợ ban đêm làm tôi nhớ đến những hôm chợ phiên ở chợ Bưởi cái thời tôi còn bé tý. Thời ấy, cứ vào những ngày có tận cùng là con số 4 hay 9: mồng 4, mồng 9, 14, 19, 24, 29 theo lịch âm, các bà, các chị từ ngoại ô lại lỉnh kỉnh quang gánh kéo về họp chợ từ bốn, năm giờ sáng. Trên con đê trước nhà tôi từng đoàn người nối tiếp nhau vừa đi vừa trò chuyện trong bóng tối, chốc chốc lại thấy cất lên một giọng cười lảnh lót của mấy cô gái trẻ trêu nhau. Mấy chục năm trước, bóng tối còn được trang điểm thêm những tiếng gà gáy, tiếng chó sủa làm đêm bớt buồn và cô quạnh. Những câu chuyện của dân chúng đi chợ mà chỉ thấy nói toàn chuyện trời, chuyện đất, chuyện ăn, chuyện mặc, không thấy kêu ca hàng chạy hay không, lãi nhiều hay ít.

Không ngờ đã sang tới thiên niên kỷ thứ ba, trên mảnh đất đã có lúc tuyên bố xây dựng xong thiên đường của chủ nghĩa xã hội mà vẫn có cảnh họp chợ trong bóng đêm và con người vẫn phải căng người ra để tính toán từng đồng, từng đồng.

Trời vừa mờ sáng, các đoàn xe đi lấy hàng từ các tỉnh cũng vừa cập bến. Dân đi lấy hàng tay kéo xe đẩy, tay vung vẩy mấy cái túi dứa to tướng còn rỗng không, nhanh nhẩu tỏa vào các dẫy bán hàng. Những cặp mắt vừa đấy còn nặng vì buồn ngủ, phút chốc đã hoạt bát hẳn, đảo lướt qua các sạp hàng để tiên liệu xem mẫu mã nào có thể bán được. Cả người mua và người bán đều tiết kiệm lời tới mức tối đa, sau mỗi câu hỏi: "Bao nhiêu?" người ta cũng chỉ nghe thấy một con số duy nhất: "Trăm ba," hay "Bốn tám," rồi không gian lại chìm vào im lặng. Cả người mua và người bán đều bận tính toán trong đầu xem giá nào có thể mua được, giá nào có thể bán được. Dân mua buôn nắm giá rất chắc. Cả khu chợ hàng chục ngàn "công", thế mà bao giờ họ cũng vẫn tìm được người bán giá thoáng nhất. Sau khi thấy giá cả có vẻ mua được, đôi bên mới tiếp tục trả giá, bên bớt năm xu, kẻ nèo ba xu một "con" hàng hóa. Thường người bán bao giờ cũng hỏi:

"Thế bà mua nhiều không?" Trước khi quyết định hạ giá cho khách. Sau khi "tiền đã trao, cháo đã múc" đôi bên mới hồ hởi chào hỏi, hẹn gặp, chúc tụng nhau cứ như những người quen cũ lâu lắm mới gặp lại. Mỗi người bán buôn lại có vài mánh lới lôi kéo khách quay trở lại mua hàng của mình, họ gọi là "chăn khách": Nào là hạ giá, nào là chọn hàng đẹp, nào là khuân hàng ra xe giúp... Hôm nào "chăn" được một ông khách "sộp", hôm đó đúng là một ngày hội của dân bán hàng. Càng nhiều khách mua quen thu nhập của người bán càng đều đặn hơn.

Khi trời sáng rõ mặt người, những đợt khách buôn lớn đã thưa thớt dần, chỉ còn khách mua lẻ và mua buôn nhỏ trong thành phố đến mua túc tắc. Trên con đường ngập nước, chốc chốc lại thấy một chiếc xe chở hàng của dân cửu vạn, vừa đi vừa hô luôn mồm: "Dorogu, dorogu," tiếng Nga nghĩa là "nhường đường nào, nhường đường nào." Phần lớn dân chúng đều bỏ qua lời xin đường, tiếp tục nhìn ngó hàng hóa hai bên đường để lựa chọn, nên các anh cửu vạn luôn phải dùng người vừa đi vừa gạt khách.

Đến hai, ba giờ trưa chợ bán buôn đã vãn hẳn khách. Nhiều "công" đã rục rịch xếp hàng, thu dọn chỗ. Trời mùa đông ở Nga rất mau tối, bốn giờ chiều trời đã lại nhá nhem. Những người chăm chỉ nhất cũng đóng công chuẩn bị đi ăn trưa rồi về. Những người đi bán hàng thuê không dám bỏ ra hơn một đô la mỗi ngày để ăn trưa ở chợ, họ nhanh chân đi về nhà ăn cho rẻ.

Những người làm ở chợ Vòm này phải kỳ kèo với khách từng hào, nên dù lưu lượng hàng bán ra mỗi ngày có thể lên tới vài ngàn đô la, nhưng họ vẫn hết sức tiết kiệm. Phần lớn dân chợ Vòm, từ người làm thuê đến ông bà chủ hàng đều có đức tính chi li đến khó hiểu.

Họ không keo kiệt chút nào, không bủn xỉn chút nào, nhưng tác phong nghề nghiệp đã ngấm vào cuộc sống, không thể tách chúng ra được nữa. Thay vì tính một bữa cơm trưa 40 rúp tương đương gần 1,5 đô la thì họ tính nếu không ăn trưa ở chợ, một năm họ tiết kiệm được tới 540 đô la, một con số thật đáng để tiết kiệm!

LẠI BÀN VỀ SỰ HẤP DẪN:

ĐẶC TÍNH HẤP DẪN CỦA NGƯỜI KHÁC PHÁI

NGUYỄN VĂN TUẤN

Sự hấp dẫn của người Âu Mỹ

Cách đây khoảng một năm, tôi có viết rằng sắc đẹp người phụ nữ chỉ là một đặc tính trung bình, và cái đặc tính trung bình này do các yếu tố di truyền tạo nên; vì vậy, tôi đề nghị rằng tình nam nữ là do di truyền mà ra. Nói một cách khác, hai người hoàn toàn không quen biết trước đó, gặp nhau, quen nhau, yêu nhau, và cưới nhau là do sự điều khiển của genes, hay nói cho trừu tượng một chút, do duyên tiền định, do định mệnh (1). Theo quan điểm này, định mệnh chính là genes. Trong bài viết đó, tôi có trích một kết quả nghiên cứu của các nhà tâm lý và nhân chủng học ở London cho thấy tỷ số eo-mông không phải là một chỉ số quyết định tính hấp dẫn (sexual attractiveness), nhưng tỷ số trọng lượng và chiều cao (còn gọi là body mass index hay BMI (2)) mới là một yếu tố quan trọng số một quyết định tính hấp dẫn của một người phụ nữ. Theo đó, các hoa hậu hay n đẹp Việt Nam thường có tỷ số BMI khoảng 17.6 kg/m2. Nhưng trong nghiên cứu đó, nhận thức về mối quan hệ giữa BMI và sắc đẹp của phụ nữ là do giới đàn ông đánh giá.

Nhưng còn nhận thức của người phụ nữ về sắc diện của người đàn ông thì chưa được khai thác cho đến nơi đến chốn. Do đó, câu hỏi cần được đặt ra là đối với phụ nữ, đặc điểm gì của người đàn ông làm cho họ cảm thấy hấp dẫn? Để trả lời câu hỏi này, một nhóm nghiên cứu gồm các nhà nhân chủng học, tâm lý học, và y khoa đã tiến hành một thí nghiệm thú vị (3). Trong cuộc thử nghiệm này, các nhà nghiên cứu chọn 50 (nam) thanh niên trong một nhóm gồm 214 người. Với mỗi thanh niên, họ cẩn thận đo trọng lượng, chiều cao, vòng eo, vòng ngực, và vòng mông. Qua các thông số này, họ ước tính tỷ số BMI, tỷ số eo-ngực (WCR), và tỷ số eo-mông (WHR). Sau đó họ chụp hình 50 thanh niên này, và đem những ảnh này cho 30 nữ sinh viên, tuổi trung bình khoảng 21, xem và cho điểm "hấp dẫn" (tức là sexual attractiveness). Điểm hấp dẫn thấp nhất là 0 và cao nhất là 10. Để tăng tính khách quan của sự đánh giá, phần đầu của các ảnh này đều bị làm cho nhòa đi, không cho người đánh giá bị ảnh hưởng tình trạng "nhìn mặt đặt tên." Họ còn cẩn thận hơn là 50 ảnh được xáo trộn một cách ngẫu nhiên; tức là, mỗi nữ sinh viên xem 50 ảnh, nhưng thứ tự ảnh đều hoàn toàn khác nhau.

Kết quả cho thấy có tỷ số BMI trung bình của 50 thanh niên này là 23 kg/m2. Khoảng 26% (trong số 50) thanh niên có tỷ số BMI từ 18 đến 21 kg/m2; 46% có tỷ số BMI giữa 21.1 và 25 kg/m2; và 28% có tỷ số BMI cao hơn 25 kg/m2. Về sự phân phối của tỷ số WCR, số trung bình là khoảng 0.80, với 32% thanh niên có WCR dưới 0.75; 28% có tỷ số WCR 0.76 đến 0.80; 28% với WCR trong vòng 0.81 và 0.85; và chỉ có 12% thanh niên có tỷ số trên 0.85. Về điểm hấp dẫn, phần lớn (86%) có điểm từ 4 đến 6 (tức là trung bình); 12% có điểm thấp hơn 4, tức là dưới trung bình; và phần còn lại (6%) là trên trung bình. Thực ra, không có ai có điểm thấp hơn 2 và cao hơn 8.

Nhưng điều quan trọng và thú vị hơn hết là: sau khi dùng một phương pháp phân tích tương quan, các nhà nghiên cứu đã tìm thấy phương trình sau đây mô tả khá chính xác mối quan hệ giữa điểm hấp dẫn và hai đặc tính của cơ thể là BMI và WCR:

$$Y = 16.8 + 2.776 \times B1 - 0.0607 \times B2 - 13.007 \times W$$

(Chú ý là phương trình này chỉ thích hợp cho BMI từ 18 đến 28 kg/m2 và WCR từ 0.65 đến 0.90). Trong phương trình này, Y là điểm hấp dẫn, B1 là BMI; B2 là BMI bình phương; và W là tỷ số eo-ngực WCR. Những độc giả nào thích tính toán có thể làm ngay một con

toán đạo hàm sơ cấp và sẽ thấy, qua phương trình này, người thanh niên có điểm hấp dẫn cao nhất là người có tỷ số BMI cỡ 23 kg/m2 và tỷ số eo-ngực cỡ 0.65. Xin nhắc lại và nhấn mạnh: tỷ số BMI 23 kg/m2 cũng là số trung bình của 50 thanh niên trong thử nghiệm này. Như vậy, đối với các nữ sinh viên này, hai yếu tố quyết định tính hấp dẫn của người thanh niên là: tỷ số eo-ngực thấp VÀ tỷ số BMI trung bình. Nhưng mối quan hệ "ba chiều" này tương đối phức tạp ở chỗ:

(a) sự tương quan giữa điểm hấp dẫn và BMI không phải là một đường thẳng, mà là một đường parabol: điểm hấp dẫn tăng dần theo tỷ số BMI và đạt đến điểm cao nhất cho những người có BMI khoảng 23 kg/m2 (tức là tỷ số BMI trung bình) và sau đó giảm dần khi BMI từ 24 kg/m2 hoặc cao hơn (tức là, những người phì "được" xem là kém hấp dẫn);

(b) ngược lại, mối tương quan giữa điểm hấp dẫn và tỷ số eo-ngực lại là một đường thẳng: tỷ số eo-ngực càng cao, điểm hấp dẫn càng thấp; và khi tỷ số eo-ngực càng thấp, điểm hấp dẫn càng cao.

Ý nghĩa của phương trình này là gì? Theo tôi, nó cho chúng ta một cơ sở khoa học để suy luận rằng đối với phụ nữ, tỷ số eo-ngực là yếu tố số một (và BMI chỉ đóng vai trò phụ) trong việc xác định tính hấp dẫn của thanh niên. Thực vậy, theo ước tính của các nhà nghiên cứu, tỷ số eo-ngực giải thích khoảng 56%, và tỷ số BMI chỉ giải thích được khoảng 13% sự khác biệt về tính hấp dẫn giữa các thanh niên.

Như vậy, có sự khác biệt về nhận thức về tính hấp dẫn giữa phụ nữ và đàn ông. Đối với các vị tóc cua, BMI là đặc tính số một quyết định tính hấp dẫn của người phụ nữ. Nhưng đối với các vị tóc dài (nói chung), tỷ số eo-ngực là đặc tính chính quyết định tính hấp dẫn của người đàn ông. Nói một cách khác, phụ nữ họ đánh giá tính hấp dẫn của người đàn ông dựa theo hình dáng (shape), chứ không phải kích thước (size) như nhiều đàn ông tưởng! Có thể nói đây là một khám phá mới.

Có một điều mà tôi cho rằng các nhà nghiên cứu đã không viết rõ là những nữ sinh viên đã giúp họ trong nghiên cứu đang trong thời kỳ có kinh hay không, vì đây có thể là một yếu tố có ảnh hưởng đến nhận thức về tính hấp dẫn của họ. Theo một nghiên cứu rất thú vị ở Nhật được công bố trên Tạp chí *Nature* (một tạp chí khoa học số một trên thế giới ngày nay) cách đây khoảng ba năm, khi người phụ nữ ở vào thời gian rụng trứng, họ có khuynh hướng thích những người đàn ông có nam tính; nhưng trong thời gian bình thường, họ có khuynh hướng thích những người đàn ông có chút nữ tính như dáng của tài tử điện ảnh Brad Pitt hay DiCaprio chẳng hạn.

Nhưng kết quả mà họ tóm gọn trong phương trình trên đây rất đáng tin cậy, vì một số nhà nghiên cứu khác cũng khám phá tương tự. Do đó, ta có thể dùng kết quả của họ để khai thác thêm. Một câu hỏi được đặt ra là tại sao nam và nữ lại dựa vào hai tiêu chuẩn khác nhau để đánh giá tính hấp dẫn của người khác phái? Theo giới tâm lý học, tính hấp dẫn của một người là một tín hiệu về sự sản sinh. Đàn ông thích phụ nữ qua BMI, vì tỷ số này phản ánh sự phân phối mức độ mỡ trong người và một phụ nữ với một BMI trung bình là một dấu hiệu cho một sức khỏe lành mạnh, một tiềm năng sinh sản trên trung bình. Tỷ số BMI của phụ nữ có liên quan mật thiết đến tỷ số eo-mông: phụ nữ có BMI thấp cũng thường có tỷ số eo-mông thấp. Và, nhiều nghiên cứu y khoa cho thấy những phụ nữ có tỷ số eo-mông thấp (khoảng 0.65 đến 0.7 (4)) thường ít có bệnh tật, sống lâu, và có khả năng sinh sản tốt. Như vậy, đàn ông thích phụ nữ có tỷ số BMI thấp, hay eo nhỏ và mông to có lẽ xuất phát từ lý do tâm lý là muốn duy trì nòi giống. Tuy nhiên, một vài nghiên cứu gần đây cũng cho thấy những phụ nữ có tỷ số eo-mông cao thường có độ testosterone (một hormone nam tính) cao, và thường sinh con trai!

Nhưng phụ nữ lại thích những người đàn ông có tỷ số eo-ngực thấp và BMI trung bình. Một người đàn ông có tỷ số eo-ngực thấp và BMI trung bình không thể là một người phì hay béo được, nhưng phải là một người có chiều cao trên trung bình và trọng lượng thấp. Vì thế, cái "thông điệp" ngầm của phương trình trên là: *phụ nữ thích những người đàn ông có tỷ số eo-ngực thấp và chiều cao trên trung bình.* Các nhà nghiên cứu vẫn chưa biết chính xác là tại sao họ lại "chuộng" những người đàn ông có hình dáng như thế. Nhưng những người đàn ông có phần trên của cơ thể giống như một tam giác đảo ngược (eo hẹp, ngực nở nang, và vai rộng) thường là những người có thể lực mạnh, và phát triển sinh lý tốt. Sự quan trọng của chiều cao đối với phụ nữ có thể giải thích được bằng *mô hình kí sinh* (Parasite model) mà các nhà tâm lý học

thường đề cập tới. Theo mô hình này, đàn ông có độ testosterone (một hormone nam tính) cao thường có chiều cao trên trung bình và có khả năng đề kháng các vi trùng cao. Vì có khả năng đề kháng cao, họ có thể đầu tư nhiều hơn vào việc nuôi dưỡng vợ con. Nói tóm lại, tiêu chuẩn eo-ngực và chiều cao mà phụ nữ dùng để chọn người hấp dẫn cũng chỉ vì, một phần nào đó, xuất phát từ nhu cầu duy trì con cái và gia đình.

Ngoài ra, còn có bằng chứng cho thấy phụ nữ chọn người bạn đời không hẳn chỉ dựa vào hình thể mà còn dựa vào tiềm năng về kinh tế của người đàn ông. Người phụ nữ có thể sẵn sàng bỏ qua những dị khuyết của cơ thể nếu người đàn ông có địa vị và giàu có. Trong một nghiên cứu khoảng năm năm trước đây, một nhà nhân chủng học cho một nhóm sinh viên nam và nữ xem ảnh của 100 người thuộc một nhóm sinh viên nam nữ khác, và mỗi ảnh họ có ghi chú là họ đang làm hay học những ngành như bồi bàn, thợ điện, thợ hàn, sư phạm, kỹ sư, luật sư, bác sĩ, thương mại, v.v... Kết quả cho thấy nữ sinh viên thích chọn những người có tiềm năng thu nhập cao VÀ có ngoại hình hấp dẫn nhất, hay những người có ngoại hình không hấp dẫn nhưng có tiềm năng thu nhập khá. Ngược lại, nam sinh viên chỉ chọn những nữ sinh viên có khuôn mặt và ngoại hình hấp dẫn nhất, mà không cần để ý đến tiềm năng thu nhập của họ. Thực ra, sự tuyển chọn của con người như tả trên đây cũng chẳng khác gì so với tiêu chuẩn của thú vật loại nhỏ. Theo một nghiên cứu nổi tiếng cách đây hơn hai mươi năm, các con bọ cạp cái (scorpion) không thèm nhìn các chú bọ cạp đực nếu những chú này không có món quà (5) có kích thước ít nhất là 16 mm2!

Nói chung, giới tâm lý học Tây phương cho rằng nhận thức về sắc đẹp của con người có ba phần: một là sự lựa chọn tự nhiên (Natural selection); hai là sự lựa chọn dựa vào dục tính; và ba là kiến thức và khả năng thích nghi (Learned component). Sự lựa chọn tự nhiên dẫn đến hiện tượng ưa thích những đường nét trung bình và giới hạn độ tuổi trong việc chọn người phối ngẫu. Sự lựa chọn dục tính dẫn đến sự ưu đãi cho những người có những tỷ số có liên quan đến sức khỏe và dục tính. Khả năng thích nghi và kiến thức giải thích tại sao con người có thể thành hôn với những người không cùng chủng tộc. Thông thường, trong lần gặp mặt đầu tiên, người không cùng chủng tộc thường cảm thấy không hấp dẫn với nhau. Nhưng khi một chủng tộc có lợi thế về kinh tế và có uy quyền chính trị, thành viên của chủng tộc khác bắt đầu bắt chước những đặc tính chủng tộc có quyền thế. Người da đen ở Mỹ từng có phong trào sửa cho tóc của họ bớt quăn và thẳng như người Mỹ da trắng. Người Việt ta, do ảnh hưởng hay bắt chước người Trung Quốc, đã có thời xem người Âu châu da trắng, tóc vàng là "quỷ"; nhưng ngày nay, chúng ta đã bắt chước người Âu Mỹ khá nhiều, từ cách ăn mặc cho đến ăn uống, và thậm chí quan hệ xã giao hàng ngày. Phụ nữ gốc Việt ở hải ngoại đang bắt chước phụ nữ Âu Mỹ bằng cách nhuộm tóc thành màu vàng hay nâu, điều chỉnh mũi cho cao lên, làm cho ngực lớn ra, chỉnh cho mông tròn trịa hơn, thậm chí còn mạo hiểm sửa luôn cả những nơi thầm kín nhất trong cơ thể họ...

Sự hấp dẫn của người Việt

Đã bắt chước theo người Âu Mỹ, vậy câu hỏi được đặt ra là tiêu chuẩn và đặc tính về đẹp của chúng ta ngày nay có khác với họ hay không? Theo tôi biết, chưa có một cuộc nghiên cứu có hệ thống nào trả lời câu hỏi này trong người Á châu và đặc biệt là người Việt. Tôi chưa tìm thấy sách nào nói về những tiêu chuẩn đẹp cho phái nam, nhưng sách nói về tiêu chuẩn đẹp [hình dạng] cho phái nữ thì có và khá chi tiết. Chẳng hạn như trong sách *Đại Minh nội điển*, phần thẩm mỹ, giới triều đình thời nhà Minh có đặt ra 24 tiêu chuẩn ngoại hình để tuyển chọn mỹ nữ (6). Trong số 24 tiêu chuẩn này, có những tiêu chuẩn sau đây dính dáng đến hình thể: (i) vóc dáng cao, không được to ngang, không được vai u thịt bắp, chân tay không nên thô cứng; (ii) vóc dáng tròn đầy, không được lép, phải có đường cong tuyệt mỹ, không được thẳng đuốn; (iv) bắp thịt phải căng tròn, có sức nẩy; (v) eo lưng nhỏ, thon, không có tỳ vết, nếp nhăn, xương hông phải rộng, mông phải tròn trịa, nẩy nở. Nhìn qua những tiêu chuẩn này, ta có thể thấy người phụ nữ Á châu đẹp thời đó phải có một thân hình cân đối, có sinh lực tốt, và đặc biệt là eo lưng phải nhỏ và thon.

Nhưng các tiêu chuẩn mà triều đình nhà Minh đặt ra cũng chỉ là những tiêu chuẩn chung chung, lãng đãng, và mơ hồ về cái đẹp. Đây cũng là một đặc tính của người Việt chúng ta. Thực vậy, chúng ta cũng chẳng có những thông số, tỷ số, chỉ số cụ thể nào để

đánh giá thế nào là một người đàn bà hay đàn ông hấp dẫn. Trong các tác phẩm nghệ thuật thời xưa, tôi thường thấy các hoạ sĩ vẽ những phụ nữ với một thân thể *hơi* "đẫy đà" (chỉ "hơi" thôi), và rất ít thấy tranh ảnh nào vẽ một phụ nữ có eo nhỏ. Có lẽ các cụ muốn có con trai và chọn những phụ nữ có tỷ số eo-mông tương đối cao để duy trì nòi giống chăng? Qua đến thế kỷ 20, có lẽ do ảnh hưởng Tây phương, các phụ nữ xuất hiện trong tranh ảnh thường là những người gầy, cao, ngực không lớn, eo rất nhỏ, mông không to, v.v... tức là một hình dáng rất mong manh, và có thể nói là hơi bệnh hoạn.

Tuy nhiên, trong thơ ca Việt Nam, cái tiêu chuẩn về ngoại hình của một phụ nữ hấp dẫn tương đối rõ ràng hơn. Nhà văn Trần Kim Trác có một truyện ngắn mà trong đó ông tả một anh thanh niên lấy một cô thôn nữ có khuôn mặt không đẹp với cặp mắt lác làm vợ; bạn bè giễu cợt anh ta sao chọn người vợ "xấu" như thế; anh ta tuyên bố: *"Tôi lấy vợ không phải lấy phần mặt mà tôi lấy cái mình."* Bấy giờ ai cũng nhìn lại và để ý thấy là cô vợ anh ta có cái thân người eo thon, vai tròn, rất hấp dẫn! Quả vậy, eo thon hình như là một chuẩn mực về tính hấp dẫn trong người Việt. Trong chúng ta, chắc ai cũng từng nghe qua câu ca dao:

Những người thắt đáy lưng ong
Đã khéo chiều chồng lại khéo nuôi con
Những người béo trục béo tròn
Ăn vụng như chớp, đánh con cả ngày

Dù không nói rõ, nhưng ta có thể tiên suy luận qua hình dáng con ong và câu ca dao này rằng "lưng ong" ở đây chỉ những người phụ nữ có eo nhỏ, ngực rộng, mông to. Và, với một hình thể như thế, tỷ số eo-mông phải rất thấp. Các cụ ngày xưa cũng tin rằng, những phụ nữ lưng ong này còn nuôi con giỏi và chiều chồng hay. Đã nuôi con giỏi, thì chắc phải có khả năng sinh sản trước đó. Như vậy, tiêu chuẩn "lưng ong" này cũng chẳng khác tiêu chuẩn eo-mông của người Tây phương là bao. Quan trọng hơn nữa, niềm tin về tín hiệu sinh sản của lưng ong của Ta và tỷ số eo-mông của Tây cũng không khác nhau.

Có lẽ vì quan niệm *"Trai tài gái sắc," "Trai anh hùng, gái thuyền quyên"* nên trong thơ ca Việt Nam, người ta nói nhiều đến cái anh hùng tính, cái tài, nhưng rất ít nói đến cái hấp dẫn, cái đẹp của người đàn ông. Hay có khi đề cập đến, nhưng lại là một con người... dị hợm. Trong Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du tả Từ Hải như sau:

Râu hùm hàm én mày ngài
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.

Nhiều người ca ngợi đây là hai câu thơ hay, vì nó cho người đọc thấy được một người đàn ông anh hùng, uy mãnh (râu hùm hàm én). Nhưng nếu xét về kích thước thì đây là một con người rất khó coi, không thể là hấp dẫn được. Tôi không rõ "thước" và "tấc" ngày xưa được đề cập đến trong Truyện Kiều tương đương với thước tấc ngày nay ra sao, nhưng giả dụ rằng 10 tấc bằng 1 thước, và qua lời thơ thì Từ Hải có chiều cao gấp 20 lần bề rộng của vai! Chắc chắn ai cũng thấy đây là một hình dáng rất quái dị, không thể là hình dáng của một người đàn ông hấp dẫn được, càng không phải là hình thể của một người đàn ông lý tưởng, nhất là đàn ông mà lại có chân mày nhỏ như râu con ngài. Có lẽ cụ Nguyễn Du muốn dùng một cách nói thậm xưng để chỉ một con người dũng mãnh, phi thường. Nhưng dù sao đi nữa, những vần thơ trên cũng cho ta thấy Tiên Điền tiên sinh rất dở [hay bất cẩn] về con số.

Cố nhiên, một người đẹp lý tưởng phải là người có cái *chất* và cái *lượng* cùng tốt. Trong bài viết này, tôi chỉ đề cập đến cái lượng, hay nói đúng hơn là chỉ một phần của cái lượng mà thôi, đó là những đặc tính đơn giản có dính dáng đến sự phân phối mỡ và cơ trong cơ thể, chứ chưa bàn đến những đặc điểm trên mặt, chân, tay, v.v..., và nhất là chưa bàn đến cái chất hay tính tình và đạo đức. Có nhiều trường hợp, có người với ngoại hình đẹp và hấp dẫn, nhưng tính tình lại rất thô. Ngược lại, cũng có nhiều người có tính tình cực kỳ đẹp, nhưng ngoại hình lại không hấp dẫn mấy. Tôi tin rằng mỗi chúng ta đã từng gặp, không ít thì nhiều, những người nằm trong hai nhóm đó. Người xưa chả có câu *"Người xấu duyên lặn vào trong / Bao nhiêu người đẹp duyên bong ra ngoài"* là gì!

Nhưng hình dáng có quan trọng không? Tôi nghĩ là có, nhưng nó không quan trọng đến một mức độ tuyệt đối để chúng ta phải làm nô lệ cho những ngực rộng, eo nhỏ, mông tròn, bắp thịt nẩy nở, môi son, mặt trái xoan, mắt bồ câu, cổ cao, bờ vai tròn lẳn, bàn tay búp măng, gót chân hồng son, mắt lá răm, mày lá liễu, v.v. và v.v. Thực ra, với sự tiến bộ vượt bực của khoa giải phẫu ngày nay, hầu như bất cứ ai, cả nam lẫn nữ, đều có thể có một hình

dáng cơ thể mà mình thích. Rồi một ngày không xa, các khoa học gia sẽ tìm ra những *genes* có liên quan đến những đặc tính lý tưởng trên đây, và lúc đó, người ta có thể thiết kế một con người hoàn hảo về sắc đẹp một cách không mấy khó khăn. Lúc đó, sau khi đã có một sắc diện hoàn hảo, người ta có lẽ sẽ quay sang cái giá trị của đạo đức, và sẽ ghi nhận câu ca dao mà ông cha ta đã nói từ xưa:

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.

Chú thích:

1. Xin xem "Tình yêu, sắc đẹp, và di truyền," *Thế Kỷ 21*, số 130 & 131, Xuân 2000.

2. Tỷ số BMI được tính bằng cách lấy trọng lượng chia cho chiều cao (m) bình phương. Ví dụ như người viết bài này có trọng lượng là 75 kg, và chiều cao là 1.75 m; do vậy, BMI là 75 / (1.75 x 1.75) = 24.5 kg/m2.

3. Bài báo "Characteristics of male attractiveness for women" do nhóm nghiên cứu thuộc Trường Đại học Newcastle upon Tyne, Anh Quốc, đăng trên Tạp chí *Lancet* số 353, năm 1999, trang 1500.

4. Theo quan điểm chung của người Tây phương, người phụ nữ với một tỷ số eo-mông khoảng 0.7 là có một kích thước "lý tưởng".

5. "Quà" của bọ cạp đực là một loại protein mà các con bọ cạp đực thường hay đi săn từ côn trùng.

6. 24 tiêu chuẩn mà giới triều đình nhà Minh xem là "24 khuôn vàng thước ngọc" như sau: **1**. Vóc dáng cao, không được to ngang, vai u thịt bắp, chân tay thô cứng; **2**. Vóc dáng tròn đầy, không được lép, phải có những đường cong tuyệt mỹ, không được thẳng đuỗn; **3**. Da dẻ trắng hồng, mịn màng. Dung nhan sáng đẹp. Nếu trắng phải trắng như bạch ngọc, hồng phải hồng như đào hoa, vàng phải vàng như ngà voi, nâu phải nâu như màu mật non; **4**. Bắp thịt phải căng tròn, có sức nẩy; **5**. Các bả vai, khuỷu tay, khuỷu chân, cổ tay, cổ chân, đốt ngón tay, ngón chân... không được thô gồ; **6**. Miệng nhỏ, môi trên mỏng hơn môi dưới và khít với môi dưới. Môi dưới không được trề ra. Cả môi trên lẫn môi dưới tươi hồng, không ướt. Miệng không được hôi; **7**. Răng nhỏ và đều, trắng bóng không được mọc nhô ra thụt vào. Lợi phải hồng tươi; **8**. Mũi phải như túi mật treo, sống mũi thẳng dọc dừa, trổ từ giữa hai đầu lông mày xuống, cao dần về phía đầu mũi. Sống mũi phải có độ cao hợp với khổ mặt, khuôn mặt không được quá gồ cao mà cũng không được qua thấp tẹt. Hai cánh mũi phải tròn trịa, đầu mũi tròn đầy, lỗ mũi vừa vặn, không được quá to hoặc quá nhỏ hay hướng lên trời; **9**. Đôi má đầy đặn, mịn màng, nhất là phải có lúm đồng tiền; **10**. Mắt to, con ngươi đen láy, long lanh chuyển động, mắt nhìn như cười. Lông mi trên và dưới cần đen mướt, lông mi trên cong lên, lông mi dưới cong xuống; **11**. Lông mày và mắt cách xa nhau, không được quá khít. Đầu và đuôi lông mày phải dài vượt khỏi đầu và đuôi mắt. Hai đầu lông mày không được gần sát nhau. Lông mày đen dài, cong và thanh tú, không được quá rậm và gẫy khúc; **12**. Má trên rộng dưới hẹp, giống như quả trứng vịt dựng đứng. Sọ tròn trịa, không được quá lộ, quá dô; **13**. Tóc nhỏ sợi, nhiều, mềm mại, óng ả và đen mướt. Chân tóc ngay đều; **14**. Cổ tròn và cao, trắng, có ba ngấn, không được nổi gân; **15**. Lưng phải đầy đặn, xương sống không được lộ, phần lưng gần eo lõm vào, da lưng mịn và trắng, không được có nốt ruồi, ban đốm và sẹo; **16**. Nhũ hoa phải hơi nhỏ, đầu đỏ hồng và nhô lên, bầu tròn căng và không được thõng xuống; **17**. Cánh tay tròn, trắng mịn, không nổi gân xanh, không có nốt ruồi và các tì vết, mềm mại và phớt lông tơ. Bàn tay đầy, ấm áp. Ngón tay dài, thon thả, hình búp măng, không có nhiều vết nhăn và không được có sẹo. Móng tay dài, mỏng, nhẫn; **18**. Bụng tròn trịa, bằng phẳng không có sẹo và tì vết. Rốn sâu, nhỏ và tròn. Da bụng trắng mịn; **19**. Xương hông phải rộng. Mông phải tròn trịa, nẩy nở; 20. Âm khâu phải tròn trịa, đầy đặn và cao. Âm mao phải nhiều, đen mướt và mềm mại; **21**. Chân dài và ngay, không được vòng kiềng. Đùi nhiều thịt nhưng thon, chắc, có sức nảy, trắng mịn, không được có sẹo và tì vết. Đầu gối không được quá to, lộ xương, vết nhấn không được sâu và nhiều. Bắp chân phải thon dài, có sức nảy, trắng mịn. Bàn chân phải nhỏ nhắn, trắng hồng, không nổi gân, không có lông, không có sẹo. Ngón chân dài, thon thả, không có nhiều vết nhấn. Móng chân mỏng, hồng và mịn, không có tì vết. Gót chân mềm và đỏ hồng. Gan bàn chân đầy đặn và trắng hồng. Mắt cá chân tròn trịa, nhỏ nhắn, không lộ quá, không dầy, chai cứng; **22**. Sườn dày, da trắng mịn, không có nốt ruồi, tì vết, không lộ xương, không có nếp nhăn; **23**. Eo lưng nhỏ, thon lẳn, khong có tì vết, nếp nhăn; **24**. Nách trắng mịn, lông ngắn, thưa và mướt, không có mùi hôi hám.

Theo luật Cửu cửu (9,9 theo Kinh Dịch), 80 mỹ nhân được tuyển ở giai đoạn sơ kết, đến khi bán kết chỉ có 36 mỹ nhân, và trong số này chỉ 18 mỹ nhân là được vào vòng chung kết. 18 mỹ nhân được vào chung kết được xem là *Thượng nhân,* được lập danh sách để vua phong các chức *Tiệp dư, Cửu tần.* Phần còn lại (63) mỹ nhân được lập danh sách để vua phong làm *Á mỹ nhân.* (Chép theo sách *Chuyện cung đình Trung Hoa,* do nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1998).

LÁ THƯ THƯỢNG HẢI

HÀ KỲ LAM

Thượng Hải ngày...

Chị Mộng Hoa thân mến,

Ngồi đây, sau mười bốn ngày chu du một vòng các nơi nổi danh về lịch sử cũng như về phong cảnh của Trung Hoa, với một mớ ấn tượng hỗn độn trong đầu, tôi không biết phải bắt đầu từ đâu để kể cho chị về chuyến đi! Thôi để cho tiện, tôi cố gắng sắp xếp mọi thứ theo từng mục như sau: ăn ở, chuyên chở, hướng dẫn du lịch, đô thị Trung Hoa, mua sắm, di tích lịch sử, phong cảnh.

Ăn Ở

Khách sạn ở Trung Hoa rất mới - có lẽ được xây cất mới đây để thu hút du khách từ các nơi trên thế giới, tương tự Việt Nam trong thời kỳ "mở cửa." Phòng ốc bóng loáng, kiểu cách khá cầu kỳ, dùng vật liệu khá đắt tiền, nhưng - hy vọng tôi không quá khắc khe hay quá thành kiến - tôi thấy dường như người thiết kế nặng về trình diễn mà xem nhẹ tính thực dụng. Mỗi khách sạn có những khuyết điểm khác nhau, chỉ xin đan cử vài ví dụ: nhiều khách sạn để bộ phận tắt/mở đèn của phòng vệ sinh bên ngoài chứ không phải bên trong phòng; hệ thống nước máy không đủ cho nhu cầu của khách; máy truyền hình trong nhiều phòng khách sạn không hoạt động được (không operational). Có một điều hơi lạ là tại một khách sạn ở Bắc Kinh người mướn phòng không xử dụng được quyền không muốn làm phòng, mặc dù nơi quả nắm của cửa vẫn treo tấm bìa có hàng chữ "Do not disturb" để cho khách tiện dụng. Chúng tôi khiếu nại thì được trả lời: nếu không muốn bồi phòng vào làm việc, dọn dẹp, thay khăn lau, tấm trải giường v.v. thì phải gọi báo văn phòng quản lý. Vậy thì tấm bảng "do not disturb" có công dụng gì?

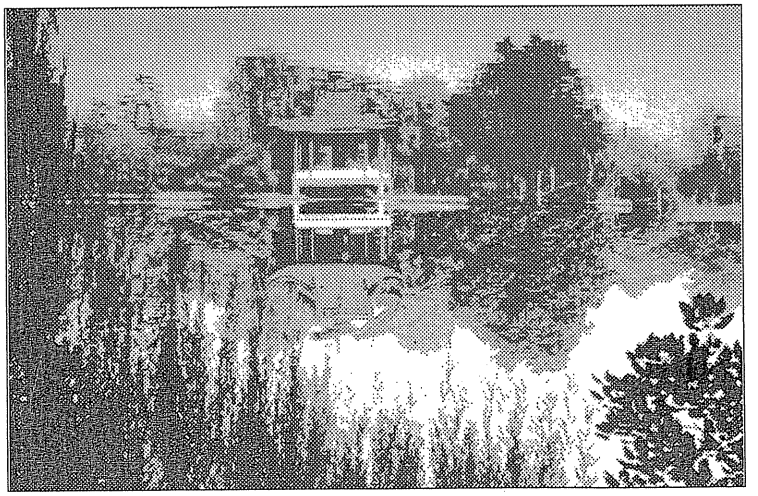

Tây Hồ, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang

Về thức ăn, khó mà nói món ăn nước nào ngon hơn nước nào. Vấn đề khẩu vị của dân tộc, của một vùng địa dư, một sắc thái văn hóa. Cho nên trong 14 ngày ở Trung Hoa, tuy ăn không ngon miệng tôi vẫn không thể kết luận các món ăn Tàu ở chính quốc dở hơn thức ăn Tàu bên Mỹ. Với lại, vì khoản ẩm thực được bao gồm trong sở phí du lịch mà du khách đóng cho công ty du lịch, rất có thể thực đơn của chúng tôi đã được ấn định trước ở mức không được cao lương mỹ vị lắm. Những nhà hàng đoàn du lịch được đưa vào ăn uống đều có vẻ quốc doanh; tiệm lớn, bài trí sang trọng, với một đội ngũ người phục dịch đông đảo. Sau buổi ăn tối thường có màn trình diễn văn nghệ ngay tại chỗ, vì nhà hàng có cả một sân khấu khá lớn và khá tối tân. Những nhà hàng chúng tôi đặt chân đến dường như chỉ dành riêng cho du khách, vì không thấy khách bản xứ đâu cả. Nước uống không được "thoải mái" như các tiệm quán bên Mỹ. Khi mới ngồi vào bàn thực khách được cho một ly nước nhỏ uống cho thấm giọng. Vị nào thấy chưa đủ, gọi xin thêm sẽ được yêu cầu trả tiền nước chứ không miễn phí nữa! Nhưng cũng "may" là trong những ngày ở Trung Hoa, ai nấy đều tự hạn chế nước uống, để khỏi

đi tiểu nhiều, vì nhà vệ sinh công cọng ở bên đó không nhiều như ở Mỹ, và lại hôi hám.

Chuyên Chở

Trong phần này tôi đề cập mọi phương tiện di chuyển gắn liền với chuyến Hoa du, từ đường bộ, đường thủy, đến đường hàng không, kể cả chuyến bay từ San Francisco đến Trung Hoa và ngược lại; tất cả đều được bao gồm trong phí tổn du lịch mà khách đã trả trước, lúc ghi tên mua dịch vụ du lịch Trung Hoa tại một đại lý du lịch tại Mỹ.

Chuyển Vận Con Thoi

Tôi tạm gọi công việc đưa rước tại phi trường, trạm xe lửa, và chuyên chở du khách trên các lộ trình thăm viếng tại địa phương là chuyển vận con thoi. Dịch vụ này, như tôi đã nói trên đây, được bao gồm trong sở phí du lịch của chúng tôi, nhưng thể lệ của công ty du lịch còn ấn định một khoản tiền thưởng (tip) cho tài xế là 2 mỹ kim mỗi ngày cho mỗi đầu người. Với 39 du khách, cộng thêm một nhân viên hướng dẫn tổng quát (mà họ gọi national tours guide), và một nhân viên hướng dẫn địa phương (local tours guide), đoàn chúng tôi ngồi vừa vặn trên một xe buýt hạng trung với ghế "mềm" (chữ dùng rất thịnh hành ở Trung Hoa, chỉ ghế đệm, để phân biệt với ghế kim khí, hay ghế gỗ mà họ gọi "ghế cứng"), và máy lạnh khá dễ chịu. Chỉ đến khi kết thúc chuyến Hoa du tiêu chuẩn (standard) ở trạm cuối là Thượng Hải vào ngày thứ mười, 10 người Việt chúng tôi, vì còn tiếp tục thêm bốn ngày nữa cho chuyến đi Hàng Châu đã mua thêm (optional) từ đầu, mới xử dụng một xe mini bus khá gọn gàng và cũng khá tiện nghi.

Tài xế rất cẩn thận, lành nghề, và quen thuộc lộ trình. Tình trạng đường sá khá tốt. Không có nạn nghẽn lưu thông, có lẽ một phần vì lưu lượng xe cộ ở đây không nhiều như các nước khác, và một phần vì không có xe gắn máy trên đường phố. Ngồi trên xe nhìn phố phường và phong cảnh hai bên đường cũng đã là một điều thích thú.

Đường sắt

Giữa các địa điểm du lịch tương đối gần nhau thì người ta cho chúng tôi đi xe lửa. Đó là các đoạn đường nam Kinh - Tô Châu (bốn giờ xe lửa), Thượng Hải - Hàng Châu (hai giờ), Thượng Hải - Tô Châu (một giờ). Dĩ nhiên không thể so sánh với xe lửa TGV (train à grande vitesse) của Pháp, nhưng xe lửa Trung Hoa chạy khá êm, tương tự Amtrack của Mỹ. Tôi chưa có dịp đi xe lửa ở Việt Nam, nhưng mới tháng rồi nghe một người bạn về thăm Việt Nam kể lại đã có dịp đi xe lửa từ Sài Gòn đến Hà Nội. Tôi nhớ anh ta nói về độ lắc của xe, và tôi nghĩ nếu quả đúng như vậy thì xe lửa ở Trung Hoa khá hơn xe lửa Việt Nam rồi.

Đi theo đoàn du lịch mình được dành nhiều thuận lợi, chẳng hạn được đi một toa riêng, không chung đụng với dân chúng, với tiêu chuẩn hạng nhất tức là ghế có số, và lại "ghế mềm." Trên xe lửa cũng có bán thức uống, thức ăn, nhưng do các người phục vụ bưng đến tận nơi mình ngồi và chào hàng.

Hy vọng đi chuyển bằng xe lửa mình có thể nhìn thấy nhiều vùng dân cư khác nhau nên tôi cố gắng quan sát phong cảnh hai bên đường mong có được một cái nhìn thoáng qua nông thôn Trung Hoa. Tôi đã thất vọng, vì đi xuyên đất nước đó ít ra cả nghìn cây số đường bộ mà tôi không thấy được một làng mạc nào cả. Những gì tôi thấy là những đồng ruộng vắng người - mùa gieo trồng đã qua, mùa thu hoạch chưa tới - và lâu lâu một nhóm dăm bảy nóc nhà ngói mà lối xây cất hoặc có vẻ những chung cư, hoặc giống những công xưởng. Cũng chẳng thấy bóng người ra vào những căn nhà đó. Không biết tôi có hồ đồ chăng khi kết luận rằng dọc đường sắt Trung Hoa là những vùng sản xuất, dân cư có lẽ phải ở xa các trục giao thông.

Đường hàng không

Chuyến bay từ Mỹ (San Francisco) đến Bắc Kinh của hãng Air China - khoảng 14 giờ bay liên tục - chẳng có gì đáng nói, vì cũng như bao chuyến quốc tế khác. Tại quốc nội Trung Hoa, để đến những điểm du lịch xa, du khách được vận chuyển bằng máy bay. Đó là các chặn đường Bắc Kinh - Tây An tức cố đô Tràng An (một giờ 50 phút bay), Tây An - Quế Lâm, thủ phủ tỉnh Quảng Tây (hai giờ bay), Quế Lâm - Nam Kinh (hai giờ bay).

Trước chuyến đi, nghe bạn bè và bà con nói về tình trạng tồi tệ của đường bay quốc nội bên Trung Hoa tôi cũng thấy bất ổn trong lòng. Thế rồi hôm rời Bắc Kinh đi Tây An trên chuyến bay nội địa đầu tiên, nỗi lo sợ của tôi tiêu tan. Các máy bay của họ đâu có tệ, cũng những chiếc Airbus của Âu châu, hay những chiếc chở khách của Boeing. Phi trình, cất cánh, hạ cánh đều khá êm ái. Phục vụ trên máy bay cũng tạm được. Có lẽ cái thời kỳ của những chiếc máy bay TU "khủng khiếp" do

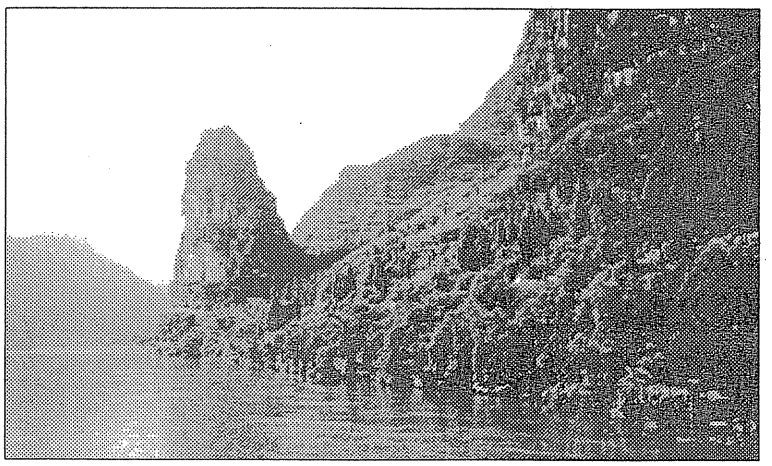

Một cảnh ở Quế Lâm (Quảng Tây) bên dòng Lý Giang

đàn anh Liên Xô quá cố chế tạo đã qua rồi.

Nói đến hàng không thì cũng nên đề cập đến phi trường. Phi trường Trung Hoa không nhộn nhịp máy bay lên xuống như bên Mỹ, nhưng hành khách thì đông, và phi cảng thì khá rộng lớn. Phi trường Thượng Hải hiện nay là phi trường lớn nhất Á châu. Đi du lịch Trung Hoa do một công ty tổ chức, việc mua vé máy bay đi lại đây đó đều có người lo liệu, nên tôi không thấy khó khăn của công việc nầy, nhưng tôi nhớ một người Hoa mà tôi quen biết ở Mỹ có lần đã nói với tôi về nỗi khó khăn khi phải tự mình đi mua một vé máy bay bên đất nước đó. Chờ đợi là một chuyện, có vé để mua hay không là một chuyện nữa, v.v. Chuyện này dẫn tới chuyện kia, tôi lại nhớ mới đây nhà văn Phạm Xuân Đài đi Nga về có thuật lại với tôi việc anh phải sắp hàng chờ ba tiếng đồng hồ ở nhà ga Mạc Tư Khoa mới mua được một vé xe lửa để đi St. Petersbourg, tức Léningrade. Xã hội trong hai nước "anh em" nầy có những điểm tương đồng của di truyền!

Đường Thủy

Trong 14 ngày du lịch Trung Hoa, chúng tôi dùng đường thủy ba lần, ở Quế Lâm, Tô Châu, và Hàng Châu, vì những nơi đó cần phải lênh đênh trên hồ hay trên sông để ngoạn cảnh. Những chiếc tàu nhỏ này khá tiện nghi, chứa khoảng bốn mươi người, có bàn ăn để du khách vừa ngồi ăn uống vừa ngắm nhìn phong cảnh hai bên bờ.

Hướng Dẫn Du Lịch

Công ty đảm trách việc du lịch và nơi ăn chốn ở của chúng tôi bên Trung Hoa là China Focus Tours. Không rõ đây có phải là một công ty du lịch của nhà nước Trung Hoa hay không, nhưng chúng tôi thấy người của công ty nầy được dành nhiều ưu tiên và dễ dàng trong công tác hướng dẫn du lịch của họ, từ việc mua vé máy bay, vé xe lửa, đặt phòng khách sạn, tiệm ăn cho đoàn du lịch đến việc phối hợp với các hướng dẫn viên du lịch địa phương v.v. Nhờ vậy mà việc du lịch của chúng tôi được thoải mái, thích thú. Người phụ trách tổng quát, gọi là hướng dẫn viên toàn quốc (national tours guide) đi theo đoàn du lịch trên khắp các chặng đường thăm viếng trên lãnh thổ Trung Hoa. Người nầy không thuyết trình về du lịch, chỉ chịu trách nhiệm tổng quát về hành chánh, an ninh, v.v. của đoàn. Tại mỗi nơi chúng tôi thăm viếng, hướng dẫn viên địa phương (local tours guide) thuyết trình về nơi đó, như lịch sử, thắng cảnh, v.v. Dường như vị hướng dẫn viên toàn quốc có một số quyền hành đối với các hướng dẫn viên địa phương, vì thỉnh thoảng tôi thấy người nầy kín đáo nhắc nhở những điểm mà người hướng dẫn địa phương bỏ sót.

Phần lớn các hướng dẫn viên du lịch của China Focus Tours có trình độ nghiệp vụ và trình độ học vấn khá. Họ nắm vững đề tài của mình, và nói nhiều ngoại ngữ. Vì đoàn chúng tôi từ Mỹ đến, họ đã cử những hướng dẫn viên thông thạo Anh ngữ phụ trách chúng tôi. Các người này đã tỏ ra lưu loát và nghe tiếng Anh khá chính xác. Một điều tôi nhận thấy là tất cả được đào tạo đồng nhất. Họ trình bày những đề tài khác nhau, và làm việc ở những địa phương khác nhau, nhưng lối thuyết trình có cùng một mẫu mực, chẳng hạn như họ thường có những câu chuyện vui, hay thời sự ngoài lề để cố gây hứng thú cho người nghe. Đến đây, tôi lại nhớ một "tai nạn nghề nghiệp" đã xảy ra: có một lần, tại Tây An, một câu chuyện có tính cách thời sự, "nghiêm túc," nhưng khi kể xong nó bỗng trở thành một câu chuyện cười! Số là hướng dẫn viên hôm đó, một giáo sư dạy sử ở đại học Tây An, như anh ta tự giới thiệu từ đầu, kể cho mọi người nghe rằng có một cán bộ nọ, sau khi về hưu không hài lòng với bổng lộc nhà nước cho, vì nghĩ không xứng với công lao mình cống hiến cho Cách Mạng, bèn

than phiền với cấp trên của đương sự, một vị thị trưởng. Ông nầy đáp rằng *đừng hỏi đất nước đã làm được gì cho anh, mà hãy tự hỏi anh đã làm được gì cho đất nước.* Nghe gần dứt câu đó thì nhiều du khách Mỹ trên xe cười lớn và nói, "Kennedy!" Người hướng dẫn du lịch chưng hửng, "Kennedy à?" Sau một thoáng bối rối, anh ta cười chữa thẹn và nói, "các lãnh tụ thường nói giống nhau."

Một điều nữa, là hình như có một sự phối hợp nhịp nhàng trong lịch trình du lịch. Một ví dụ: mỗi khi đoàn du lịch lên xe chờ khởi hành đến một địa điểm mới, người hướng dẫn có nhiệm vụ điểm số và hỏi, đại khái "đã đủ chưa" rồi xe mới lăn bánh. Cách thức này đã được lặp lại ở Bắc Kinh, Tây An, Quế Lâm, rồi Nam Kinh. Đến Tô Châu, sau khi lên xe, cô hướng dẫn tại địa phương thay đổi không khí, bảo với chúng tôi rằng "đủ người" câu nói tiếng Hoa có âm vận na ná như ""two dollars" (2) còn "thiếu người" thì nghe như "one dollar," vậy từ giờ trở đi để cho nhanh và gọn tôi chỉ cần hỏi quí vị là *one dollar* hay *two dollars* thôi nhé. Và cả xe rất lấy làm thích thú với sáng kiến vui đó. Trạm dừng chân sau Tô Châu là Thượng Hải. Mọi người ngạc nhiên khi câu đầu tiên mà anh chàng tours guide ở Thượng Hải thốt lên, sau khi giới thiệu danh tánh của mình: "One dollar or two dollars?" Và mọi người trả lời "two dollars." Có lẽ người ta đã ấn định Tô Châu là điểm "thay đổi không khí," và tiếp theo Thượng Hải làm đúng như thế.

H. TU

THÈM

Ôi! Sao thèm... Từ đêm đông lạnh giá
Đôi mắt nâu bỗng đượm cả bếp hồng
Suối tóc đen cuộn tràn gây thương nhớ
Bờ môi mềm - tấc dạ đến bâng khuâng.

Ôi! Sao thèm... Từ chấn song gió hú
Chiếc cổ tròn nũng nịu cứ làm duyên
Bờ ngực vun ôm dịu dàng quyến rũ
Vòng tay êm ve vuốt mọi nỗi niềm.

Ôi! Sao thèm... Từ chiếc chăn dạ hở
Vòng eo tròn làm dáng mãi không yên
Bờ trũng sậy lau... Dập dồn hơi thở
Ngập - Lịm dần... tận đáy nỗi bình yên.

Ôi! Sao thèm... Từ mảnh khung trời bé
Lần lối xưa về đếm bước ngựa hồng
Biết đò cũ có còn neo bến ấy
Hay đã rồi!... Con sáo vội sang sông.

Đô Thị Trung Hoa

Các thành phố Trung Hoa khá lớn. Thị trấn miền núi như Quế Lâm (tỉnh lỵ của Quảng Tây) mà mức dân đã trên một triệu người. Hàng Châu, thành phố nghỉ mát với phong cảnh u tịch, ít nhộn nhịp nhất, cũng không dưới 1.6 triệu dân. Tây An, thủ phủ tỉnh Thiểm Tây, xưa kia là cố đô Tràng An, bây giờ là một thành phố lớn quan trọng của miền trung Trung Hoa, với trên ba triệu dân, cách Bắc Kinh khoảng 900 cây số về hướng tây nam. Dường như Trung Hoa có một nỗ lực xây thành phố cho lớn. Điều nầy cũng dễ hiểu, vì dân số của họ đông quá (trên dưới một tỉ 300 triệu người). Những thành phố tôi đã đi qua, từ Bắc Kinh, Thượng Hải, đến Nam Kinh, Tô Châu, Hàng Châu, Tây An, Quế Lâm, tất cả đều có những con đường rộng thênh thang, hơn cả đường Nguyễn Huệ, Lê Lợi của Sài Gòn. Thượng Hải lớn kịnh khủng, có lẽ hơn cả New York. Với 13 triệu dân, nó là thành phố đông dân thứ nhì của Trung Hoa, sau Trùng Khánh. Nghe nói Trùng Khánh có 30 triệu dân, tôi thật không quan niệm nổi! Thượng Hải còn lại một khu phố cổ, và ở đây du khách mới thấy lại màu sắc và đường nét kiến trúc Trung Hoa. Anh chàng hướng dẫn du lịch nói một câu khá ý nhị, "đây là phố Tàu của Thượng Hải."

Một điều đáng nói về đô thị Trung Hoa là không có người ăn xin và không có xe gắn máy. Theo tôi hiểu, một tỷ lệ không nhỏ của dân số Trung Hoa có mức sống không lấy gì làm sung túc, và con số người thiếu ăn, thiếu mặc chắc cũng không nhỏ. Nạn ăn xin, không nhiều thì ít, là một hiện tượng mà quốc gia nào cũng không thể loại hết được. Tôi khâm

phục họ đã bài trừ được nạn đó. Lưu thông trong các thành phố Trung Hoa được trật tự và an toàn hơn Sài Gòn của Việt Nam nhiều, nhờ sự vắng bóng những chiếc xe gắn máy! Đường phố chỉ có xe đạp và xe hơi các loại nên khách bộ hành cảm thấy thoải mái hơn ở Sài Gòn. Nhớ lại, ở Sài Gòn, nếu phải băng qua đường, dù ở những ngã tư có đèn lưu thông, người đi bộ thấy tính mạng như nghìn cân treo đầu sợi chỉ, vì những chiếc xe gắn máy chạy như tên bắn hay vượt đèn đỏ. Nghe nói xe gắn máy bị cấm chạy trong thành phố, sau khi Trung Hoa thấy nạn tử vong do loại xe nầy gây ra khá cao. Tôi cho đó là một quyết định sáng suốt.

Hệ thống đèn điều hòa lưu thông đường phố ở Trung Hoa cũng giống như các nơi khác trên thế giới, nhưng riêng ở Nam Kinh tôi thấy có một số ngã tư được trang bị loại đèn lưu thông nhảy số mà tôi chưa hề thấy ở đâu có. Ví dụ người đi đường đang dừng chờ ở một ngã tư, thấy đèn hiện con số 48 màu vàng thì hiểu rằng được lưu thông trong 48 giây, và con số sẽ đếm xuống (count down) cho đến khi tới số 1 rồi lại hiện con số 6, cũng màu vàng, và lại đếm xuống cho đến 1 (từ số 6 nầy đếm xuống 1 có tác dụng của khoảng thời gian đèn chuyển sang màu vàng trước khi đổi sang màu đỏ ở hệ thống đèn lưu thông qui ước). Lúc đó đèn lại hiện con số 38 màu đỏ, rồi cũng đếm xuống 1 để báo cho người đi đường biết mà dừng lại trong 38 giây trong khi giòng lưu thông của con đường trước mặt được tiếp tục.

Mua Sắm

Mua sắm là thú vui của các bà. Trong khi đàn ông chúng tôi hay bàn luận về những cảnh trí du lịch thì các bà lại sôi nổi những điều khác, như giá cả, phẩm chất hàng hóa v.v. Những cửa hàng bán sản phẩm cẩm thạch ở Quế Lâm, tơ lụa ở Hàng Châu, áo quần ở Thượng Hải là những điểm thu hút bà nhà tôi và các phu nhân trong đoàn, không kém sự thu hút của Vạn Lý Trường Thành, của cảnh đẹp Tây Hồ ở Hàng Châu, hay cảnh hùng vĩ hai bên bờ Lý Giang ở Quảng Tây.

Đi mua sắm ở Trung Hoa, trả giá là việc phải làm, dù ở tiệm tư nhân, hay nơi quốc doanh. Không ước tính được tỷ lệ nói thách, nhưng một người đồng hành trong đoàn cho biết kinh nghiệm "đau thương" của bà xã anh ta cho thấy nên bắt đầu mặc cả ở mức một phần năm của giá ghi thì an toàn hơn. Cảnh tượng buôn bán bên lề đường ở các đô thị Trung Hoa gợi nhớ Việt Nam, vì cũng bày hàng cùng một cách, cũng mời mọc người mua như thế, duy có điều hình như giới con buôn Tàu hung dữ hơn. Ví dụ, nếu mình lỡ trả giá hớ, rồi rút lại ý định mua, có thể bị hành hung đấy! Cho nên cách tốt nhất là đừng mua bán nếu cảm thấy khu vực không được an ninh. Đó cũng là điều mà các các hướng dẫn viên du lịch vẫn thường nhắc nhở du khách. Tại Tây An tôi đã thấy một nữ du khách (có lẽ người Hoa bản xứ) bị cô bán hàng túm đầu tóc và đánh; người bạn trai nhảy vào can thiệp liền bị mấy thằng đồng bọn đánh hội đồng. Đoàn du lịch chúng tôi (có 29 người Mỹ) chứng kiến mà ngao ngán cho "sự đời" ở những nơi con người phải "dành quyền sống" như thế. Tôi cũng nhớ lại hôm thăm quảng trường Thiên An Môn, một người Mỹ trong đoàn chúng tôi cũng trả giá để mua mấy tấm post cards. Anh chàng Mỹ đưa tiền xong, chợt thấy bị hớ, liền đưa trả xấp bưu ảnh, và đòi lại tiền - tờ bạc 20 mỹ kim. Người bán hàng, một thanh niên tầm vóc trung bình theo tiêu chuẩn dân Á châu, sừng sộ. Anh du khách Mỹ bình tĩnh chìa bàn tay có vẻ ra lệnh trả tiền. Người bán hàng bèn móc túi lôi ra tờ đô la trả lại cho người mua. Thú thật ngay giây phút người Mỹ kia vừa quay lưng tôi hốt hoảng mà không thốt được một tiếng, vì thấy anh chàng bán hàng thu bàn tay sắp giáng quả đấm vào lưng hoặc cổ người du khách Mỹ, nhưng cũng trong tích tắc hắn ta bỏ ý định, buông tay xuống. Dĩ nhiên ông khách Mỹ không hay biết gì cả. Có lẽ thấy đối thủ to con, vững chãi quá nên hắn ta bèn tự nhủ, "một sự nhịn, chín sự lành."

Nói chung, lối mời mọc khách của người Hoa có tính cách "áp dảo" hơn người Việt - tôi muốn nói *aggressive*. Đặc tính đó thể hiện đều ở những người làm công việc buôn bán, từ các tiệm, các sạp trong chợ, các nơi trên hè phố của tư nhân, đến các cửa hàng quốc doanh.

Có khác nhau chăng là các người bán hàng nhà nước - phần lớn thiếu nữ - nhã nhặn hơn và không có vẻ chuẩn bị hành hung như dân ngoài đường phố! Nhưng mình vẫn thấy cái *aggressiveness* ở họ; họ bám sát con mồi, giới thiệu món nầy, mời mua món kia, sẵn sàng thương lượng lại giá cả, làm mình thấy áy náy trước nhiệt tình của người bán nếu không mua món gì.●

(Còn tiếp)

HÀNH TRÌNH CỦA MỘT NGƯỜI TRÍ THỨC CỘNG SẢN VIỆT NAM

HOÀNG HOA KHÔI

Nguyên văn tiếng Pháp

L'Itinéraire d'un intellectuel communiste vietnamien

được viết vào năm 1988.

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

dịch sang Việt ngữ (tháng 11-2000).

(Tiếp theo)

Những bất đồng ý kiến mới về Hiệp định Genève

Một lần nữa sự tranh chấp giữa Trung Ương Công binh và NKV lại tái diễn vì những bất đồng ý kiến vào dịp kí kết Hiệp định Genève Pháp - Việt năm 1954. Đối với NKV, đây là một thắng lợi hoàn toàn của VN: Miền Bắc được tự do, miền Nam cũng sẽ được giải phóng trong vòng hai năm tới sau cuộc tổng tuyển cử. Vì có Ủy hội Quốc tế [Kiểm soát Đình chiến] bảo đảm, các điều khoản Hiệp định sẽ được tôn trọng, cuộc tổng tuyển cử sẽ diễn ra đúng thời hạn.

Theo người Đệ Tứ trốt kít, thắng lợi này chỉ là một nửa thắng lợi (20) . Vì họ nghĩ rằng những điều khoản nhân nhượng dưới áp lực Trung Quốc (21) và Liên Xô sẽ gây nhiều khó khăn nan giải cho cuộc thống nhất đất nước. Sự việc rút toàn bộ kháng chiến quân về Bắc và giải tán các căn cứ kháng chiến tại miền Nam là tạo cơ hội quý giá cho chính quyền miền Nam rảnh tay chỉnh đốn lực lượng. Ngay trong những điều khoản của Hiệp định đã chứa mầm mống cho một cuộc chiến tranh thứ hai. Kết luận phân tích tình hình này của người trốt-kít đã gây ra phản ứng gay gắt trên báo chí bạn bè ông NKV. Người trốt-kít bị họ tố cáo là "bọn chia rẽ" "xui giục gây chiến" "mạ lị TQ và LX" vì theo họ, các đại diện hai nước này *"hoàn toàn ủng hộ mọi quyết định của chính phủ Hồ Chí Minh"* Để trả lời lí luận "chính quyền Ngô Đình Diệm có thể từ chối việc tổng tuyển cử," NKV khẳng định trong tờ Đất Nước (22): Diệm không thể từ chối mãi được. Vì một tảng đá dù nặng đến đâu, cũng sẽ bị lay chuyển, nếu toàn dân một lòng quyết dời đẩy nó. Sức ỳ của Diệm có giới hạn.

Nhưng rủi thay, Diệm không phải là một tảng đá và "sức ỳ" của ông ta mạnh đến nỗi mọi ý muốn hoà bình trên thế giới không đủ làm ông ta đổi ý. Thật vậy, ngược với dự đoán của ông Viện, Ủy hội Quốc tế đã bó tay. Và sau cùng đại biểu Liên Xô đề nghị giải pháp "công nhận hai nước Việt Nam"! Nghĩa là chấp nhận sự phân đôi đất nước Việt Nam.

Đàn áp đại biểu trốt-kít

Sự tin tưởng tuyệt đối của ông NKV vào Mao, Hồ, Staline, TQ, LX, như có mang một chút thần thoại pha lẫn cuồng tín. Ông tin rằng các bậc "vĩ nhân" và các "đại quốc" này không bao giờ sai lầm, thất bại. Ông không chấp nhận việc người khác có thể nghi ngờ xác tín này cũng như nghi ngờ lòng chân thành và bất vụ lợi của TQ và LX trong việc giúp đỡ Việt Nam.

Trong những năm 1940-1950, nhiều trận bút chiến (23) đã xảy ra. Một mặt bởi vì người trốt-kít đại diện công binh khá đông, mặt khác họ cũng chiếm đa số trong các Uỷ Ban và vì

vậy họ giữ vai trò quan trọng trong ban chấp hành Trung Ương Công Binh (24), trụ sở đóng tại Mazargues. Cho nên ông Viện thấy cần chống lại ảnh hưởng trốt-kít "tai hại" này. Mặt khác, ông phải trả lời vì nhiều biến cố quan trọng đã xảy ra sau đó. Phần nhiều ,ông Viện đã trả lời bằng cách dùng lại lí lẽ đối trá và xuyên tạc của tờ *Nhân Đạo* và đảng CS Pháp.

Trong khoảng thập niên này, các công nhân lao động đã phải hứng chịu những đàn áp nghiệt ngã của chính quyền Pháp. Cao điểm đàn áp là vụ bắt bớ 126 đại diện công binh ngày 31 tháng Giêng năm 1948 trong đó có 33 đại diện ban chấp hành Trung Ương Công Binh của trại Mazargues. Tất cả các đại diện này bị cưỡng ép xuống tàu và bị đưa về giam tại Việt Nam (Cap Saint Jacques, Vũng Tàu). (25)

Vì các đại biểu Trung Ương bị phân tán bắt bớ, một số phải ẩn trốn, nên những ủy ban không thể hoạt động bình thường được nữa. Chính trong hoàn cảnh đó, xảy ra một cuộc ấu đả trong trại công binh Mazargues.

Năm công binh chết và ba mươi người khác bị thương. Báo chí Pháp, lúc đầu đã diễn dịch thảm kịch như sau: *"Việt Minh tổ chức sát hại phe Bảo Đại."* Vài hôm sau thì viết *"Đệ Tứ và Đệ Tam (sta-li-niêng) thanh toán nhau."* Báo *Nhân đạo* và các báo của đảng CS Pháp, dù không một bằng cớ, đã trút hết trách nhiệm vào *"bọn Đệ Tứ trốt-kít khiêu khích."*

Luật sư Phan Nhuận và các báo *Lao Động, Thuỷ Thủ, Cứu Quốc, Cứu Tế* v.v... cũng đồng thanh tố cáo *"trốt-kít sát nhân."* Lạ thay, trong biến cố này, ông NKV không hề lên tiếng. Phải chăng vì ông biết rõ rằng cả trốt-kít lẫn staliniens đều không hề can dự vào thảm kịch mà chỉ là nạn nhân của một tình thế vượt ra ngoài vòng kiểm soát của đôi bên?

Sự thật của cuộc chém giết như sau: lợi dụng tình trạng kiểm soát và kỉ luật lỏng lẻo của trại, một bọn côn đồ sống ở ngoài trại, mưu toan phá hoại tổ chức trại để được tự do mở các sòng bài, buôn bán chợ đen. Để thực hiện dự tính này, chúng tự nhận là người theo Việt Minh. Trong thời gian đầu, chúng tìm cách gây cảm tình với Trần Ngọc Danh, trưởng phái đoàn đại diện chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh (26). Dường như ông Danh không hay biết về âm mưu này. Sau đó, chúng cấu kết với một thiểu số công binh ủng hộ Trần Ngọc Danh. Và chúng không ngừng khiêu khích, gây gổ với công binh bằng cách chửi bới, hành hung, vu cáo, hăm doạ giết một số đại biểu v.v... bọn côn đồ này đã tạo nên một tình trạng vô cùng căng thẳng giữa đôi bên. Như một kho thuốc súng, chỉ cần một tia lửa, tất cả sẽ nổ tung. Các đại biểu công binh không sao làm chủ được tình hình.

Trong đêm 15 tháng 5/1948, bọn côn đồ này tổ chức một buổi họp gồm khoảng 70 người (trong trại có khoảng 2000 công binh) trong một phòng họp giữa trại. Khi đó có tiếng đồn cho rằng buổi họp này nhằm tổ chức ám sát các công binh trong ban đại diện. Thế là tất cả công binh sôi sục. Rồi cuộc ấu đả diễn ra, trong bóng tối, vì điện bị cắt.

Con đường thăng tiến thênh thang

Kể từ năm 1950, đoàn công chiến binh cuối cùng xuống tàu về nước, tại Pháp chỉ còn khoảng vài ngàn người giải ngũ. Không còn đoàn viên, Trung Ương công binh tự động giải tán. Hiệp đoàn Thợ Việt Nam tại Pháp đứng ra thay thế, đại diện cho những người công nhân ở lại Pháp. Nhưng trận bút chiến giữa ông Viện và những người trốt-kít vẫn tiếp tục (27), về vấn đề Hiệp định Genève, về Mao, về Staline, về các vụ án do Staline ngụy tạo tại Đông Âu (Rajk, Kostov, Clémentis, Arthur London...)

Năm 1955, NKV được bầu làm chủ tịch hội Liên Hiệp Việt kiều tại Pháp. Ảnh hưởng cá nhân và chính trị của ông lớn hơn bao giờ hết. Kể từ đây hội LHVK giữ lấy chỗ của những người trốt-kít ngày trước và càng lúc càng giữ một địa vị độc tôn trong các tổ chức Việt kiều thiên tả. Và dần dà ông Viện ngừng các cuộc bút chiến với người trốt-kít. Có lẽ vì ông thấy họ không còn tượng trưng cho lực lượng Việt kiều như trước nữa. [Ông Viện về nước trước năm 1975]

Cho đến năm 1977, lòng tin đảng của ông Viện tưởng như không gì lay chuyển nổi. Khi kí giả Albert Paul Lentin báo *Politique hebdo* (số 257) hỏi ông có hay không có vấn đề quan liêu tại VN, ông quả quyết: *nhất định là không. Bởi hai yếu tố khiến cho quan liêu không thể có được tại Việt Nam: đạo đức khắc khổ cách mạng của cán bộ và ý thức chính trị của nhân dân. Không một cán bộ nào, dù cao cấp đến đâu, có được những đặc quyền, đặc lợi. Thí dụ không một bộ trưởng, không một nhà lãnh đạo nào có được xe hơi riêng... Kết luận: tại Việt Nam không có quan liêu và cũng chẳng có cơ sở vật chất để quan liêu tồn tại được.*

Bức thư phê phán gửi Quốc Hội

Nhưng từ cuối 1981, có tin đồn ông Viện gửi thư cho QH chỉ trích đảng và nhà nước. Qua đầu năm 1982, vài bản sao chụp bức thư đánh máy này được gửi đến Paris, những người biết rõ về ông Viện đều rất ngạc nhiên, bất ngờ. Đúng là cái phong cách giọng văn NKV, "người đối lập" và "phản kháng"!

Thư ông viết trong tinh thần "phê bình xây dựng," rất lễ độ. Nhưng đọc kĩ sẽ thấy ông đã tố cáo chính sách mao-ít của đảng và nhà nước. Theo ông Viện, sai lầm này đã có từ lâu: *đừng quên rằng tư tưởng Mao đã được đảng [ta] chính thức ghi trong điều lệ và dùng làm đường lối chỉ đạo. Đừng quên rằng tất cả từ cách tổ chức làm việc, vấn đề cải tạo, đến chính sách cải cách ruộng đất v.v... ta đều rập khuôn / theo lệnh [cố vấn] Trung Quốc. Vấn đề là làm sao dứt bỏ được tư tưởng Mao* (28).

Những vấn đề ông Viện nêu lên ở đây vô cùng quan trọng: Chính sách kinh tế phiêu lưu, thiếu dân chủ trong sinh hoạt chính trị đảng và nhà nước. Sự lấn lướt độc tài, độc tôn của đảng đối với nhà nước và những đoàn thể nhân dân; nhưng đảng và nhà nước vô hiệu năng, bất lực, bất tài; thông tin tuyên truyền một chiều v.v... Tóm lại, tất cả những hiện tượng tiêu cực sinh ra từ đường lối Mao và chủ nghĩa Staline. Nhưng ông Viện chỉ trích Mao mà không nói gì đến Staline.

Chúng tôi muốn biết ông nghĩ gì về bản báo cáo mật của Khrouchtchev. Ở một địa vị quan trọng, ông thường xuyên tiếp xúc với trí thức Tây phương và hay đi công du ngoại quốc, ông tất phải đã đọc hay ít nhất biết đến sự hiện hữu của bản báo cáo mật này. Nhưng cho đến nay ông không nói gì về nó.

Trong vụ án Nhân Văn Giai phẩm 1956, ông Viện đứng ngoài, khác với Nguyễn Hoán và Phạm Huy Thông, là hai người đã muối mặt tố điêu bạn và đồng chí cũ của họ là triết gia Trần Đức Thảo. Nhưng có điều, cũng như các ông Hoán và Thông, ông Viện biết rất rõ ông Thảo thật sự đã làm gì trong những năm 40 tại Paris. Thế mà về sau này khi người ta hỏi ông về ông Thảo, ông bảo "ông Thảo đã phạm lỗi lầm" ("faire des bêtises"). Có phải ông Thảo phạm lỗi lầm vì chọn sai thời điểm hay vì đã phê phán đảng như ông ngày nay?

Bây giờ xét lại, với thời gian qua, bức thư của ông quả thật ra đời rất đúng lúc. Đúng lúc đảng đang cần có một đa số cho sự nghiệp "đổi mới." Thật vậy, sau đó mọi lí luận của ông đều được "phe đổi mới" sử dụng lại trong đại hội 6. Có được một cơ sở hậu thuẫn vững chắc và quan trọng như vậy, ông ứng xử như phát ngôn nhân của họ. Ông đã đưa ra con bài chủ trong một cơ hội thuận lợi.

Kể từ lá thư nổi tiếng đó, ông Viện đã đi những bước quan trọng mới. Hiện tượng quan liêu mà trước đây ông nói nhất định không thể có bây giờ cũng lại được chính ông công nhận và nói tới trong nhiều bài viết. Dĩ nhiên về nội dung xã hội cũng như vai trò chính trị của hiện tượng quan liêu, cái nhìn của ông hoàn toàn khác với những người trốt-kít. Nhưng điều công nhận này chứng tỏ một bước tiến hoá mới trong quá trình tư tưởng NKV. Ông tấn công không nhân nhượng bọn cán bộ quan liêu, bọn cơ hội chủ nghĩa, bọn lợi dụng kiếm chác v.v... Trong một bài viết gần đây, ông nhiệt liệt biểu dương tân tổng bí thư Nguyễn Văn Linh khi ông này dùng phương tiện di chuyển công cộng, từ chối đi xe hơi chính phủ, Dưới mắt ông Viện, đấy thật là một tấm gương tốt đẹp về kiểu mẫu "khắc khổ cách mạng!"

"Chẳng nước nào có thể tự tồn riêng lẻ"

Từ khám phá này sang khám phá khác, ông Viện thú nhận rằng trong mấy mươi năm, ông không hiểu thật sự "chủ nghĩa quốc tế" nhìn dưới quan điểm mác xít. Trong bài "Chân trời mới" ông viết đại ý: *trong 40 năm trời, tư tưởng tôi mải đắm chìm trong những ưu tư về đất nước (...). Cái tôi quốc gia án ngự cái tôi quốc tế. Suốt thời gian ấy, tuy trong mỗi bài viết hay bài thuyết trình, tôi nói đến sự giúp đỡ của những đảng anh em và bạn bè năm châu, nhưng thật sự, đấy chỉ là lời nói "xã giao," trong thâm tâm, tôi vẫn nghĩ rằng chỉ có chính VN mới chiến thắng được Pháp, Mĩ và bọn bành trướng [TQ]. Viện trợ quốc tế chỉ giữ vai trò thứ yếu.*

Vài ngày thăm viếng đường phố Moscou đã khiến tôi như tỉnh giấc (...) Rõ ràng rằng, không một quốc gia, dân tộc nào, dù lớn đến đâu, tự đủ sức tồn tại một mình và trở thành một cường quốc (...) càng khó hơn nữa nếu đó là một đất nước thuộc địa, nghèo nàn, lạc hậu... Cách mạng VN nằm trong cuộc tiến hoá tất định của thế giới, sự thật này càng hiển nhiên, thực tại hơn nữa sau chiến thắng 75, nhưng chủ nghĩa xã hội không những chỉ đưa đến triển vọng thành lập một xã hội tốt đẹp trên đất nước VN, mà còn mở ra chân trời cộng đồng quốc tế, không có chân

trời này đất nước cũng như cá nhân không thể thành công được. (29)

Hoá ra, bằng phong cách riêng và tuy không ý thức về điều này, ông Viện đã vứt bỏ lí thuyết Staline "chủ nghĩa xã hội [thành công] trong một nước," nhưng "chủ nghĩa quốc tế" của ông khá giới hạn. Bởi vì nếu ông Viện đề cập đến việc hợp tác với Liên Xô và các nước trong khối Comecon (30) ông lại chẳng nói gì về "cuộc tiến hoá của thế giới." Cách mạng xã hội chủ nghĩa VN có cần đến các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước khác không, và nhất là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tại các nước tư bản Tây phương không? Khối Comecon đủ sức một mình tiến đến xã hội chủ nghĩa theo đúng nghĩa Marx đã đề xướng ?

Một người thuộc phe đổi mới rất tự tin

Mối quan tâm chính của NKV là sự liên kết lí tưởng vô cùng tốt đẹp với Liên Xô. Ông muốn thuyết phục chúng ta rằng với trào lưu mới của Gorbachev, tất cả những khác biệt và hiểu lầm đôi bên sẽ được giải quyết. LX và các đảng CS anh em "thành thật và vô vụ lợi" khi giúp đỡ VN. Riêng về các nước tư bản, ông Viện lo ngại rằng vấn đề giao thương và kinh tế với họ có hại nhiều hơn có lợi, cho nên ông chủ trương không nên mở rộng về mặt này. (31)

Hiện nay ông hoàn toàn tin tưởng vào LX. Khi xảy ra tranh chấp giữa TQ và LX, ông hoàn toàn ủng hộ mọi quan điểm LX và trách các bạn bè ông "thả mồi bắt bóng," ông tuyên bố đặt hết tin tưởng vào liên bang Xô viết của Gorbachev như ngày xưa ông đã tin tưởng Liên bang Xô viết của Staline. Trong một bài viết gần đây, ông cho biết ông đang cùng một người bạn viết một quyển sách về LX và những biến cố xảy ra mới đây. Chúng ta chờ xem...

Hè 1988

Chú thích

20. Vì không tương xứng với cuộc đại thắng Điện Biên Phủ.

21. Điều này được công nhận bởi tất cả các quan sát viên Tây phương có chú tâm lúc đó, ngoại trừ đảng CS Pháp và ông NKV. Ngày nay các sử gia đảng này tố cáo "áp lực quá đáng" của TQ nhưng lại im lặng về áp lực Liên Xô và báo chí Việt Nam thì chỉ viết *[Hiệp định] không tương xứng với thắng lợi Điện Biên Phủ.*

22. Khác với tờ *Đất Nước* xuất bản tại Tây Đức hiện nay.

23. Xem *Người Việt ở Pháp 1939-1954* của Đặng Văn Long và *Hồ sơ phong trào Đệ Tứ tập I - Tủ sách Nghiên Cứu (chú thích của người dịch).*

24. Ảnh hưởng Trốt-kít quan trọng đến nỗi LS Phan Nhuận và các đồng chí của ông xem các đại diện công binh đều là người trốt-kít cả. Các tờ báo Công Nhân, Cứu Quốc, Cứu Tế... luôn luôn chụp mũ trốt-kít lên những người không hề là trốt-kít như Lê Mua, Nguyễn Đình Lâm, Trần Quê, Bùi Ngạn, Đỗ Kỳ, Lâm Hiền Thúy, Nguyễn Danh Dật v.v... Tất cả những đại diện này đều là những người quốc gia chân thành nhưng chưa bao giờ là thành viên của nhóm trốt-kít Đệ Tứ VN tại Pháp. Tương tự như trường hợp Trần Đức Thảo, một cựu nhân viên trong TUB Đại diện người VN tại Pháp. Không những không phải là trốt-kít mà ông Thảo còn viết nhiều bài đả kích trốt-kít nữa.

25. Tại trại giam này, một người đồng chí của chúng tôi tên Chu Văn Bình đã bị bắn chết

26. Trong vụ này trách nhiệm của ông Trần Ngọc Danh rõ ràng không chối cãi được. Đại diện cho chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh, ông Danh mơ ước nắm được toàn quyền điều khiển công binh. Nhưng thay vì đạt mục đích này bằng một cuộc đấu tranh chính trị và kiên nhẫn ngay từ bên trong các ban đại diện, ông Danh đã chọn phương pháp đối đầu từ bên ngoài qua sự thông đồng của bọn du côn muốn phá tan tổ chức công binh để tự do hoành hành trong các căng trại. Danh đã không ngần ngại đỡ đầu bọn côn đồ sống bằng nghề cờ bạc, trộm cắp. Ông Danh tuyên bố "Kẻ nào chống đối tôi là chống đối Chính phủ, là phản quốc." Nhưng Pháp không phải là Việt Nam, tương quan lực lượng cũng khác. Ông Danh đã gây ra phản ứng chống đối gần như nhất trí của các công binh. Thảm kịch tại Mazargues là hậu quả không tránh được do lỗi lầm của Trần Ngọc Danh, ông ta phải hoàn toàn nhận chịu trách nhiệm này.

27. Một số bài in lại trong *Hồ Sơ Đệ Tứ* tập I, tủ sách Nghiên cứu, Chroniques vietnamiennes, BP 246 , 75 Paris Cedex 11, France.

28. Xem bài "Cuộc phản kháng của người trí thức Cộng sản Việt Nam," báo *Chroniques vietnamiennes,* số 2, tháng Tư 1987.

29. Xin lưu ý: Những hàng chữ nghiêng và không nằm trong ngoặc kép không phải nguyên văn (chú thích của người dịch).

30. Xin nhắc: bài này tác giả viết trước khi LX và khối đông Âu tan rã (ctnd)

31. Ban biên tập báo *Đoàn Kết* dường như không đồng quan điểm với ông Viện về vấn đề này.

GỌNG KÌM LỊCH SỬ: HỒI KÝ CHÍNH TRỊ (1)

CUỘC CHIẾN VIỆT NAM DƯỚI CON MẮT CỦA MỘT NGƯỜI TRONG CUỘC

Tác Giả: BÙI DIỄM
Người đọc: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Gọng Kìm Lịch Sử là một cuốn hồi ký viết theo kiểu Mỹ dành cho độc giả người Việt. Nói vậy có nghĩa là cuốn *Gọng Kìm Lịch Sử* không phải chỉ ghi lại lời kể chuyện nhớ đến đâu ghi đến đấy, mà còn là một cố gắng tìm tòi dữ kiện, tra cứu sách vở, viện dẫn tư liệu để bổ túc thêm cho những điều mà chính tác giả chứng kiến. Cho độc giả ngoại quốc thì ông Bùi Diễm đã xuất bản cuốn *In the Jaws of History* viết chung với David Chanoff từ năm 1987. *Gọng Kìm Lịch Sử* là cuốn sách viết cho độc giả người Việt. Tuy có lập lại những điểm chính trong cuốn sách Anh ngữ, nhưng *Gọng Kìm Lịch Sử* không phải là bản dịch của cuốn sách ấy. Đây là một cuốn sách được viết hẳn lại, khai triển và đưa ra nhiều chi tiết hơn, những chi tiết mà độc giả người Việt quan tâm. Đây là một cuốn hồi ký, qua câu chuyện cá nhân, tóm gọn đầy đủ một giai đoạn lịch sử sôi động và gần nhất của nước ta, từ Đệ Nhị Thế Chiến cho đến ngày cuối của Việt Nam Cộng Hòa. Giai đoạn lịch sử này được thuật lại theo cái nhìn của một người trong cuộc, một nạn nhân của "gọng kìm lịch sử."

Trong nhiều lần nói chuyện cũng như ngay trong lời tựa của cuốn sách, cựu đại sứ Bùi Diễm cho rằng cuốn hồi ký của ông không phải chỉ là chuyện cá nhân mà còn phản ánh kinh nghiệm chung của những người quốc gia thuộc thế hệ ông. Nói vậy chỉ đúng một phần. Ông Diễm là một người, vì liên hệ gia đình và biệt tài cá nhân, đã được lịch sử đặt vào một vị thế đặc biệt để hành động và chứng kiến nhiều điều mà những người khác cùng thế hệ ông không có được. Tác giả hoặc làm việc mật thiết với hoặc ở gần nhiều nhân vật lịch sử và văn học của Việt Nam, vì thế cho ta biết được một số chi tiết đặc biệt và những kỷ niệm cá nhân của tác giả đối với các nhân vật như Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Trương Tử Anh, Võ Nguyên Giáp, Nghiêm Kế Tổ, Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Phan Huy Quát, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Văn, Trần Văn Tuyên, Nghiêm Xuân Hồng, Trần Văn Đỗ, Lê Văn Kim, v.v... Trong số những người kể trên, ông nói nhiều nhất đến sáu người: Trương Tử Anh, Trần Trọng Kim, Phan Huy Quát, Bảo Đại, Ngô Đình Diệ m, và Nguyễn Văn Thiệu. Ông tỏ ra mến trọng ba nhân vật đầu và không phục ba nhân vật sau.

Hồi ký là loại sách lịch sử chính trị vừa kể lại chuyện đã qua, vừa biện minh cho tác giả. Trong sách, ông Diễm được dịp giải thích ba việc: việc ông tiếp tục làm việc với tướng Kỳ sau khi Thủ Tướng Quát từ chức là do chính ông Quát khuyên, chứ không phải ông phản ông Quát; việc Tổng Thống Thiệu trì hoãn không chịu tham gia hội đàm Ba Lê trước cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm 1968 không phải vì ông đi đêm với phe cộng hòa khuyến cáo để làm lợi cho ứng cử viên Nixon như những người trong chính quyền dân chủ và báo chí Mỹ buộc tội ông; việc ông Thiệu nghi ông là người của ông Kỳ là không đúng, ông là người yêu nước độc lập chứ không phải là người của ông Kỳ chống lại ông Thiệu.

Ngoài ra, tác giả cũng có dịp đính chính một vài sai lầm và tiết lộ một số chi tiết lịch sử khác. Ông chỉ trích Stanley Karnow "hoàn toàn sai" khi nói rằng bài diễn văn ông Kỳ đọc tại Hội nghị Honolulu năm 1966 là do các cố vấn Hoa Kỳ soạn thảo. Ông xác nhận chỉ có ông, ông Vũ Đức Vinh và ông Nguyễn Ngọc Linh là ba tác giả duy nhất của bài diễn văn đó (trang 267). Ông tiết lộ bí mật hậu trường của đảo chính 1963 liên quan đến việc bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Thơ, cựu Phó Tổng Thống của ông Diệm, làm Thủ Tướng trong chính quyền quân nhân đầu tiên sau cuộc đảo chính (trang 180).

Gọng Kìm Lịch Sử cung cấp cho độc giả một số chi tiết đặc biệt không thấy trong những cuốn sách khác — cả tiếng Việt lẫn ngoại ngữ — viết về cùng một giai đoạn lịch sử, nhất là về những uẩn khúc trong mối liên hệ Việt-Mỹ.

Khi viết về những biến cố quan trọng năm 1945, người ta thường hay nhắc đến cuộc biểu tình của công chức ngày 17 tháng 8 và cuộc "cướp chính quyền của Việt Minh" ngày 19 tháng 8 (còn gọi là "cách mạng tháng 8."). Ông Diễm cũng đề cập đến hai biến cố đó nhưng đồng thời còn kể thêm ngày giỗ tổ Hùng Vương tại Đông Dương Học Xá do các sinh viên Việt Nam tổ chức vào tháng 3 năm 1945 như một diễn biến quan trọng nói lên tinh thần yêu nước và khí thế đấu tranh của thanh niên thời đó (trang 46,47, 188). Ông thuật lại sự can thiệp từ rất sớm của Hoa Kỳ vào nội tình chính trị Việt Nam qua cuộc vận động năm 1953 của Đại sứ Donald Heath để cho Hội Nghị Toàn Quốc chấp thuận một quyết nghị chống gia nhập Liên Hiệp Pháp "tương đối nhẹ nhàng hơn bản dự thảo lúc đầu" (trang 132-136). Ông tiết lộ những vận động bên cạnh Quốc Trưởng Bảo Đại năm 1954 của ông để ủng hộ ông Phan Huy Quát và của ông Ngô Đình Luyện để ủng hộ ông Ngô Đình Diệm, và thỏa thuận hợp tác giữa ông và ông Ngô Đình Luyện về việc thành lập một chính phủ đoàn kết trước khi ông Diệm được bổ nhiệm làm Thủ Tướng (trang 142- 149). Ông cũng viết về những cố gắng không thành năm 1956 của tướng Lawton Collins và đại tá Lansdale nhằm hàn gắn giữa ông Diệm lúc bấy giờ đã là Thủ Tướng và ông Quát lúc bấy giờ đứng ngoài chính quyền (trang 150).

Nói về trách nhiệm của cuộc bại trận năm 1975, ông Diễm là một trong những người Việt hiếm có không những chỉ quy trách sự thất bại của miền Nam cho chính sách sai lầm của Hoa Kỳ và sự bất lực của các nhà lãnh đạo tối cao của Việt Nam Cộng Hòa mà còn cho rằng chính những người như ông cũng phải chịu một phần trách nhiệm.

Về phía Mỹ, ông phàn nàn rằng cuộc đổ bộ của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ lên Đà Nẵng ngày 8 tháng 3 năm 1965 đặt VN trước một sự đã rồi (trang 220-225). Quyết định quan trọng làm thay đổi bản chất của cuộc chiến ấy đã được quyết định giữa tướng Westmoreland ở Việt Nam và Bộ Tham Mưu Liên Quân Hoa Kỳ. Chính bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cũng không được hỏi ý kiến và Đại sứ Taylor cũng "sửng sốt." Bác sĩ Quát được yêu cầu phải "đồng ý về một biện pháp đã được chính phủ Hoa Kỳ đơn phương tiên quyết và đang được thi hành." (trang 226)

Ông chỉ trích cách thức Hoa Kỳ đối xử với Việt Nam. Ông viết: "Chúng tôi được biết qua báo chí là cộng sản ở Mạc Tư Khoa thường có những danh từ không đẹp đẽ để nói về các đồng chí của họ ở Hà Nội, những ít nhất họ cũng giữ cho thể diện, trải thảm đỏ để tiếp đón 'những người anh em.' Trái lại đối với chúng tôi thì những bạn 'đồng minh' lại đối xử như những người bệnh hoạn, cần phải tránh xa" (trang 438). Ông phê bình nặng nề "lề lối làm việc giấu giếm" của ông Kissinger và ngoại trưởng Rogers, và cho đó là "thái độ không cần thiết, thiếu xứng đáng của một cường quốc lớn như Hoa Kỳ đối với một nước nhỏ bé như miền Nam Việt Nam" (trang 467).

Ông nhận xét một cách chua chát rằng "Mục đích sự can thiệp của Hoa Kỳ không phải là xây dựng dân chủ hay lành mạnh hóa xã hội Việt Nam," mà "ưu tiên số một là giữ được miền Nam Việt Nam luôn luôn ổn định (trong giai đoạn đầu là để theo đuổi mục đích chiến tranh và trong giai đoạn cuối là để có thể rút ra trong vòng trật tự)" (trang 465).

Về phía Việt Nam, ông Diễm phàn nàn về sự "thiếu hiểu biết của Việt Nam về chính sách, chủ định và lề lối làm việc của Hoa Kỳ" (trang 231). Ông thú nhận "thực sự chúng tôi [ông và ông Quát] không biết chút gì về chủ ý của Hoa Kỳ... Lúc đó, chúng tôi có cảm tưởng là đi trong sương mù." (trang 228-229) . Thú nhận của ông Diễm buộc người ta làm một so sánh: Hoa Kỳ có nhiều cơ quan nghiên cứu như thế mà vẫn bị trách là không hiểu biết về Việt Nam, thế mà khi phải đối đầu với một đồng minh lớn mạnh và vụng về như Hoa Kỳ,

chính quyền Việt Nam không hề nghĩ đến việc lập các cơ quan nghiên cứu độc lập, những bộ phận tham mưu có kiến thức chuyên môn về Hoa Kỳ (khác với Sở Nghiên Cứu Chính Trị của bác sĩ Trần Kim Tuyến và Nha R của Cục Trung Ương Tình Báo thời ông Thiệu) để giúp chính phủ đối phó với Hoa Kỳ, mà lại chỉ dựa vào những thăm dò cá nhân, và một trong nguồn tin quan trọng của những cuộc thăm dò này lại là các ký giả Mỹ! Ông Diễm, qua tự học và thực tập mà thành chuyên viên duy nhất. Ông trở thành người "trung gian thích hợp" giữa Hoa Kỳ và Việt Nam (trang 249).

Ngoài những nhận xét sâu sắc của một người hiểu biết về chính trị nội bộ của cả hai nước, ông Diễm còn đưa ra một số kết luận khiến người đọc thắc mắc muốn tìm hiểu thêm để rút ra những bài học lịch sử.

Ông Diễm kể lại những biến cố quan trọng trong tháng 8 năm 1945. Ông nói đến ngày giỗ tổ Hùng Vương của sinh viên Hà Nội, đến cuộc biểu tình của công chức ngày 17/8, và Việt Minh cướp chính quyền ngay 19/8. Trong thời gian này, ông Hoàng Văn Đào còn đề cập đến một sự việc quan trọng khác. Đó là việc ông Trương Tử Anh ngăn cản dự tính cướp chính quyền ngày 17 tháng 8 của ông Nguyễn Xuân Tiếu, lãnh tụ Đại Việt Quốc Xã, và việc "các đồng chí ĐVQDĐ" chống đề nghị cướp chính quyền trong phiên họp đêm 18 tháng 8 của Liên Minh Quốc Dân Đảng để tránh cảnh "nồi da sáo thịt" có lợi cho Pháp (2). Là một đảng viên Đại Việt Quốc Dân Đảng và là người thân cận với ông Trưởng Tử Anh, ông Diễm biết gì và nghĩ sao về lời buộc tội của ông Hoàng Văn Đào?

Về cuộc hành quân Lam Sơn sang Lào vào mùa Xuân năm 1971, ông Diễm viết "Chính phủ Việt Nam cũng cho mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 qua miền Hạ Lào. Đây là một thí nghiệm để đo lường xem chương trình Việt Nam hóa chiến tranh thành công hay thất bại" (trang 483). Câu này cho người đọc có cảm tưởng cuộc hành quân Lam Sơn là một sáng kiến của Việt Nam Cộng Hòa. Rồi ông nói đến phản ứng chính trị bất lợi mà cuộc hành quân Lam Sơn gây ra tại Hoa Kỳ vì nó đã tạo cơ để phe phản chiến biểu tình liên tục chống hành động hiếu chiến của Việt Nam Cộng Hòa. Tuy nhiên, qua các "tin tức từ Sài Gòn gửi qua" và sự dò hỏi nơi "các tướng lãnh Hoa Kỳ," ông Diễm không cho rằng cuộc hành quân ấy là một thất bại quân sự. Ông kết luận "Tổn thất thật sự của cả hai phía không ai rõ, và cũng không có ảnh hưởng trực tiếp nào đến chiến cuộc" (trang 484-485).

Kết luận này dường như không được tướng Nguyễn Duy Hinh, cựu tư lệnh sư đoàn 3 chia xẻ. Trong cuốn *Lam Son 719* do Trung Tâm Quân Sử Hoa Kỳ bảo trợ và xuất bản, qua những lời mô tả khéo léo của tướng Hinh, người đọc thấy nhiều yếu tố để hiểu rằng đó cũng là một thất bại quân sự. Trước hết, cuộc hành quân không đạt được yếu tố bất ngờ như mong muốn. Địch quân đã tiên liệu và chuẩn bị "từ 5 tháng trước, một số lớn các kho đạn đã được di tản khỏi" vùng tấn công (3). Như vậy, khi tiến quân sang Lào, quân đội Việt Nam đã lọt vào trận địa của cộng sản. Thứ hai, cuộc hành quân dự tính được thực hiện qua bốn giai đoạn "trong một thời gian vô hạn định" (4). Thế mà chỉ trong vòng 45 ngày cuộc hành quân đã bị "chấm dứt một cách bất ngờ và vội vã" với nhiều tổn thất (5). Theo tướng Hinh, Lam Sơn 719 là "một kinh nghiệm chiến trường đẫm máu cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa dưới sự chỉ huy của Quân khu I. Gần 8,000 binh sĩ mạng vong và hàng triệu Mỹ kim quân cụ đã bị hy sinh." (6) Đặc biệt hơn nữa, cuộc hành quân đó tuy được tướng Cao Văn Viên, Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và Tổng Thống Thiệu đồng ý, nhưng lại khởi đầu từ lời "khuyến cáo" của tướng Creighton Abrams vào đầu tháng Giêng năm 1971. Và, tuy chính tướng Viên trước đó cũng nghĩ đến việc hành quân sang Lào để triệt hạ đường tiếp tế của cộng quân, ông chỉ muốn tổ chức một cuộc "đột kích" nghĩa là một "cuộc hành quân ngắn hạn." (7)

Sự phân tích của ông Diễm nhằm nêu ra hai điểm chính: sự sai lầm trong chính sách của Hoa Kỳ và thế kẹt của những người "quốc gia" yêu nước.

Về sự can thiệp của Hoa Kỳ, ông đã cẩn thận nói ngay từ đầu rằng sự suy luận của ông chỉ có tính cách "hậu nghiệm," rồi ông nhận xét: "Can thiệp cũng như thai nghén. Nếu đã không có thai nghén nửa chừng, thì cũng không có can thiệp nửa chừng... Thay vì tiếp tay với các tướng lãnh để tạo một tình thế tốt đẹp hơn trước, thì họ lại khoanh tay ngồi nhìn." (trang 191). Một đoạn khác, ông viết "những khó khăn mà họ đã gặp phải chính là do chính sách can thiệp nửa vời của họ" (trang 204). Câu hỏi đặt ra là có phải ông Diễm muốn Hoa Kỳ can thiệp sâu đậm vào nội bộ

của Việt Nam đòi hỏi các tướng lãnh làm dân chủ hay buộc họ phải nhường quyền lại cho một chính quyền dân sự? Điều này liệu có thực hiện được không vào thời điểm ấy? Và một sự can thiệp sâu đậm của Hoa Kỳ vào chính trị nội bộ Việt Nam có phải lúc nào cũng là một điều đáng mong muốn? Có cách nào để phân biệt được trong trường hợp nào sự can thiệp sâu đậm của Hoa Kỳ vào nội tình Việt Nam là đúng còn trong trường hợp nào một sự can thiệp sâu đậm như vậy lại sai?

Ở một đoạn khác, ông Diễm viết: "Chính sách của Hoa Kỳ không những thiếu tính cách liên tục mà còn thiếu cả tế nhị đối với nước bạn" (trang 580). "Ngay ở những cấp cao nhất của chính quyền Hoa Kỳ, dường như ai cũng coi nhẹ vấn đề tham khảo ý kiến của chính phủ Việt Nam (trang 577). Rồi ông kết luận:

"Nếu từ 1965, Hoa Kỳ chịu hỏi ý kiến và lấy thỏa hiệp của Việt Nam trước khi có những quyết định quan trọng, thì cục diện có thể đã khác. Chính phủ Việt Nam có thể yêu cầu hạn chế quân số Mỹ và thời gian đồn trú, rồi chỉ yểm trợ Việt Nam bằng không lực hoặc tiếp cứu ở trường hợp bị nguy cấp, và nhất là xúc tiến huấn luyện và canh tân trang bị. Tóm lại là sớm Việt Nam hóa thay vì tham chiến ồ ạt. Ngoài ra một thỏa hiệp giữa Hoa Kỳ, Lào và Việt Nam cho phép Hoa Kỳ trú đóng làm hàng rào chạy băng qua Lào và Việt Nam theo vĩ tuyến 17 rất có thể thực hiện vào thời đó" (trang 578). Đây là một đề nghị có vẻ hợp lý. Nhưng thử hỏi nếu Mỹ tham khảo ý kiến Việt Nam thì lúc đó, năm 1965, có bằng chứng gì cho thấy phía Việt Nam có khả năng đưa ra những đề nghị chiến lược táo bạo như trên? Đó là chưa kể nếu Hoa Kỳ nới rộng chiến tranh sang Lào thì liệu cộng sản Việt Nam có thể, với sự yểm trợ của Trung Quốc và sự hợp tác của Pathet Lao và cộng sản Thái, nới rộng chiến tranh sang Thái Lan làm xáo trộn nước này và làm cho Hoa Kỳ sa lầy hơn nữa? Ngoài ra, thời ông Quát làm Thủ Tướng, ở thành phố thì chính trị bất ổn vì phe chống chính phủ xuống đường và biểu tình liên miên. Còn ở nông thôn, theo kết luận của nhiều nhà nghiên cứu Mỹ, quân đội Việt Nam đã bị đánh lui ở nhiều nơi và mất tinh thần. Đê đã vỡ. Miền Nam Việt Nam lúc đó, theo tướng Westmoreland, "đang trên đà có thể bị Việt Cộng chiếm hết trong vòng một năm." (8) Trong trường hợp cần phải gấp rút chặn đứng đà thất trận ("stop losing") như vậy, liệu một sự can thiệp quân sự nhỏ giọt, nửa vời của Mỹ có đạt được mục tiêu trên hay không?

Về thế kẹt của người "quốc gia" yêu nước, ông Diễm cho rằng người quốc gia "Bị kẹt vào giữa những thế lực mà mục tiêu tranh đấu không phù hợp với những lý tưởng cố hữu của mình, những người quốc gia luôn luôn bị đặt vào những hoàn cảnh éo le. Trong đa số trường hợp họ đã phải chọn lựa giữa những giải pháp khó nuốt và nhiều lúc họ không còn cả quyền chọn lựa nữa" (trang 572-573). Theo ông Diễm, đó là lý do họ thất bại. Người ta có thể hỏi có phải bị lâm vào thế kẹt mà người quốc gia thất bại hay vì thiếu lãnh đạo tài giỏi và khôn khéo hoặc có thủ đoạn hơn đối phương mà người quốc gia bị lâm vào thế kẹt? Tại sao cùng thời gian đó, trong thập niên 40 và 50, phe quốc gia thắng phe cộng sản ở Nam Dương và ở Phi Luật Tân mà lại thua ở Việt Nam và Trung Quốc? Ông Diễm là người lý tưởng. Ông luôn luôn cổ võ cho giải pháp chính phủ đoàn kết giữa những người quốc gia chống cộng. Ngoài tình trạng phân hóa giữa các đảng phái và giáo phái trong giai đoạn 1954, kinh nghiệm làm việc giữa ông Quát và ông Sửu, giữa ông Thiệu và ông Kỳ cho ta nghĩ gì về khả năng thực tiễn của giải pháp đó?

Như thế, qua cuốn Gọng Kìm Lịch Sử, ông Diễm đưa ra một số kết luận và nêu ra một số giả thuyết kích thích chúng ta phải suy nghĩ thêm. Ngoài ra, cuốn sách còn có nhiều ưu điểm khác. Nó đã tóm gọn đầy đủ được những tiêu mốc và những biến cố của một giai đoạn lịch sử quan trọng của Việt Nam, nhất là nó giúp người đọc thông cảm được cái thế "trên đe dưới búa" của những người "quốc gia" yêu nước, sự tranh đấu dũng cảm và những hy sinh lớn lao của người lính Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời hiểu rõ hơn về tương quan giữa Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa cũng như ảnh hưởng của chính trị nội bộ của Mỹ đối với chính sách của Hoa Kỳ tại Việt Nam và do đó đối với tình hình quân sự cũng như chính trị tại Việt Nam.

Cuốn sách được viết với một giọng văn trong sáng, bình thản, không cường điệu, với những lời khen chê đứng đắn, chừng mực. Tác giả bảo mình không phải là nhà văn nên bút pháp còn khô khan vụng về. Điều này không hẳn đúng. Một người có bút pháp vụng về thì không thể tả được những ngày lái xe qua những cánh đồng bát ngát của miền Trung Tây Hoa Kỳ bằng lời lẽ sau đây: "Những tia nắng ngày hè lấp loáng trên cỏ cây tạo nên

những ảo ảnh chẳng khác gì nhìn vào mặt nước trên những con đường trải nhựa" (trang 199). Rồi, chỉ vỏn vẹn trong 15 chữ tác giả tóm gọn đầy đủ được bầu không khí thân mật giả tạo trong buổi chia tay ở dinh Độc Lập giữa ông và ông Thiệu, và luôn cả mối liên hệ phức tạp giữa hai người trong những năm tháng làm việc chung. Ông nói đến cái thế "ngượng nghịu giữa hai người đã miễn cưỡng hợp tác và bắt buộc chia tay" (trang 514).

Gọng Kìm Lịch Sử là một đóng góp có giá trị cho việc nghiên cứu và phân tích về cuộc chiến tranh Việt Nam. Nó làm sáng tỏ một cái nhìn của người Việt "quốc gia" trong thị trường sách về cuộc chiến Việt Nam vốn bị chế ngự bởi quan điểm của người Mỹ và của phe thắng trận. Theo thiển ý, đây là một trong những cuốn sách, nếu không muốn nói nó là một cuốn sách tiếng Việt súc tích nhất, xuất sắc nhất mà tôi đã được đọc trong số những hồi ký chính trị về cuộc chiến tranh Việt Nam, về vai trò của người Mỹ, về thế kẹt và sự hy sinh lớn lao của cả một thế hệ những người "quốc gia" yêu nước. Đây là một cuốn sách phải đọc của những người muốn biết thêm về một giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc ta, nhất là những bạn trẻ muốn có một cái nhìn khách quan và công bằng về quá khứ của cha anh họ.

Tháng 2/2001

1. Bùi Diễm, *Gọng Kìm Lịch Sử: Hồi Ký Chính Trị*, Cơ sở Xuất Bản Phạm Quang Khai, 2000 (không ghi nơi xuất bản).
2. Hoàng Văn Đào, *Việt Nam Quốc Dân Đảng*, Tái bản kỳ 2. Westminster, CA: Cơ Sở Xuất Bản Yên Bái, (không ghi năm tái bản), trang 244-245 và 249.
3. Nguyễn Duy Hinh, *Lam Son 719*. Washington, D.C.: U.S. Army Center of Military History, 1979. Trang 168
4. Sách đã dẫn, trang 35.
5. Sách đã dẫn, trang 140
6. Sách đã dẫn, trang 163
7. Sách đã dẫn, trang 33-34
8. William C. Westmoreland, *A Soldier Reports*, Garden City, New York: Double Day & Company, 1976. Trang 122.

MỘT TẬP THƠ TRÊN INTERNET

Xin mời quý vị tìm đọc trên INTERNET
Tập thơ của LƯƠNG NHÂN
gồm hai phần:

1. QUANG TRUNG DIỄN CA

một bản **ANH HÙNG CA**
(391 câu thơ song thất lục bát)

2. VIỆT NAM BIẾN CỐ DIỄN CA

một bản **TRƯỜNG HẬN CA**
(kể lại sơ lược và trung thực những biến cố suốt nửa thế kỷ vừa qua 1945-1995, bằng 1820 câu thơ song thất lục bát)

Địa chỉ: **http://luongnhan.free.fr**

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ
(1975-2000)

Bài 8: Nhóm Viết Hồi Ký

TRẦN ANH TUẤN

2. Giới Cựu Quân Nhân

Cựu quân nhân là giới viết hồi ký nhiều nhất. Số này bao gồm 10 cấp tướng, 15 cấp tá, và 16 cấp úy.

Cấp tướng đã viết hồi ký gồm những người sau đây, xếp theo thứ tự tên gọi: Lý Tòng Bá, Huỳnh Văn Cao, Văn Văn Của, Tôn Thất Đính, Trần Văn Đôn, Nguyễn Cao Kỳ, Đỗ Mậu, Lâm Quang Thi, Nguyễn Chánh Thi, và Cao Văn Viên.

Lý Tòng Bá xuất thân là một thiếu sinh quân, tốt nghiệp khóa 6 trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt năm 1952. Chức vụ cuối cùng của ông là Tư Lệnh Sư Đoàn 25. Ông bị bắt hồi tháng 4, 1975 tại mặt trận Củ Chi và bị cầm tù trong các trại tập trung từ Bắc chí Nam suốt 12 năm, mãi đến tháng 4 năm 1987 ông mới được thả. Cuối năm 1989 ông sang được Hoa Kỳ theo chương trình HO 1.

Năm 1995, cựu chuẩn tướng Lý Tòng Bá cho xuất bản thiên hồi ký về cuộc đời binh nghiệp của mình tại San Jose. Đó là *Hồi Ký 25 Năm Khói Lửa* (California, 1995, 284 tr.)

Hồi ký của ông phản ánh vẻ chân chất và bộc trực của một con dân miền đồng bằng sông Cửu. Hiếm có hồi ký, nhất là hồi ký của tướng lãnh, có cái hồn nhiên như hồi ký của Lý Tòng Bá kể lại kinh nghiệm làm tùy viên cho "tướng ông lẫn tướng bà," kinh nghiệm sang Pháp lần đầu tiên, và nhất là kinh nghiệm của đời sống tù đầy cùng cách đối sử của các cai tù Cộng Sản với ông và các bạn đồng tù. Lại càng hiếm hơn nữa sự thành tâm và thành thật cuả ông trong lời tạ tội ngay nơi đầu sách là ông đã, nguyên văn, chưa hoàn tất trách nhiệm, chưa chu toàn bổn phận... Thật khác xa cái khẩu khí "sinh vi tướng tử vi thần" của một số những viên tướng đã nhanh chân hơn ông nhiều!

Hồi ký của ông phản ánh tâm chất cuả người quân nhân thuần túy, vì nó không có những khoa trương kiến thức về văn hoá, giáo dục, xã hội..., hay những đại ngôn về chánh sách quốc gia. Ngược lại, độc giả có cái cảm giác đọc để chia sẻ tâm sự của một vị tướng ngoài mặt trận nhưng tay chân bị trói vì những mưu đồ chính trị nơi hậu tuyến, cùng tâm sự uất ức não nề của một người có thói quen tuân thủ kỷ luật đoàn thể nhưng rồi bị chính những người lãnh đạo đoàn thể ấy phản bội.

Hồi ký của cựu chuẩn tướng Lý Tòng Bá chỉ kể lại những kinh nghiệm, sinh hoạt, và tâm tình của một người lính QLVNCH. Vì thế, hồi ký của ông có giới hạn rõ rệt: độc giả chỉ có thể biết những sinh hoạt của một đại đội thiết giáp, rồi tiến lên là những cuộc hành quân của một sư đoàn... Mặt khác, hồi ký của ông cũng bộc lộ sự ngây thơ của một người quân nhân thuần túy: với vai trò chiến đoàn trưởng chiến đoàn Thiết Giáp đánh chiếm Dinh Gia Long trong biến cố 1/1/63, ông khẳng định nếu ông liên lạc được với Tổng Thống Ngô Đình Diệm thì ông đã có thể cứu ông Diệm khỏi chết. Hóa ra cho đến năm 1995 mà tác giả còn chưa biết được số phận của anh em ông Diệm đã được quyết định từ bên kia bờ Thái-bình-dương mà tướng Dương Văn Minh và đồng nhóm cũng chỉ là những người thừa hành, một sĩ quan trung cấp như ông làm sao mà cứu được ông Diệm khỏi chết?!

Huỳnh Văn Cao cũng viết và xuất bản một

tập hồi ký, tựa đề *Một Kiếp Người*. Điều đáng tiếc là sách này không thấy bầy bán ở Bắc California nên tôi chưa có dịp đọc để có thể giới thiệu với độc giả. Xin hẹn sẽ có dịp đề cập đến hồi ký của vị tướng cựu Tư Lệnh Quân Đoàn IV thời Đệ Nhất Cộng Hòa và cựu nghị sĩ thời Đệ Nhị Cộng Hòa khi loạt bài này xuất hiện trong tương lai, dưới dạng sách in.

Hồi ký của cựu trung tướng Tôn Thất Đính có tựa đề *20 Năm Binh Nghiệp* (California, Chánh Đạo xb, 1998, 455 trang). Thực sự, hồi ký này đã được khởi đăng từ năm 1968 trên nhật báo Công Luận ở Sài Gòn do ông đứng tên chủ nhiệm. Hồi ký lúc ấy, cũng như bây giờ, được viết bởi một số ký giả mà ông thuê viết. Tiếc rằng hiện tôi không có báo Công Luận để so sánh hai lần viết khác nhau như thế nào, và mâu thuẫn nhau đến đâu, với sự thay đổi của tâm lý, hoàn cảnh, và chắc là thay đổi cả người viết! Điều chắc chắn là, trong ấn bản mới này của hồi ký, thực hiện 30 năm sau ấn bản đầu tiên, việc sử dụng danh từ thời thượng Cộng Sản là một điều mới mẻ, thí dụ như việc *phong quân hàm* (trang 30),...

Hồi ký của cựu trung tướng Tôn Thất Đính chứa đựng nhiều chi tiết rất lạ. Như Thanh Hóa ngày xưa ông gọi là Tây Ninh (trang 18), pháo đài bay của Mỹ ông gọi là B40 (trang 46), vân vân. Một việc khác cũng đáng chú ý là việc gia nhập Đảng Cần Lao của tác giả. Ông đã đồng ý gia nhập Đảng này, và tuyên thệ hẳn hoi do sự sắp xếp của Ngô Đình Cẩn và Lê Quang Tung (trang 86-87). Nhưng ông cứ lập đi lập lại một chi tiết là ông chẳng biết gì về Đảng này cả, và, vì không thể che dấu vai trò "Cần Lao" của mình trong Quân Đội thời Ngô Đình Diệm, ông đã kể lại, đúng hơn là cho ghi lại, sự tham dự vào những sinh hoạt Đảng của ông một cách mập mờ và mâu thuẫn khiến có người đã phải viết hẳn bài tố cáo sự thiếu trung thực của ông. Đó là tác giả Trần Khắc Kính với loạt bài Thử Điểm Qua Cuốn Tự Truyện Chạy Tội "Nghĩa Biển Tình Sông" Của Tôn Thất Đính đăng trên tuần san Saigon Nhỏ ở Bắc California cuối năm 2000.

Điều đáng lưu ý trong hồi ký của cựu trung tướng Tôn Thất Đính, rốt lại, là những trang chữ ông kể lại diễn biến của cuộc điều quân trong ngày đảo chánh 1/11/63. Một chi tiết quan trọng trong cuộc đảo chánh là việc giết anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng được tác giả kể lại, nguyên văn, "Trung Tướng Dương Văn Minh... cấu kết tổ chức cuộc sát hại hai anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu" (trang 442).

Cố trung tướng Trần Văn Đôn đứng tên hồi ký viết bằng hai thứ tiếng. Bản tiếng Anh có tựa đề *Our Endless War* (California, Presidio Press xb, 1978, 274 trang). Bản tiếng Việt có tựa đề *Việt Nam Nhân Chứng. Hồi Ký Chánh Trị* (California, Xuân Thu, 1989, 575 trang).

Đọc tiểu sử của ông trong hồi ký, độc giả biết được nhiều chi tiết hứng thú: ông thân của ông lúc mới tám tuổi ra ngồi trông hàng rau trái ở chợ Bà Chiểu cho ông nội của ông, nhưng trông hàng mà vẫn học bài, tình cờ có một bác sĩ người Pháp đi qua, thấy cảnh động lòng thương, nuôi cho ăn học nhờ đó vị thân sinh ra ông tốt nghiệp y sĩ Đông Dương (1) và sau đó, lúc đã có vợ hai con, lại được sang Pháp tiếp tục học bác sĩ y khoa. Trần Văn Đôn là con thứ ba, sanh ra tại Pháp trong trường hợp đặc biệt đó. Vì thế đến thời vị thân sinh ra ông, gia đình Trần Văn Đôn đã nghiễm nhiên vào hàng thượng lưu trí thức miền Nam, của nổi bao gồm 2700 mẫu ruộng ở Long Xuyên.

Nhưng cũng theo chính hồi ký của ông, Trần Văn Đôn cho biết lúc mới bảy, tám tuổi, ông đã, nguyên văn nơi trang 17 trong bản tiếng Việt, "thả rong ngoài phố, đá banh, hay theo chúng bạn ra chợ nhìn ngó thiên hạ" nên thân phụ phải vận động cho sang Pháp học. Học ở Pháp chỉ được ba năm là Trần Văn Đôn lại về học ở Việt Nam. Đến năm 1939, lúc đã 22 tuổi, ông lại được vận động sang Pháp học. Đó là theo hồi ký bản tiếng Việt, nguyên văn, *Thi xong Tú Tài 2, tôi qua Pháp vào đại học ngành Thương Mãi* (và chua cả tiếng Pháp: Hautes Etudes Commerciales) vào năm 1939. Nhưng theo hồi ký bản tiếng Anh, thì năm 1939 là năm ông đã tốt nghiệp Đại Học Paris rồi, nguyên văn, *graduation from Paris University in 1939*. Chi tiết về bản thân ông mà còn mâu thuẫn như thế thì những gì ông nhớ hay nghe người khác kể rồi viết lại còn bao nhiêu tín lực? Thật đáng tiếc vì cố trung tướng Trần Văn Đôn thực sự là một nhân vật trong lịch sử thời VNCH, bản thân ông đã góp phần rất lớn vào việc giết chết một tổng thống dân cử và thay người vừa chết để cai trị quốc gia.

Ông chính là một trong năm vị tướng chủ chốt cuộc đảo chính 1/11/63, lúc ấy nắm Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội

VNCH. Bốn vị tướng kia là Dương Văn Minh lúc ấy là Cố Vấn Quân Sự cho Tổng Thống, Lê Văn Kim lúc ấy thuộc Bộ Tổng Tham Mưu (?), Trần Thiện Khiêm lúc ấy là Tham Mưu Trưởng Quân Đội VNCH, và Tôn Thất Đính lúc ấy là Tư lệnh Quân Đoàn III kiêm Vùng III Chiến Thuật. Chính vì vai trò quan trọng của tác giả trong cuộc đảo chánh 1/11/63, *Our Endless War* và *Việt Nam Nhân Chứng* là một hồi ký chính trị sẽ không làm ai thất vọng trong việc tìm đọc những chi tiết do chính người trong cuộc thổ lộ.

Chẳng hạn như việc Trần Văn Đôn kể lại rành rẽ vai trò của mỗi tướng tá trong cuộc đảo chánh. Trách nhiệm về cái chết của tổng thống Ngô Đình Diệm và Cố Vấn Ngô Đình Nhu cũng được Trần Văn Đôn kể ra những chi tiết ông biết hay hiểu ngay lúc bấy giờ và về sau này: tuy không nói rõ trên giấy trắng mực đen người trực tiếp ra lệnh giết là ai, nhưng độc giả đọc những dòng chữ ông viết đều hiểu là Dương Văn Minh. Đây là chỗ khôn khéo của chính trị gia Trần Văn Đôn: cách diễn tả đầy đủ lớp lang tạo cho độc giả khi đọc sách có cảm tưởng là ông không hề biết hay dính dáng gì đến quyết định giết anh em ông Diệm!

Tác giả Trần Văn Đôn cũng nhắc lại câu chào hỏi lịch sử của đại sứ Cabot Lodge khi vừa gặp ông và Tướng Lê Văn Kim khi hai ông đến Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn để tường trình vào buổi chiều ngày 2/11, một ngày sau khi cuộc đảo chánh thành công. Lời chào hỏi này được ông ghi lại theo hình thức đối thoại trực tiếp, nguyên văn nơi trang 238 bản tiếng Việt: C'est formidable! C'est magnifique!

Với lời chào hỏi bao hàm sự mừng vui không dấu được đó của người chính thức đại diện chính quyền Hoa Kỳ, cộng với lời nhắc nhở thường xuyên của Lucien Conein, sĩ quan CIA Hoa Kỳ có mặt ngay trong Phòng Hành Quân đầu não của Bộ Chỉ Huy Đảo Chánh trong suốt ngày 1/11, rằng, nguyên văn nơi trang 228 bản tiếng Việt: *Hai ông ấy đi đâu? Phải bắt lại cho kỳ được vì rất quan trọng!* thì độc giả càng rõ số phận của hai anh em ông Diệm phải như thế nào, và "đích danh thủ phạm" là ai! Ngay việc thả ba đứa con của ông bà Nhu cho đi La-mã đoàn tụ với mẹ cũng là quyết định của đại sứ Cabot Lodge truyền đạt với hai ông Đôn và Kim trong buổi chiều ấy, lý do là dân chúng Mỹ đang hoang mang và xúc động về việc hai ông Diệm và Nhu bị giết, nên việc thả con ông bà Nhu về cho mẹ chúng là để gây ảnh hưởng tốt trong dư luận dân Mỹ.

Đặc biệt, Trần Văn Đôn đã "can đảm" tiết lộ cho độc giả biết việc chia tiền của CIA Hoa Kỳ do Lucien Conein mang đến và tiền tịch thu được tại Phủ Tổng Thống và Bộ Quốc Phòng VNCH hồi năm 1963 như thế nào, với chứng cứ là những phóng ảnh biên lai nhận tiền của từng người được in trong bản tiếng Việt: trung tướng Dương Văn Minh một mình lấy hết đô la tịch thu được trong Phủ Tổng Thống (lấy 6,000 US đô-la trong tổng số 6,297 đô-la) và 300,000 đồng, trung tướng Lê Văn Kim nhận 1,000,000 đồng, trung tướng Nguyễn Khánh nhận 100,000 đồng, thiếu tướng Tôn Thất Đính nhận 550,000 đồng, thiếu tướng Trần Thiện Khiêm nhận 500,000 đồng (và 297 đô-la khi đi công du Đại Hàn), vân vân. Nên nhớ giá trị đồng bạc Việt Nam Cộng Hòa lúc ấy rất lớn: một đô-la Mỹ chỉ tương đương với 35 đồng, và giá một lượng vàng y chỉ chừng 3500 đồng.

Điều cần nói thêm ở đây là Trần Văn Đôn đã công khai hóa tên tuổi những người nhận tiền chiến-lợi-phẩm sau đảo chánh 1/11/1963, nhưng trong danh sách ấy, độc giả tuyệt nhiên không thấy tên Trần Văn Đôn. Trong hồi ký bản tiếng Việt, Trần Văn Đôn viết, nguyên văn như thế này: "...lúc đó mấy triệu bạc Việt Nam đối với tôi không phải là số tiền mà tôi khao khát" (trang 211). Trần Văn Đôn đúng là không lấy những số tiền mà ông chê là nhỏ mọn đó, nhưng là để nhận một món tiền kếch xù: theo tác giả Huỳnh Văn Lang trong *Nhân Chứng Một Chế Độ. Một Chương Hồi Ký*. Tập Ba, Trần Văn Đôn đã nhận mấy chục triệu bạc mà Ngô Đình Diệm gửi linh mục Nguyễn Quang Toán trong nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn!

Trần Văn Đôn cũng kể lại nụ cười nhếch mép (?) trên gương mặt đã vô hồn của Ngô Đình Nhu (trang 54, bản tiếng Anh) sau khi bị đại úy Nguyễn Văn Nhung, cận vệ của trung tướng Dương Văn Minh, giết một cách dã man bằng súng lục và dao găm. Nếu gương mặt Ngô Đình Nhu lúc bị giết mà vẫn còn giữ được nụ cười khinh thị, thì nhân vật này quả thật có bản lãnh và đáng kính phục! Thật vậy sao? Hay đây chỉ là tưởng tượng của một người vốn trong tâm khảm sẵn có lòng kính phục Ngô Đình Nhu?

Dĩ nhiên những gì Trần Văn Đôn kể rất thiết thân đến những lợi ích tinh thần và vật

chất của chính ông cùng bạn bè và quyến thuộc của ông, nên phần chủ quan, thiên lệch, và dấu diếm rất nhiều mà độc giả cần phải lưu ý để phán đoán, phân tích, và nhất là so sánh với những tác giả khác hầu tìm ra sự thực về những sự trình bầy, lời khen chê, hay những đoạn buộc tội người khác của ông trong hồi ký.

Độc giả cũng cần hiểu gia cảnh và bản chất "phóng túng" của Trần Văn Đôn mà lướt bỏ những chỗ ông... viết sử. Bởi nếu độc giả tin vào phần viết này của ông, hay của người viết thay cho ông, tất sẽ bị lầm lạc đến nực cười. Xin lấy vài thí dụ. Nơi trang 9 trong bản tiếng Anh, Trần Văn Đôn viết rằng Phan Chu Trinh đã giúp Pháp thành lập Viện Đại Học Đông Dương tại Hà Nội vào năm 1906, nguyên văn là: "He worked for a time with the French, helping found the University of Hanoi in 1906." Thú thật, lúc đọc câu này lần đầu, tôi không hiểu gì cả, rồi mới nghĩ ra và giật mình tự nhủ: Thôi chết! Ông Trần Văn Đôn, hay người viết cho ông, đã nhầm Viện Đại Học Đông Dương của Pháp với Đông Kinh Nghĩa Thục của các nhà nho yêu nước trong Phong Trào Duy Tân hồi đầu thế kỷ XX mất rồi! Hay như trong hồi ký bản tiếng Việt, ông, hay người viết cho ông, đã chịu khó ghi lại danh sách của 27 chính phủ của nước Việt Nam độc lập, từ chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập ngày 17/4/1945 đến chính phủ Nguyễn Bá Cẩn được thành lập ngày 14/4/1975. Nhưng khi cần kiểm soát sự chính xác của những danh sách này là độc giả thấy ngay nhầm lẫn: tên của cố Luật sư Lê Ngọc Chấn, Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng trong chính phủ Ngô Đình Diệm đầu tiên, đã bị đổi thành Bùi Văn Thinh là một thí dụ khi tôi thử kiểm soát (spot-check) sự chính xác của danh sách các chính phủ do tác giả liệt kê.

Nguyễn Cao Kỳ là vị tướng viết hồi ký sớm nhất. Sách viết bằng Anh ngữ, tựa đề *Twenty Years and Twenty Days,* do nhà Stein & Day ở New York ấn hành, dầy 239 trang. Sách được tung ra thị trường ngay từ giữa năm 1976, vội vàng đến độ sách không có cả Lời Nói Đầu hay Lời Giới Thiệu mà độc giả thường thấy ở bất cứ một quyển sách in nào.

Trước hết là nói về hình thức. Sách được viết bằng một thứ Anh văn đơn giản, câu

SỬ MẶC

CỜ

Đâu dè
cờ đã phất ngang
đêm hôm
bóng nguyệt
xuống sàng lâm ly
hồng nhan
rồi cũng tới
kỳ
lạnh nồng trả hết nhu mì
trước
sau
gương soi đừng có để
nhàu
nữa xin ngấn thủy
hồng au mặt người
mơ mòng
cỏ
tốt
mùa tươi
cờ
nheo mắt lại
thấy cười
xuân xưa
nghe không?
Ngọn-Cỏ-Gió-Đùa
Cột thiêng
dựng lại
ngày
chưa
kéo cờ.

cuối tháng giêng hai ngàn lẻ một

thường ngắn, ngữ vựng dễ hiểu, và đặc biệt nhất là cách diễn tả rất Việt Nam. Nhiều đoạn văn không có phần hay chữ nối kết, hết ý này thì đột ngột sang ý khác rõ ra một người chắc chỉ quen nói, chứ chưa quen sắp xếp ý tưởng để viết. Vì thế tôi tin rằng sách được chính cựu thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ viết, chứ không đến nỗi như nhiều tác giả khác phải thuê mướn người viết. Dĩ nhiên nhà xuất bản Stein & Day ở New York phải có người nhuận sắc bản thảo trước khi in.

Chính vì được viết ngay sau khi biến cố vừa xảy ra bởi một con người ngang tàng và liều lĩnh, *Twenty Years and Twenty Days* là một quyển hồi ký sống động.

Tiểu sự tự thuật của tác giả cho thấy ông là một con người hiếu động ngay từ thủa nhỏ. Lúc mới 12 tuổi, ông đã bỏ nhà ra đi. Ông tự khai trong sách là ông ra đi để theo... lãnh tụ Hồ Chí Minh. Nhưng ông lại cũng thành thực ghi lại lời nhắn nhủ của viên võ quan người Nhật bắt được ông về theo lối đối thoại trực tiếp mà tôi tạm dịch ra là: "Mày là một đứa bé hư lắm. Mẹ mày đã phải khóc vì mày!" (trang 15).

Ông cũng kể công rất lớn của ông trong cuộc đảo chánh 1/11/63: chính nhờ ông ra lệnh cho phi cơ bay lên bắn dọa mà Dinh Gia Long phải đầu hàng, và cũng chính nhờ ông cho phi cơ rải thư hăm dọa mà Tướng Huỳnh Văn Cao ở Vùng IV phải án binh bất động không về cứu ông Diệm và vì thế cuộc đảo chính mới thành công! Một chi tiết quan trọng trong cuộc đảo chánh 1/11 được ông xác định nhiều lần là việc chủ trương không giết ông Diệm của Hoa Kỳ. Trong phạm vi này, ông đóng vai một "phát ngôn viên" chạy tội cho người Mỹ! Thủ phạm giết anh em ông Diệm còn được ông ghi nhận là một sĩ quan cảnh sát (a police officer, trang 41)!

Tác giả Nguyễn Cao Kỳ cũng tự nhận mình là tác giả của nhiều chính sách và chương trình khi ông đóng vai Thủ Tướng Chính Phủ với danh từ mới lạ là "Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương." Đó là điểm mâu thuẫn giữa hồi ký của ông với hồi ký của tác giả Bùi Diễm, một chính trị gia nhà nghề và là cố vấn cho Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương!

Là một trong những viên tướng trẻ tung hoành trên chính trường VNCH trong thập niên 60 sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị giết, tác giả Nguyễn Cao Kỳ đã để lại những trang chữ quí báu cho người viết sử khi ông kể lại diễn biến của chính trường thời ấy. Cảnh ông cùng Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Chánh Thi, và Chung Tấn Cang đến Toà Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn để bị Maxwell Taylor, Đại Sứ Hoa Kỳ, trách mắng, được ông ghi lại rất sống động là một thí dụ! Hoạt cảnh ông và những tướng trẻ cưỡng ép Phan Khắc Sửu như thế nào để cụ già này phải ký giấy giao quyền cai trị quốc gia cho các ông là một thí dụ khác!

Điều đáng tiếc là vì viết vội và viết bằng Anh ngữ, tức nhằm độc giả Mỹ, tác giả đã liều lĩnh phát biểu những điều về đất nước và con người Việt Nam mà chính ông không rõ hay chưa kiểm chứng được, làm tín lực của *Twenty Years and Twenty Days* bị suy giảm nhiều! Miền Trung mà ông viết là miền đông dân nhất Việt Nam (trang 13)! Người Pháp đầu tiên đến Việt Nam từ thế kỷ XVII, trong vai trò những cố đạo (trang 13)! Thân phụ ông là một giáo viên tiểu học mà ông nâng lên hạng quan lại, nguyên văn, *the mandarin class* (cũng trang 13)! Hay cuộc đảo chánh 1/11/63 là do Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Khánh, và Nguyễn Văn Thiệu lãnh đạo... là những thí dụ!

Quan trọng hơn nữa, tác giả Nguyễn Cao Kỳ diễn tả theo cách hiểu Việt Nam mà quên việc ông viết là viết cho người Mỹ, khiến cách diễn tả đặc thù Việt Nam của ông đã trở nên tai hại cho chính nghĩa. Đó là khi ông viết, ngay từ năm mới 12 tuổi, ông đã biết yêu nước, nguyên văn, *I was a little patriot*, và vì thế mà bỏ nhà đi theo Hồ Chí Minh (trang 14). Tôi là một độc giả người Việt nên hiểu ông muốn nói là theo kháng chiến chống Pháp, nhưng cách diễn tả của ông chỉ làm cho độc giả Mỹ, vì không hiểu được sự khác biệt giữa kháng chiến chống Pháp với tổ chức Cộng Sản, hiểu một cách đơn giản rằng, hễ là người Việt yêu nước, tất phải theo lãnh tụ Hồ Chí Minh!

(Còn tiếp)

Alameda, tháng 2 năm 2001

Chú thích

(1) Thời Pháp thuộc, học sinh sau khi đậu bằng Cao Đẳng Tiểu Học (danh xưng chính thức là Diplôme d'Études Primaires Superieures Franco-Indigènes, tương đương với tốt nghiệp cấp lớp 9 bây giờ), có thể xin vào học Trường Y Khoa Hà Nội để học bốn (4) năm, tốt nghiệp trở thành Médecin Indochinois, tức Y sĩ Đông Dương.

NGƯỜI ĂN XIN CÓ LIÊM SỈ

Truyện ngắn

ĐỖ HẬU

1

Đó là những năm cuối thập niên 60, đầu 70 của thế kỷ 20.

Dưới chính thể Việt Nam dân chủ cộng hòa, người dân miền Bắc vẫn còn dùng tiền xu. Cứ 10 xu đổi được một hào, 10 hào là một đồng. Thời đó chàng công tử nào ở tỉnh về mà mặc áo sơ mi pôpơlin trắng Trung Quốc, trên túi ngực lấp ló tờ 10 đồng (tờ bạc to nhất) màu đỏ, mang hình ông Hồ (dân chợ gọi là "Cụ mượt") thì đã là sang trọng lắm. Còn các bà các cô gặp khi nhà có khách quí, phải đi chợ mua đồ ăn mà có được "Cụ mượt" giắt cặp quần thì cứ gọi là yên chí lớn! (không dám nói ngoa, thời đó đàn bà con gái xứ Bắc không hiểu từ đâu ra mà ai cũng may một chiếc túi nhỏ, bí mật phía trong... quần lót để giữ tiền).

Tôi còn nhớ, một bát phở cực ngon ở phố Hàng Mành giá ba hào, còn trong các cửa hàng ăn uống "Mậu dịch quốc doanh" thì người ta chuyên bán thứ mì sợi "không người lái" giá một hào rưỡi. Đó là thứ bột mì nhào nước cán mỏng, cắt thành sợi, nấu lõng bõng nước, không có thịt. Còn cái tên "không người lái" thì chẳng hiểu từ đâu ra, nhưng chắc chắn có liên quan đến một thứ chẳng dính dáng gì tới chuyện ăn nhậu. Đó là: Máy bay do thám không người lái của Hoa Kỳ mà thời đó, đài phát thanh và các báo chí miền Bắc thường xuyên nhắc tới. Đã có chuyện chàng thanh niên nọ ngồi trong quán nước rủ bạn đi ăn "Mì không người lái." Tay công an chìm ngồi đó nghe được liền lôi về đồn. Tại đây, anh chàng phải mua một tập giấy trắng loại năm hào hai, ngồi viết liên tục, lặp đi lặp lại chỉ một câu "Mì không có thịt, chứ không phải mì không người lái." Mà phải viết chữ nhỏ, đều và xít nhau. Khi nào tập giấy kín chữ mới được thả.

Thời đó đơn vị tôi đóng quân tại thị trấn Vôi, huyện lỵ Lạng Giang tỉnh Bắc Giang. Gọi là "đơn vị" và "đóng quân", nhưng thực chất đây là "Trường công nhân kỹ thuật" thuộc Tổng cục kỹ thuật, Bộ quốc phòng. Dân quanh vùng vẫn gọi là: Trường Vôi. Những người lính mang quân hàm như chúng tôi chỉ độ vài trăm, hầu hết đã tốt nghiệp các ngành chế tạo máy hay kỹ thuật cơ khí trong các trường dân sự, bị động viên vào lính và họ điều về đây làm giáo viên giảng dạy lý thuyết. Ngoài ra còn có một số là thợ cơ khí lâu năm tay nghề cao trong các nhà máy quốc phòng được điều động về làm giáo viên giảng dạy, hướng dẫn thực hành. Còn lại, phần lớn "quân số" của đơn vị là các cô, các cậu choai choai vừa tốt nghiệp phổ thông trung học (còn gọi là các "cô tú cậu tú" mà lúc cao điểm lên tới 2000 người theo học 15 ngành nghề khác nhau) thì rặt toàn con ông cháu cha. Nghĩa là con cháu các cán bộ cao cấp trong cơ quan Tổng cục kỹ thuật, Tổng cục chính trị, Cục cán bộ, Cục quân lực, Bộ tổng tham mưu... được tuyển chọn về đây học nghề. Sau mỗi khóa học kéo dài 24 tháng họ trở thành công nhân quốc phòng, được đưa về các nhà máy quốc phòng ở hậu phương. Như vậy họ vừa tránh được "bãi chiến trường", mà "các cụ" thì lại được tiếng. Chẳng gì thì giữa thời bom đạn loạn lạc, sống nay chết mai thế này, các cụ có ra rả hò hét "cả nước hành quân ra trận" thì chính con cháu các cụ cũng đang phục vụ trong quân đội chứ bộ. Đâu có ỷ thế các cụ mà trốn tránh (!). Thế mà những kẻ thấp cổ bé họng lại tức tối gọi đơn vị tôi là "Vườn trẻ Trung ương", lại còn xỏ xiên đặt cho nó cái ẩn danh "7C" (Con Cháu Chút Chít Các Cụ Cả! Hay là Con Cháu Cấn C... Các Cụ Cả?).

Nói vậy chứ thỉnh thoảng cũng có vài ba chục người lính mặt tái mét, môi thâm sì, ngực đầy huân chương được đưa từ chiến trường về học nghề theo diện "chính sách." Số này học xong lại được vinh dự đưa trở lại chiến trường, "theo tiếng gọi thiêng liêng" của tổ quốc trong các đội sửa chữa cơ động, phục vụ các đơn vị vận tải quân sự.

Có lẽ do đặc thù phải gánh vác nhiệm vụ trọng đại là dạy dỗ con cháu các cụ nên dù là lính thời chiến, chúng tôi vẫn được thay nhau đi tranh thủ về thăm gia đình vào các ngày thứ bảy chủ nhật. Thế nên, lại chính những kẻ thối mồm đã đặt điều gọi chúng tôi là "Lính cậu." Mỗi lần đi "tranh thủ", chúng tôi lại dong duổi trên xe lửa Lạng Sơn - Hà Nội. Nhờ những chuyến tàu tranh thủ này mà tôi được chứng kiến nhiều chuyện lạ. Lạ nhất là chuyện về "Người ăn xin có liêm sỉ."

Chuyện bắt đầu từ cái lần tôi về tranh thủ dịp quốc tế lao động 1-5. Hôm đó lẽ ra tôi ra ga sớm như thường lệ. Kẹt nỗi, buổi sáng tôi phải lên lớp hai tiết để giảng về "Nguyên lý cấu tạo, tính năng tác dụng của máy 1K-62", một loại máy cắt gọt kim loại mới được chế tạo tại Liên Xô. Tổng cục nhận về 50 chiếc thì giành cho trường sáu chiếc để đưa vào giảng dạy. Chúng tôi đã nghiên cứu tài liệu cả tháng trời, dịch hoàn chỉnh ra tiếng Việt, soạn thảo biên tập đề cương giáo án và tôi là người được phân công giảng dạy chương trình này. Hôm nay là buổi đầu tiên tôi giới thiệu cho học sinh làm quen với loại máy mới.

Hết giờ lên lớp, về phòng đã thấy Khải, một đồng nghiệp chờ sẵn, tôi vơ vội chiếc balô "con cóc" rồi nhảy đại lên chiếc xe đạp "Vĩnh cửu" của Khải, từ đơn vị ra nhà ga chỉ có hai cây số, Khải đạp xe cuống cuồng mà chưa tới ga đã thấy tàu lù lù phía sau rúc còi inh ỏi. Được cái các bác tài cho tàu chạy chậm, trên tàu đám con buôn đang hò hét nhau lăn các bao tải sắn căng phồng xuống hai bên đường (chứ để vào ga qua cửa soát vé thế nào bọn quản lý thị trường cũng thu mất trắng). Vừa đâm bổ vào phòng đợi, tôi gặp ngay Hợp. Cô ta hỏi tỉnh bơ:

"Anh ra muộn vậy? Em chờ mỏi cả mắt."

Tôi ngỡ ngàng:

"Sao Hợp biết tôi cũng về Hà Nội?"

Hợp ghé sát tai tôi giọng lạnh tanh:

"Bí mật! Rồi cô ta tiếp- may mà em đã mua vé cho anh, nếu không anh nhỡ tàu là cái chắc."

Hợp là học sinh trong trường. Sở dĩ cô gọi tôi là anh (chứ không phải Thầy) vì cô không học trong ngành mà tôi đang trực tiếp giảng dạy. Hơn nữa, điều chớ trêu là tôi quen Hợp trong một tình thế "bất lợi." Đó là dịp cô lên trường nhập học, trong thời gian này tôi được điều động tăng cường cho Ban tuyển sinh. Cô nhanh chóng nhận ra đồng hương và không để lỡ một dịp nào để hỏi tôi đủ điều về nhà trường. Sau đó, dù đã được biên chế về một đại đội học viên, cô vẫn thường xuyên lên Ban tuyển sinh với những lí do rất chính đáng, mà ở Ban tuyển sinh thì việc xưng hô anh em là chuyện tự nhiên như một lẽ thường tình. Thú thật, ngày đó đã có lúc tôi nảy ra ý nghĩ chạy trốn. Một phần do quy chế nhà trường rất nghiêm ngặt đối với những quan hệ yêu đương nam nữ. Loại quan hệ này thường được giới sĩ quan chính trị liệt vào loại "quan hệ bất chính." Phần khác do tôi vẫn ác cảm với những cô gái sống bạo dạn, ồn ào.

Hợp là một cô gái mới lớn chính gốc Làng hoa Ngọc Hà, một vùng con gái nổi tiếng xinh đẹp đảm đang, nhưng cũng không kém chanh chua đáo để. Cô được bạn cùng trường gọi là "Hợp tây" vì có dáng người cao ráo, nước da trắng mịn luôn ửng hồng, đôi môi đỏ thắm như quệt son. Và nhất là đôi mắt, đôi mắt màu nâu nhạt mở to, đáy mắt lúc nào cũng long lanh như có nước. Sau này khi đã yêu nhau, những lúc bên em tôi thường nhìn sâu vào đôi mắt ấy mà suy tư, trong khi đôi môi đỏ thắm của em cứ ngước lên, hé mở lung linh như bông hàm tiếu đang run rẩy chờ đón những giọt nắng rớt xuống đậu trên những cánh hoa mong manh. Tôi đã làm cả một tập thơ giành cho mối tình đầu và nếu Hợp can đảm một chút nữa, có lẽ chúng tôi đã thành vợ chồng. Nhưng đó là sau này, còn lúc đó sự dạn dĩ của Hợp làm tôi e ngại. Tôi chưa kịp định thần đã bị Hợp gần như lôi tuột đi.

Tàu Lạng Sơn - Hà Nội được gọi là tàu chợ. Trên nóc các toa tàu, người ta chạy đi chạy lại như chạy loạn. Còn trong toa vừa nêm chặt cứng người vừa ngổn ngang quang gánh, bao tải của các bà buôn chuyến, cái nào cũng chặt căng những sắn. Giữa thời chiến tranh đói kém liên miên này, những kẻ "buôn gian bán lậu" lại chính là những người duy nhất ngày đêm miệt mài chuyển từng cân sắn củ khoai cứu đói cho bà con ở những vùng quê heo hút. Bất chấp sự ngăn cấm của chính quyền và cho dù, mỗi tải sắn "có chăng chỉ lãi

được hào bạc."

Sân ga miền trung du nhưng không có lấy một bóng cây. Nắng đầu hạ mà đã gay gắt đến nhức mắt. Bầu trời trong xanh cao vút không một bóng mây, không một ngọn gió. Không gian như tan loãng mờ ảo giữa làn hơi nước bốc lên từ những hố bom rải rác quanh nhà ga.

Tàu vừa dừng bánh, sân ga lập tức diễn ra cảnh náo loạn như chợ vỡ. Trên các bậc lên xuống nhỏ bé ở cửa toa, người ta đua nhau chen chúc xô đẩy, tiếng kêu khóc gọi nhau, tiếng la thét chửi bới ầm ĩ. Tôi đang hoang mang không biết sẽ phải lao vào giữa đám hỗn loạn kia bằng cách nào thì Hợp quăng túi đồ cho tôi, đôi bàn tay trắng ngần bám lên thành cửa sổ đen đúa. Lúc đó không hiểu Hợp đã nói gì mà từ hai bên cửa sổ, hai người đàn bà với những bàn tay thô ráp đã nắm chặt tay cô và cứ thế, Hợp đạp chân vào thành tàu leo lên. Thoắt cái Hợp nhao người đón túi đồ vứt vào bên trong rồi gần như nhô cả người ra ngoài đưa hai tay cho tôi. Một chút bối rối. Người tôi run lên. Lần đầu tiên, đôi bàn tay của gã trai khờ khạo đụng chạm và nắm chặt đôi tay ngọc ngà của một người con gái. Và như một luồng điện, rất nhanh, tôi cũng nhận biết một thoáng bối rối làm nét mặt kiêu sa của em thêm rực hồng dưới mái tóc hoe vàng như vương nắng. Vầng trán cao thanh tú ướt rịn mồ hôi và em cứ hăm hở miệt mài dồn sức cho một công việc nặng nhọc. Khi tôi trườn qua cửa sổ toa tàu thì cũng là lúc Hợp kẹt chân giữa hai tải sắn. Em khụy xuống, tôi luống cuống ôm lấy người em rồi gần như dồn cả sức mạnh vào đôi tay để hất những bao tải đang đè lên chân em. Tôi nhẹ nâng bàn chân đỏ tấy, ngước nhìn em để xẻ chia nỗi đớn đau nhưng chỉ thấy đôi mắt em long lanh đang nhìn tôi hun hút. Người đàn bà lớn tuổi vẻ thành thạo: "Cô ấy có sao đâu mà cậu phải xót thế." Hai đứa đỏ bừng mặt, cùng vội quay đi.

Tôi mở balô lấy ra tờ báo trải lên một bao sắn khô. Bỗng Hợp nhô người qua vai tôi, tay vẫy rối rít: "Long Tu." Từ xa, tiếng người con trai đáp lại: "Hợp Tây." Tôi loay hoay đỡ em ngồi xuống, khi quay lại thì Long cũng vừa len tới nơi. Thấy tôi cậu ta ngượng nghịu: "Em chào Thầy." Tôi mỉm cười chào lại. Long tu là con một của ông thiếu tướng trên bộ Tổng tham mưu, học cùng lớp với Hợp nhưng không quen tôi trong dịp lên nhập trường. Chào hỏi vài câu, cậu ta lảng: "Hợp ngồi đây, mình đi tìm Mai, Linh, Thảo đến cho vui." Long chào tôi rồi vội vã quay đi. Mặt tôi thoáng nóng bừng. Còn Hợp cười ròn tan một cách thích thú.

Ở trường Vôi, chẳng ai là không biết bộ "Ngũ tử" rất khác biệt về tính cách, nhưng thân quí nhau như anh em. Long tu người đậm chắc lực lưỡng, dáng đi hùng hục ngó nghiêng như vệ sĩ. Ngược lại, Linh còm người gầy gò bé nhỏ, luôn rụt rè nhút nhát như con gái. Cũng vậy, Hợp thì mạnh mẽ sống động, lúc nào cũng rừng rực như một lò lửa. Còn Mai thì trầm lắng nhậy cảm, lúc nào cũng như đang âm thầm mang trong lòng một nỗi buồn đơn côi. Chỉ có Thảo, người luôn tỏ ra có bản lĩnh, chững chạc là xứng đáng với vị trí người chị cả.

"Sao hôm nay em không đi cùng 'Ngũ tử'?"

Đôi mắt Hợp ánh lên vẻ tinh nghịch:

"Em bận việc riêng!"

Tôi nghi ngờ:

"Việc riêng?"

"Đúng! Không những thế, em còn tung hỏa mù cho cả hội tan tác. Anh thấy không, ngay cả Long tu cũng phải nhớn nhác đi tìm."

Tôi chưa biết nói sao thì từ đầu toa, giọng nói lạ lùng của một người con trai làm chúng tôi chú ý: "Cháu chào bà, chào cô. Cháu chúc bà và cô đi tàu đi xe gặp nhiều may mắn, buôn bán phát tài phát lộc. Cháu xin bà 5 xu để sinh sống qua ngày." Tiếng kim loại kêu loong coong và tiếng người con trai "Cháu cám ơn bà, trên tàu có nhiều kẻ gian, xin bà và cô chú ý đồ đạc kẻo bị mất cắp." Cứ thế, tiếng nói chuyển dần về phía chúng tôi. Lạ lùng hơn nữa là xen lẫn những câu chúc tụng cảm ơn, lại có cả những câu: "Con xin trả lại bà 5 xu", hay: "Em xin trả lại anh một hào rưỡi." Thế rồi người đàn ông hiện rõ trước mắt tôi.

Đó là một người đàn ông rất khó đoán tuổi. Người nhỏ nhắn, dong dỏng cao, nước da tím tái như bị sốt rét. Trên khuôn mặt vuông vức xương xương người đàn ông lộ tướng ở đôi mắt, nó đen láy và rất sáng. Bên má trái, cả một khoảng thịt da co rúm lại làm cho khuôn mặt nhàu nát. Cánh mũi trái biến dạng. Hai bờ môi hầu như không khép kín bao giờ, nước từ khóe miệng cứ rỉ ra. Mỗi lần đưa chiếc khăn cáu bẩn lên thấm nước, ánh mắt người đàn ông lại lộ rõ vẻ đau đớn, cam chịu. Mặc dù vậy, nhìn nghiêng từ bên phải, khuôn mặt vẫn như phảng phất một nét thanh tú. Anh ta mặc bộ quân phục cũ vải Tô Châu Trung

quốc. Trên cổ áo, hai gối và sau mông có những mảnh vá rất khéo tạo nên ấn tượng về sự chỉn chu. Tay phải cầm chiếc khăn màu cỏ úa. Tay trái như bị tật, cánh tay đeo chiếc túi bằng vải rẻ tiền, bàn tay rúm ró lốm đốm những mảng trắng bệch và đỏ tấy, những ngón tay co quắp run run ôm chiếc bát sắt Trung quốc, loại bát ăn cơm tráng men màu xanh lá cây miệng rộng và sâu mà lính thường gọi là "bát năm tấn." Khi người đàn ông tới gần, tôi nhận ra đôi chân tập tễnh. Những quai dép cao su cái đứt, cái còn bó sát hai bàn chân nham nhở như phải trải qua một trận cháy bỏng giữ dội.

Tất cả từ con người ấy toát lên một ảo giác sắc lạnh cứa vào lòng người, như một cảm giác đau buốt khi phải chứng kiến một vẻ đẹp hoàn hảo bị hủy hoại tàn phá.

Đứng trước mặt tôi, anh ta luống cuống nhét chiếc khăn vào túi quần, giơ tay phải lên chào theo kiểu nhà binh: "Chào đồng chí sĩ quan. Chúc đồng chí thượng lộ bình an, chân cứng đá mềm trước mũi tên hòn đạn. Chúc anh chị yêu thương nhau cho tới khi đầu bạc răng long..." Tôi đỏ mặt trong khi anh ta phải rất vất vả điều khiển đôi môi để nói hết mấy câu đó. Còn ánh mắt, ánh mắt anh ta như chứa cả một khối nhẫn nhục. Nó xoáy vào lòng người đối diện một câu hỏi không thể giải đáp. Tôi như nghẹt thở bởi cảm giác tội lỗi. Tôi đặt nhanh một đồng bạc 5 hào vào chiếc bát sắt. Anh ta cảm ơn rồi lập cập vét hết số tiền lẻ trong bát đếm đếm kiểm kiểm cho đủ bốn hào rưỡi để đưa trả lại cho tôi. Tôi nói nhanh: "Anh cầm lấy tất cả, tôi biếu anh." Người đàn ông không nghe, anh ta cứ một mực: "Tôi chỉ xin anh 5 xu, còn đây là tiền thừa." Tôi chưa biết xử lý ra sao thì Hợp đã nhanh tay nhận lấy số tiền anh ta đưa trả rồi nói: "Cám ơn anh về những lời chúc tốt đẹp, còn đây là 5 xu tôi biếu anh." Anh ta cám ơn rồi lại ra đi. Đôi chân tàn phế lại lê lết qua những tải sắn.

Rất lâu sau, tôi vẫn không thoát khỏi sự day dứt, nhức nhối. Hợp đứng dậy bỏ đi, cũng rất lâu mới trở lại. Hợp bỗng trở nên rụt dè như có lỗi: "Em đã đi cả ba toa tàu nhờ mấy cậu học sinh mà vẫn không cho anh ta hết được số tiền thừa." Lòng tôi dịu lại, bàn tay âu yếm xiết chặt tay em:

"Có nhiều người cho anh ta không?"

"Chẳng được mấy đâu cậu ạ! người đàn bà lớn tuổi góp chuyện- Người có lòng như cô cậu thật quí. Đấy, ngay ở toa này cũng được mấy ai cho anh ta."

Hợp sốt sắng:

"Bác biết anh ấy?"

"Chỉ sơ sơ thôi. Chả là cô em tôi lấy chồng ở Mẹt, gần nhà anh ta. Dạo đầu năm lên thăm cháu, tôi có gặp anh ta ở chợ Mẹt. Mưa phùn gió bấc rét mướt thế mà cũng chỉ phong phanh vậy thôi. Rõ khổ! Cô em tôi kể có bữa đói rét quá anh ta bị cảm lạnh ngất xỉu ngay giữa chợ. May bà con kịp xúm vào lấy gừng rượu cạo gió, mà phải hàng tiếng sau mới tỉnh lại."

Bị câu chuyện thu hút, tôi tiếp tục:

"Thế còn anh em họ hàng nhà anh ta?"

"Có ai đâu. Nghe nói quê tận Thái Bình lên đây khai hoang đã lâu. Nhà chỉ có một mẹ một con mà bà cụ lại mù lòa, cũng trên bảy chục tuổi rồi."

"Chắc anh ta cũng đi bộ đội về?"

"Có! Trước đây anh ta là giáo viên dạy ở cấp ba trường tỉnh, dạy văn giỏi có tiếng đấy. Đúng ra là không phải đi bộ đội vì nhà con độc, dưng mà tay Hiệu trưởng ghét, sợ anh ta tranh mất cái ghế nên tìm cách đẩy đi."

"Trời! Còn bà cụ?"

"Cô em tôi bảo trước khi đi, cô người yêu cứ đòi cưới để về sống cùng bà cụ. Dưng mà anh ấy không chịu, anh ta bảo thời buổi này biết sống chết thế nào. Cưới nhau được vài ngày vào trong kia lỡ chết lại làm khổ cả đời người ta. Còn bà cụ, nhớ con khóc nhiều quá nên bị mù."

"Còn may là anh ta đã trở về."

"Nghe nói vào đến Quảng Trị thì bị bom Napan cháy nửa người. Anh ta sống đi chết lại mấy chục lần ở các bệnh viện quân đội đấy."

"Anh ta là thương binh, chắc hàng tháng vẫn có phụ cấp."

"Có mẹ gì đâu! Mấy ông chính sách bảo giấy tờ của anh ta mất hết nên không làm được thẻ thương binh. Có anh bạn cùng chiến trường nay làm ở tỉnh đội cũng có giúp đỡ, dưng mà chỉ được mấy đồng trợ cấp thương tật thôi. Rõ khổ! Thời buổi thóc cao gạo kém, một già một trẻ ốm đau tàn phế mà tháng có mấy đồng bạc thì sống sao nổi."

"Anh bạn cùng chiến trường cũ phải chứng nhận chuyện giấy tờ cho anh ta chứ?"

"Có! Anh ta có làm. Dưng mà tay Hiệu trưởng cũ là thông gia với ông Tỉnh đội phó. Nghe đâu nhà anh kia được mời lên làm việc với ông Tỉnh đội phó có một lần, hôm sau về đã rút đơn xin bảo lãnh."

Vai tôi nhói đau. Quay lại thấy em cắn chặt

bờ vai tôi như đang phải kìm nén sự uất ức, đôi mắt ngấn nước xoáy nhìn tôi như một câu hỏi không lời. Tôi xa xót:

"Cuộc đời sao ngang trái. Đã mang kiếp con Người, chỉ mong được sống với đúng nghĩa một con Người mà sao khó vậy!"

Vẻ bất cần, Hợp thực tế hơn:

"Anh ta kể cũng là người sòng phẳng, có nhân cách. Đi ăn xin là do bị đẩy vào cái thế phải đi ăn xin. Thời buổi này đi ăn xin mà chỉ lấy của mỗi người năm xu là biết người biết ta. Đi ăn xin mà kể khổ thì ai là người sung sướng, còn biết dùng những lời chúc tốt đẹp thì lại là cách cám ơn có văn hóa. Đó là kiểu ăn xin 'có liêm sỉ'!"

Tôi giật mình, bất ngờ về kiểu triết lý của em.

Bên ngoài trời vẫn nắng như đổ lửa. Con tàu thở phì phò, nặng nhọc bò vào ga. Tiếng còi tàu não nề mệt mỏi. Trong toa, không khí bức bối ngột ngạt. Người ta lại nhốn nháo, tất tả với những tải sắn. Vài người nhanh tay đã bắt đầu lăn những bao tải xuống đường.

2

Hà Nội sau cơn mưa. Bầu trời cao vòi vọi, xanh thắm đến nao lòng. Những hàng cây bụi bặm ven đường được tắm gội tinh tươm. Gió thoảng qua lay động những vòm cây, mang theo hương sữa đầu mùa tỏa thơm ngai ngái. Bên hồ Tây, những thân cây Phượng Vĩ già nua như trẻ lại, những nụ hoa đầu mùa đã thấp thoáng thắp lửa giữa tán lá tươi non. Từ chiếc thuyền câu giữa hồ, tiếng hát ai cao vút ngân nga, chấp chới theo cánh cò trong câu dân ca quen thuộc. Tiếng hát mênh mang thao thức, đầy ắp cả mặt hồ.

Chúng tôi lặng đi, thả mình chìm đắm vào thinh không. Không tiếng xe, không tiếng súng, không tiếng còi báo động. Tất cả chỉ là sự tĩnh lặng không cùng. Quả là những giây phút tĩnh lặng hiếm hoi quí giá giữa thời bom đạn chiến tranh.

Hà Nội đau thương. Những đường phố thưa vắng bóng người, thưa vắng canh gà. Đơn côi những hàng cây, ghế đá. Những mái ngói rêu phong sụp đổ, những cột gỗ cháy đen trơ chỏng như những cánh tay đang níu kéo một điều gì.

Cứ thế, chúng tôi ngồi suy tư trong một quán bia nhỏ góc đường Cổ Ngư. Chúng tôi có ba thằng. Đó là tôi, Ngọc cận và Trung lì.

Ngọc cận đã là nhà thơ Sóng Biếc của báo Thiếu Niên từ khi còn ở trung học. Hồi đó, khi bài thơ "Ánh Nắng" của tôi được đăng báo, rồi được chọn in trong tập "Bông Hồng Nhỏ", nó trề cái môi vốn dĩ trông đã như con Đỉa trâu ra mà phán: "Thơ thế mà cũng chọn. Đúng là ngu!" Ấy thế mà hễ có dịp ngồi với nhau, dù sau này đã trưởng thành, thế nào nó cũng bắt tôi phải đọc lại bài thơ đó.

Ngọc cận đang học Tổng hợp Văn thì bị động viên. Sau ba tháng tân binh là dông

LƯU VĂN VỊNH

QUÀ CỦA NON SÔNG

Một góc tim tôi là vườn xuân
suối tóc thân em tắm vạn lần
Tết vẫn hồng lên đôi gò má
tôi cắm thay đào bóng cố nhân!

thắt đáy lưng ong hình chữ S
môi em đậm sắc giấy hồng điều
ta viết hai hàng hôn nụ đỏ
gắn lên câu đối thắm tình yêu

dạo chơi trần thế, đời muôn nẻo
một góc bánh chưng, góc Lạc Hồng
vẫn thơm vẫn ngọt, em cười nói
quà của non sông gói tặng lòng

bốn bể năm châu, Trời đóng dấu
vào gan vào mật giống Việt Nam
trong huyết cầu này tinh tú chiếu
rực lên hùng sử của giang san

lăn lóc Đông Tây, ma với quỷ
xòe tay dấu tích trứng rồng tiên
tụ nhau một góc, quê hương đấy:
chuyện thay pháo nổ đón tân niên!

thẳng vào Quảng Trị. Nó viết khỏe, một thời tên của nó được đánh bóng lung linh như biểu tượng của các nhà thơ thế hệ tuổi 20. Nhưng nó có một dòng thơ khác, dòng thơ mà máu và xương của đồng đội thấm cả vào đó. Những bài thơ không in.

Sở dĩ hôm nay Ngọc cận có mặt ở Hà Nội để ngồi với chúng tôi, là do Tiểu đoàn pháo binh của nó vừa bị xóa sổ ở Quảng Trị. Còn dăm chục thằng tan tác được gom lại, đưa ra Quảng Bình chờ bổ xung quân số. Nó là một trong số dăm chục thằng may mắn thoát chết đó. Ra Bắc đi an dưỡng, Ngọc cận xin đi tranh thủ về Hà Nội thay sách. Chẳng là nó tự lập một thư viện nhỏ dã chiến, balô của nó chỉ có sách, quân trang quân dụng thì nhờ bọn trong khẩu đội mang giùm. Hồi còn tân binh đóng quân ở Sao Đỏ, bạn bè ở Hà Nội cứ mỗi tuần lại cõng lên cho nó một balô sách. Bây giờ những dịp thay sách như thế hiếm lắm.

Còn Trung lì, nó đến đây trên một chiếc nạng. Không phải gãy chân mà sức cậu ta yếu quá. Cậu ta nằm điều trị trên quân y viện 105 đã bốn tháng. Bác sĩ nói vết thương đã ổn định, nhưng thể lực còn rất kém. Có lẽ nhờ cái tính lì từ nhỏ mà đã hai lần Trung lì suýt trở thành anh hùng. Nói suýt vì nó bị tay chính trị viên cản. Tay này tên Trần Thuyền, quê Củ Chi. Thằng Trung đầu têu đọc chệch thành Trần Ghe. Hắn rất ác cảm với lính Hà Nội, thường chi li xét nét từng đường ăn nết ở của anh em. Trung lì vốn tính thẳng và nóng, đã mấy lần hai thằng chửi nhau. Thậm chí có lần Trung túm ngực áo Trần Thuyền, nếu anh em không kịp can ngăn chắc cậu ta đã cho hắn một trận tơi bời. Ngược lại anh em lái xe cùng đơn vị rất quí mến Trung. Cả đại đội vận tải tôn Trung lì là con chim đầu đàn. Ngay trong trận đọ sức với máy bay Mỹ trên cao điểm N đó, người bật đèn pha chạy xe giữa đêm để đánh lạc hướng máy bay Mỹ, cứu cả đại đội thoát khỏi biển lửa chính là Trung lì chứ ai.

Nghe nó kể lại trận cuối cùng trước khi ra Bắc mà dựng tóc gáy. Đó là khoảng giữa chiến dịch vận chuyển mùa khô. Đêm ấy đơn vị của nó vận chuyển phụ tùng Tăng T54 vào kho D. Cung đường vận chuyển phải chạy qua đèo Ông Địa, một trọng điểm đánh phá rất ác liệt của máy bay Mỹ.

Theo đội hình hành quân, đại đội trưởng Vinh đi theo xe đầu tiên, xe Trung lì đi giữa, Trần Thuyền đi khóa đuôi trên xe của Kiên. Suốt từ chập tối máy bay Mỹ đã liên tục quần đảo bắn phá khu vực này. Từng tốp B52 thay nhau thả bom tọa độ như muốn băm nát từng viên sỏi, bụi cây ở đây. Khoảng nửa đêm, xe Trung lì vừa qua đèo Ông Địa thì phát hiện xe Quang trúng bom đâm chúi vào vách núi. Đầu xe bẹp dí, trên xe lửa cháy phần phật, Quang đang hối hả dập lửa. Trung lì dừng xe, vội vã cùng Hoàng, phụ xe (tài phụ) chạy lên dập lửa cùng Quang. Lửa tắt, Quang hoảng hốt khi thấy Hùng, tài phụ của mình bị thương trong cabin. Rất nhanh, Trung lì quyết định: Quang dùng xe Trung đưa Hùng vào trạm cấp cứu tiền phương, Trung lì và Hoàng ở lại sửa xe của Quang rồi bám theo đội hình đại đội. Đang loay hoay sửa xe dưới bom đạn thì xe Trần Thuyền đi tới. Hắn lệnh cho Kiên dừng lại rồi nhảy phắt xuống, vừa chạy lại vừa quát:

"Xe nào đây?"

Trung lì cũng nhảy xuống, thách đố:

"Xe tao đấy!"

"Muốn chết hay sao mà dừng ở đây? Lên cho xe chạy mau!"

"Xe dính bom, mắt mù hay sao mà không thấy?"

"A! Thằng này dám chống lệnh chỉ huy."

Vừa nói hắn vừa rút súng khỏi bao, chĩa thẳng vào người Trung lì bắn hết cả băng đạn. Nghe tiếng súng nổ, Hoàng giật mình biết đã xảy ra chuyện chẳng lành. Anh vơ vội khẩu AK của Quang gài ở sau ghế lái nhảy xuống. Trong ánh lửa bom đạn, một cảnh tượng đau lòng đang diễn ra: Trung lì nằm bất động giữa vũng máu, Trần Thuyền đứng như trời trồng giữa màn đêm. Không kìm nổi mình, Hoàng dương khẩu AK về phía Trần Thuyền bóp cò như điên dại. Cho tới khi cả băng đạn không còn một viên nào. Anh vứt súng quì xuống bên Trung khóc nức nở. Kiên chạy lại, ngơ ngác trước cảnh tượng hãi hùng. Hoàng thổn thức: "Anh Kiên ơi! Thằng Thuyền nó bắn chết anh Trung rồi." Lúc này Kiên như bừng tỉnh, anh cúi xuống xốc người Trung lên, áp tai vào bộ ngực còn thấm máu nóng hổi. Bỗng Kiên reo lên: "Còn thở, đưa anh Trung lên xe tao." Khi Trung đã nằm yên trên cabin, Kiên sách súng xuống đường chĩa lên trời bắn ba phát pháo hiệu. Những vệt sáng xanh bay vút lên rồi tắt lịm. Đó là tín hiệu cấp cứu, đơn vị thanh niên xung phong gần đấy sẽ biết đường tìm đến chôn cất tử sĩ và thu dọn, giải phóng mặt đường.

Trung tỉnh dậy tại một trạm quân y dã chiến. Ba hôm nay anh đã ăn cháo và bắt đầu

suy nghĩ về sự việc đã xảy ra. Cô y tá cho anh biết anh đã nằm ở đây hai tuần, người ta chuyển anh tới đây từ trạm cấp cứu tiền phương 354. Anh đã trải qua hai cuộc phẫu thuật để lấy ra 4 đầu đạn, may là những viên đạn đó nằm ở phần mềm nên không lấy đi tính mạng anh. Còn một đầu đạn nằm ở lồng ngực trái kẹp giữa hai dẻ xương sườn. Điều gì sẽ xảy ra nếu viên đạn đi sâu chút nữa cắm thẳng vào tim? Cô ta còn cho biết: Lại may cho anh là trong hai người đồng đội đưa anh đến đây có một người cùng nhóm máu với anh. Nếu không cuộc phẫu thuật thứ hai chưa chắc đã được thực hiện, mà như vậy thì tính mạng của anh chưa biết sẽ ra sao.

Chiều đó Hoàng và Kiên vào thăm Trung. Trung mừng rỡ ôm chặt những người đồng đội, nước mắt anh thấm ướt vai áo hai người. Họ cho anh biết toàn bộ sự việc xảy ra sau khi anh bị ngất đi. Anh trăn trở: Tao không thể cắt nghĩa được tại sao Trần Thuyền lại hành động như vậy?

Hôm sau đại đội trưởng Vinh đến thăm Trung. Anh ta mang theo toàn bộ hồ sơ của Trung để khi ra Bắc chữa khỏi bệnh, Trung sẽ trở về trường đại học tiếp tục học tập. Vinh cũng cho biết đến bây giờ đại đội chưa biết tin tức gì về chính trị viên Trần Thuyền.

Song, số mệnh con người thật kì lạ.

Hai tuần sau, một buổi sáng người ta báo Trung xuống sân trạm xá chờ xe để ra Bắc. Trong lúc Trung và cô y tá còn đang quyến luyến chia tay thì xe cứu thương tới. Trước khi đón Trung, người ta còn chuyển tới đây một thương binh. Người nữ bác sĩ quân y tất tả xách túi thuốc chạy theo chiếc băng ca do hai người đàn ông khiêng đi. Nhìn qua chiếc cáng, Trung thoáng thấy một khuôn mặt nhợt nhạt dưới tấm vải đắp che kín cả khóe miệng, người đàn ông thiêm thiếp như đang trong chiêm bao.

Bỗng Trung giật bắn người: Đôi gò má! Đúng rồi, đôi gò má xương xẩu nhô cao làm cho hai má tóp lại như người móm. Đúng là Trần Thuyền, không thể là ai khác. Trong một lần sô sát, khi nhìn thẳng mặt nhau, Trung đã có một ý nghĩ ngộ nghĩnh là phải đặt lại tên tục cho hắn. Phải gọi hắn là Trần Móm.

"Nhưng không thể thế được! Hắn đã lĩnh trọn cả băng AK. Họa chăng chỉ có phép lạ mới cứu hắn thoát khỏi cái chết. Thì chính mình đây thôi! Mình đã ăn đủ một băng súng sáu của hắn, mà nay vẫn cứ đi đứng nói năng như ai. Thật không thể hiểu nổi." Trung suy nghĩ mông lung, anh day dứt tự vấn sự đời.

Những người chuyển thương quay ra. Trong lúc người nữ bác sĩ quân y lên trạm nhận hồ sơ của Trung thì anh lân la đến bên hai người đàn ông gợi chuyện:

"Thương binh từ đâu về vậy?"

"Từ trạm cấp cứu tiền phương 354!"

Trung giật bắn người.

"Anh ta trông yếu thế."

"Khá hơn nhiều rồi đấy. May mà đã qua cơn nguy cấp."

"Chắc anh ta là lính công binh bị sức ép?"

"Đâu có, anh ta là lính lái xe. Là đoán vậy chứ anh ta đã tỉnh hồi nào đâu. Nghe mấy cô thanh niên xung phong nói khi thu dọn chôn cất tử sĩ trên đèo Ông Địa, họ phát hiện anh ta còn sống bên chiếc xe tải bị cháy đen thui nên đã chuyển anh ta về 354."

Thế là rõ! Chiếc xe đưa Trần Thuyền tới đây, chính là chiếc xe sẽ đưa Trung ra Bắc để phẫu thuật lấy nốt viên đạn chênh vênh bên cuống tim. Và ngày mai... quả đất tròn... dù sao, như vậy là cả hai đều thoát chết. Trung bâng khuâng chiêm nghiệm lẽ đời. Một cảm giác ngao ngán tràn ngập trong lòng. Trước khi rời trạm xá đã chiến, anh đã cho cô y tá biết tên đơn vị và người chỉ huy để họ tìm đến với Trần Thuyền.

Buổi hội ngộ bên hồ Tây của chúng tôi chiều nay, một phần là để mừng hai thằng vừa từ cõi chết trở về.

Tôi kể cho chúng nó nghe câu chuyện về "Người ăn xin có liêm sỉ" trên chuyến tàu chiều qua. Đôi mắt cá Chầy của Ngọc cận đỏ ngầu, nó nốc bia như đổ hang Dế. Còn Trung lì trầm tĩnh hơn. Khuôn mặt xanh tái của nó chẳng lộ rõ cảm súc gì.

Từ phía cửa ba người đàn ông đứng tuổi bước vào. Tôi vô tình nhìn lên và giật mình nháy mắt với Ngọc cận. Tôi nhận ra ngay người to béo mang kính trắng. Nếu ông ta bỏ chiếc mũ phớt dạ màu hạt dẻ, sẽ lộ rõ mảng da bóng loáng trên chiếc đầu hói lơ thơ những sợi tóc bạc. Đó là ông nhà thơ nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam. Khi Thạc chưa hy sinh, đã có lần tôi và nó trốn học, đèo nhau trên chiếc xe đạp cà tàng từ Cổ Nhuế ra Văn Miếu nghe ông ta bình thơ. Họ đi thẳng tới chiếc bàn kê ở góc phòng, kiểu như người đã đặt chỗ trước. Nó nằm chếch bàn của chúng tôi một chút. Khi ngang qua bàn tôi, ông thi sĩ già mỉm cười nháy mắt. Không hiểu đó là theo phép lịch sự

kiểu trí thức thời tiền chiến, hay là do ông ta nhận ra nét quen biết nào đấy từ ba chúng tôi. Dù sao sự xuất hiện của họ cũng dường như để đánh thức chúng tôi, giúp chúng tôi nhận biết bóng tối đã nhuộm thẫm mặt hồ.

Ông chủ tiệm đi tới góc phòng, nơi có chiếc Tivi đen trắng Balan đặt trên giá gỗ đóng cao. Ông ta đứng lên chiếc ghế đẩu giơ tay bật máy. Màn hình hiện lên người phát thanh viên chương trình thời sự. Giọng nói đều đều vô cảm của anh ta bỗng khiến mọi người chú ý: "Tối nay, tại nhà khách chính phủ đã diễn ra lễ tiễn đưa trọng thể đoàn đại biểu Đảng và nhà nước ta, do Uỷ Viên Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng, Phó Thủ Tướng chính phủ Lê Thanh Nghị dẫn đầu. Sẽ đi thăm chính thức Liên Xô, Tiệp Khắc, Ba lan, Hungari, Bungari... và các nước XHCN anh em khác nhằm ký kết các hiệp định viện trợ cho Việt Nam trong tài khóa..."

Từ chiếc bàn của ba người đàn ông ở góc phòng, giọng người có râu quai nón ồm ồm: "Rõ khổ cái thân già! Cứ đầu năm thì đi xin, cuối năm lại đi khất." Ngọc cận bỗng dằn mạnh vại bia xuống bàn, đôi mắt cá Chầy của nó lồi ra tưởng như dán chặt vào cặp đít chai: "Thật vô liêm sỉ! Cũng là một kiểu đi ăn xin, mà sao chúng lại chai lỳ tới mức hèn hạ, vô nhân." Chúng tôi sửng sốt nhìn nó mà nó thì cứ oang oang: "Chứ không à? Bao nhiêu thằng bỏ xác ngoài chiến trường. Quảng Trị đấy, chỉ riêng lớp mình đã mấy thằng thoát chết mà về đây như tao. Thế mà bây giờ, họ lại lấy máu xương của mình, của đồng đội mình đem lên bàn cân để mặc cả mua bán, đổi chác với nhau. Thật vô liêm sỉ!"

Đến lúc này thì không thể kéo dài thêm được, Thằng Trung chống nạng đứng dậy giằng lấy vại bia trong tay Ngọc cận: "Thằng này say rồi, Đi về." Tôi đứng lên nắm chặt cánh tay Ngọc lôi đi. Vừa đi nó vừa thét: "Tao say à? Chính chúng nó là lũ say, chúng say máu của bà con mình, dân tộc mình." Ra tới đường tôi dang tay ôm Ngọc vào lòng để cho nó trấn tĩnh. Nhưng vô ích. Cả ba chúng tôi cùng khóc rống lên, cứ đứng ôm nhau mà khóc rống lện như trong lòng đang chất chứa nỗi oan ức vô bờ.

Đêm Hà Nội đen thẫm mông lung. Gió từ hồ Tây nổi lên ào ạt thổi, cuốn tung những chiếc lá lẻ loi trên vạt cỏ ven hồ. Thăng Long ơi! Bao giờ thì Rồng Vàng trở dậy, vươn mình bay lên trời xanh?

3

Đã gần ba chục năm trôi qua. Ấn tượng về một đêm hè Hà Nội cứ đeo đẳng mãi trong tôi. Tôi như vẫn thấy đâu đây hàng cây bên đường tươi rói sau cơn mưa. Những bông phượng đầu hè thấp thoáng thắp lửa giữa vòm lá xanh biếc. Cơn gió thoảng đưa ngai ngái hương sữa đầu mùa. Và tiếng hát, tiếng hát ai trên thuyền câu còn mênh mang lan tỏa, đầy ắp cả mặt hồ...

Ký ức cũng gợi nhớ một thời mông muội. Một thời mà cả thế hệ tôi, dân tộc tôi bị thôi miên, bị đẩy vào một cuộc chiến tàn khốc vô nghĩa. Có ở đâu mà hàng triệu con người trùng trùng đi vào chỗ chết như đi trẩy hội? Có ở đâu mà dù biết là chỗ chết, vợ vẫn đẩy chồng, mẹ vẫn đẩy con lao vào để thà chịu cảnh chồng con chết ngoài chiến trận, kéo theo cái chết mòn mỏi của những người mẹ, người vợ còn hơn phải chịu đựng sự trả thù hèn hạ của chế độ và nỗi nhục nhã về sự ruồng rẫy ghẻ lạnh của cả làng xã đang trong cơn lên đồng? Có ở đâu mà lòng căm thù được nuôi dưỡng, hun đúc như một thứ ma túy đầu độc cả một dân tộc lao vào vòng binh lửa chém giết lẫn nhau? Có ở đâu mà một cuộc chiến đẫm máu đã vắt kiệt sức của cả dân tộc, đã làm tha hóa bao thế hệ mà những kẻ sống sót lại cứ dương dương đắc thắng trên thân xác thối rữa của hàng triệu con người?

Những kẻ nhân danh đất nước, nhân danh nhân dân đã đánh cắp cả tuổi trẻ và niềm tin của bao thế hệ con dân để nuôi dưỡng một thứ chủ nghĩa. Họ nhào trộn danh xưng Đất Nước - Nhân Dân với Đảng thành một thứ bùa ngải để mê hoặc cả dân tộc, nhằm siết chặt một thứ quyền lực cai trị của một phe đảng.

Tôi còn nhớ như in những ký ức nhức nhối của mùa hè năm ấy. Những ký ức đánh thức tôi trong những đêm không ngủ. Những cơn ác mộng bao giờ cũng vang vọng những triết lí của Hợp về "Người ăn xin có liêm sỉ" và sự mạt sát của Ngọc đối với những "kẻ ăn xin vô liêm sỉ."

Tôi thấm thía hơn cái đạo lí nhân nghĩa của cha ông từ ngàn xưa. Cũng từ ngàn xưa, cha ông ta đã lấy chữ "Sỉ" để đong đếm cái chất "Nhân" của một con Người. Thì ra con người ta, khi đã bước qua chữ "Sỉ", chỉ một bước, là đã từ con Người bước qua một loài khác! ●

Germany
Mùa Giáng Sinh năm 2000.

GIÁP MẶT

HỒNG KHẮC KIM MAI

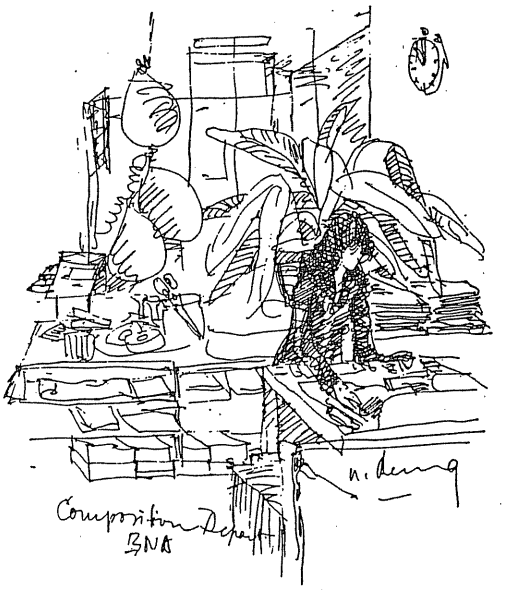

1

Tôi đứng nhìn kệ sách trong nhà xe.

Cái kệ này vợ tôi đã mua cách đây hơn mười lăm năm trong dịp la cà các *garage sales* trong xóm. Bà ấy mặc cả mãi người ta không bán. Bỏ đi rồi quay lại kì kèo. Cuối cùng thì đành mua với giá người bán đã đòi. Cái kệ tủ trông cũ mèm, đóng bằng một loại gỗ rẻ tiền, nhưng nó dài và cao khác thường với rất nhiều tầng. Khi đứng chờ tiền thối lại, bà ấy thì thầm vào tai chồng *"Mua cho bố để bố tha hồ bày sách."* Tôi vui quá. Bà ấy lại nguýt yêu *"Quà sinh nhật năm mươi của bố đấy nhé."* Tôi cười ruồi như mọi khi.

Cái kệ cồng kềnh quá. Tôi phải nhờ mấy ông bạn đem xe hủ lô đến chở nó về nhà. Đám con tôi lau nhau đề nghị nên sơn màu trắng. Vợ tôi nhất định không chịu, đòi phải đánh vẹc ni cho bóng láng. Nhất vợ nhì trời. Tôi đảm trách việc đánh vẹc ni không phàn nàn mặc dù trước kia chưa hề làm qua. Từ ngày bỏ nước ra đi, ai mà chả trở thành một tên bá nghệ bất ngờ?

Cái kệ cao nghều nghệu, chênh vênh. Vợ tôi nghĩ nên đóng đinh bốn góc vào tường cho chắc . Ý vợ là ý trời. Bây giờ nhìn cái kệ thật đẹp thật sang và vững vàng như ông hộ pháp nằm ngay giữa căn phòng chính, khó ai ngờ cách đó ít hôm nó là một vật người ta muốn vứt đi.

Sách chả có bao nhiêu để bày. Thời buổi mới đến định cư xứ lạ, tiền trợ cấp ít ỏi không cho phép tôi được xài hoang. Một nhóm bạn bè ở các tiểu bang khác có sách báo đọc xong gửi cho tôi. Tôi sốt sắng đón nhận tất cả, mặc dù đa số sách báo họ gửi đều rất cũ và có quá nhiều tác giả tôi chưa được biết.

Nhìn tôi lau bụi các cuốn sách và xếp ngay ngắn lên kệ, vợ tôi âu yếm choàng tay qua cổ tôi thì thầm *"Bây giờ có sách gì thì bày sách ấy. Mai kia sẽ bày sách của bố. Sợ không đủ chỗ để chứa đấy."* Nghe cảm động quá. Ngưng một chút cho cổ đỡ bớt nghẹn, tôi đủng đỉnh bảo nàng *"Vậy chú em định cho anh trở về với thơ văn sao?"* Nàng ngồi im không đáp. Rất thành thật tôi nói với nàng rằng cuộc sống mới có nhiều khó khăn phải vượt qua. *"Anh nghĩ anh phải đi làm hai ba nơi để cho em và các con có một cuộc sống tốt. Dính dáng với thú vui văn chương là một trong những xa xí anh không dám mơ tưởng tới."* Vợ tôi bỗng dưng òa khóc. Bù lu bù loa *"Em lấy anh vì em mê những gì anh*

viết, bây giờ anh không còn là người của năm xưa nữa ư?" Câu nói của vợ tôi nghe như dao cắt ruột. Tôi đứng dậy vờ uống ly nước để dấu giọt nước mắt vừa mới ứa . Một đàn con dại. Một người vợ yếu. Tôi có quyền mài miệt ngồi một chỗ đam mê viết lách để vợ con phải lam lũ vật lộn với cuộc sống không?

2

Tôi đứng nhìn kệ sách trong nhà xe.

Năm năm trôi qua, kệ sách cũng đã đầy. Những tác phẩm sách báo của rất nhiều tác giả, đa số đều là bằng hữu của tôi, từ bốn phương trời đã gửi đến cho tôi. Tôi trân trọng xếp chúng có lớp lang đàng hoàng. Vợ tôi đôi lúc dỗi hờn vô cớ. Một hôm không dằn được nàng nói *"Các tác phẩm cũ của anh, mình in lại nhé."* Tôi ôm đầu nàng, cười vang *"In làm gì những của nợ đó. Em là nàng Thơ của anh rồi, anh dại gì đi tìm nàng Thơ ở đâu đâu."* Nàng lại cho là tôi nói đùa, không bằng lòng. Tối đó nàng bỏ cơm.

Ba tháng sau trên tầng đầu của kệ sách xuất hiện bốn tập thơ lạ. Tôi lấy xuống xem. Bàng hoàng. Hai tay run rẩy. Tim đập mạnh. Rõ ràng là những tập thơ cũ của ba chục năm trước với tên tôi trên đó. Vẫn là những hình bóng cũ, nhưng màu sắc của trang bìa tân kỳ hơn, và chữ in bên trong rõ nét và đẹp hơn. Miệng tôi chợt khô ran, và trong tôi dậy lên những xúc cảm lẫn lộn. Vừa vui vừa hứng khởi vừa lo ngại. Tự hỏi sách đang thấy có thực không? Tự hỏi tâm mình có loạn, mắt mình có hoa không? Tôi ôm chặt mấy cuốn sách vào lòng, như sợ chúng mất biến đi...

Buổi tối sau khi các con đi ngủ, tôi giả vờ ngồi đọc báo bên kệ sách. Định bụng chờ vợ đi ngủ sẽ xem xét lại coi bốn cuốn thơ lạ còn đó không. Vợ tôi lại sà tới ngồi bên cạnh nũng nịu *"Ai đọc báo kiểu gì mà cả giờ rồi vẫn còn ở trang nhất." Tôi cười giả lả "Hôm nay đi làm mệt quá em, anh cầm báo mà ngủ gật, có đọc được gì đâu."* Vợ tôi cười to *"Thiệt không đó ông xã?"* Tôi cảm thấy nhột nhạt, đành thú thật với vợ về sự có mặt kỳ bí của mấy cuốn thơ trên kệ tủ. Vợ tôi làm mặt nghiêm một lúc, rồi như tội nghiệp tôi, nàng thầm thì như mọi khi *"Em in cho bố đó! quà sinh nhật bố năm mươi lăm tuổi."* Tôi không thể nào cầm được nước mắt.

Run giọng hỏi *"Tiền đâu có mà in lắm thế."* Nàng không trả lời. Về sau tôi biết được tiền in thơ là do nàng đã chắt bóp dành dụm lâu nay để thực hiện giấc mơ thầm kín của tôi.

Việc tự in mấy tập thơ làm quà của vợ làm tôi nhận thấy con đường trở về với bút mực ở ngay tầm tay. Tôi phải nắm lấy cơ hội. Tôi không nên lờ đi ý muốn của vợ tôi. Có được người như nàng là một phước lớn cho kẻ cầm bút như tôi.

Vui thú với chữ nghĩa có thể coi như một nhu cầu cần có đối với tôi. Sở dĩ bao năm qua tôi tạm gác cái đam mê của thuở thiếu thời qua một bên, vì miếng cơm manh áo cho gia đình vẫn là điều tối cần. Nhiều lúc trong những khi ngồi giải lao nơi sở làm, tôi có lấy bút giấy ra viết một cách say mê để được viết, rồi sau đó bỏ lăn bỏ lóc quên đi.

Vợ tôi gom góp những bài thơ bài văn của tôi như một tín đồ sùng đạo. Nàng không se sua nữ trang quần áo với bạn bè, không đi du lịch đây đó, không cờ bạc. Mỗi tuần nàng kiếm thêm việc làm phụ trội để mỗi năm in cho chồng dăm ba cuốn sách.

Kệ sách càng lúc càng đầy hơn. Với số lượng sách in của gia chủ mỗi ngày mỗi tăng, kệ sách của tôi không còn chỗ cho bằng hữu nữa. Để không bị mang tiếng có mới nới cũ, vợ tôi quyết định mua một cái mới dành cho sách của những tác giả khác.

3

Tôi đứng nhìn kệ sách trong nhà xe.

Những lúc tôi ngồi vào bàn viết, hồn nhập hội theo bút và lòng sống hoàn toàn với các nhân vật trong truyện sắp viết, vợ tôi hay khe khẽ đến đặt ít cái khăn tay thơm ướt trên bàn gần đó. Một bình nước trong. Một đĩa bánh ngọt, hay vài cái kẹo vừng tôi thích. Lắm lúc nàng lại xê dịch cái quạt máy quay cho đúng chỗ hay thắp thêm ngọn đèn cho đủ sáng. Lúc nào làm gì nàng cũng làm rất khẽ, như sợ tôi động tâm mất hứng viết.

Những lúc tôi ngả người trên chiếc ghế bành hiệu *Lazy Boy* nằm duyệt lại bản thảo, vợ tôi hay kéo ghế ngồi bên cạnh yêu thương lấy tay xoa bóp hai bả vai tôi. Hay nàng ngồi bệt xuống thảm nắn mấy sợi gân cốt nơi bàn chân của chồng. Đôi khi nàng ghen vu vơ với một nhân vật nào đó trong truyện. Tôi luôn luôn cười với nàng "Ghen gì! nhân vật tuyệt vời nào trong truyện cũng mang dáng dấp của em..." Người đàn bà khóc vì nàng biết tôi đã nói thật. Đúng thế, vợ tôi biến hóa thành nhiều người trong những tác phẩm của tôi. Dù nhân vật chính của câu truyện bắt đầu có là

một kẻ xấu xa đốn hèn hay một người vô tích sự đi nữa, thì khi kết thúc, tôi luôn luôn uốn nắn xoay sở làm sao cho nhân vật đó trở thành một người lòng tràn đầy nhân ái và tận tụy. Đó chẳng phải là hình ảnh của vợ tôi sao ?

Những lúc đêm khuya cùng nhau bàn bạc về một mẫu hình bìa cho một cuốn sách mới, vợ tôi thường nấu chè đãi tôi. Chè hạt sen nấu âm ỉ với đường phèn có vị ngọt rất thanh. Nấu xong nàng hay để vào tủ đá vài giờ nên khi húp vào miệng, nước chè mát lịm gây cho lưỡi tôi một cảm giác ngây ngất, và hạt sen tan trong miệng lúc nào không biết. Trong câu chuyện với cô em gái, tôi ví von tình yêu của vợ tôi dành cho tôi y hệt chè hạt sen nấu đường phèn. Vị ngọt ngào mềm như lụa dần dà thấm trong tôi. Và từ đó Thơ tuôn như giòng suối mật. Cô em gái cười ngất "Tưởng như anh mê say văn chương thi phú, nhưng kỳ thật anh đã dùng văn chương để thần thánh hóa vợ." Tôi khựng người lại, chới với nhận ra là cô em nói đúng.

Những lúc sách được in về, vợ chồng vui mừng tái tê. Một tác phẩm mới ra đời tất nhiên mang đến cho tôi niềm tự hào đã hoàn tất được một việc đáng kể, nhưng đồng thời cũng cho chúng tôi thêm một âu lo về số phận vô định của nó.

Dần dà cái kệ tủ chật cứng, và đâu đâu trong nhà cũng thấy sách chất ứ. Nhà xe đầy ắp những thùng giấy má của tôi. Sách tôi đã viết không tiêu thụ được trong xã hội quần chúng nơi đất nước tôi định cư, vì chúng được viết bằng tiếng mẹ đẻ. Quá đắt đỏ nếu tôi thuê người dịch ra tiếng nước khác, và khả năng sinh ngữ của tôi chưa đủ để đảm trách được việc đó. Sách của tôi viết khó phổ biến rộng rãi, không bán được trong cộng đồng người cùng xứ sở tôi, vì đó không phải là một cái gì nóng sốt đòi hỏi họ cần phải có. Cuộc sống tha hương của những người di dân đã tạo ra nhiều nhà văn, trong khi số lượng độc giả càng ngày càng ít đi. Tác phẩm in ra được trao đổi giữa họ hơn là bán buôn. Thật tình lắm lúc tôi cảm thấy chán ngán và đau lòng nhắm

KHÁNH HÀ

TÌNH GIÀ

dường như có hẹn ngàn năm trước
anh gặp em là anh thương thầm
đường xa Đà-lạt về sông Hậu
bao lần anh lặn lội về thăm

em dẫn anh đi dạo khắp vườn
cam xoài mít ổi rộ mùi hương
mắt anh ấm áp như màu nắng
mới nhìn em cũng thấy thương thương

em cám ơn ông Tơ bà Nguyệt
cột chân ta bằng sợi chỉ hồng
nhiều cô bạn gái xinh như mộng
duyên cớ chi anh chẳng phải lòng

thư tình anh viết bao nhiêu bức
anh nói yêu em suốt cả đời
nước sông Hậu khi đầy khi cạn
tấm lòng anh không chút nào vơi

cám ơn anh giữ y lời hứa
mấy mươi năm non nước đổi dời
vai anh là chỗ cho em tựa
qua những mùa đông tuyết trắng trời

mỗi lần tết đến quê người lạ
thắp nén hương lòng nhớ tết xa
mỗi năm mừng thấy con khôn lớn
con lớn khôn trơ trọi tuổi già

tuổi già trơ trọi trong nhà vắng
còn vẳng đâu đây tiếng trẻ thơ
bước chân anh mỗi ngày một nặng
tay run run rủ xuống bất ngờ

đôi vai đó một đời em tựa
trái tim này rực rỡ cho em
trăm năm có phải là cơn mộng
tỉnh ra chưa tắt nắng ngoài thềm

hãy tựa vai em ngắm nắng chiều
tháng năm còn lại được bao nhiêu
đêm tóc bạc rụng thầm xuống gối
gom từng ngày kỷ niệm chắt chiu

tết này con trẻ không về được
tấm lòng gói trọn chút quà vui
uống chén trà thơm pha vị mặn
ta vẫn bên nhau, chớ ngậm ngùi.

mất lại khi đi ngang qua những đống sách bám đầy bụi của mình. Nhưng người vợ kia, khi nào nàng cũng giữ vững tinh thần. Thầm thì bên tai tôi nàng nói *"Bố ơi, đừng bỏ cuộc. Em lúc nào cũng mê say những gì anh viết..."*

4

Tôi đứng nhìn kệ sách trong nhà xe.

Bao nhiêu mùa Xuân Hạ Thu Đông trôi qua nhấp nháy. Hôm kỉa hôm kia hôm kìa tôi nghe bọn con khảo nhau trong nhà bếp. Đề tài luôn luôn là cái kệ sách cổ lổ sĩ nằm chình ình giữa phòng khách, và bà mẹ. Đứa con gái lớn than phiền rằng lúc này mẹ già quá, tánh tình khó chịu, hễ nói động tới cái kệ sách là mẹ giận hờn, bỏ cơm, nằm vạ, *"Chắc nên đưa mẹ vào viện dưỡng lão cho mọi người được khỏe."* Đứa con gái thứ hai băn khoăn *"Vậy mỗi đứa mình phải đóng góp bao nhiêu cho cái việc đó. Nhưng tại sai phải như vậy? Tiện nhất là lấy tiền an sinh của mẹ để trả những chi phí cho mẹ."*

Vợ tôi ngồi ở góc phòng, mắt nhắm nghiền, miệng nín thinh. Bà như người vừa câm vừa điếc. Tôi đứng bên cạnh, lấy tay vén những sợi tóc bạc loà xoà trước trán cho nàng. Tôi nói những lời thương yêu an ủi để làm vơi nỗi đau khổ của nàng, nhưng chắc chắn là nàng không nghe được. Vì vợ tôi vẫn ngồi yên như tượng.

Khi đứa con trai bắt đầu đề cập tới việc khuân kệ sách ra để ở nhà xe thì vợ tôi bỗng đứng lên rất dữ tợn *"Mẹ cấm tụi bây không được làm như vậy. Cấm! Cấm nghe chưa! Ngày nào tao còn sống thì không ai được đụng tới tủ sách. Tủ sách trước nay ở đâu phải ở nguyên đó."* Thằng con trả lời *"Mẹ làm gì dữ vậy? Những sách đó có giá trị gì! In ra cho cố, bán không ai thèm mua, để chật nhà chật cửa dẹp là vừa..."* Hắn nhấn mạnh ở những chữ sau. Cô con gái lớn ngắt lời *"David, không được nói vậy! Dù gì cũng là công sức của bố. Đó là những gì bố đã hoàn tất được."* David, thằng con trai đang mang giòng dõi họ tôi, đang có huyết thống của tôi trong cơ thể nó, đứa con trai tôi đã nuôi nấng với tất cả tình yêu thương và đặt bao nhiêu hy vọng vào, hắn đi tới đi lui múa tay trong không khí *"Xời! chị nói công sức của bố làm tui tức cười. Công sức để lại thành tiền thành bạc thì mới đáng là công sức. Còn đây, xin lỗi, chỉ là đống giấy lộn thôi."*

Đứa cháu nội trai của tôi thấy cha nó hùng hổ thì khóc ré lên. Mẹ nó dỗ mãi mới nín. Cô ta ôm con vào lòng nói lẫy *"Gớm, cái thằng oắt con này cùng phe bà nội hay sao ấy!"* Rồi cô ta châm dầu vào cho câu chuyện thêm phần bi đát *"Mấy chị nhớ hông, ông già thức đêm thức hôm viết bài, mẹ thì ăn không dám ăn, đi chơi không dám đi, bao nhiêu tiền của đem đi in sách làm gì không biết nữa! Những ngày ra mắt sách người ta đưa tiền mua sách mà như là bố thí."*

Nghe tới đây vợ tôi nấc lên, năn nỉ *"Tội tôi lắm các cô cậu ơi, đừng nói nữa. Xin tha cho tôi nhờ."* Tôi ngồi thộn một chỗ chỉ biết lắc đầu ngao ngán. Mà kể ra lũ con tôi nói cũng đúng. Mặc dù những nhận xét hay quan điểm của chúng thật dã man, nhưng đó rõ ràng là một sự thật trắng trợn không chối cãi được. Những tác phẩm của tôi chỉ có giá trị với vợ chồng chúng tôi thôi, bởi vì chúng liên hệ đến phần đời của chúng tôi. Chúng làm cho sự hiện hữu của chúng tôi vui tươi hơn, có ý nghĩa hơn trong những tháng năm vời vợi thương nhớ quê hương. Trong những tháng năm đau xót vì mất nước và mất bản thân. Trong những tháng năm lạc lõng giữa quê người mà nơi đây đang cần thời gian để hòa nhập nhịp nhàng những nền văn hóa dị biệt. Bạn bè hay những ai tham dự những buổi ra mắt sách là những người can đảm. Họ đến để cổ võ cho tôi, vì cả nể hơn là vì lòng hâm mộ tác giả. Họ vỗ tay cho tôi hay họ ca tụng tôi chỉ để hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ làm y như thế cho họ. Một ngày, khi tất cả các vì sao từ từ rụng hết, thì ai còn đây để ngợi ca những áng văn chương mà giòng người lưu vong thuộc thế hệ đầu tiên đã để lại?

Bọn nhỏ rời phòng. Bà vợ già yếu của tôi nằm yên trên chiếc ghế bành năm xưa tôi hay nằm duyệt bản thảo. Đến phiên tôi ngồi thụp xuống ôm chân vợ, nhẹ nhàng xoa bóp cho nàng. Không biết vợ tôi có cảm được không? Tôi thì thầm với nàng *"Lúc đầu anh đã bảo đừng in những của nợ mà mẹ chẳng chịu nghe!"* Tôi chắc là nàng chẳng nghe được lời tôi, nhưng trông kìa, đôi mắt người vợ dấu yêu long lanh hai ngấn lệ.

5

Tôi vẫn đứng nhìn kệ sách trong nhà xe.

Buổi sáng hôm đó trời mưa buồn như ri. Thằng con trai dìu vợ tôi ra chiếc xe Van. Gương mặt vợ tôi lạnh lùng đến khiếp sợ. Đôi mắt nàng sụp xuống, hai mép miệng giật lia lịa như đang giận ghê gớm mà không thèm nói. Đứa con dậu vừa cột dây buộc cháu nội của tôi vào chiếc ghế trẻ nít trong xe vừa nói với chồng *"Em đã cho hai chị biết địa chỉ của viện dưỡng lão rồi. Chắc chiều họ sẽ chở đồ đạc của*

mẹ vào."

Hừ! Tụi nhỏ thật tệ. Chúng đã trù tính đâu vào đó. Bà già đang bị đá ra khỏi nhà, và tôi thấy tội nghiệp cho vợ tôi biết bao. Từ nay nàng sẽ ở một nơi chốn mới với một nỗi lòng ê chề đắng cay.

Buổi chiều hôm đó trời mưa gió không ngớt. Đứa con dâu lui cui dọn dẹp nhà xe để dời kệ sách của tôi ra đây. Hai đứa con gái chở tất cả áo quần và những vật dụng cần thiết cho mẹ cũng đã trở về. Thằng David từ đâu cũng vừa về tới, đem theo một người bạn trẻ. Chúng nó cùng nhau nhích chiếc kệ từng bước một từ phòng chính ra nhà chứa xe. Tôi âm thầm đứng nhìn lòng đau như cắt.

Khi những cuốn sách bắt đầu được xếp lên kệ, đứa con gái lớn cầm cuốn thơ của tôi lên ngắm nghía một lúc rồi lẩm nhẩm *"Nghĩ cho cùng, ông bà già tội thiệt."* Rất nhanh, nó bỏ cuốn thơ vào trong túi xách kế đó. Lại nhặt cuốn khác lên ngắm nghía, rồi lại bỏ vào túi xách. Cô em thắc mắc *"Chị lấy chi vậy ? Đọc đâu có hiểu mà lấy? Con cái mình lớn lên cần chi đọc ba cái thứ sách này? Thế hệ của những người như bố mẹ qua đi rồi là hết."* Im lặng một giây. Tiếng cô chị bỗng dưng hạ giọng ngậm ngùi *"Lấy chứ, lấy để làm kỷ niệm, vì họ là bố mẹ. Không có họ, không có mình."* Rồi cô oà khóc lớn. Mấy đứa con khác ngơ ngác một lúc rồi cũng rơm rớm nước mắt khóc theo.

Cả ba đứa con tôi vừa xếp sách lên kệ vừa yên lặng khóc. Tại sao dám làm những chuyện tày trời rồi lại khóc nhỉ? A! nước mắt tống biệt, chắc vậy! Tuy nhiên khi nhìn những đứa con ruột thịt khóc tôi cũng thấy mủi lòng.

Người bạn của con trai tôi, thằng Joe, khoảng chừng ba mươi mấy, cầm lon bia nốc cạn một hơi, cất giọng *"Nè, khóc vậy đủ rồi."* Chỉ chỏ cái kệ sách hắn hỏi *"Chỉ có chừng này sách thôi hử?"* Cô con gái nhỏ đáp *"Đâu có, còn cả hơn trăm thùng chất ở trong nhà kho sau góc vườn kia nữa." Thằng Joe cười lớn, ba hoa chích choè "Ông cụ của các bạn chắc chắn là rất buồn khi thấy những gì mình làm không đi đến đâu. Nói thiệt nhe, nếu nhắm tác phẩm của mình có tầm vóc quốc tế thì nên in, chứ nếu những gì mình viết chỉ để xả buồn có tính cách cá nhân không đem tiền bạc lợi lộc gì hết, thì viết xong đăng báo cho vui, rồi quên luôn. Nếu giỏi, lượng sức làm được chuyện đội đá vá trời thì nên làm. Bằng không tất cả chỉ nên xem như một cuộc vui giai đoạn, chờ ngày đi vào vĩnh cửu." Hắn ngước cái mặt lên khoái chí với những gì mình vừa nói, rồi tiếp tục "Bày đặt in chi cho tốn tiền tốn bạc, bây giờ mất công con cái đem đi đổ."*

Trời ! lời nói chi sỗ sàng. Tôi thảng thốt vì cái ý nghĩ vừa tàn bạo vừa rất đúng của thằng Joe. Phải, những người bỏ nước ra đi đến đây họ là những kẻ thua cuộc, bất kể vì lý do gì. Quê hương cũ dứt điểm xóa tên tuổi họ. Quê hương mới rễ bén còn non. Đa số những đề tài trong văn chương hải ngoại xoay quanh những hoài hương ngậm ngùi. Những tình ái cá nhân. Những hồi ký tự đề phong xưng tụng mình anh hùng, hay cố gắng đưa ra một số lý do bào chữa biện minh sự ra đi bỏ cố hương của mình. U hoài thương tiếc quá khứ. Ưu tư thấp thỏm cho một ngày mai chưa biết đi về đâu. Cũng có một số sách viết về khoa học, hay khảo luận nhưng số người đọc rất hiếm hoi và chọn lọc. Thế hệ những người di dân đầu tiên là những người tiên phong, họ hy sinh và cực khổ nuôi các con. Thế hệ thứ hai lăn xả vào xã hội mới, học hành thật giỏi. Đa số thành công đem về cho gia đình những mảnh bằng làm rạng ngời bức tường vôi, nhưng đồng thời cũng đem về nhà những lời nói, cách cư xử làm đau lòng cha mẹ.

Tôi thở dài *"Thôi bố hiểu rồi. Bố tha cho các con đó."* Tôi quay lưng lầm lũi bỏ đi trong mưa gió...

Thỉnh thoảng tôi vẫn về đứng nhìn kệ sách trong nhà xe để nhớ lại cái đam mê ngày xưa. Đứng đó trầm tư. Có một ràng buộc luyến lưu nào đó làm tôi đi không đành.

6

Trời vẫn còn tinh sương. Mặt đất bốc hơi trắng xoá trên một bãi rộng mênh mông. Thỉnh thoảng có một vài chiếc xe thùng, xe vận tải chở đầy nhóc rác rến tấp một nơi nào đó đã được chỉ định. Người tài xế nhảy xuống hoặc một mình hoặc với một hai người phụ, họ vội vàng cầm xuổng cầm chổi tống rác xuống bãi. Mùi hôi thối xông lên nồng nặc, và những làn khói mỏng là là trên mặt đất kia do rác rến thối rữa lên men bốc hơi.

Tôi đứng đây từ chạng vạng tối hôm qua. Thằng con trai tôi cùng bạn nó chất đầy chiếc xe thùng, thuê của hãng U-Haul, tất cả những sách vở báo chí tài liệu tôi đã gom góp dành dụm từ ngày tôi đặt chân đến đất mới. Thơ, Văn, biên khảo, luận cứu do tôi nặn óc ra viết ngót nghét hơn sáu chục cuốn. Ngoài ra còn hơn chục xấp bản thảo chưa in. Tất cả là những lao lực tôi đã đổ vào suốt một đời.

Các con đã an trí bà vợ tôi tại viện dưỡng lão rồi. Việc tống khứ tất cả xe sách này mà chúng coi như RÁC RẾN, là một điều tất nhiên. Chiếc kệ sách tôi đánh vẹc ni ngày nào đã được bửa ra thành nhiều mảnh nhỏ. Những thanh gỗ theo nhau bay xuống vực sâu. Nhìn chiếc kệ sách lúc tàn đời, một thời nào nó đã từng là người bạn thiết của tôi, lòng tôi như muốn vỡ ra.

Tiếp đến là những xấp giấy rời. Mỗi khi bàn tay của hai người thanh niên vung lên là những trang giấy chi chít chữ bay tung như những lá truyền đơn, hay thơ mộng hơn, chúng giống như những cánh bướm trắng mùa Xuân. Chất lãng mạn trong tôi vẫn còn dù trong giây phút đớn đau. Hình ảnh ngàn vạn mảnh giấy bay lượn trong ánh chiều tà, trong giờ hoàng hôn trên bãi vắng mông mênh ít người, thật tuyệt vời. Trong sự Chết vẫn có sự Sống, dù mong manh.

Cuối cùng David đứng trên xe, dùng sức mạnh đá hơn trăm thùng sách xuống vực. Giữa lưng chừng trời thùng giấy cạc tông vỡ toang và sách, cuốn này nối cuốn kia tuôn ra như suối. Trong chuỗi ánh sáng màu tím cam của hoàng hôn đang lịm chết, suối sách chảy giòng thần thoại tuyệt luân. Suối sách! Suối sách! Trái tim tôi như tan thành nước, linh hồn tôi say ngất chao đảo. Chơi vơi. Ngã nghiêng. Hụt hẫng...

Hơn trăm thùng sách trong một thời gian kỷ lục đã được đổ xuống hố đất. Chiếc xe lại rú lên, nhả khói đặc sệt, ồn ào phóng nhanh như đưa con tôi chạy trốn.

Tôi thủng thẳng bước lại chỗ chiếc xe đậu lúc nãy. Một số sách của tôi rơi rải rác đây đó. Tôi cúi xuống nhặt một cuốn. Gió đêm hiu hiu lật giúp tôi từng trang. Dưới ánh sáng xanh xao huyền hoặc của đêm trăng lưỡi liềm, tôi miên man đọc những sáng tác xưa. Lờ mờ đây đó, bóng đen những chiếc xe ủi đất nằm yên lặng nghe tôi ngâm nga những lời thơ sầu thảm...

7

Ban ngày bãi rác rất ồn ào. Sinh hoạt thật náo động. Từng đoàn xe tải từ trong thành phố liên tục nối đuôi nhau đến đây để tống xuất đồ xú uế. Mùi hôi khét cả mũi. Hàng chục chiếc xe to lớn dềnh dàng màu vàng sẫm trang bị những cần xúc chạy lui chạy tới trên những đống rác vừa mới được ai đó đổ xuống. Xúc bên này đổ bên kia. Những chiếc xe tăng khổng lồ, vàng khè, nặng nhọc chạy nghiến lên muôn triệu rác rưởi. Nào sắt nào kẽm nào gỗ nào cây nào bàn ghế nào tường vôi nào áo quần. Mắt tôi chóa lên trước sự hủy diệt. Mỗi ngày, cùng với những chất dơ dáy, những gì cũ nát lỗi thời và phế thải đều được đưa về đây. Cùng trong một không gian, tôi nhìn thấy Hiện Tại, Quá Khứ và Tương Lai. Tôi nhìn thấy sự Sống và sự Chết lẫn lộn vào nhau, xoay vần trong nhau và dựa vào nhau để rồi tan biến trong nhau.

Ánh tà dương trở về chiếu những tia vàng vọt thương đau. Hàng ngàn cánh chim mầu trắng bạc đập cánh la đà bay trên cánh đồng rác. Tôi dõi mắt theo nhìn con dã thú bằng sắt Bulldozer đang trườn tới chỗ sách của tôi được đổ đêm qua. Nó dang đôi cánh tay dài ngoẵn ra. Hai bàn tay, to như hai cái chậu, đầy móng vuốt, phụp xuống tàn bạo trên đống sách. Hốt một mẻ sách lớn rồi hất tất cả sang một bên. Phụp xuống một lần nữa sâu hơn để hốt mẻ khác, rồi lại hất lên đám trước. Cứ như thế cho đến khi hai bàn tay nỉa sắt thọc xuống đám rác cũ rữa thối. Mỗi lần con dã thú xong trò chơi xới trộn, xê mình đi chỗ khác là hàng ngàn con chim đói ăn lại sà xuống mổ mồi lia lịa. Đám rác cũ được xới lên đầy nhúc những dòi bọ bò lổm ngổm trên những vần thơ mỹ miều của tôi, trên những dòng văn óng mượt, trên xương máu tim óc mồ hôi của một đời tôi nhọc nhằn...

Thình lình có những luồng sóng tràn tới vây xoáy lấy tôi, càng lúc càng gần càng mạnh và nóng như thiêu. Tôi nghe một điệp khúc kỳ quái *"Tái tạo. Tái tạo. Tái tạo..." Điệp khúc này càng lúc càng dồn dập, thôi thúc.*

Trong bức bách tôi vẫn cưỡng lại. Ai đó vỗ nhẹ vào vai tôi . Một giọng nói rất mơ hồ rót vào tai *"Xác thân anh đã rữa thối từ lâu rồi. Đi thôi."*

Tôi nói "Không đi. Trái tim tôi còn nằm kia. Những công trình của tôi. Những nhọc nhằn của tôi. Không, tôi không thể bỏ đi được."

Tiếng nói như gió thoảng lại lọt vào tai *"Cái tôi mà anh nói đã hết rồi. Anh đã nhiều lần về nơi nhà xe, bám víu vào những gì anh tự cho là những hoàn tất tuyệt tác. Cuộc chơi đã tan. Màn đã hạ, và công việc tẩy uế đang tiến hành. Cũ sẽ thành mới, mới sẽ trở về với cũ, cứ như thế mãi. ...Những gì để lại không thuộc về bất cứ ai..."*●

Viết xong ngày 01 tháng Hai, 2001
lúc 12:26 am

CỐ ĐÔ CỦA NƯỚC NGA

PHẠM XUÂN ĐÀI

(Tiếp theo loạt bài Đến Với Nước Nga)

Chuyến tàu đêm từ Moscow đến St Petersburg lúc tám giờ sáng. Thật là vừa vặn cho một đêm đi couchette: ngủ một giấc đầy đủ, sáng dậy có thì giờ làm vệ sinh, rồi điểm tâm, cà phê cà pháo xong xuôi là tàu vừa tới ga. Ra khỏi cửa ga, chúng tôi đụng đầu ngay với một dãy dài những người bán hàng: họ đứng trên sân ga rộng, đối diện với cửa ra, rất trật tự theo một hình vòng cung, mỗi người cầm trên tay món hàng chào khách, như áo quần, khăn choàng, vải vóc... Tôi đi thong thả trước hàng dàn chào ấy như đi duyệt hàng quân danh dự đón tôi đến thành phố này, giữa người bán và người xem đều có nỗi phấn chấn vui vẻ của buổi sớm mai, trao nhau những nụ cười dễ chịu, dù ngôn ngữ chẳng hiểu nhau.

Anh Cần có người con gái út ở thành phố này, từ mấy hôm trước anh đã gọi điện thoại cho con nhờ giữ hộ phòng nơi một cái khách sạn gần nhà, vì thế từ ga chúng tôi kêu tắc xi về thẳng nhà Hằng. Đường phố cũ kỹ, nhiều nơi còn có cả ổ gà đọng từng vũng nước mưa từ đêm trước. Người tài xế tắc xi già, giống như đường sá ở đây, vừa lái xe vừa than vãn về nỗi nhọc mệt phải lao động ở cái tuổi đáng lẽ phải được nghỉ ngơi. "Thời buổi đảo lộn hết, đã về hưu rồi mà không tiếp tục cày thì không biết lấy gì mà sống..." Đây là một người đang gặp khó khăn và bất mãn với các thay đổi của đất nước Nga. Nhưng khi anh Cần hỏi ông có mơ ước trở lại chế độ cộng sản không, thì ông ta trả lời ngay: "Không, không bao giờ." Tuy phải cực khổ trong cơn giao thời nhưng có lẽ ông ta cảm thấy cái tự do mà ông ta đang hưởng là cái "được" quá lớn lao trước kia ông không thể nào mơ tới.

Mấy con đường ổ gà đã khiến tôi liên tưởng đến sự kiện thành phố này là một cố đô, thường là một nơi bị quên lãng. Tiếng *cố đô* tạo một cảm giác buồn buồn. Một thời vàng son đã qua, thành quách và con người sống với cái bóng của dĩ vãng nhiều hơn là sự rực rỡ của hiện tại và hứa hẹn về tương lai. Từ một điểm cao nhìn xuống, cố đô Saint Petersburg với con sông Neva chảy qua trông phảng phất như kinh thành Huế. Dĩ nhiên đó chỉ là một cái nhìn rất tổng quát, từ xa, các chi tiết mờ nhạt đủ để làm niềm vương vấn cũ phủ lên cây cối, nhà cửa, sông nước... đủ để gợi nên cái khí vị chung của đất đế đô xưa, dù ở tại những nơi khác nhau trên thế giới.

Huế của chúng ta từ lâu cũng là cố đô, nhưng trước 1975 vẫn là một thành phố có sức sống và nhất là luôn luôn giữ được cái phong cách quý phái của mình. Cả thành phố, nhà giàu cũng như nhà nghèo, đều có một vẻ sạch sẽ phong quang, cả con sông, hàng cây, cái cầu cho đến đồi núi đều tươm tất trong một hài hòa mỹ thuật. Huế đẹp và thơ là nhờ tâm hồn và cách sống tĩnh tại của người dân tại đấy, đã được đào luyện trong nếp sống vương giả một cách thanh đạm trong khoảng một trăm năm mươi năm nơi đây chính thức là kinh đô cho cả nước. Nhưng khi tôi trở lại Huế vào năm 1989 trong một hình hài tơi tả sau mười mấy năm tù đày thì ngạc nhiên thấy Huế còn tơi tả hơn cả tôi. Một thành phố rách rưới, xuống cấp, bạc nhược, một nơi xinh đẹp nề nếp ở một trình độ cao là thế mà nay trở thành quê không ra quê, tỉnh không ra tỉnh. Một thứ văn hóa thấp kém, ô trược từ bên kia bờ Bến Hải tràn vào đã thay thế vẻ thanh tao thuở xưa. Buổi chiều nắng chang chang tôi ngao ngán nhìn mấy con bò đang gặm cỏ trên những bãi cỏ nay đã xơ xác tiêu điều đầy phân trâu bò bên bờ sông Hương chỗ gần cầu Tràng Tiền, thấy thấm thía cái tai hại của công việc phá hoại trong một bản năng u tối. Bất cứ điểm

văn minh nào con người xây dựng được - cho dù rất cỏn con như tạo một vườn cỏ xanh tươi cắt xén ngay ngắn bên bờ sông - cũng phải qua một quá trình dài trưởng thành để vươn đến cái hoàn bị, sự sống lành mạnh của mỗi thế hệ không gì khác hơn là cố giữ vững những thành tựu cũ để xây dựng nên những cái mới. Tạo ra một mớ ảo tưởng về một cái mới bánh vẽ để phá hoại không nương tay những thành tựu cũ chính là việc tự sát văn hóa, mà Huế cuối thập niên 80 đã phơi bày dưới mắt tôi như một nạn nhân thảm thương.

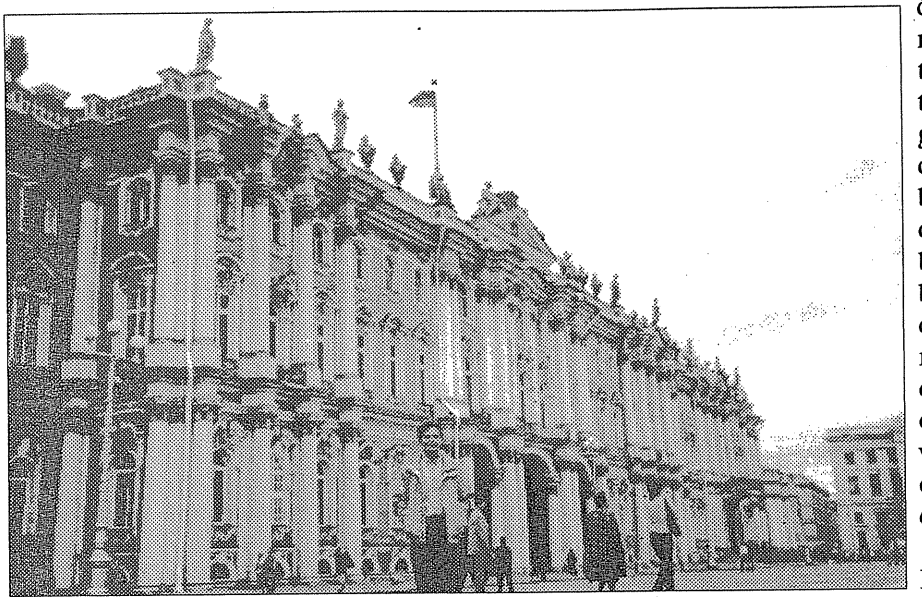

Cung điện mùa Đông

Từ việc thăm cố đô này mà lại nhớ đến cố đô kia. Đó chỉ là một chút lãng mạn do lòng hoài cựu. Dù sao cố đô Saint Petersburg cũng đã một thời đổi thành tên Leningrad, và sự thôi thúc của một đời sống thay đổi toàn diện cũng đã tạo cho thành phố này một nội dung khác, ít ra cũng tích cực hơn là một chốn cố đô hắt hiu những vang bóng một thời. Từ bao thập niên Leningrade vẫn là thành phố thứ nhì của Liên Bang Xô Viết sau Moscow. Ga xe lửa rộn rịp, mạng xe điện ngầm tối tân tấp nập, phố xá tràn ngập người vẫn là dấu hiệu của một đời sống tích cực, bên cạnh các đền đài xưa cũ lúc nào cũng đông khách đến thăm. Về điểm cái cũ và cái mới cùng tồn tại cạnh nhau, Saint Petersburg phần nào giống Paris. Có sự tương đồng trong kiến trúc, trong nghệ thuật, nhưng nếu những lâu đài và dấu tích lịch sử của Paris đã được giữ gìn và bảo trì liên tục suốt lịch sử của nó để trình diện khách thập phương trong một niềm hãnh diện bình thường như nó vẫn có từ hồi nào đến giờ thì tại đây, St Petersburg, có nhiều dấu hiệu ngỡ ngàng của tình trạng mới được phục chế. Phục chế con người, phục chế ý thức về văn hóa, phục chế chính các cơ sở kiến trúc quý giá đã một thời gian dài bị bỏ bê khi rẻ. Bắt đầu làm lại một nếp sinh hoạt truyền thống cũ thì sao khỏi sự gượng gạo, nhưng đó là điều bắt buộc để học lại cách sống đời bình thường sau bảy mươi năm dân tộc này bị dắt rẽ đi vào một lối đi khác với con đường nhân loại vẫn đi từ khi nó có mặt trên dương gian.

Nga hoàng Peter Đại đế đã xây dựng St Petersburg vào năm 1703, đến năm 1712 thành phố này chính thức trở thành kinh đô của nước Nga và giữ vị trí đầu não ấy mãi đến khi cuộc cách mạng vô sản thành công. Những người cộng sản thiên đô về Mạc Tư Khoa từ năm 1918, và đổi luôn tên St Petersburg thành Leningrade - thành phố mang tên Lenin, lãnh tụ cộng sản Nga thời bấy giờ. Nếu ngôi sao trên tháp Rùa Hà Nội một thời đã là bản sao một cách nghèo nàn tội nghiệp các ngôi sao trên đỉnh tháp tại công trường Đỏ, thì sự đổi tên Sài Gòn ra thành phố Hồ Chí Minh lại là một kiểu nhái theo đàn anh một cách chẳng ngượng ngùng của cộng sản Việt Nam, những người tự cho mình là học trò trung thành và xuất sắc của cộng sản Nga. Nhưng khi cái đầu não tạo ra tinh thần nô lệ ấy đã bị đập nát tại chính quốc, thì cái tên cũ Saint Petersburg đã ngay lập tức được phục hồi để thay thế tên Leningrade, biểu tượng cho sự lầm lẫn điên rồ gớm ghiếc nhất của nhân loại trong thế kỷ 20. Trong khi đó thì tại Việt Nam khuynh hướng chung trong dân chúng thích dùng tên cũ Sài Gòn hơn là tên mới, và thảng hoặc nếu có dùng thì người ta tự động lượt bỏ bớt phần

sau, chỉ gọi gọn lỏn là "thành phố" thôi, nên tuy đó là "thành phố mang tên bác" nhưng tên bác chỉ được hiểu ngầm.

St Petersburg là một thành phố đẹp mang nhiều nét cổ kính hùng tráng. Trải hơn hai trăm năm là kinh đô của vương triều một đế quốc Nga hùng mạnh, thành phố này mang trong nó nét huy hoàng và lớn lao riêng biệt. Con sông Neva chảy qua chứa đầy sức sống chứ không hiền dịu ẻo lả như sông Hương. Sông rộng, nước đầy ắp soi bóng những đền đài cung điện hai bên bờ. Sống ở miền Nam California bán sa mạc không có sông, tất cả nguồn nước sinh hoạt, kể cả để tưới cây - trong vườn, trong công viên hay những loại "cây dại" ven các xa lộ - đều dùng nguồn nước dẫn từ xa về, tôi vẫn luôn luôn mang một cảm giác "cằn cỗi" nơi chính mình và nơi sinh môi quanh mình. Một lần đi Washington DC, nhắm nhìn sông nước và nhất là cây cối bên đó, khi quay về miền Little Saigon của tôi, ngay khi chưa chạm mặt đất tôi đã cảm thấy chạm với sự khô cằn rồi. Đâu phải là vùng này thiếu cây cối, công viên đầy cây, ven đường đầy cây, nhưng khi đã ngắm nhìn những tàn cây xanh mướt lá ánh lên sự óng ả của vùng đất thủ đô rồi thì cây ở Quận Cam chỉ như "vạt tóc nâu khô" xơ xác so với mái tóc dày, mịn, mềm mại và sáng rực sức sống của vùng miền đông kia. Nên khi đối diện với con sông Neva mênh mông đầy ắp nước đang thong thả tuôn ra biển Baltic cách đó không xa, lòng tôi nổi lên một nỗi rạo rực mê đắm như bắt gặp nguồn cội của sự tràn đầy, thênh thang. Tôi không hiểu gì về khoa phong thủy, nhưng khi đã đi qua những nơi như thành phố Hoa Thịnh Đốn hay St Petersburg thì cảm thấy được vì sao người ta chọn những nơi ấy để làm kinh đô cho những nước lớn như Hoa Kỳ hay Nga. Ngoài yếu tố vị trí và lịch sử, đó phải là nơi mà đất và nước tương tác nâng đỡ nhau để làm một tổng thể hài hòa phì nhiêu tươi nhuận. Kinh đô một nước phải là nơi đủ tiềm năng để đại diện và cưu mang linh hồn lẫn thể xác của quốc gia dân tộc đó, một điều khó lý giải một cách rõ ràng, chỉ có thể cảm nhận qua sự độ lượng, vững vàng và phong phú của đất và nước một vùng. Một nơi như Hollywood - cũng ở vùng Nam California - chỉ có thể làm *kinh đô điện ảnh*, một loại kỹ nghệ sản xuất tổng hợp giữa kỹ thuật và nghệ thuật, chứ chắc không ai nghĩ vùng đồi trọc thiếu nước ấy lại có thể là thủ đô của nước Mỹ được.

Cung Điện Mùa Đông nằm trên hữu ngạn sông Neva, nay là viện bảo tàng nghệ thuật nổi tiếng Hermitage. Thực ra Hermitage đã có mặt tại đây từ năm 1764 do nữ hoàng Catherine sáng lập như là một phòng sưu tập tranh riêng của mình, chỉ chiếm một phần nhỏ của cung điện. Dưới triều vua Nicolas I, Hermitage được tái thiết và mở rộng, biến thành một bảo tàng dành cho công chúng, vào năm 1852. Nhưng từ sau năm 1917, cả Cung Điện Mùa Đông trở thành bảo tàng, sau khi quân Bôn-sê-vích xông vào bắt tất cả thành phần chính phủ Nga hoàng đang làm việc tại đấy.

Đây là một loại bảo tàng nghệ thuật vào loại rất lớn, chiếm hầu hết các phòng của cung điện. Tính chất vương giả của kiến trúc triều đình xưa còn lưu lại rất rõ nét trên từng cái phù điêu, trên những cái cầu thang lên lầu uốn cong một cách tráng lệ, và phòng ốc cao vút, thênh thang. Ở đây trưng bày rất nhiều danh họa của Tây Âu từ thời Trung cổ cho đến hiện đại, về điểm này thì Hermitage ở St Petersburg cũng không khác gì mấy với Louvre ở Paris. Nhưng các tác giả Nga cũng nhiều, và đặc biệt có cả mảng nghệ thuật của vùng Trung Á mà chúng ta ít khi được thấy ở những nơi khác.

Nhưng những tác phẩm bằng đá của Nga mới là cái thực sự làm cho tôi kinh ngạc và xúc động. Những công trình và nghệ phẩm bằng đá của Nga rất nhiều, hoặc lớn lao hoành tráng, hoặc tinh xảo lạ lùng, với các màu sắc đẹp chưa từng thấy. Trước đây tôi chưa bao giờ nghĩ là trong thiên nhiên có chế tạo sẵn các loại màu sắc đẹp lạ như vậy, và đá lại có thể là một tặng phẩm đầy tình tứ đến thế của tạo hóa trao cho con người. Tôi biết chắc ngôn ngữ của tôi không đủ sức để mô tả các màu sắc trên các loại đá ở Nga, chỉ biết tán thán là nó phong phú và rực rỡ như từ một thế giới thần thoại bước vào thế giới loài người. Màu sắc được lai tạo của hoa tulip bên Hòa Lan đã là lạ, có thể coi là kỳ quan cho nhãn giới của con người, nhưng đó là loại màu sắc phô diễn, trong khi tiếng nói màu sắc của đá thì vừa rực rỡ vừa thâm trầm hùng tráng. Trong cuộc tiến hóa hàng triệu triệu năm của quả đất, sự pha chế nên những khối đá và màu sắc của chúng có lẽ đã diễn ra âm thầm và đầy tình cờ, thiên niên kỷ này thêm chất A, trăm ngàn năm khác do một đột biến nào đó lại có chất B trộn vào, rồi nhiệt độ khi lên khi xuống khiến cho hình

thù và sắc màu trở nên thiên biến vạn hóa. Nhưng tất cả muôn ngàn biến hóa đó đều diễn ra trong câm lặng và tối tăm, trong một nguyên khối im lìm ôm chặt. Chỉ khi có bàn tay của con người nhúng vào thì hình dáng và màu sắc mới mở ra. Giống như lịch sử của trái đất hay vũ trụ này: không có sự hiện diện của con người thì đâu có gì? Không Thượng Đế, không Ngọc Hoàng, không Thiên Tào Bắc Đẩu, không thiện không ác, không cả thế giới hữu hình lẫn vô hình... tất cả đều xuất hiện với con người và đều là sản phẩm của con người. Chưa có con người với nhân tính dần dần thành hình qua một quá trình rất dài thì tất cả đều là mù tối, giống như muôn màu sắc tuyệt diệu nằm im lìm hàng triệu năm giữa lòng trái núi đá.

Nhưng mà người Nga đã mó vào đá, và đã hóa phép ra vô số kỳ công. Sao đất nước này lại có lắm cái thứ tài nguyên đặc biệt này đến thế? Vừa cứng vừa nặng vừa kềnh càng, phải đổ bao nhiêu công sức ra mới thưởng thức được cái phẩm cách ẩn dấu khó khăn của nó. Bạn có đứng bên cạnh cây cột đá cao vút nguyên khối trong sân sau của Cung Điện Mùa Đông bạn mới bàng hoàng tự hỏi làm sao "cắt" nguyên một khối đá to lớn như thế từ trong núi, rồi gọt đẽo, rồi vận chuyển qua bao đường bộ đường sông để đem về đây nguyên vẹn dựng lên đứng sừng sững như muốn nhờ khối đá nói hộ cho một loại ý chí của con người. Bạn có đối diện với những vách ốp đủ loại đá màu sắc hài hòa, những bình, những vại, mâm bồng với đường kính từ một đến hai ba mét bằng đá khổng tước, bích ngọc, lam ngọc, hoàng ngọc... những bức khảm đá, những cây cột đá mỗi cây một màu vây tròn lấy các tháp gác chuông... bạn sẽ có cảm giác không chỉ đối diện một bức tranh hài hòa với màu sắc hoàn toàn thiên nhiên, mà còn có cảm tưởng như đang nghe, vâng nghe rất rõ, một khúc giao hưởng vang lừng kỳ bí phát ra nơi từng phiến đá, những tiếng vi vu vang âm vẳng đến từ hàng triệu năm tồn tại. Đá là loại vật liệu nguyên chất xưa cũ nhất, chỉ đá mới có thể cho chúng ta nghe về quá khứ mịt mù thẳm sâu của quê hương quả đất này. Hãy lắng nghe, thì sẽ nghe được tiếng nói đó của một thứ quá khứ khó tưởng tượng được, nó dài hơn lịch sử của loài người nhiều, khi đứng chiêm nghiệm trước một khối đá đã được con người phả vào một linh hồn, và từ đó, một ngôn ngữ.

Chỉ sau khi đi thăm Hermitage và nhà thờ Saint Isaac tại đất cố đô này tôi mới có dịp khám phá ra một thế giới hoàn toàn mới lạ đối với tôi: đó là đá của người Nga. Phải nói rằng người Nga rất thích đá, dĩ nhiên là đá quý, nhất là tầng lớp quý tộc và trí thức thì hình như thật sự có nỗi đam mê cái đẹp vừa ẩn tàng, vừa hiển lộ này. Đây là cái đẹp đòi hỏi phải có sự tham dự tối đa của bàn tay con người, vừa phải có sức mạnh, sự khéo léo, và cả nghệ thuật nữa, mới làm bộc lộ ra được. Giống như triển lãm hoa, hằng năm có nhiều cuộc triển lãm đá ở Nga, thu hút rất đông người đến xem. Nước này có rất nhiều loại ngọc và đá quý, từ kim cương, hồng ngọc, bích ngọc, cương ngọc (corundum)... cho đến khổng tước thạch (malachi), mã não thạch (agat), lam bảo thạch (còn gọi lam ngọc - saphia) v.v... Những loại đá thông dụng như đá hoa cương (granit), cẩm thạch (marbre) v.v... đa dạng, đủ các màu sắc với các loại vân kỳ ảo thì nhiều vô số kể. Vùng núi Ural là nơi tập trung nhiều loại đá quý đủ loại, còn ở vùng Baltic thì hổ phách rất nhiều, thậm chí có khi sau một lần biển động, người ta ra bờ biển, nếu may mắn có thể nhặt những tảng, những hòn hổ phách do sóng đẩy vào bờ. Đi mua đồ kỷ niệm ở Nga, bạn nên lưu ý đến những vòng đeo cổ cho phụ nữ kết bằng đá, màu sắc và hình dáng phong phú một cách không ngờ, nhưng đó chỉ là những dạng thu nhỏ cái phong phú vô cùng mênh mông về đá quý của xứ này. Tôi nhớ trong Hermitage có một phòng trang trí toàn bằng đá Khổng tước (màu lông công), óng ánh, huyền ảo như có một bầy công đang phùng xòe đuôi và cánh rạ mà đón tiếp mình. Anh Cần kể cho tôi ở Hoàng Thôn, tức làng Vua (một địa điểm trong vùng phụ cận St Petersburg), trong một cung điện có một phòng Hổ phách (chắc là đá ốp và vật dụng trong phòng toàn bằng hổ phách) rất nổi tiếng, nổi tiếng đến nỗi quân phát xít Đức đã cướp nguyên cả phòng mang về Đức, nhưng rồi nó biến mất luôn, sau chiến tranh người Nga ra sức truy tầm mà không hề thấy dấu vết. Ngày nay, trong thời kỳ hậu cộng sản, chính quyền và dân chúng Nga đang cố gắng phục chế lại phòng hổ phách quốc bảo lộng lẫy này. Nhiều nhà kinh doanh Nga, và cả các cá nhân và tổ chức ở Đức cũng đã đóng tiền giúp cho công cuộc phục chế.

(Còn tiếp)

Ở BÃI ĐẬU XE

Truyện thật ngắn

TRẦN MỘNG TÚ

Lan gọi điện thoại cho chồng

"Anh à, em không muốn cho con bú mẹ đâu,bú bình tiện hơn."

Sơn đang ở sở làm, anh đang chúi mũi váo mấy cái thảo chương mới, anh nói không nghĩ ngợi.

"Tùy em, em là mẹ mà."

"Thế nhưng anh cũng đồng ý chứ?" Lan hỏi lại.

Lúc Lan hỏi gặng, Sơn mới nhớ ra là cả mấy tháng nay, anh cố thuyết phục Lan cho con bú mẹ. Hai vợ chồng đã đi học lớp "Hướng dẫn sanh sản." Họ được cắt nghĩa và khuyến khích về lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ. Lan sanh con so, cái kinh nghiệm làm mẹ chưa có. Cô chỉ sợ cho con bú sữa mẹ, sẽ làm hỏng bộ ngực xinh đẹp của mình, hơn nữa, em bé bú bình thì Sơn sẽ phụ được cô dễ hơn bú mẹ. Bà giáo ở lớp học cắt nghĩa cho cô là cho con bú mẹ, ngoài lợi ích của bổ dưỡng, còn giúp cho sự thương yêu gắn bó giữa mẹ và con. Lan cứ do dự mãi. Sơn nghe bác sĩ, cố thuyết phục vợ, cuối cùng thì Lan bằng lòng cho con bú mẹ. Không biết, hôm nay vì một lý do gì, mà Lan lại gọi điện thoại vào sở làm của chồng, thay đổi ý định đó. Sơn hỏi

"Em đã đồng ý tháng trước là sẽ cho con bú mẹ rồi. Sao lại đổi ý vậy?"

Lan ngập ngừng một lúc, nói

"Em vừa thấy một bà mẹ, cũng trạc tuổi em, mà cho con bú ngay ở bãi đậu xe, em thấy ngượng quá!"

"Bãi đậu xe nào?"

"Ở bệnh viện Nhi Đồng, em đi thăm con chị Thảo sáng nay, thằng Tý lại lên cơn suyễn. Khi em xuống xe, thì mới biết là ở chiếc xe bên cạnh có bà mẹ đang cho con bú. Sơn nói

"Thì đã sao, nó đói lúc nào thì cho nó bú lúc đó. Ở đâu mà chẳng được. Cái bãi đậu xe ở bệnh viện Nhi Đồng, anh biết, nó có mái, chứ đâu có lộ thiên. Cũng như ở trong nhà vậy."

Lan cười ròn rã

"Anh đàn ông biết gì. Bãi đậu xe là chỗ người ta ra vào, dù có mái cũng đâu có phải nhà mình, ngượng chết. Thôi em không chịu đâu."

Sơn xuống giọng dỗ vợ

"Để tối nay anh về nhà, mình bàn lại, bây giờ anh đang bận lắm. Chiều nay anh về hơi trễ, em cứ ăn cơm trước, đừng đợi anh. Thôi nghe, anh yêu cưng."

"Em yêu anh," Lan nhỏ nhẻ, rồi gác máy.

Sáng sớm nay, Lan đi thăm thằng Tý, con chị Thảo ở bệnh viện Nhi Đồng, khi xuống xe ở trong bãi đậu, Lan thấy ở chiếc xe bên cạnh, có bà mẹ trẻ đang cho con bú .Người mẹ vừa cho con bú, vừa chuyện trò với đứa bé. Cửa kính xe hơi hạ xuống một chút (chắc là để cho thoáng). Người mẹ nghe tiếng động, ngửng lên, thấy Lan, Lan mỉm cười, chào, hỏi cho vui miệng

"Chắc đến giờ bé phải ăn rồi?"

Người mẹ chỉ khẽ gật đầu, rồi lại cúi xuống chuyện trò với đứa bé.

Lan vào thăm con chị Thảo. Thằng bé lên hai tuổi, bị xuyễn từ khi mới năm tháng, lúc nặng, lúc nhẹ, lúc thở máy ở nhà, lúc vào nhà thương. Lan ở lại với mẹ con chị cũng đến hơn 30 phút. Khi Lan ra về, cô thấy bà mẹ và em bé vẫn còn ngồi ở trong xe. Cái cửa kính xe vẫn hạ xuống một chút, em bé áp sát mặt vào ngực mẹ, cái áo của mẹ che mất một phần mặt của bé, nên Lan không biết là bé còn bú không, và người mẹ thì nhắm mắt ngủ, Lan nhìn thấy rõ ngực người mẹ thở nhè nhẹ, nhô lên, nhô xuống, nét mặt êm ả chìm sâu vào giấc ngủ. Lan rón rén vào xe, khe khẽ đóng cửa, không dám động mạnh.

Vừa lái xe về nhà, Lan vừa nghĩ vu vơ. Mấy bà mẹ trẻ người Mỹ này, tính tình hời hợt thật! Cho con bú ngay ở bãi đậu xe, rồi ngồi đâu ngủ đấy. Mình thì chắc chẳng thể làm được như thế. Ngượng chết. Và Lan bồng bột

gọi ngay cho chồng, nhất định không chịu cho con bú mẹ.

Sơn về trễ thật. Khi Sơn ra xe thì trời đã nhá nhem tối, anh vừa đói bụng, vừa ngại vợ chờ cơm. Khi Sơn bước vào nhà, thấy Lan nằm co trên ghế salon, đắp chăn như ngủ, đèn không thắp. Sơn đến gần, cúi xuống hôn vợ, thấy mặt Lan đầm đìa nước mắt. Lan giơ tay vít đầu Sơn, dụi đầu vào cổ chồng khóc nức lên. Sơn hốt hoảng hỏi

"Chuyện gì vậy em?"

Lan nói không rõ lời

"Anh hỏi chị Thảo đi."

Sơn run trong bụng, chắc là thằng Tý trở bệnh nặng. Anh đỡ Lan ngồi dậy, ôm vào lòng, với tay gọi điện thoại cho chị Thảo. Chị Thảo cho Sơn hay thằng Tý không sao cả, nó đỡ nhiều rồi, sáng mai sẽ được về. Chị cho Sơn biết là Lan bị xúc động về cái chết của một đứa bé ở bệnh viện Nhi Đồng sáng nay.

Sơn nói

"Trưa nay, lúc Lan gọi điện thoại cho em, chỉ thấy kể là vào thăm cháu Tý, và nói chuyện là không muốn cho con bú mẹ, chứ có nghe nói chuyện đứa bé nào chết đâu."

Giọng chị Thảo ở bên kia đầu giây rung lên

"Lúc đó Lan chưa biết."

Rồi chị lấy bình tĩnh kể cho Sơn nghe:

"Có một bà mẹ trẻ ở bên Vashon Island, đem con vào bệnh viện Nhi Đồng ở Seattle chữa trị. Tôi không rõ cháu bị bệnh gì, chỉ nghe nói về đường hô hấp. Bên Vashon Island bệnh viện không chữa được, bà mang con sang đây. Em bé nhập viện được sáu ngày. Sáng nay thì biết là em bé sẽ mất, người mẹ sau một lúc suy nghĩ, bà quyết định rút tất cả ống trợ sinh ra, quấn con vào một cái chăn, rồi đem con ra xe. Ai cũng tưởng bà đem con về nhà. Nhưng không, bà đem con ra bãi đậu xe, rồi ngồi ôm con cho bú, chờ con chết trên tay. Không biết đứa bé tắt thở từ bao giờ. Mãi đến chiều khi người y tá của em bé ra về, nhận ra hai mẹ con còn ngồi trong xe, mà bà mẹ nhắm mắt như ngủ. Người y tá biết có chuyện không bình thường, vào báo cho văn phòng biết. Người ta mở cửa xe đem hai mẹ con ra. Em bé theo bác sĩ cho biết thì đã chết khoảng hồi trưa nay, mà còn ngậm đầu vú mẹ trong miệng, và người mẹ thì hầu như hoàn toàn kiệt sức, mất trí. Câu chuyện mẹ ôm con cho bú ở bãi đậu xe ngày hôm nay làm rúng động cả bệnh viện."

Chị Thảo kết thúc câu chuyện bằng một hơi thở dài. Chị đợi một giây để nghe tiếng Sơn hỏi.

Nhưng chị chỉ nghe thấy một tiếng gác máy khẽ vang lên.●

Tháng Hai, 2001

NGUYỄN VĂN THỰC

TÌNH GẦN

Trời bình thường tiếng chim bay ngang nhà
Ngàn ưu phiền lòng mở cửa cho ra
Ngàn ưu phiền một thoáng bỗng bay xa
Bay xa chiều xuống mang theo tình gần

Trời bình thường nắng hắt ngang mái đầu
Ngày an bình lòng sách cũ hương xa
Ngày an bình mặc áo mới đeo hoa
Đeo hoa ngày sau

Tôi dâng em dâng em nụ cười
Nụ cười chưa tươi nụ cười chơi vơi
Tôi dâng em dâng em nụ hồng
Nụ hồng long đong
Từ tấm lòng từ bi

Ngày bình thường tiếng thơ quanh hương người
Người thương người ngày đắng đót chưa vơi
Người thương người cười khúc khích đêm trôi
Đêm trôi ngày tới mang theo lòng trời

Ngày bình thường tiếng chuông vươn trên cành
Cành nhân tình giòng suối hát buông lơi
Cành nhân tình lòng thống hối quên nhanh
Quên nhanh tội lỗi ham mê tình gần.

THẦY XÂM

(Thích Thanh - Shisei)

CỐC-KỲ NHUẬN-NHẤT-LANG
(Tanizaki Junichiro)
NGUYÊN VĂN THỰC *dịch*

Lời người dịch:

Cốc-Kỳ Nhuận-Nhất-Lang sinh ở Đông Kinh năm 1886 và sống tại đó cho tới lúc xảy ra cuộc động đất lớn năm 1923. Ngay sau vụ động đất, ông di chuyển về vùng giữa Kinh Đô - Đại Bản (Kyoto - Osaka), nơi ông dùng làm bối cảnh cho những cuốn tiểu thuyết trứ danh của ông về sau. Vào năm 1930, văn của ông nổi tiếng đến độ các tác phẩm của ông được in thành toàn tập ngay giữa thời kỳ đó; và ông cũng đã đoạt giải thưởng Văn chương Hoàng gia Nhật năm 1949. Ông mất năm 1965.

Văn phong ông trau chuốt, đề tài hoài cổ như nhà văn Nguyễn Tuân bên mình, hoặc Gustave Flaubert của Pháp. Và viết như trích tiên (angelic), theo nhận xét của một học giả Mỹ. Bản dịch dưới đây chỉ là một cố gắng của một con kiến để chuyển cái văn chương trích tiên đó đến quý độc giả.

Ngoài ra, truyện này được dịch gần như sát từng chữ, nên quý vị nào muốn, có thể dùng để đọc như bản văn đối chiếu với nguyên tác cho một bản song ngữ Nhật - Việt.

*

Có một thời mà người người cứ cho *"ngu"* là một đức tính cao quý chứ không phải như ở cái thời khoác lác hợm hĩnh này. Đấy cũng là cái thời nhàn nhã, mà cái nghề dùng ba tấc lưỡi nơi cao lâu tửu điếm, giúp cho các vị lãnh chúa, các vương tôn công tử khỏi phải mặt ủ mày chau, và các cung phi mỹ nữ cùng các nàng hầu nở được nụ cười, đường đường là một nghề trong xã hội. Qua các nhân vật như Nữ Định Cửu Lang, Nữ Tự Lôi Tha, Nữ Minh Thần - trong các tuồng Chi Cư và các chuyện tranh diễm tình - người ta thấy là những người đẹp đẽ mới là những kẻ có thần có thế, và trái lại, những kẻ dung mạo xấu xí là những người yếu kém. Cho nên người đời thi đua làm đẹp, đến độ cho xâm vào mình các loại mực xạ. Màu sắc và đường nét sặc sỡ, rực rỡ nhảy múa trên từng phiến da thịt người người. Khách làng chơi chỉ chọn những phu

khiêng cáng xâm hình lộng lẫy. Ngay cả các nường ở những khu Cát Nguyên, Thần Tị chỉ mê những chàng xâm đẹp. Không phải chỉ những tay cờ bạc hay bọn lính chữa lửa, mà ngay cả những giới thương gia cho đến quý vị thuộc giai cấp võ sĩ cũng đều xâm. Thỉnh thoảng người ta tổ chức những đại hội xâm mình, và những người tham dự hãnh diện vỗ vào da thịt khoe những mẫu xâm độc đáo và bình phẩm với nhau.

Dạo ấy có một thầy xâm quý danh Thanh Cát, liệt vào hạng những bực sư phụ cự phách trong ngành như *Chiyari* Văn người Thiển Thảo, Nô Bình ở Tùng Đảo Đinh, hoặc *Konkon* Thứ Lang chẳng hạn; da thịt của hàng chục người đã trải ra dưới ngọn bút vẽ của anh như những miếng vải xa tanh trắng. Nhiều hình xâm của anh đã được khen ngợi ở những ngày hội xâm. Đạt Ma Kim sở trường xâm hình nổi ba chiều. Còn Đường Thảo Cấu Thái lại được người đời xưng tụng về lối xâm mực xạ đỏ, nhưng Thanh Cát lại nổi tiếng về những mẫu xâm sắc sảo và những đường nét mê hồn.

Trước kia anh ta kiếm sống bằng nghề vẽ *tranh phù thế*, thuộc trường phái Phong Quốc Quốc Trinh, cho nên khi anh bị sa cơ phải làm cái nghề xâm, lương tâm của một họa sĩ và mẫn cảm tính trời vẫn không vơi đi. Nhưng nếu không có làn da và cốt cách đến độ hớp hồn, thì dẫu ngàn vàng anh cũng chẳng xâm.

Thầy xâm trẻ dấu kín khoái cảm và mãn nguyện trong lòng nên người ta chẳng dễ gì biết được. Khi anh đưa kim xâm vào thịt người, người ta phải cắn răng chịu đau vì thịt sưng vù, mưng máu đỏ tía; ngay các vị mày râu thường cũng phải rên rỉ vì đau, nhưng càng kêu, anh thầy xâm lại càng cảm thấy sung sướng một cách lạ lùng. Trong nghề xâm, lối xâm mực xạ đỏ làm người ta đau đớn đặc biệt nhưng anh lại rất khoái lối xâm này. Mỗi ngày châm trung bình năm, sáu trăm mũi; rồi phải ngâm trong nước nóng cho màu được đậm nét lên. Khi đi ra, khách, nửa sống nửa chết, gục xuống dưới chân Thanh Cát và phải nằm bất động một lúc. Ấy vậy mà, mười lần như một, Thanh Cát khi nhìn xuống tấm thân rã rượi của khách như thế còn nói: "Đau quá chứ hả!" và cười sung sướng. Còn đối với những người nhát gan nghiến răng rên xiết như thể đau gần chết, anh ta lại nói: "Ái chà, gì mà như con nít không bằng! Ráng đi ngài ơi!" "Mũi kim của Thanh Cát này không phải bỡn đâu!" - Anh vừa liếc mắt nói, vừa điềm nhiên châm kim. Nếu gặp người ngạo mạn, lì lợm, nghiến răng chịu đựng, Thanh Cát lại nói:" Chà, chì quá ta! Rồi sẽ đau không chịu không thấu đâu à nghe!" và cười nhăn cả hàm răng trắng.

Anh những ước ao kiếm được một người con gái đẹp lộng lẫy để tiêm linh hồn mình vào. Anh cũng có những yêu sách về cốt cách và dung mạo. Dung nhan mỹ miều, cốt cách thanh tú không thôi cũng chẳng đủ làm cho anh thỏa mãn. Dù đã cố công đi tìm một mẫu người như thế giữa các danh kỹ trong hồng lâu, anh vẫn không dễ gì tìm được "ý trung nhân." Mặc dầu đã ba bốn năm trông mong vô vọng hình bóng mường tượng ấy, và tuy tới nay vẫn chưa gặp được, anh vẫn ôm ấp ước nguyện đó trong lòng. Vào một buổi chiều tối mùa hạ, sau khi đã cất công tìm kiếm vừa đúng bốn năm, khi đi qua trước quán ăn Bình Thanh, ở Thâm Xuyên, anh chợt thấy một cái cáng rèm buông đang chờ trước lối ra vào, và có một bàn chân trần của một người nữ ló ra, trắng trẻo nõn nường. Dưới cái nhìn sắc sảo của anh, bàn chân phản ánh dung nhan. Và theo anh cô gái này có cái bàn chân da thịt tôn quý như bảo ngọc. Năm ngón chân, từ ngón cái cho tới ngón út, được trau chuốt kỹ lưỡng; hợp sắc của móng chân, ngay cả những vỏ sò sắc hường người ta lượm được ở nên bờ đảo Họa, cũng chẳng sánh bằng. Gót chân tựa ngọc trai, và làn da tươi mát tưởng như bàn chân đó ngày đêm được ngâm rửa trong làn nước suối tinh tuyền chảy từ bờ núi đá chon von. Bàn chân nầy, đến ngày đến giờ, nó sẽ mập mạp lên nhờ máu tươi của cái bọn đàn ông, và nó sẽ dày xéo lên thân xác họ. Người con gái có bàn chân này chính là người mà anh đã bao năm đau đáu đi tìm; và anh nghĩ đây là người nữ có một không hai trên đời. Thanh Cát cố nén trái tim đang nhảy thình thịch, mắt dõi theo chiếc cáng nhưng khi cáng qua được hai ba phố gì đó, cáng cũng mất dạng. Lòng khao khát đó của Thanh Cát trở thành một nỗi đam mê khôn nguôi. Ngày tháng trôi qua. Và vào cái năm thứ năm sau cái ngày hạnh ngộ ấy, đương khi đứng ngắm chậu vạn niên thanh ở ngoài hàng hiên lát bằng tre đã ngã màu sương gió, tại nhà anh ở khu Tá Hạ, phố Thâm Xuyên, anh nghe tiếng người hỏi thăm ở ngoài cổng vườn, và rồi từ sau cánh cổng, một thiếu nữ mà anh chưa bao giờ thấy mặt, đi vào. Đó là một thiếu nữ mà một người ca kỹ quen thân với anh ở xóm Thìn Tị sai đến. Cô gái cởi nút tay nãi màu

vàng nghệ và lôi ra phong thư cùng một chiếc áo dài phụ nữ gói trong giấy có in hình Nham Tỉnh Đỗ Nhược.

"Bà bảo em mang chiếc áo dài này đến nhờ ông vẽ mẫu đường viền giùm..."

Và thư viết như sau: Trước hết khẩn khoản nhờ anh vẽ giùm đường viền chiếc áo; và vì rằng cô gái em sai đến này sẽ trở nên em gái kết nghĩa của em, cho nên, em thì đã đành, xin anh cũng bảo bọc giúp đỡ nó với!"

"Tôi không nghĩ là tôi nhận ra cô là ai nhưng tôi xin hỏi cô là cô đã có lần nào lai vãng đến khu này chưa?" - Thanh Cát vừa hỏi vừa nhìn chằm chằm cô gái.

Cô gái nghĩ khoảng đâu mười sáu mười bảy tuổi, nhưng cái khuôn mặt, không hiểu tại sao, lại tô lục chuốt hồng như thể cô là một người đàn bà từng trải, đã làm trò vui cho hàng bao nhiêu đàn ông ở chốn hồng lâu từ lâu lắm. Cô nhỏ có cái nhan sắc kết tinh của không biết bao nhiêu cơ man giấc mơ và của những trai thanh lịch bao đời trong phố thị này, nơi mà tội lỗi, tiền của từ mọi miền đất nước đổ về.

"Có phải năm ngoái, độ tháng sáu cô ngồi cáng từ quán Bình Thanh về nhà phải không?" Thanh Cát vừa hỏi vừa dìu cô ngồi ngoài hành lang, và bắt đầu ngắm nghía bàn chân thanh tú trắng muốt đặt trên chiếc bệ kê chân có phủ vải.

Cô gái vừa cười vừa đáp lại câu hỏi lạ lùng đó của Thanh Cát: "Vâng, hồi còn sống, cha em vẫn dẫn em tới đó."

"Tính từ hồi ấy cho đến khi thấy được bàn chân của cô ngay trên bệ gác chân này, tôi đã chờ cô đúng năm năm... Mà thôi, tôi có cái này muốn đưa cho cô xem. Cô có thể lên trên gác này với tôi một chút được không?" - Thanh Cát nói thế, và cầm tay cô gái đang có vẻ sắp sửa muốn xin kiếu từ, dìu lên căn gác mặt tiền tiếp giáp với làn nước sông Đại Xuyên; rồi anh lấy ra hai cuộn tranh, và trải ra trước mặt cô bức thứ nhất.

Đó là bức tranh vẽ vợ thứ yêu quý của bạo chúa họ Trụ, tên là Mạt Hỉ. Nàng dựa vào lan can như thể thân nàng không chịu nổi sức nặng của chiếc vương miện vàng cẩn san hô và ngọc lưu ly. Vạt áo lụa buông thướt tha trên những bực thang; và vừa cầm nghiêng nghiêng chén rượu trên tay phải, nàng có vẻ như đang nhìn xuống hớp hồn người đàn ông tự nguyện làm lễ vật sinh tế đang chờ phán quyết của nàng trong chốc lát, trong vườn. Tay chân đã tự xiềng vào trụ đồng, người đàn ông đó đang đứng cúi mình trước nàng, nhắm mắt chờ cái vận mệnh tối hậu.

Cô gái nhìn bức tranh kỳ lạ này một chốc nhưng không biết vì cớ gì đồng tử cô trở nên

PHẠM CÂY TRÂM

BÌM BỊP KÊU CHIỀU

Chiều nghe bìm bịp ven rừng
Buồn con nước lớn, lưng chừng trắng sông
Nhớ ai nay kiếp phiêu bồng
Miếng trầu thuở ấy vẫn nồng thắm môi.

Chiều nghe bìm bịp ven đồi
Đau con nước xuống cút côi giữa trần
Phận hèn. Chí cả. Trầm luân
Nợ đời còn đó quẩn quanh máu trào.

Chiều nghe bìm bịp ven ao
Đau hàng dậu ngã, bìm vào tươi xanh
Nhục vinh. Hưng phế. Lợi danh
Trăm năm thoáng chốc mãn phần hư không.

Chiều nghe bìm bịp ven sông
Vọng phu hóa đá, thờ chồng Nam Xương
Quê xưa, chuyện cũ đoạn trường
Thủy chung khắc cốt, đau thương tấc lòng.

Ta từ thân thế lưu vong
Hồn xiêu, phách tán nửa vòng chia xa
Xuân về máu nghẹn, lệ sa
Đau ơi, bìm bịp quê ta kêu chiều.

Xuân 2001

ảo ánh và môi rung rung. Và lạ lùng thay dung nhan giống hoàn toàn với khuôn mặt của nàng sủng phi. Cô thấy chính mình tiềm ẩn trong tranh.

"Bức tranh này phản ảnh lòng dạ của cô." Thanh Cát nói, và vừa mỉm cười khoái trá vừa liếc nhìn khuôn mặt cô gái.

Và cô gái ngẩng khuôn mặt xanh mướt như tàu lá của mình lên, thưa:

"Vì cớ gì ông lại cho em xem bức tranh hãi hùng như thế?"

"Người nữ trong tranh chính là cô. Áng chừng như giòng máu của nàng đang tráo giòng máu trong thân cô."

Thế rồi Thanh Cát lại mở cuộn tranh thứ hai ra. "Phân Bón" là tựa đề bức tranh này. Ngay giữa bức tranh, là hình một cô gái trẻ đang tựa mình vào một cành đào và nhìn xuống trăm ngàn xác chết của những người đàn ông đang nằm thối rữa lềnh khênh dưới chân nàng. Cạnh nàng có đàn chim đang bay lượn và đang hót bài ca chiến thắng. Và trong đôi con ngươi của nàng ánh lên một nỗi hân hoan và một niềm kiêu hãnh khôn ngăn. Không biết đây có phải là khung cảnh sau một trận chiến hay là cảnh sắc của một vườn hoa anh đào. Còn đối với cô gái được thầy xăm cho xem tranh này, tâm hồn cô lại đang trăn trở tìm kiếm một cái gì đó chưa nên hình nên dạng trong đáy tim mình.

"Bức tranh này tỏ cho cô thấy cái tương lai của cô. Những kẻ nằm chết thối thây kia, tất cả những kẻ ấy là những kẻ sẽ thí mạng vì cô."

Nói thế rồi, Thanh Cát lấy ngón tay chỉ vào khuôn mặt của người nữ trong tranh giống hệt với dung nhan của cô gái.

"Xin hãy làm ơn mau mau đưa bức tranh này khỏi mắt em."

Thế rồi như thể chạy trốn khỏi cái sức trù quyến của bức tranh, cô quay lưng, và gục xuống trên chiếc chiếu trải sàn, đôi môi run rẩy mấp máy:

"Em xin thú thật với ông: Cứ theo những nhận xét của ông thì số phận của em cũng sẽ giống như số phận của người đàn bà trong tranh; như thế thì em đành cam chịu, nhưng xin ông đưa bức tranh ra chỗ khác giùm em."

"Đừng có yếu bóng yếu vía như thế. Cô em hãy ngắm cho kỹ bức tranh. Vì rằng chẳng còn bao lâu nữa, cái điều kinh hoàng đó sẽ tới." Và nụ cười nham hiểm vốn hằng tồn trong tâm lại hiện trên mặt của Thanh Cát.

Cô gái không thể nào ngước đầu lên cho được. Cô đưa vạt áo che lấy mặt mình và lại gục xuống. Rồi lại van lại xin:

"Xin ông cho em về. Ở bên ông em sợ quá, ông ơi!"

"Gượm lại cái đã; để ta còn làm cho ngươi trở thành một giai nhân sắc nước hương trời trong thiên hạ."

Miệng nói, Thanh Cát lẳng lặng đi lại bên cô gái và trong túi của anh ta có giấu một lọ thuốc gây mê mà ông ta đã kiếm được từ một khách thương Hoà Lan.

Mặt trời chiếu rạng rỡ mặt sông; và căn phòng rộng tám chiếu chiếu ánh nắng vàng rực. Ánh nắng từ mặt sông chiếu ánh vàng trên khuôn mặt cô gái đang ngủ; và trên những bức vách trượt bằng giấy, những lượn sóng hoàng kim vờn nét. Thanh Cát đóng ngăn buồng lại và với tay lấy đồ nghề ra. Anh ta hồn xiêu phách tán ngồi xuống. Chưa một lần trong đời, đây là lần đầu tiên, anh mới được nếm cái nhan sắc diệu vợi của người nữ. Ôi, trước cái khuôn mặt đang bất động kia, dù có ngồi yên mà ngắm trong mười năm, hay trăm năm đi nữa cũng chẳng thỏa nguồn cơn. Giống như những giống người Memphis xa xưa đã điểm trang những kim tự tháp, và bức tượng Sphinx thế nào, Thanh Cát tô điểm làn da của người con gái đang thiêm thiếp kia với tất cả lòng yêu dấu. Thế rồi, anh ta đặt mũi của ngọn bút vẽ mà anh kẹp giữa ngón út, ngón đeo nhẫn và ngón giữa trên phiến lưng cô gái, và từ trên làn da đó, đưa mũi kim, châm. Người thầy xăm trẻ tuổi như hòa mảnh linh hồn vào giòng mực xạ đen và phả hồn mình thấm vào da thịt gái băng trinh. Và trong mỗi giọt mực xăm màu son lưu ly pha rượu có từng giọt sinh mệnh. Và anh thấy trên làn da ấy đỏ màu hồn thiêng mình.

Đã quá giờ ngọ lúc nào không hay. Một ngày xuân dịu dàng dần dà phai nắng, mà tay của Thanh Cát vẫn chẳng ngơi nghỉ một giây, nhưng vẫn không phá đi giấc ngủ của cô nhỏ cho đến khi ả-hầu-chuyên-mang-tráp-đờn-ba-dây-cho-các-nghệ-giả (geisha) lo lắng cho chuyện về muộn của cô, đến đón.

Thầy xăm ra tiếp và trả lời cho người hầu:

"Cô nương đã về từ lâu rồi!"

Trăng treo trên những mái nhà khu Thổ Châu bên kia sông. Và khi ánh vàng tựa như giấc mơ đã tuôn vào trong các căn phòng của dãy nhà ven sông, Thanh Cát vẫn chưa xăm xong được một nửa; anh chỗi dậy chăm chú

khêu tim ngọn nến. Anh không dễ dãi với sắc màu, dù một chấm đi nữa. Cứ mỗi lần đưa kim châm vào, lôi kim ra, anh lại cứ phải thở hắt, cảm thấy như chính tim mình bị đâm vậy. Các ngấn xâm bắt đầu ửng lên hình tượng của một con nhện cái thật lớn. Và vào cái thời khắc đêm đã bắt đầu rạng sáng, con động vật ma quái bắt đầu vươn tám chân ra, trườn trên lưng người con gái. Sáng xuân đã bắt đầu gieo lấp loáng trên những mái chèo xuôi ngược. Giữa lúc những cánh buồm lộng gió ban mai và làn sương đang bắt đầu mỏng dần, và vào lúc những mái ngói của những nhà ở Trung Châu, Tương Kỳ và đảo Linh Ngạn bắt đầu nhấp nhánh, Thanh Cát mới tạm thời gác bút vẽ và lặng ngắm cái hình dạng của con nhện mà mình đã xâm trên lưng cô gái trẻ. Hình xâm này chính là cả sinh mệnh của anh. Sau khi đã làm xong công việc, anh cảm thấy lòng anh hoàn toàn trống rỗng.

Trong một lúc, hình bóng hai người chẳng hề lay động. Thế rồi có tiếng nói nho nhỏ, khàn khàn nghe vang vọng giữa bốn vách phòng:

"Vì ta đã quyết làm cho ngươi trở nên thập phần diễm lệ, nên ta đã trút linh hồn ta vào trong hình xâm. Từ nay ngươi là tuyệt thế giai nhân trên toàn Nhật Bản này. Ngươi chẳng còn phải âu lo như trước tới nay nữa. Các đấng nam nhi và các kẻ tự cho mình là nam nhi, tất cả sẻ trở thành phân bón của ngươi..."

Vừa nói xong, thầy xâm nghe có tiếng ú ớ, nhẹ như sợi tơ, trên đôi môi cô gái. Từ từ, từ từ cô tỉnh lại. Cô thở dốc từng cơn và chân nhện choài ra theo nhịp thở nặng nhọc.

"Cô chắc đau, vì con nhện đang quặp trọn thân xác cô."

Cô gái chậm rãi hé đôi mắt đờ đẫn. Con ngươi của cô phản chiếu tia lấp lánh vào khuôn mặt Thanh Cát, như thể làm sáng thêm ánh trăng thanh đang chiếu trên mặt anh ta.

"Xin ông cho em nhìn hình xâm trên lưng. Một khi em đã mang lấy thân phận của ông thay ông, em sẽ trở nên xinh đẹp nhường bao!" Cô nói như đang trong mơ; nhưng trong giọng nói của cô đã đượm một vẻ gì đó sắc sảo.

"Thôi, cô vào tắm nước nóng đi, có thế màu sắc mới hiện lên rõ nét được." Thanh Cát áp miệng vào vành tai người thiếu nữ, thì thào như thể khó nhọc lắm. "Cô sẽ trở nên xinh đẹp, nhưng dẫu sao đi nữa cô phải tỏ ra kiên nhẫn mới được."

Cô gái nén những đớn đau trong thân xác xuống, và miễn cưỡng mỉm cười.

"Chao ơi, ngâm vào nước nóng thì sẽ đau... nhưng xin ông làm ơn để em một mình, và xin lên gác chờ em, vì để cho người đàn ông nào thấy em đang ở trong tình trạng thê thảm như thế nầy là một điều đáng tiếc."

Sau khi đã tắm xong, chẳng lau thân mình, và đẩy bàn tay ân cần của Thanh Cát ra, cô gieo mình xuống khoảng giữa những tấm ván của bồn tắm, vì quá đớn đau; rên rĩ như thể bị ma đè. Mái tóc điên đại rối bời bi thương vắt trên đôi má. Phía sau lưng cô có treo một tấm gương và trong gương, phản ánh hai chiếc gót trắng nõn nường của cô. Thấy thái độ của cô gái biến đổi nhiều so với hôm qua, Thanh Cát hết mực cẩn trọng, và lại thấy cô năn nỉ như thế, anh lên gác chờ. Một nửa giờ trôi qua, tóc mới tắm gội xong xõa trên đôi vai, sửa soạn lại áo xống cho tiêm tất, rồi cô đi lên gác. Cô nhướng đôi mi tỉnh táo không còn một chút bóng râm u uẩn lên; và vừa dựa vào lan can, cô vừa ngửng mặt lên nhìn bầu trời bao la mờ ảo.

"Bức tranh, cùng với hình xâm, là tôi vì cô mà vẽ ra, vậy cô hãy mang nó về nhà với cô." Nói thế rồi Thanh Cát đưa cuộn tranh đặt trước mặt cô.

"Thưa ông, mọi gánh âu lo của gần như từ xưa cho tới nay, em đã trút bỏ được hết." Cô gái nói và tròng mắt ánh lên tia mắt sắc như kiếm; và trong tai cô, âm vang bài ca khải hoàn.

"Trước khi đi về, xin cô cho tôi được nhìn hình xâm nơi cô thêm một lần nữa." Thanh Cát nói.

Cô gái lặng lẽ gật đầu và rũ hết xiêm y. Ngay khi ấy, ánh nắng ban mai chiếu thẳng, ngay lên bề mặt hình xâm. Và phiến lưng cô gái như bừng sáng lên.

Tháng Mười Hai, năm thứ 43
đời Minh Trị (1911),
(Tạp Chí Tân Tư Hồ).

Chú thích:

* *Tranh phù thế* (phù thế hoạ - ukiyo e): Tên của một loại tranh mộc bản Nhật chuyên vẽ các đề tài quanh đời sống hằng ngày. Những đề tài chính: các khu ăn chơi, kịch trường *kabuki* (ca vũ kỹ), đường phố, bờ sông; ngoài ra các họa sĩ trường phái này còn vẽ các cảnh dọc đường, thôn xóm và những khổ cực cũng như những thú vui của dân quê.

GIẤC MƠ

Truyện
XUÂN ĐỖ

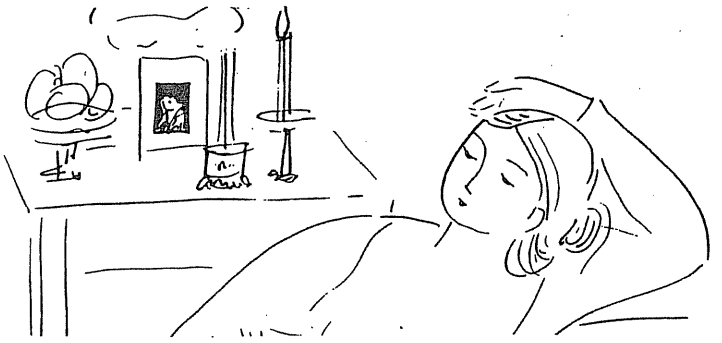

Khi tôi và Joshua Williams bước vào phòng Hội của đảng Dân Chủ Tulsa, phòng họp đã đầy người. Lúc đó hình như đã gần chín giờ tối. Các đài chính từ chiếc máy truyền hình thật lớn ở giữa phòng đang báo cáo tin tức về kết quả cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ năm 2000. Ứng cử viên George W. Bush của đảng Cộng Hòa đang dẫn đầu. Các tiểu bang miền Đông Trung Nam nước Mỹ, đều bỏ phiếu cho ông Bush, đúng như các cuộc thăm dò tiên đoán. Mọi người đang chờ tin tức từ tiểu bang Florida với cử tri đoàn 25 phiếu. Các cuộc thăm dò dư luận cử tri, cũng như các nhà chiến lược của hai đảng, đều dự đoán, ai thắng ở Florida, người đó sẽ thắng cuộc bầu cử và nắm cái chức vụ quyền hành lớn nhất nước Mỹ, cũng như ảnh hưởng lớn nhất vào cục diện thế giới. Đài truyền hình tuyên bố Gore thắng ở Florida. Mọi người trong phòng la ó lên sung sướng. Họ ôm nhau, cười vang, mừng đến... khóc.

Tiếng vỗ tay không ngớt.

Có lẽ tôi là người duy nhất trong phòng không nhảy cẩng lên, không la hét sung sướng điên cuồng, không ôm ai mừng vui đến chảy nước mắt, như mọi người. Tôi là người Mỹ gốc Việt, chọn đứng Độc Lập, ghi trên thẻ cử tri, không Dân chủ, cũng không Cộng hòa. Các cuộc bầu cử trước đây cũng vậy. Tôi đứng trung lập, bỏ phiếu tùy theo quan điểm cá nhân. Khi thì tôi bầu cho ứng cử viên Dân chủ, khi thì bầu cho Cộng hòa, từ cấp địa phương thành phố cho đến cấp quốc gia.

Joshua Williams- Josh- như bạn bè của anh hay gọi thật thân mật, lại là một đảng viên Dân chủ thật hăng say. Anh là Nghị viên thành phố. Tôi quen anh trong ngày Hội Các Sắc Dân Á Châu- Asian Festival- tổ chức thường xuyên tại thành phố này hằng năm vào tiết thu. Josh đại diện cho Hội Đồng Thành Phố đến dự.

Từ khi vào trong phòng chờ tin tức cuộc bầu cử, Josh biến đâu mất. Tôi trở thành lớ ngớ như tên Mán ở rừng về thành phố. Mọi người bận rộn và hăng say theo dõi tin tức, nên cũng chẳng ai để ý đến... thằng Mán làm chi. Khi mọi người la ó mừng rỡ, Gore thắng ở Tiểu bang Ánh Nắng chói chang - Sunshine State - sẽ làm Tổng Thống, tôi cũng chỉ cười... về hùa góp vui. Josh chạy ùa vào phòng, ôm tôi nhảy cà tửng, la lên:

"Chúng ta thắng, chúng ta thắng."

Không muốn mất lòng bạn, tôi cười thật rạng rỡ, bắt tay anh, cũng la lớn lên :

"Chúc mừng, chúc mừng."

Josh kéo tôi ra khỏi phòng, nói :

"Chuck, để tôi giới thiệu đứa cháu của tôi với anh."

Josh chỉ một người bạn trẻ Da Đen, nói với tôi:

"Đây là Daniel Williams Jr., cháu gọi tôi bằng chú ruột. Ba của Dan là anh của tôi."

Tôi bắt tay người bạn trẻ, nói chuyện thật tự nhiên, bằng tiếng Anh:

"Hân hạnh được biết Dan. Tôi là Chuck, người Việt Nam, qua Mỹ từ năm 75."

Dan bắt tay tôi, một cái bắt tay thật chặt chẽ, thân mật thật bất ngờ.

"Hân hạnh được biết bác Chuck."

Tôi lại ngơ ngác như thằng Mán, vì Dan nói tiếng Việt thông thạo như người Việt một trăm phần trăm. Chắc tôi trông... ngố lắm, Dan bật cười cùng Josh, nói với tôi :

"Dạ xin lỗi bác Chuck, vì cháu là người Mỹ gốc... Mít."

Tôi lại chưng hửng. Tôi định đùa với Dan vài câu, và sau đó nhìn... bà con Mít với nhau thì có tiếng chạy sầm sập, một người bạn của Josh vừa đến nói lớn :

"Tin xấu. Bush thắng ở Florida rồi."

Josh bỏ chạy vào phòng với anh bạn. Tôi và Dan cũng ngạc nhiên, không hiểu sao lại có sự xoay chiều kỳ cục như vậy. Có nhiều tiếng chưởi thề, chưởi tục nổi lên. Dan cũng muốn chạy vào phòng, xem sự thể tại sao. Tôi thì muốn về nhà để... ngủ cho khỏe. Tôi nói vội với Dan :

"Dan cho tôi xin số điện thoại, có dịp nói chuyện trở lại."

Dan móc bóp đưa cho tôi tấm danh thiếp nơi Dan làm việc, rồi chạy đi thật nhanh.

Tôi bỏ tấm danh thiếp vào túi, về nhà, ngủ một giấc ngon lành. Sáng dậy mở truyền hình, đinh ninh rằng ông W.Bush đã là Tân Tổng Thống mới đắc cử. Nhưng không, cuộc bầu cử chưa ngã ngũ. Số phiếu ông W. Bush hơn ông Gore ở Florida quá nhỏ. Theo luật bầu cử, việc đếm phiếu phải được kiểm kê lại. Cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ năm 2000 trở nên một đề tài sôi động nhất trong mọi giới, trong 224 năm lịch sử của Hoa Kỳ. Cuộc khủng hoảng chính trị, kéo dài... hơn một tháng. Cuối cùng với phán quyết của Tối Cao Pháp Viện Liên Bang, ông W. Bush đắc cử với một phiếu chênh vênh, năm phiếu thuận, bốn phiếu chống. Ông Gore tuyên bố hoàn toàn không đồng ý với phán quyết trên, nhưng cũng đành ngậm bồ hòn làm ngọt, chấp nhận kết quả. Ông W. Bush gượng cười, thở ra nhẹ nhõm. Chiến thắng nào cũng là chiến thắng cả!

Cuộc sống hối hả, chạy theo thời giờ ở xứ này trở lại như cũ. Mọi người đã quên cuộc bầu cử. Tôi cũng quên. Và quên luôn việc gọi cho Dan. Cho đến hôm sau Tết Âm lịch Tân Tỵ, trong bữa đi dự đám hỏi con gái người bạn, tôi gặp lại Dan. Dan giới thiệu chúng tôi với mẹ của Dan, bà Huệ - Lily.

Qua câu chuyện tôi được biết bà Lily người ở Tam Kỳ, tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Tín, nơi tôi làm việc trên hai năm từ năm 65 đến năm 67. Người chồng trước của bà tử thương trong một trận đánh ở rừng Thơm Tam Kỳ. Bà xin vào bán hàng ở cửa hàng Quân Tiếp Vụ PX-Quân Đội Mỹ tại Chu Lai. Năm 69, Daniel Williams Sr., một quân nhân Thủy Quân Lục Chiến, đóng tại Chu Lai, sau nhiều tháng theo đuổi Lily, xin cưới và làm mọi giấy tờ, để chuẩn bị đưa vợ về Mỹ. Đầu năm 70, khi Lily có mang, Dan Sr. tử thương trong trận đánh đẫm máu ở núi rừng A Sao, A Lưới.

Nhắc chuyện xưa, bà Huệ vẫn còn xúc động nghẹn ngào. Chúng tôi yên lặng. Nhiều bạn bè khác đến, câu chuyện chuyển sang các mục thời tiết, năm nay lạnh và tuyết giá nhiều hơn các năm trước.

Bữa tiệc gần xong, tôi cầm ly cà phê đi tìm Dan. Dan đang ngồi coi Football với các bạn bè trẻ tuổi của anh ở phòng khách. Dan đứng lên, cùng đi với tôi ra ngoài hành lang cho thoải mái hơn. Tôi hỏi :

"Chú Josh của Dan bình thường chứ?"

"Dạ, chú Josh vẫn khỏe. Vừa rồi chú có đi dự Đại Hội NCAACP (*) ở Washington DC. Chú Josh là hình ảnh người cha, mà cháu thiếu vắng. Ba cháu chết ở Việt Nam, khi cháu còn nằm trong bụng mẹ. Mẹ cháu đã hy sinh từ miếng ăn, manh áo trong một thời kỳ đói khổ nhất, đến cả danh dự, phẩm giá trong một xã hội đảo điên, để bảo vệ cho đứa con bất hạnh từ khi chưa chào đời.

Mẹ kể "...mẹ đang chăm chú sắp đặt lại các món hàng trên kệ, có ông Mỹ đen bước vào. Ông ta cười, bộ răng trắng nhởn. Ông nói:

'Chao co, manh khoe.'

Mẹ chẳng biết ông đen này nói cái gì. Tiếng Anh của mẹ học được còn tệ quá. Mẹ chỉ cho ông ta đồ đạc trong phòng, ý muốn nói, ông mua gì thì chọn lấy, tôi chỉ tính tiền. Ông lại lắc đầu, nói tiếng Anh thật chậm:

'Tôi nói tiếng Việt, cô có mạnh khỏe không?'

Mẹ cười xòa. Ông ta cũng cười vui vẻ. Mẹ gật đầu, nói OK, OK.

'Tôi là Dan Williams. Cô tên gì ?'

'Huệ.'

'Nghĩa là gì?'

'Hoa, hoa Lily.'

'Wow! tên đẹp quá. Lily.'

Nhiều người vào mua hàng. Mẹ bận việc tính tiền. Ông cũng lại tìm các món hàng ông muốn mua. Ông chờ đến trả tiền sau cùng. Bảo mẹ gói các món đồ làm hai gói. Trả tiền và bảo mẹ giữ lại tiền thối, ra dấu bỏ vào túi của mẹ. Ông đưa cho mẹ một gói.

'Gói này tôi tặng cô Lily, để kỷ niệm ngày tôi quen cô.'

Từ đó, những ngày không đi hành quân, ông đều la cà đến cửa hàng Quân Tiếp Vụ, nhiều khi không nói với mẹ được lời nào. Mẹ bận làm việc. Ông chỉ nhìn và cười, cái cười có hàm răng trắng nhởn. Mọi người đều biết. Người thương thì khen ông hiền từ. Người không thích, thì nói bộ mày hết người rồi sao đi quen ông cột nhà cháy. Mẹ không thương, không ghét, nhưng cảm kích trước tấm lòng quảng đại, hiền từ của ông. Có nhiều khi, liên tiếp trong bốn, năm tuần, không thấy ông đến, mẹ bồn chồn lo ngại. Khi thấy ông trở lại, mẹ thở phào nhẹ nhõm, ông còn sống. Vẫn cái cười hở mười cái răng trắng nhởn. Ông lại học đâu được nhiều câu tiếng Việt, ấp úng nói:

'Chào cô Lily. Hôm nay tôi đến thăm cô. Tôi yêu cô quá. Cô có yêu tôi không? Tôi thành thật đó.'

Mẹ thật cảm động. Ông nói tiếng Anh thật chậm:

'Tôi yêu Lily. Tôi muốn cưới cô làm vợ. Khi hết nhiệm kỳ phục vụ ở Việt Nam, tôi sẽ đưa cô về Mỹ với tôi. Xin cô gật đầu ưng thuận đi.'

Mẹ cuối đầu yên lặng. Hai dòng nước mắt chảy dài. Đời mẹ đã nhiều đau khổ. Bà ngoại và mấy dì, mấy cô của con, khi nghe bạn bè mẹ, nói về ông đen yêu mẹ và muốn cưới mẹ, đều phản đối. Không hiểu sao, mẹ biết rằng, dưới làn da đen đó, ông có quả tim từ bi, quảng đại. Mẹ lại lội ngược dòng thác lũ, bất chấp thị phi thật vô lý của mọi người, chấp nhận tình yêu của ông. Khi mẹ báo tin cho ông, mẹ có thai, ông đã quì xuống, nước mắt ràn rụa, nói như hét lên 'Trời ơi! tôi sắp có một đứa con, kết quả của tình yêu. Tôi sẽ nuôi nấng, dạy dỗ và cho con tôi học hành thành đạt. Giấc mơ của đời tôi thành hiện thực.' Có bao nhiêu tiền bạc, đồ đạc quí giá, ông đều đưa hết cho mẹ cất giữ, bảo mẹ để dành cho con sau này. Ông lo làm các giấy tờ, làm hôn thú, để khi về Mỹ ông đem mẹ theo. Nhưng con ơi, bất hạnh như vẫn còn đeo đuổi bên mẹ. Trong một cuộc hành quân, ba con đã ra đi vĩnh viễn, bỏ mẹ ở lại với xứ sở khổ đau, bỏ đứa con ông hằng mơ ước còn nằm trong bụng mẹ..."

Dan Williams Sr. chết đi. Mọi người không biết đến người vợ chưa có giấy tờ hôn thú với ông. Bà Huệ thu dọn trong đống áo quần nhà binh bề bộn, một cuốn nhật ký, ông ghi chằn chịt, những dòng chữ ngòng nghèo. Bà Huệ bỏ cái thị trấn nhỏ xíu Chu Lai, về Sài Gòn, để chuẩn bị sinh nở đứa con, mà bà biết rất khó được mọi người chung quanh chấp nhận, thương mến. Chỉ vì nó da đen.

Trong cuốn nhật ký ghi lộn xộn của Dan Sr., ông ghi lại cuộc gặp gở Lily : "...tôi mới gặp một người đàn bà Việt Nam. Tên cô ta là Lily. Lúc nào trông cô ta cũng buồn man mác. Tôi bỗng yêu Lily như một mối duyên tiền định. Đời tôi, tôi chưa yêu một người đàn bà nào. Chỉ gặp nhau, chịu nhau, ở với nhau. Rồi mỗi người đi mỗi ngã, như Janet, như Debbie, như..., như..., không nhớ hết tên. Nhưng gặp Lily, tôi biết, tôi yêu cô ta thành thật, muốn lập một gia đình dài lâu, hạnh phúc, có con cái và nuôi nấng con cái nên người. Lần đầu tiên, tôi có một giấc mơ, và tôi hy vọng... giấc mơ thành sự thật."

Một trang khác Dan Sr. ghi "... Hôm nay, Lily chịu nói chuyện với tôi rồi. Lily nhút nhát quá. Tôi nói, tôi yêu em, cô ta ngượng, lắc đầu. Tôi đưa tay bắt tay cô ta, cô ta rụt tay lại, lắc đầu. Tôi cho cô ta quà, cô ta lắc đầu không dám lấy. Tôi nói, tôi yêu cô thành thật, muốn cưới cô làm vợ, đưa cô về Mỹ, cô ta muốn... khóc. Tôi đi hành quân trong rừng. Tôi nhớ Lily. Trận chiến kết thúc, tôi mong mau về, để đến PX gặp Lily, nhìn đôi mắt buồn rười rượi của cô như sắp khóc. Mới nằm trong rừng bốn, năm tuần... tôi thầy lâu như cả thế kỷ. Trực thăng vừa đổ xuống Chu Lai, tôi ném súng dạn cho thằng bạn cất giữ, chạy bay đến PX. Lily đứng đó. Tôi muốn ôm em, hôn em ngấu nghiến cho đỡ nhớ thương. Nhưng không được. Lily nghe tiếng kêu của tôi, ánh mắt nàng bừng lên niềm vui. Trời ơi! Lily yêu tôi. Tôi không cảm thấy sai đâu. Giấc mơ của đời tôi sắp thành sự thật. Tôi sung sướng quá... Trời ơi!"

Huệ đã nhờ một thầy giáo dịch cuốn nhật ký của Dan ra tiếng Việt. Những đêm khuya trên gác xép nóng bức, sau một ngày quần quật may áo quần để kiếm sống, nuôi thằng con da đen, Huệ chong đèn đọc từng trang, khóc mùi mẫn, ôm con vào lòng. "...Lily ơi, cám ơn em đã đồng ý nhận anh làm người yêu. Đồng ý sẽ làm giấy tờ, làm hôn thú. Khi nào tôi về Mỹ, tôi sẽ đem em về với tôi. Tôi sẽ có một gia đình hạnh phúc, sẽ có những đứa con khấu khỉnh, học hành thành đạt. Lily nói, em sẽ săn sóc cho tôi, săn sóc cho con. Điều này ngoài giấc mơ của tôi. Trong đời tôi chưa có ai săn sóc cho tôi, ngoài mẹ tôi, khi tôi còn nằm

nôi. Nhưng khi lớn lên, mới bảy, tám tuổi, ba mẹ tôi đã ly dị nhau. Tôi và thằng em tôi, Joshua, mới năm tuổi, đã côi cút, sống và lớn lên như cỏ cây, bên cạnh bà ngoại già. Bây giờ, tôi sung sướng quá."

Một trang khác, Dan Sr. viết *"...Bây giờ tôi có người yêu. Tôi sắp có một gia đình, một mái nhà ấm cúng. Tôi mong một đứa con. Tôi lại nhớ thằng em của tôi, Joshua. Nó khá hơn tôi. Nó thông minh và chịu học. Nó đã vào Đại Học. Còn tôi lang bạt giang hồ. Sống chết không sợ. Nay tôi sắp có gia đình, tôi lại sợ chết. Tôi muốn vươn lên. Tôi có một giấc mơ. Tôi viết thư cho thằng Joshua, bảo nó gởi cho tôi bài diễn văn tuyệt vời của Mục Sư Martin Luther King, thời kỳ ông tranh đấu cho dân quyền của người Da Đen. Chỉ có hai tuần lễ sau, thằng Joshua đã gởi cho tôi bài diễn văn lịch sử này.*

'... Tôi có một giấc mơ. Một ngày nào đó, người ta sẽ xét đoán một người, không phải vì màu da của người đó, mà vì khả năng, tính tình, đạo đức... Tôi có một giấc mơ. Một ngày nào đó, các trẻ em, không phân biệt màu da, sẽ cầm tay nhau, đến trường học, đến nhà thờ... cùng ca hát bên nhau...' Trời ơi! Tôi đã khóc, sau khi đọc lại những lời tâm huyết này của Mục Sư King."

Dan ngưng kể, có lẽ vì xúc động. Tôi cũng yên lặng chia xẻ nỗi buồn của Dan. Giọng Dan thật bùi ngùi:

Mẹ kể "...Vì Ba có da màu đen, nên khi mẹ yêu ông, lấy ông, cả gia đình bên mẹ xa lánh. Khi ông chết, mẹ có mang, mẹ đành trốn vào Sài Gòn, để không ai biết, may vá cực khổ để kiếm ăn, chờ ngày sinh con. Hôm mẹ chuyển bụng, mẹ quay cuồng trong cơn đau đớn. Mẹ ráng thất thểu đi ra đường, đón xe vào nhà thương thí Đô Thành để sinh con. Khi mẹ nghe tiếng con khóc chào đời, mẹ mừng, khóc ấm ức một mình. Mấy cô mụ, y tá , khi nhìn thấy con, họ đã la lên, cái bà này lấy Mỹ đen, đẻ ra thằng con đen thui, trông kinh quá. Mẹ lại khóc vùi trong tủi nhục."

Sau tháng Tư năm 75, miền Nam đổi chủ. Mùa tựu trường, Dan Jr. đã đến tuổi đi học. Vào trường mẫu giáo. Mẹ chọn cho tên Nguyễn Dân. Nguyễn họ của mẹ. Dân tên Việt Nam. Khi bà Huệ dẫn con vào trường, gặp cô giáo và bà hiệu trưởng, để nạp đơn. Bà bị đuổi ra khỏi cửa, bằng những lời nói hằn học :

"Ai cho phép bà mang cái thằng đen thui này đến đây. Đi đi, tránh mắt mọi người."

Cả một bầu trời như sụp đổ xuống. Bà khóc ấm ức. Bà Huệ thất thểu dẫn con về. Thằng bé thấy mẹ nó khóc, nó cũng buồn thiu. Cái cặp có cuốn vở mới, cây viết chì, hộp tô màu, như nặng trĩu trên vai bé nhỏ của nó. Về đến căn gác bà Huệ ngồi vào bàn may. Nhìn xuống Dan đang ngồi dưới đất, chơi với các con kiến, bà lại khóc. Dan đứng lên ôm chân mẹ, nói:

'Mẹ đừng khóc. Con ở nhà với mẹ. Mẹ dạy con học. Con không muốn đến trường. Ai cũng ghét con. Mẹ dạy con học, nghe mẹ.'

Bà Huệ ôm con vào lòng. Con nói đúng quá. Không ai cho con đến trường, sao mình không dạy con học khi có chút thì giờ rảnh rỗi? Bà cũng đã một thời cắp sách đến trường, đã học xong lớp Đệ Tứ tại trường Trung Học

TRẦN MỘNG TÚ

TA, TRANG THƠ MỚI

Kính Điếu Cố Thi Sĩ Bùi Khánh Đản
Gửi chị Bùi Phương Kim và gia đình

Như một dòng thơ vừa viết xuống
Ta nằm mực xạ giữa hoa tiên
Nến ai thắp đuốc soi từng chữ
Lung linh thơ hắt cả hai miền

Bốn vách gỗ thơm ngăn ta lại
Giơ tay với được một vì sao
Những vần bằng trắc trong tinh tú
Sẽ rủ nhau về chật tối nay

Bài thơ trong túi đang viết giở
Mang theo thì sợ lòng ai đau
Gửi lại nhân gian nhờ giữ hộ
Hẹn về viết tiếp ở kiếp sau

Ta nằm thanh thản như pho sách
Chờ đất dịu dàng đến nằm bên
Cỏ mọc mầm xanh trên mỗi chữ
Ta, trang thơ mới giữa thảo nguyên

Tháng Giêng Quý Tỵ (2001)

Trần Cao Vân Tam Kỳ. Bà ngồi xuống sàn với con, mở tập vở mới của con, chỉ cho con bắt đầu tập tô các hình bằng bút chì màu. Thằng bé cặm cụi tô vẽ nguệch ngoạc suốt cả buổi. Có những lúc ngừng đạp máy may, bà Huệ nhìn con xót xa. Bà xuống ngồi bên con, viết những a, b, c... và bắt đầu dạy con những chữ vỡ lòng.

Tháng ngày trôi qua trong cuộc sống khó khăn, đói khổ cùng cực và không khí đe dọa nặng nề của công an chung quanh. Thằng bé ngày ngày ngồi dưới chân mẹ, học được các chữ cái, chữ vần và ráp nối các chữ lại với nhau thành những câu ngô nghê... rồi cười một mình. Bà Huệ cũng chạy ra tiệm sách đầu ngã đường, lượm vội vài cuốn sách học vỡ lòng đem về cho con. Bà chỉ cho con những hình vẽ, khi đọc những lời ghi chú, bà hoảng sợ. Trời ơi! toàn những lời lẽ dữ dằn, độc ác, bắn giết, hận thù. Bà chỉ vào các hình vẽ, nói cho con, đây là ba, đây là mẹ, đây là con... Ba mẹ thương con. Con ráng học giỏi, thành người. Ba ước mơ vậy. Thằng bé nhoẻn miệng cười sung sướng. Bà Huệ giật mình, cái cười có những cái răng trắng tinh như cha nó. Trở lại bàn may, bà đạp những đường chỉ sai lệch, cong queo. Bà lim dim mắt, khấn vái... ông ơi, ông có linh thiêng cứu con, để con có một nơi có tình người, có yêu thương... mà sống, để làm người.

Bà giật mình, thằng bé vừa tô xong vài ba hình vẽ, ôm chân mẹ để khoe. Hình người đàn ông có khuôn mặt tô đen , ở ngực có trái tim tô đỏ. Hình thằng bé con, khuôn mặt nửa đen, nửa đỏ bầm. Bà hoảng hốt ôm con khóc òa.

Đêm đó trong giấc ngủ trằn trọc, nhìn lên trang thờ vắng lạnh hương khói, hình như bà thấy ông Phật đứng lên, bước xuống sàn nhà. Bà quì xuống lạy. Ngẩng lên, trời ơi ! ông Phật... da đen. Ông nói, con tìm trong cuốn nhật ký, có duyên lành cho mẹ con của con đó. Thằng bé đang ngủ mê, trong giấc mơ, cười lên thành tiếng. Bà tỉnh giấc, dụi mắt ngơ ngác. Ngày hôm sau bà giấu cuốn nhật ký trong bao áo quần, ghé lại tìm ông thầy đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt cho bà trước đây. Biếu thầy ít tiền, kể cho thầy nghe giấc mộng tối hôm qua. Ông thầy giở cuốn nhật ký nhàu nát, xem lại, à lên một tiếng. Ông thầm thì "Ồ linh thiêng lắm. Có địa chỉ và tên của người em của ông chồng da đen của bà đây. Bà viết thư, nhờ Tòa Đại Sứ Gia Nã Đại can thiệp. Tôi nghe nhiều vụ, làm như vậy đã thành công. Mỹ can thiệp và được cho đi. Bà làm thử xem sao. May ra..." Bà mừng phát khóc. Biếu thêm thầy ít tiền nữa, xin thầy viết giúp thư từ, đi bưu điện gởi thư.

Tháng ngày trông đội mòn mỏi trôi qua. Bà cũng trở lại nhà ông thầy giáo, để hỏi xem có cách nào gởi thư hỏi lại xem thư trước gởi có kết quả gì không. Ông thầy giáo đã vượt biên. Nhà đã bị Phường và công an tịch thu làm văn phòng. Thế là hết. Tất cả hy vọng đều tan tành theo mây khói. Tội nghiệp cho thằng bé. Nó sinh ra đời trong một số phận... đen đủi, như cha nó, đành phải gánh chịu mọi khổ ải chờ đón. Vừa bước vào ngõ, bà thoáng thấy hai công an áo vàng, cán bộ hộ khẩu Phường, đứng chờ bà. Bà muốn té quị xuống, ngất xỉu. Nhớ đến con đang ở trong nhà, bà quên sợ, chạy vào tìm con. Trời ơi! Lạy Trời, lạy Phật, thằng bé vẫn còn ngồi trên bàn, làm bài tập bà ra sáng nay, trước khi bà đi.

Gã cán bộ hộ khẩu hỏi:

"Bà là Nguyễn Thị Huệ phải không? Trước đây bà lấy Mỹ đen, có thằng con đen này phải không? Ai bày bà làm giấy tờ nhờ Tòa Đại Sứ Gia Nã Đại, xin bảo lãnh đi ra nước ngoài? Cái ngữ này, thôi tống tụi nó đi mẹ đâu cho khuất mắt. Nè lại đây ký vào giấy, rồi chờ đó, khi nào có lệnh mới, thằng Mỹ đen đến rước đi, nghe chưa?"

Bà run quá, luôn miệng dạ, dạ.

*

Tôi đọc tờ nhật báo *Tulsa World*, biết tin Josh Williams đang vận động đảng Dân chủ chỉ định ra ứng cử vào chức vụ Thị Trưởng thành phố. Tôi tìm số điện thoại để gọi chia mừng với anh và hứa, với tình bạn, tôi sẽ ủng hộ và bỏ phiếu cho anh trong kỳ bầu cử. Không gặp Josh, người nghe điện thoại lại là Dan Jr. Chúng tôi thật vui, nói đủ mọi chuyện. Dan Jr. vừa được Hội NAACP cho học bổng, để theo học trường Luật tại Đại học Tulsa. Dan Jr. cho tôi biết, Dan theo con đường của chú Josh, tranh đấu cho dân quyền của người thiểu số, những người bị xã hội bỏ quên, vì nghèo khổ, ít học vấn. Dan Jr. muốn đi cho trọn giấc mơ của cha. Tôi chúc Josh và Dan Jr. thành công. Đó cũng là giấc mơ của tôi, của những người tha hương, đi tìm tự do.●

Mùa Xuân Tân Tỵ 2001

(*) NAACP: *National Association for the Advancement of Color People* (Hiệp Hội Quốc Gia Thăng Tiến Người Da Màu)

QUẬN CAM

Nhạc sĩ dương cầm Đặng Thái Sơn trình diễn tại Quận Cam

Hơn một ngàn khán giả ngồi kín cả rạp La Mirada vào chiều ngày Chủ Nhật 18 tháng Hai năm 2001 để tham dự buổi trình diễn của nhạc sĩ dương cầm Đặng Thái Sơn, do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức. Đây là dịp hiếm xảy ra trong cộng đồng người Việt Nam tại đây.

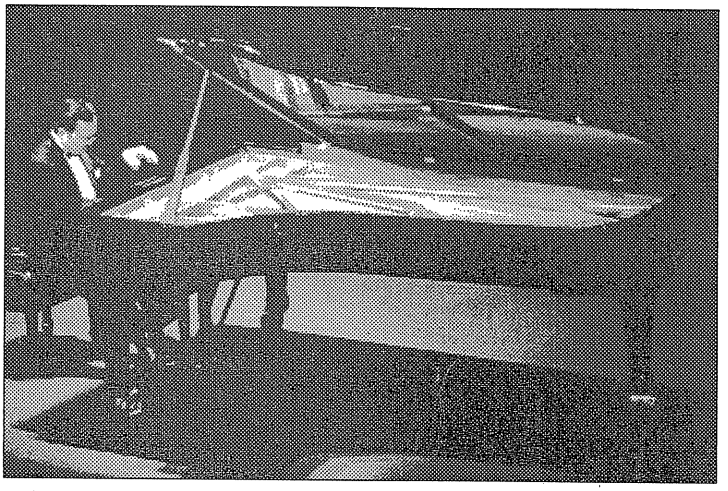

Nhạc sĩ Đặng Thái Sơn đang trình tấu

Mở đầu, cô Y-Sa, Tổng Thư Ký của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) giới thiệu ngắn gọn về người nhạc sĩ tài ba Đặng Thái Sơn, người đã chiếm giải nhất tại cuộc thi Dương cầm Quốc tế Chopin năm 1980 tại Warsaw, Ba Lan.

Tiếp theo cô Y Sa đã dẫn giải chương trình trình tấu chiều nay phần đầu gồm ba Chorals của J.S Bach và ba bản của F. Chopin. Sau khi nghỉ giải lao là năm bản Lieder onhe Worte (Bài Ca Không Lời) và Rondo Capriccioso của F. Mendelssohn. Cuối cùng là La Valse (độc tấu dành cho dương cầm) của M. Ravel.

Nhạc sĩ Đặng Thái Sơn nhanh nhẹn bước ra chào khán giả giữa những tràng pháo tay nồng nhiệt. Khán trường im ắng và lắng đọng để đón nhận từng giọt, từng chuỗi rồi cả một trời âm thanh từ hai bàn tay vàng của nhạc sĩ họ Đặng.

Khi bản nhạc sau cùng chấm dứt, khán giả đã đồng loạt đứng dậy vỗ tay tán thưởng rất lâu. Nhiều bó hoa tươi đã được đưa lên sân khấu tặng người nhạc sĩ tài danh đã từng mang tài nghệ đi trình diễn trên 40 quốc gia trên thế giới tại những thính đường hòa nhạc nổi tiếng. Dịp này, thân mẫu của nhạc sĩ Đặng Thái Sơn, bà Thái Thị Liên, cũng được mời lên sân khấu và được tặng hoa cùng với nhạc sĩ. Được biết cụ Thái Thị Liên là một giáo sư chuyên về dương cầm và cũng là người thầy dương cầm đầu tiên của Đặng Thái Sơn lúc mới sáu tuổi. Ông Hoàng Ngọc Tuệ, chủ tịch Hội VAALA đã trao một bảng lưu niệm của Hội đến nhạc sĩ Đặng Thái Sơn.

Sau buổi trình tấu Hội VAALA còn tổ chức một cuộc tiếp tân để những người ái mộ có thể trực tiếp trò chuyện với nhạc sĩ. Nhạc sĩ đã ký lưu niệm vào một số đĩa nhạc của ông được khán giả ái mộ mua tại rạp.

Nhạc sĩ Đặng Thái Sơn sanh năm 1958 tại Hà Nội, Việt Nam, trong một gia đình có truyền thống về âm nhạc. Ông đã học những nốt nhạc đầu tiên với thân phụ là nhà thơ Đặng Đình Hưng, người đã gặp "nhiều vấn đề" với chánh phủ Hà Nội qua vụ Nhân Văn Giai Phẩm.

Năm 1977, nhờ sự can thiệp quyết liệt của của một giáo sư âm nhạc Nga, Izaak Katz, nhạc sĩ Đặng Thái Sơn lúc ấy đang học nhạc ở nhạc viện Hà Nội được sang du học tại Nhạc Viện Tchaikovsky, Moscow, theo lớp của Giáo sư Vladimir Natanson và Dmitry Bashkirov.

Năm 1980, Đặng Thái Sơn đoạt giải nhất và huy chương vàng và cũng đã đoạt luôn tất cả ba giải đặc biệt dành cho các thể loại mazurka, polonaise, concerto, trở thành người Á châu đầu tiên đoạt giải Chopin.

Nhạc sĩ Đặng Thái Sơn vào quốc tịch Canada năm 1995 và sống tại thành phố Montreal. Từ năm 1987, ông cũng là giáo sư thỉnh giảng của Nhạc Viện Kunitachi tại

Ông Hoàng Ngọc Tuệ, Chủ Tịch VAALA, đang trao bảng lưu niệm cho nhạc sĩ Đặng Thái Sơn. Bên cạnh là bà Thái Thị Liên, thân mẫu của nhạc sĩ

Tokyo, Nhật Bản. Sau lần trình tấu này tại Quận Cam, nhạc sĩ Đặng Thái Sơn sẽ lưu diễn ở Trung Quốc, Nga và Nhật...

Hội VAALA đã phục hồi mạnh mẽ sinh hoạt văn học nghệ thuật thời gian gần đây. Buổi trình diễn này là một công trình phối hợp nhiều mặt khá phức tạp về tổ chức để xứng đáng với tầm cỡ của nghệ sĩ cũng như tầm cỡ của cộng đồng người Việt tị nạn đông nhất trên thế giới vẫn được mệnh danh là Little Saigon, thủ đô của người Việt tị nạn. Đây cũng là dịp để thấy người Việt Nam tại Quận Cam có một trình độ thưởng ngoạn khá cao trong lãnh vực nhạc cổ điển Tây phương, đặc biệt về đàn dương cầm mà rất đông gia đình tại đây đang cho con em theo học. Người ta không ngạc nhiên khi thấy trong hơn một nghìn khán giả hôm ấy, số thiếu nhi thiếu niên theo cha mẹ đi nghe đàn chiếm một tỉ lệ rất đáng kể.

Ngày Valentine với nhóm Mosaic Cultural Encounter

Hơn 500 khách phần lớn là giới trẻ đã tham dự một chương trình nghệ thuật qua nhiều thể loại từ thi ca, âm nhạc đến hội họa qua nhiều ngôn ngữ trên thế giới diễn tả Tình Yêu trong dịp Lễ Valentine năm 2001 tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt do nhóm trẻ Việt Nam Mosaic Cultural Encounter kéo dài từ trưa cho đến khuya ngày thứ Bảy Mồng 10 tháng Hai năm 2001.

Nhóm Trẻ Mosaic đã tiếp tân khai mạc phòng triển lãm tranh với chủ đề "Thương Yêu" với sự đóng góp tác phẩm của các họa sĩ Nguyên Khai, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Khánh Trường, Cao Bá Minh, Mai Chửng với khoảng 100 tác phẩm đủ kích thước và thể loại từ sơn dầu cho đến màu nước. Có cả những tác phẩm được vẽ trên men nung rất lạ.

Buổi chiều, nữ Giáo Sư Tiến Sĩ Susan Parman, Trưởng phân khoa Nhân Chủng Học của trường Đại Học Cal State Fullerton đã thuyết trình đề tài "Tình Yêu và Hôn Nhân Vòng Quanh Thế Giới" rất có giá trị về phương diện nhân văn. Giáo sư Parman đã có dịp đi nghiên cứu nhiều quốc gia trên thế giới từ Âu sang Á cho đến Nam Mỹ và từng được nhiều giải thưởng cao quý của quốc gia.

Tiếp theo là một cuộc tiếp tân trước khi bắt đầu một chương trình âm nhạc và thi ca rất hấp dẫn qua chủ đề Đọc Thơ và Hát Tình Ca Quốc Tế. Điểm đặc biệt đáng ghi nhận là những bản nhạc hay bài thơ nói về Tình Yêu trên toàn thế giới được trình bầy bằng chính ngôn ngữ gốc và do chính một số sinh viên trẻ nguồn gốc từ các quốc gia đó hiện diện và trình bầy. Gần 300 khán giả đã say sưa thưởng thức những tác phẩm yêu thương bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Đức, Nga, Tàu... với Hisano Magone, Aliou Ly, Fei Yi Wang, Roberto Rodrigue kèm theo những giảng giải bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Bên cạnh đó là một chương trình thi nhạc phong phú do các nghệ sĩ Việt Nam trình bầy với Bích Liên, Lê Hồng Quang, Nguyễn Thị Nhuận, Nguyễn Đức Đạt, Nguyễn Thị Ngọc Sương, Vương Hương, Luân Vũ, Thanh Thảo, Trần Thế Quang, Trang Đài Trần, Ông Như Ngọc, Hoàng Việt Khanh, Nguyễn Danchi và Lê Thanh.

Một chương trình rất lạ với cộng đồng Việt Nam qua chủ đề trong dịp lễ Tình yêu Valentine với những nét phối hợp nghệ thuật mới và trẻ từ hội họa cho đến thuyết trình và thi ca âm nhạc. Đây là một điểm son của nhóm bạn trẻ Mosaic vừa mới hình thành vào cuối năm vừa qua. Buổi sinh hoạt này được xem như là buổi sinh hoạt thứ tư của nhóm trẻ Mosaic với các bạn trẻ Ông Như Ngọc, Nguyễn Danchi cùng một số bạn bè.

Tại sao lại có cái tên Mosaic Cultural Encounter? Mosaic là tên gọi một loại tranh ghép bởi nhiều vật liệu với nhiều màu sắc

khác nhau, nhưng tạo một hòa hợp để đạt được đến độ cao của nghệ thuật. Chọn Mosaic làm tên gọi của mình, nhóm bạn trẻ này có lẽ đang nhắm đến các hình thức hoạt động nghệ thuật đa văn hóa, mà buổi sinh hoạt về Tình Yêu này là một minh họa. Và hy vọng tham dự trong những sinh hoạt lần tới sẽ không chỉ có giới trẻ Việt Nam mà còn có giới trẻ trong các sắc dân khác trong vùng Nam California.

Trong dịp lễ Valentine, ban tổ chức có gây quỹ bằng cách bán một số tặng phẩm nho nhỏ liên quan đến đến Ngày Tình Yêu được khá nhiều người ủng hộ. Các bạn trẻ Mosaic có nhiều sáng kiến, nhiều thiện chí và nhất là có căn bản về nhiều loại hình nghệ thuật trong một môi trường đa văn hóa như Hoa Kỳ chắc chắn sẽ thực hiện được nhiều công trình nghệ thuật gây ngạc nhiên trong thời gian sắp tới.

Chiều Tưởng Niệm nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng

Buổi chiều "Tưởng Niệm Một Năm Không Có Trầm Tử Thiêng" đã được các thân hữu của cố nhạc sĩ tổ chức tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt ngày 17 tháng Hai năm 2001 trong bầu không khí thân tình, với khoảng hai trăm người tham dự.

Trên tấm phông sau sân khấu, hai bên có câu đối của thi sĩ Cao Tiêu:

Khúc Nhạc Trầm Tử Khơi Nỗi Nhớ
Bài Ca Du Tử Vọng Hồn Thiêng

Ở ngay cửa ra vào có dựng một tấm ảnh của nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng để thân hữu ký tên lưu niệm nhân ngày giỗ đầu của ông.

Ông Nguỵ Vũ điều khiển chương trình đã tường trình sơ lược tiểu sử nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng. Ông tên thật là Nguyễn Văn Lợi, sanh năm 1937 tại Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Ông tốt nghiệp sư phạm năm 1958, vào Quân Đội năm 1966 và được điều về Phòng Văn Nghệ, Cục Tâm Lý Chiến, Tổng Cục Chiến Tranh Chánh trị. Tại đây ông cùng làm việc với các văn nghệ sĩ như Tô Kiều Ngân, Tạ Tỵ, Tô Thùy Yên, Đỗ Kim Bảng.... Trong thời gian này ông đã có nhiều ca khúc mang chiến đấu tính và những ca khúc mang tính chất chiến dịch đáp ứng với nhu cầu đòi hỏi của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1970, ông được biệt phái trở lại Bộ Quốc Gia Giáo Dục và làm việc tại Phòng Phát Thanh Học Đường cho đến ngày 30-4-75.

Sau năm 1975, nhạc sĩ đã sống không bình an, Cộng sản Việt Nam đã kết án toàn bộ sáng tác của ông là nhạc phản động, chống cộng, điển hình là bản Chuyện Một Chiếc Cầu Đã Gãy viết năm 1968 sau vụ Cộng sản Việt Nam tấn công vào cố đô Huế, Hát Nữa Đi Hương và một loạt các ca khúc chiến dịch của ông.

Trong 10 năm ở lại quê nhà ông đã vượt biên nhiều lần và thất bại, bị đi cải tạo. Đến năm 1985, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng mới thoát được khỏi Việt Nam và định cư tại Hoa Kỳ.

Trong 40 năm sáng tác, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng đã viết hơn 200 ca khúc viết về tình yêu, quê hương, chiến tranh cùng với hơn một trăm ca khúc viết về thiếu nhi... Tại Hoa Kỳ, ông đã sống khiêm tốn và cộng tác với một số nhà sản xuất video như Mai Productions, Hollywoood Night, Asia... Ông bị bệnh phổi gần nửa năm và tạ thế vào ngày 25 tháng Giêng năm 2000 tại Quận Cam trong niềm thương tiếc của những người Việt hải ngoại.

Thi sĩ Cao Tiêu với tư cách là cựu Cục Trưởng Cục Tâm Lý Chiến đã bày tỏ cảm tưởng về nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng. Ông nói nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng là một quân nhân gương mẫu và là một nghệ sĩ có tài đích thực. Ngoài ra nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng là một người bạn tốt và ông là một cán bộ Tâm Lý Chiến tuyệt hảo.

Nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang nói về Trầm Tử Thiêng như là một nhạc sĩ du ca, mà ông đã từng cộng tác từ trước 1975 cho đến gần đây tại Hoa Kỳ. Ông nói dòng nhạc của Trầm Tử Thiêng Khi viết nhạc về quê hương Trầm Tử Thiêng như đã tăng thêm sức sống và vực dậy lòng yêu nước nơi giới trẻ. Ngoài ra Trầm Tử Thiêng viết hàng trăm ca khúc dành cho thiếu nhi mà ông hằng yêu mến. Sự nghiệp của ông để lại rất đa dạng và rất phong phú.

Nhạc sĩ Nhật Ngân, nhà báo Nguyễn Ngọc Chấn, giáo sư Dương Ngọc Sum đã có những nhận xét về âm nhạc, và nhắc đến những kỷ niệm thời gian nhạc sĩ hoạt động trong ngành giáo dục.

Chen vào những lời phát biểu là một chương trình hát những sáng tác của nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng với các giọng ca của Anh Dũng, Mỹ Thúy, Lê Nguyễn... Điểm đặc biệt là các nghệ sĩ kể trên đều nghẹn ngào xúc động khi nhắc lại những kỷ niệm với nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng trước khi hát những sáng tác của ông.

Ca sĩ Thái Thanh đã bình phục

Cách đây hơn ba tháng, nữ ca sĩ nổi tiếng Thái Thanh đã bị tai biến mạch máu não, và

đã bị hôn mê nhiều ngày trong bệnh viện. Sau một thời gian chữa trị, may mắn bà đã qua khỏi được cơn nguy hiểm, đang dần dần hồi phục và đã trở về nhà được một tháng nay.

Hiện nay sức khỏe của ca sĩ được xem là rất khả quan, tính tình trở nên vui vẻ, hồn nhiên, và hay ca hát. Tuy nhiên phần trí nhớ đang phải từng bước phục hồi, nhất là tên người. Bà có thể nhớ rõ nét mặt, giọng nói của nhiều người quen trước đây, nhưng không thể nói ngay tên được. Nhưng đây chỉ là vấn đề thời gian, với cuộc sống bình thường hy vọng ký ức sẽ dần dần được khôi phục đầy đủ.

SAN JOSE

Du Tử Lê thuyết trình ở Evergreen College

Do lời mời của Giáo sư Sterling Warner, đại diện Đại học Evergreen College, San Jose, Nhà thơ Du Tử Lê đã có buổi thuyết trình tại trường này; đề tài: "How I'v Survived and Written!" vào lúc 12 giờ 30 trưa Thứ Tư, ngày 7 tháng Hai vừa qua.

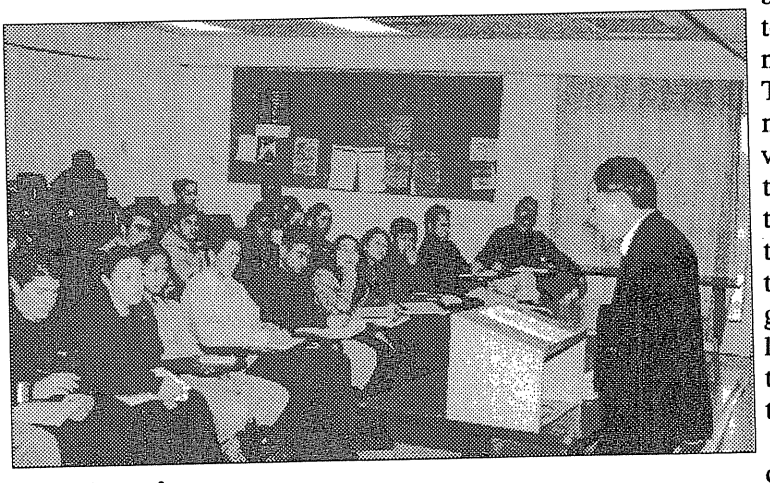

Quang cảnh buổi nói chuyện

Trước hơn một trăm cử tọa, chỉ có bốn sinh viên Việt Nam, phần còn lại là sinh viên và các giáo sư Mỹ, trong phần mở đầu Dr. Sterling Warner cho biết, đây là lần đầu tiên, Evergreen College mời một nhà văn gốc Á Châu có thơ văn đang được dùng để giảng dạy tại một số đại học Hoa Kỳ tới nói chuyện về kinh nghiệm sống và viết của chính tác giả đó.

Với đề tài "Tôi Sống Sót và Viết Lách Thế Nào," trong một tiếng 15 phút, nhà thơ Du Tử Lê đã nói về cuộc đời của ông kể từ buổi tối ngày 29 tháng 4 năm 1975, khi bước chân lên chiếc HQ 1, rời bến cảng Sài Gòn, tới căn cứ Subic Bay ở Phi Luật Tân.

Họ Lê kể lại những ngày đầu cuộc đời tỵ nạn với những khó khăn, ngỡ ngàng, những công việc nặng nhọc ông trải qua với mức lương lao động căn bản hai đồng 10 xu một giờ, cho tới những ngày tháng làm báo, in sách không có người đọc; những thời gian thất nghiệp, tìm việc; những đổ vỡ trong đời sống riêng, đưa tới căn bệnh thyroid / bướu cổ; những năm tháng phải bỏ California về Houston chữa bệnh...

Tác giả "Giữ Đời Cho Nhau" cũng nói về những khó khăn, trì trệ, bế tắc của lớp nhà văn Việt Nam cầm bút trước tháng 4-75, trước hoàn cảnh khắc nghiệt của đời sống mới, nơi quê người. Giải thích về nỗ lực sáng tác không ngưng nghỉ của mình, họ Lê nói:

"God has assigned one or two missions to each person. And we are small part of a large community. So, we must have some responsibities before our community. We have to pay back for whatever we received from others (...) And as a writer and poet, I write books and poems to give back to the community that has nurtured me." (Tạm dịch: Thượng Đế đã định sẵn cho mỗi cá nhân một hay hai nhiệm vụ. Và chúng ta là một phần tử thuộc vào tập thể lớn. Chúng ta phải có trách nhiệm với tập thể của mình. Chúng ta phải trả lại cho người khác, những gì đã nhận được từ họ (...) Và là một người viết văn, làm thơ, tôi viết sách, làm thơ để trả ơn tập thể đã nuôi dưỡng tôi.)

Tác giả "K. Khúc Của Lê" còn tiết lộ, trong 26 năm ở quê người, không thiếu gì những lúc ông muốn tử tự, muốn tự chấm dứt đời mình; nhưng cuối cùng ông vượt qua được, cũng nhờ văn chương và nhờ bằng hữu.

Bài nói chuyện được xen kẽ bằng những bài thơ tiêu biểu cho từng giai đoạn. Trước khi chấm dứt bài nói chuyện, để bước vào phần câu hỏi, họ Lê đã mời cử tọa nghe đọc bài thơ "Khi Tôi Chết, Hãy Đem Tôi Ra Biển / When I Die, Take My Body To The Sea."

Đây là buổi nói chuyện đầu tiên của Du Tử Lê trong năm 2001, kể từ buổi nói chuyện tại đại học M.I.T., Boston, Mass., hồi trung tuần tháng 11 năm ngoái.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Liều thuốc Giải ảo

Đọc "Tổ Quốc Ăn Năn" của Nguyễn Gia Kiểng

NGUYỄN XUÂN NGHĨA

(*Tổ Quốc Ăn Năn*, tác giả xuất bản, Paris 2001, 597 trang, không ghi giá bán và địa chỉ liên lạc).

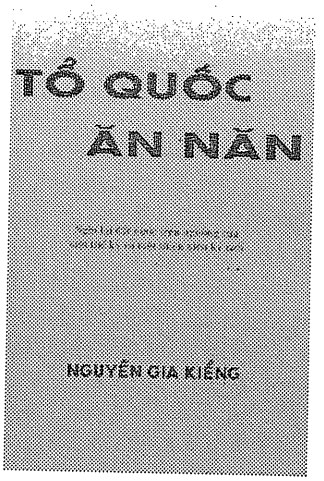

Trước khi đọc cuốn *Tổ Quốc Ăn Năn* của Nguyễn Gia Kiểng, tôi chỉ sợ anh sẽ mắc bệnh cuồng. Biết nhau đã hơn 30 năm, và đọc một số bài của anh trên *Thông Luận*, tôi không khỏi có cảm nghĩ đó. Trong cảnh ngộ hiện tại thì một người lo toan việc nước với sự đam mê như anh tất khó có thể tránh khỏi tình trạng đó. Đọc xong, tôi nghĩ khác...

Nhưng, hãy khoan nói về cuốn sách đã.

Chiều hôm đó, vừa đọc xong bản cáo trạng dài 600 trang của anh về điều tôi tạm gọi là "cái Việt tính thê thảm của dân tộc," tôi nghe chương trình *Thanh âm trìu mến* trên đài Little Saigon Radio từ California. Chiều đó, nghệ sĩ Việt Hùng bị đau, Dũng Thanh Lâm vừa qua sáu tháng ngã bệnh đã tái xuất hiện và đến với chương trình này. Nguyên thủy thì chương trình có mục đích giới thiệu những sắc thái đặc biệt của âm nhạc Việt Nam, sau trở thành một chương trình riêng về cổ nhạc được nhiều người đón nghe. Chiều đó, Dũng Thanh Lâm hát cho thính giả một bài cổ nhạc về Tiết Đinh San và Phàn Lê Huê, dĩ nhiên là được thính giả hâm mộ gọi vào ngợi khen và mừng anh khỏi bệnh. Trong câu truyện giữa thính giả và các nghệ sĩ chiều đó, tôi nghe thấy lời đối đáp và giải thích cho nhau về các tội *lăng trì, tùng xẻo*, về cái lệ *tam ban triều điển*, cái *ơn* của nhà vua cho một tội nhân (thường là một công thần) được chọn một trong ba cách chết.

Rất đông thính giả gọi vào đài trong chương trình đó đã chứng tỏ sự am hiểu rành rọt về một số điều mà, theo thời nay, ta gọi là liên hệ tới pháp lý và nhân quyền. Không một ai tỏ vẻ gì khó chịu về những cách xử án ác độc đến như vậy. Có lẽ, đối với chúng ta thì dù sao đó cũng là truyện xưa, của một thời khác, ở một xứ khác. Nhưng thực ra, ta vẫn còn giữ những tập quán đó ở trong mình, mà có khi không hay biết. Nghe nói tới những hình phạt loại đó, xa thì mình nghĩ tới vụ Tư Mã Thiên bị thiến bên Tầu, gần thì vụ Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc bên ta. Gần hơn nữa là việc văn nghệ sĩ trí thức bị đàn áp, mà đất nước vẫn cứ vậy cả nửa thế kỷ rồi.

Tôi miên man nghĩ tới một điều xa xưa. Khi còn nhỏ, làm sao mình không để ý tới những xe quà của người Hoa ở trong Nam, với những tấm kính có vẽ biết bao tích cổ của lịch sử Trung Hoa, nào *Tam anh chiến Lã Bố*, nào *Đào viên kết nghĩa*. Lớn lên, khi đi Singapore dự hội nghị, tôi cũng để ý tới một phép rất lạ của xứ này. Tới xế chiều, sau giờ tan sở, trên bãi đậu xe rất sạch dưới chân những cao ốc nguy nga thật hiện đại, người ta mở ra các ngôi chợ lộ thiên. Nơi đó tôi lại thấy các xe quà với hình ảnh tuồng tích ngợi ca những đức tính trung hiếu tiết nghĩa trong lịch sử của người Hoa.

Thời đó, sau khi thầm khen là Singapore khéo biết dung hòa cái mới với cái cũ qua lối tổ chức hàng quán như vậy, tôi cứ tự hỏi mãi, rằng vì sao dân mình không có những loại hàng quán và xe quà trong đó nhiều hình ảnh hào hùng của lịch sử dân tộc được minh diễn lại thật đẹp. Như truyện tích Phù Đổng Thiên Vương, như lời thề sông Hát của Trần Hưng Đạo Vương, hoặc cảnh Trần Bình Trọng bị trấn nước dưới chân cầu mà vẫn khẳng khái chửi giặc, hay là cảnh Quang Trung áo vải cờ đào cưỡi voi vào Thăng Long, với bộ giáp còn đen màu khói súng... Thời đó, tôi cứ tự hỏi là phải chăng người Hoa lưu vong nên mới nhớ nước và vẽ lại những hình ảnh hào hùng nhất của lịch sử để khỏi quên đi những lời chính

khí của tiền nhân họ. Thế rồi, con trẻ ham ăn quà ở các xứ lân bang như tụi tôi đâm ra say mê truyện Tàu, và có khi thuộc sử Tàu, thuộc tuồng tích Tàu, hơn là sử mình...

Đọc xong *Tổ Quốc Ăn Năn* của Nguyễn Gia Kiểng, tôi nghĩ là "may thật"! Vì Nguyễn Gia Kiểng tỉnh táo đem những hình tượng đẹp nhất của ta vứt xuống đất. Xa thì Khổng Tử, Khổng Minh, gần thì Quang Trung, Nguyễn Trãi, những đức tính trung hiếu tiết nghĩa mà ta mặc nhiên coi là giá trị văn hóa đáng duy trì, mấy cái bằng của Trần Đức Thảo hay Nguyễn Mạnh Tường, bài hát nói Kẻ sĩ của Nguyễn Công Trứ... đều được anh chẻ thành củi, nhóm lửa đốt sạch!

Có lẽ, đó là cảm nghĩ chung của mọi người khi đọc xong *Tổ Quốc Ăn Năn* của Nguyễn Gia Kiểng. Và nếu như vậy thì đó là một điều đáng tiếc.

Tôi nghĩ tới hình ảnh Nguyễn Gia Kiểng ngồi chẻ tượng thành củi dóm bếp và hình dung ra không phải cái cười hồn nhiên nhuốm vẻ tự đắc của anh, mà tới giọt nước mắt của người đã trăn trở từ lâu trong nỗi bất lực. Anh muốn một lần thanh toán cho hết những món nợ của lịch sử và văn hóa, để vẽ ra con đường khác cho hòa bình và hạnh phúc của dân tộc. Hòa bình không phải là một bến đỗ mà là một cuộc hành trình. Hạnh phúc cũng vậy. Nguyễn Gia Kiểng viết *Tổ Quốc Ăn Năn* có lẽ là trong ý hướng vạch lại những thác ghềnh của quá khứ để vẽ ra một lộ trình khác cho Việt Nam. Tôi gọi đó là bước đầu của tiến trình *giải ảo*. Cuốn sách mở lại tấm hải đồ cũ, chỉ ra vì sao dân tộc đã bị bao thác ghềnh như vậy và thẳng tay xé vụn bức dư đồ đã rách nát để khẳng định, rằng nếu tiếp tục suy tư và hành động như xưa, chúng ta cũng sẽ lại trôi vào vùng giông bão như xưa. Mà lần này, trong thế giới toàn cầu hóa, có lẽ sẽ là chuyến đi cuối cùng. Sau đó, chỉ vài chục năm nữa thôi, có lẽ chẳng còn gì là Việt Nam nữa.

Nguyễn Gia Kiểng thu thập một số bài viết của anh, trong đó có những bài từng gây tranh luận sôi nổi, và hình như mất bốn năm đúc kết những nhận định và suy tư của mình về việc nước, với lối viết có vẻ ôn tồn, nhiều khi duyên dáng nhưng nội dung luôn luôn nảy lửa. Nảy lửa từ tựa đề cho tới trang cuối. Hình như người Việt ta không mấy yêu nước và có tính cam phận của một dân tộc nô lệ, dân ta trọng bằng cấp mà khinh thương nghiệp và thiếu tinh thần thực tiễn, kẻ sĩ nước ta chỉ là một lũ bạc nhược chờ thời, dân ta chủ quan tiếp nhận và tiếp tục bị ảnh hưởng bởi nếp văn hóa Khổng giáo, người mình dại dột nuôi dưỡng một số sai lầm về nhận thức lịch sử và văn hóa, v.v... vì vậy đất nước giờ này mới tang thương như vậy. Chân dung Khổng Tử dưới nét vẽ Nguyễn Gia Kiểng phải làm ta phì cười, rồi giật mình. Nội dung cuốn sách còn dữ dội và sâu sắc hơn cuốn *Người Trung Quốc xấu xí* của Bá Dương.

Nếu chỉ đọc qua hoặc nghe kể lại là Nguyễn Gia Kiểng cho rằng chủ nghĩa Cộng sản là giai đoạn chuyển tiếp từ nếp văn hóa Khổng giáo lên tới nếp sinh hoạt dân chủ, ai cũng có thể nổi điên và muốn tranh luận với tác giả. Nếu quy luật lịch sử là chuỗi tiến hóa theo đường thẳng - kiểu lý luận Mác xít thô thiển - thì chẳng hóa ra chủ nghĩa Cộng sản đã là bước tiến bộ và dân chủ sẽ là một tất yếu? Nếu lại đọc thấy Nguyễn Gia Kiểng phê phán Nguyễn Huệ đầu đuôi chỉ là một đạo tặc, hoặc Lê Chiêu Thống dù sao cũng chẳng đáng chê như vậy, làm sao nhiều người chả nổi đóa? Trước đây, tôi có đọc một bài thơ với tựa đề thật đẹp của một tác giả ở ngoài này viết về những bạn tù cải tạo trong kia, rằng *Anh quỳ, nhưng dáng còn như núi.* Bây giờ, trong tâm cảnh đó mà bảo rằng "quỳ là phải", và rằng kẻ sĩ nước ta trước sau chỉ biết quỳ... thì làm gì Nguyễn Gia Kiểng chẳng làm nhiều người ứa gan?

Nhưng tôi cho rằng *Tổ Quốc Ăn Năn* của anh là cuốn sách đáng phải đọc. Và không nên đọc với tinh thần của nhiều người, là "xem lần này Nguyễn Gia Kiểng chửi cái gì đây"... Tôi thiển nghĩ là ta không nên dừng lại ở vài tiểu tiết để tranh luận với tác giả về một nhân vật trong lịch sử hoặc một giá trị văn hóa phổ quát nào đó. Cũng chẳng nên phê phán tác giả đem ý niệm thời nay mà thẩm lượng giá trị thời xưa. Mỗi người có một cách nhìn về quá khứ căn cứ trên hành trang ý thức của mình thời hiện tại, nên rất dễ muốn tranh luận. Chúng ta nên cố vượt quá phản ứng đó mà nghĩ về toàn bộ những vấn đề được tác giả nêu ra. Không sai lắm đâu. Thảm kịch quá lớn của đất nước cùng với nguy cơ quá nghiêm trọng của tương lai khiến chúng ta phải nghiến răng đọc cho hết, như nhịn thở uống cho hết một bát thuốc đắng, may ra... Đây là một tiến trình giải ảo cần thiết cho chúng ta, nếu còn muốn nghĩ hoặc làm một điều gì đó cho quê hương.

Điều may mắn là tác giả viết cuốn sách với ngôn ngữ trong sáng và bút pháp lôi cuốn

cùng những nhận xét rất tinh tế của một kiến thức đa bác, nên chúng ta sẽ đọc qua rất nhanh. Đọc rồi, ta nên đọc lại, và hãy quên nỗi bực dọc nhỏ để nghĩ tới nhiều vấn đề lớn mà tác giả nêu ra. Trước đây, tôi cứ sợ Nguyễn Gia Kiểng sẽ mắc bệnh cuồng, đọc xong *Tổ Quốc Ăn Năn*, tôi yên tâm hơn về anh. Nhưng lại buồn và lo cho tương lai của dân mình.

Liều thuốc nhiều *tả* hơn *bổ* của anh không biết có kịp công hiệu hay chăng.

Ngày 17 tháng Hai, 2001

*

Phần giới thiệu sách của NGUYỄN QUANG AN

Suối nhỏ êm dịu

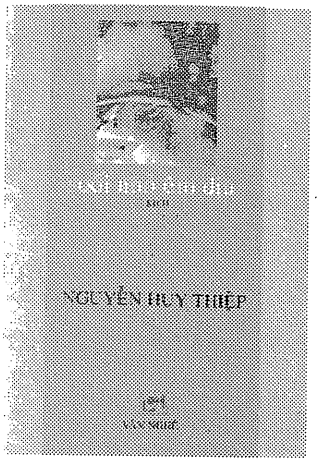

kịch của **Nguyễn Huy Thiệp** Văn Nghệ xuất bản, 170 trang, giá 8 mỹ kim. Bìa Khánh Trường, tựa Thụy Khuê. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O Box 2301, Westminster CA 92683. Tel: (714) 934-8574.

Trên hết, kịch của Nguyễn Huy Thiệp không phải là kịch để trình diễn, mà để đọc. Sau khi đã thành công tột bực về truyện ngắn, Nguyễn Huy Thiệp bước sang một lãnh vực khác: Kịch. Ông đến với kịch do một sự tình cờ, nếu không muốn nói là phần số ngắn ngủi của vợ chồng kịch tác gia Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh.

Vở kịch đầu tiên của anh là *Quỷ Ở Với Người*. Vở kịch này ban đầu do Lưu Quang Vũ viết kịch bản, dựa vào truyện ngắn *Không Có Vua* của Nguyễn Huy Thiệp, nửa chừng Lưu Quang Vũ bị tử nạn, Nguyễn Huy Thiệp đích thân thực hiện kịch bản đầu tiên của ông. Từ đó tới nay ông viết khá nhiều kịch. *Xuân Hồng* là một tác phẩm gồm nhiều vở kịch của ông, do nhà xuất bản Tân Thư cho ra đời cách đây vài năm, trong đó ông vẽ lại nhân cách tuyệt vời của Nguyễn Thái Học trong vở *Chỉ Còn Lại Tình Yêu*. Có lẽ đây là một nhân vật lịch sử đầu tiên, không bị nhìn một cách dị dạng dưới ngòi bút Nguyễn Huy Thiệp. Hầu như chưa một ai xuất thân trong chế độ Cộng Sản, đã nhìn Nguyễn Thái Học như một nhà cách mạng đầy lý tưởng.

Suối Nhỏ Êm Dịu là kịch bản mới nhất của Nguyễn Huy Thiệp. Trong đó ông giả dụ chuyện xẩy ra ở một quốc gia phương đông đang phát triển, đây là một quốc gia giả định, và những nhân vật chính gồm có nhân vật thứ 1: Giáo chủ, kế đó nhân vật số 2 thừa tướng, số 3 là đại tướng, số 4 là chủ tịch quốc hội, số 5 là cảnh sát trưởng.

Bây giờ nếu chúng ta giả dụ ngược lại thì nhân vật số 1, giáo chủ có vẻ giống như đại lãnh tụ Hồ Chí Minh, được thần thánh hóa ngay khi còn đang sống và đầy quyền lực. Sau khi chết, quyền bính về tay nhân vật số 2, mà chúng ta có thể so với thực tế giống như bất cứ một nhân vật nào đến sau ông Hồ. Nhân vật này có những nét tổng hợp phảng phất giống như các ông Lê Duẩn, Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu... Ông số 3 thì còn ai vào đây ngoài các đại tướng Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng... Nhân vật số 4 là chủ tịch quốc hội, người ít quyền lực nhất trong tập đoàn lãnh đạo và sau cùng nhân vật số 5, hệt như bộ trưởng Công An Trần Quốc Hoàn, Phạm Hùng, Mai Chí Thọ, Nguyễn Thiện Ngộ... và bây giờ là Lê Minh Hương. Ngoài những nhân vật chính này, còn vài nhân vật phụ, cốt chỉ để nói rõ bản chất ác độc, không lương tri, ngu dốt... cũng như sự khinh miệt dân chúng của tập đoàn lãnh tụ.

Vở kịch này đã cho người đọc thấy số phận bi đát của toàn thể dân chúng trong quốc gia giả định của Nguyễn Huy Thiệp, và nếu như chúng ta giả dụ thêm một lần nữa, quốc gia giả định đó chính là nước Việt Nam, thì số phận của hơn 70 triệu người dân nước Việt hiện giờ đương nằm trong tay của một tập đoàn lãnh đạo khủng khiếp nhất.

Một lần nữa Nguyễn Huy Thiệp cho thấy ông là một nhà văn tài hoa, cho dù kịch của ông theo nhận xét của một số khá đông người viết ở hải ngoại chỉ để đọc, không phải để diễn. Sau cùng một nguồn tin từ Pháp cho biết: Bên Pháp có ý định mang vở kịch này lên sân khấu. Hy vọng rằng những cố gắng của giới kịch nghệ Pháp sẽ thực sự mang hơi thở sân khấu vào trong kịch của Nguyễn Huy Thiệp.

Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn

phê bình văn học của **Lý Hồng Xuân**, Văn

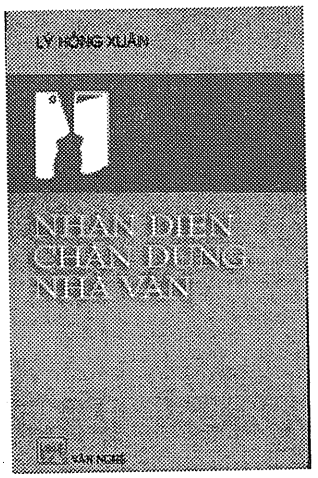

Nghệ xuất bản, 370 trang, giá 16 Mỹ Kim. Liên lạc: như cuốn trên.

Lẽ ra cuốn sách này cần phải được ghi tên hai tác giả: Xuân Sách & Lý Hồng Xuân. Để tên tác giả Xuân Sách trước vì những gì Lý Hồng Xuân viết, đều tựa vào những câu thơ mô tả chân dung các nhà văn, nhà thơ qua ngòi bút, cách nhìn của Xuân Sách. Thể loại Phê Bình Văn Học e rằng hơi lớn so với nội dung của cuốn sách, vì thật ra đây là những lời bàn của Lý Hồng Xuân, về cách nhìn của Xuân Sách đối với một số nhân vật văn nghệ hiện nay ở trong nước hơn là phê bình văn học thật sự.

Đó chỉ là hai ý kiến nhỏ về cái bìa bên ngoài cuốn sách, nhưng những gì nó chứa đựng bên trong mới là điều quan trọng. Cuốn sách đã cho người đọc thấy được một phần nào mặt trái của các nhà văn, nhà thơ trong nước. Trước tiên xin được nhắc tới: Cuốn *Chân dung nhà văn* của Xuân Sách ra đời cách đây khá lâu, trong đó vẽ lại diện mạo của 100 người văn nghệ, mỗi người chỉ gồm vỏn vẹn từ 4 đến 8 câu thơ. Đặc điểm những câu thơ này là dùng tên các tác phẩm của các nhân vật được nhắc tới, trói vào những cố sự trong đời của các nhân vật này. Khen hay chê ai nấy đều thấy rõ dụng ý của Xuân Sách, chính vì vậy mà cuốn thơ nhỏ và mỏng này khan hiếm ngay từ khi mới xuất hiện, và người ta nhắc đến nó một cách e dè.

Giờ đây Lý Hồng Xuân viết thêm những lời bàn cho cuốn thơ của Xuân Sách, đã cho người đọc thấy nhân dạng các nhân vật này rõ nét hơn. Những lời bàn thêm là những ý kiến chủ quan của Lý Hồng Xuân, phần lớn tựa vào dư luận quần chúng văn nghệ, nói về giới lãnh đạo văn nghệ trong nước trước và sau 75. Do đó đôi khi những nhận xét này mang nhiều tính cách huyền thoại, và đậm nét cung đình. Sách chia làm hai phần: Phần 1 dài 205 trang là phần bình của Lý Hồng Xuân. Phần 2 là phần phụ lục dài 160 trang, gồm 100 bài thơ nguyên bản của Xuân Sách, cùng rất nhiều văn thơ trích dẫn của các nhân vật được Xuân Sách chiếu cố.

Đây là một cuốn sách dành cho những ai thích tò mò, muốn biết cả hai mặt đời thường và đời văn của những nhà văn, nhà thơ hiện đại trong nước.

Chữ nghĩa bề bề

chuyện văn nghệ của **Đặng Trần Huân**, Văn Mới xuất bản, 250 trang, giá 12 Mỹ Kim. Liên lạc: 1528 South La Cienega Blvd, Los Angeles, CA 90035 USA. Tel: (310) 559-0413.

Gồm hai chục bài viết về chữ và nghĩa, hay về những nhân vật sáng tác hoặc trình diễn. Mỗi bài viết là một đề tài, bằng một giọng văn trong sáng Đặng Trần Huân cho thấy ông là một ngòi bút đa dạng, để ý tới mọi sinh hoạt. Tất nhiên là một người viết, ông chú trọng nhiều tới sinh hoạt chữ và nghĩa. Trong cuốn sách này tác giả cho thấy ông là người đọc khá nhiều, lại là người có trí nhớ cường kiện, và có lẽ ông là người cẩn thận, mỗi khi đọc nếu bắt gặp điều gì cần thiết, ông làm những ghi chú rõ ràng để nói có sách, mách có chứng, chứ không bao giờ viết mà không có sở cứ, không dẫn chứng. Với những điều cần nói, ông không ngại làm buồn lòng người khác. Giọng trách cứ của ông nếu có, rất nhẹ nhàng, nhưng không phải là không đau. Ông dứt khoát không thích hành văn với đao to và búa lớn theo lối ngự sử văn đàn, nên ngay cả khi phải chỉ trích, thì với những người phục thiện, những lời chỉ trích của Đặng Trần Huân sẽ không bao giờ trở nên gây thù chuốc oán.

Trong tác phẩm mới nhất này của ông, người đọc sẽ bắt gặp một Đặng Trần Huân nghiêm túc nhưng không kém phần hóm hỉnh.●

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU THẾ KỶ 21

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

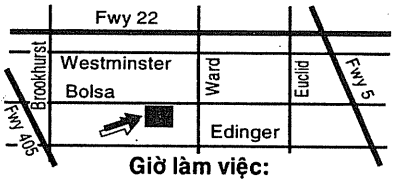

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 69

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẦU - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim